NĂM THỨ MƯỜI BỐN • # 163 • NOVEMBER 2002

THẾ KỶ 21

14771 Moran Street Westminster CA 92683 USA
E-mail: theky21@kicon.com
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 839-8746

TƯỜNG TRÌNH TỪ VÂN NAM:
ĐẾN VỚI CON ĐẬP MANWAN **NGÔ THẾ VINH**

MEKONG
DÒNG SÔNG TRANH CHẤP **PHẠM PHAN LONG**

VIỆC TA, TA CỨ LÀM! **NGUYỄN MINH CẦN**

Phi Ma™

SAN LING®

EFC
EASTERN FALCON Corp

三

MEDICATED OIL
DẦU GIÓ

三靈油
DẦU NÓNG

ĐÀI TRANG hân hạnh giới thiệu đến quý đồng hương khách hàng 3 loại dầu nóng đặc biệt hiệu SAN LING do Công Ty Phi Mã và Phúc An Đường độc quyền phân phối:

Quý vị có thể tìm mua dầu San Ling và Bạch Liên Trà ở các tiệm thuốc Bắc, các nhà thuốc Tây, các siêu thị, các chợ vải, các tiệm tạp hóa, các tiệm bán quần áo trong vùng quý vị cư ngụ.

Các đại lý xin liên lạc sớm với chúng tôi để có những ưu đãi đặc biệt. Cơ sở thương mại của quý vị sẽ cũng được quảng cáo trên các đài truyền hình, đài phát thanh và trên các báo.

- Dầu Xanh
- Dầu Vàng
- Dầu Trắng

Ca Sĩ Đài Trang

Cả 3 loại dầu nóng SAN LING đều có công hiệu như: trị nhức đầu, giảm đau lưng, nhức mỏi, xoa dịu cơn đau bụng, chữa nghẹt mũi, cảm cúm, tê thấp, trúng gió, bị côn trùng chích...

Distributed by PHI-MA, Inc. U.S.A. & EASTERN FALCON Corp.

Mọi chi tiết xin liên lạc Đại Lý Độc Quyền Phúc An Đường Inc. Tel: (714) 775-4172 / (714) 534-6528 Fax: (714) 534-6597

Dầu San Ling đem cảm giác thoải mái, ấm áp đến với mọi người.

thúy nga

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO

CA - VŨ - NHẠC - KỊCH

Paris by Night 66

Chủ đề: Người Tình & Quê Hương

Phát hành vào đầu tháng 11 năm 2002

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt của các ca sĩ tên tuổi:

**KHÁNH LY, KHÁNH HÀ, NHƯ QUỲNH, LƯU BÍCH,
PHI NHUNG, TÚ QUYÊN, MỸ HUYỀN, THANH HÀ,
LOAN CHÂU, LYNDA TRANG ĐÀI PHƯƠNG DIỄM HẠNH,
NGỌC HẠ, THỦY TIÊN, NHƯ LOAN.**

**TUẤN NGỌC, NGUYỄN HƯNG, THẾ SƠN, TOMMY NGÔ,
MẠNH QUỲNH, DUY QUANG, TRƯỜNG VŨ,
TRẦN THÁI HÒA, NHẬT TRUNG, QUANG LÊ.**

Ban nhạc Liberty & Vũ đoàn Paris by Night

**Hài kịch "Luật sư Trần Trừng Trị"
với: Trang Thanh Lan, Kiều Linh & Chí Tài**

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA : 714-894-5811

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 9796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

Phi Ma™

SAN LING®

EFC
EASTERN FALCON Corp

三靈油

MEDICATED OIL
DẦU GIÓ

三靈油
DẦU NÓNG

ĐÀI TRANG hân hạnh giới thiệu đến quý đồng hương khách hàng 3 loại dầu nóng đặc biệt hiệu SAN LING do Công Ty Phi Mã và Phúc An Đường độc quyền phân phối:

Quý vị có thể tìm mua dầu San Ling và Bạch Liên Trà ở các tiệm thuốc Bắc, các nhà thuốc Tây, các siêu thị, các chợ vải, các tiệm tạp hóa, các tiệm bán quần áo trong vùng quý vị cư ngụ.

Các đại lý xin liên lạc sớm với chúng tôi để có những ưu đãi đặc biệt. Cơ sở thương mại của quý vị sẽ cùng được quảng cáo trên các đài truyền hình, đài phát thanh và trên các báo.

- Dầu Xanh
- Dầu Vàng
- Dầu Trắng

Cả 3 loại dầu nóng SAN LING đều có công hiệu như: trị nhức đầu, giảm đau lưng, nhức mỏi, xoa dịu cơn đau bụng, chữa nghẹt mũi, cảm cúm, tê thấp, trúng gió, bị côn trùng chích...

Ca Sĩ Đài Trang

Distributed by PHI-MA, Inc. U.S.A. & EASTERN FALCON Corp.

Mọi chi tiết xin liên lạc Đại Lý Độc Quyền Phúc An Đường Inc. Tel: (714) 775-4172 / (714) 534-6528 Fax: (714) 534-6597

Dầu San Ling đem cảm giác thoải mái, ấm áp đến với mọi người.

thúy nga

HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

VIDEO

CA - VŨ - NHẠC - KỊCH

Paris by Night 66

Chủ đề: Người Tình & Quê Hương

Phát hành vào đầu tháng 11 năm 2002

Điều Khiển Chương Trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

Với sự góp mặt của các ca sĩ tên tuổi:

KHÁNH LY, KHÁNH HÀ, NHƯ QUỲNH, LƯU BÍCH, PHI NHUNG, TÚ QUYÊN, MỸ HUYỀN, THANH HÀ, LOAN CHÂU, LYNDA TRANG ĐÀI PHƯƠNG DIỄM HẠNH, NGỌC HẠ, THỦY TIÊN, NHƯ LOAN.

TUẤN NGỌC, NGUYỄN HƯNG, THẾ SƠN, TOMMY NGÔ, MẠNH QUỲNH, DUY QUANG, TRƯỜNG VŨ, TRẦN THÁI HÒA, NHẬT TRUNG, QUANG LÊ.

Ban nhạc Liberty & Vũ đoàn Paris by Night

Hài kịch "Luật sư Trần Trừng Trị"
với: Trang Thanh Lan, Kiều Linh & Chí Tài

Xin liên lạc: Trung Tâm THUÝ NGA : 714-894-5811

MỸ & CANADA: P. O. Box 2174 Westminster, CA 92683 Tel: (714) 893-2860 / Fax: (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave., D'Ivry - 75013 - Paris FRANCE Tel: 01-45-83-23-41
ÚC CHÂU: 323 Chapel Rd., Bankstown - N.S.W 2200 - AUSTRALIA Tel: (02) 9796-7227
Web Site: www.thuyngaonline.com / E-mail: thuynga@thuyngaonline.com

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện,** giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

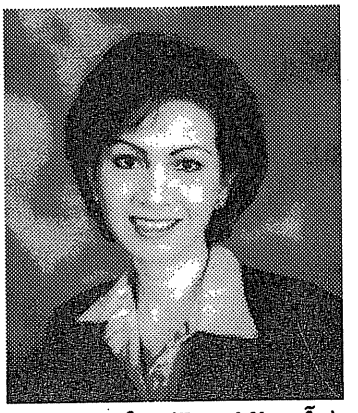

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683
(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại **Alpha Funding & Real Estate**
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

NGỌC NỮ LADY BELLE *Beauty Clinic*

Là 1 trung tâm làm đẹp lớn và sang trọng nhất; Đã được tín nhiệm của quí thân chủ trong suốt 15 năm qua

*Chuyên tẩy xóa nám,tàn nhang,mụn cóc,nốt ruồi,hột thịt dư,bớt bẩm sinh, đồi mồi.Tẩy vết thâm của mụn.Tẩy trắng da mặt,da cổ,da cơ thể.

* Chữa mụn kinh niên,thẹo lồi,lỗ chân lông to,vết nứt của bụng trước và sau khi sanh.Làm mờ vết thẹo của mụn,vết nhăn trên mặt.Chữa da dầu,da khô.

* Xóa xâm mình,xóa xâm chân mày bị hư.

*CHỈ CẦN 90 PHÚT SĂN SÓC DA,QÚI VỊ SẼ HÀI LÒNG VỚI KẾT QUẢ TRÔNG THẤY:

- 90% những vết nhăn,lỗ chân lông mờ đi,khuôn mặt thon,gọn
- 35% những vết nám,tàn nhang mờ đi
- 40% mụn cám,mụn mủ bị diệt
- 80% những đường gân máu đỏ biến mất.

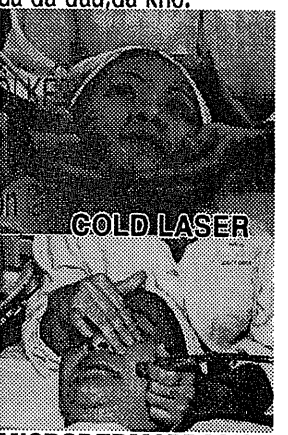

COLD LASER

MICRODERMABRASION

FACIAL-ACNE (Treatment)

XÂM THẨM MỸ

- XÂM CHÂN MÀY,MI MẮT,VIỀN MÔI...

Xâm rất đẹp,tự nhiên,dùng mực tốt,thay kim và dụng cụ cho mỗi lần xâm

FREE

Được làm thử:Tẩy 1 vết đồi mồi hoặc 1 tàn nhang hay 1 gân máu

DM

Lady Belle NHẬP CẢNG TRỰC TIẾP NHỮNG LOẠI KEM DANH TIẾNG CỦA PHÁP,ĐỨC,NHẬT RẤT CÔNG HIỆU KẾT QỦA NHANH CHÓNG

SACHIKO - BIODERMA - ROSANCE X 18 - CLAIRISSIME
F&W- PARIS - OBAGI - DERMALOGICA

BẢO ĐẢM VIỆC CHỮA TRỊ NÁM,TÀN NHANG,MỤN TRONG VÒNG 4 ĐẾN 12 TUẦN - LÀM CAM ĐOAN TRÊN GIẤY TỜ:
CHỮA KHÔNG KẾT QỦA SẼ HOÀN TIỀN LẠI.

LỘT DA MẶT BẰNG DƯỢC THẢO

Lột dậy chỉ cần trong vòng 5 ngày sẽ lột,tẩy hết lớp da cũ-Trang điểm,sinh hoạt bình thường.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ

-Cắt mắt hai mí,lấy mỡ,cắt da mi dưới
-Sửa mũi cao thon gọn, đẹp tự nhiên
-Căng da mặt,trán,cổ,nâng chân mày
-Hút mỡ dưới cằm,mặt,Hút mỡ và căng da bụng
-Sửa và nâng ngực mềm mại tự nhiên

ĐỘI NGŨ 1 NHÓM BÁC SỸ VIỆT,MỸ TRÊN 20 NĂM KINH NGHIỆM ĐẢM TRÁCH.Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC VÀ CHỖ Ở

13872 BROOKHURST ST.,GARDEN GROVE,CA 92843 (Cạnh Century TV)
Tel: (714) 534-4500 Toll free: 1(888) 270-1234
Mở cửa hàng ngày từ 10AM đến 6:30 PM (nghỉ thứ ba)

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
Đặc biệt: Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

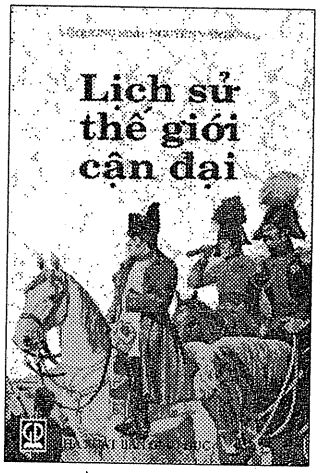

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI
Sách lịch sử của
VŨ DƯƠNG NINH, NGUYỄN VĂN HỒNG
biên soạn
Giá 16 Mỹ kim

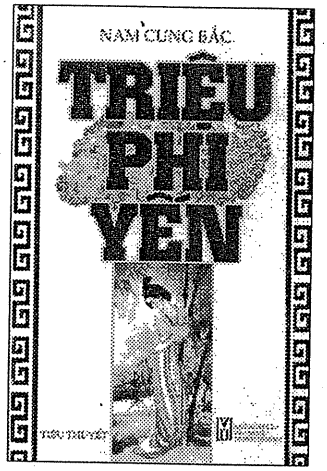

TRIỆU PHI YẾN
Tiểu thuyết của **CUNG NAM BÁC**
Bản dịch của **ÔNG VĂN TÙNG & TRẦN ĐĂNG THAO**
Cuốn truyện về Triệu Phi Yến, một trong thập đại mỹ nhân Trung Hoa. Giá 16 Mỹ kim

LỊCH SỬ THẾ GIỚI TRUNG ĐẠI
Sách lịch sử của
NGUYỄN GIA PHU, NGUYỄN VĂN ÁNH, ĐỖ ĐÌNH LÃNG, TRẦN VĂN LA biên soạn
Giá 11 Mỹ kim

TỰ ĐIỂN HÁN VIỆT HÀNH THẢO
NGUYỄN XUÂN HOÀI, PHẠM THỊ HUÊ biên soạn
Một cuốn tự điển Hán tự chuyên về chữ thảo, nhiều kiểu mẫu rất đẹp. Giá 34 Mỹ kim

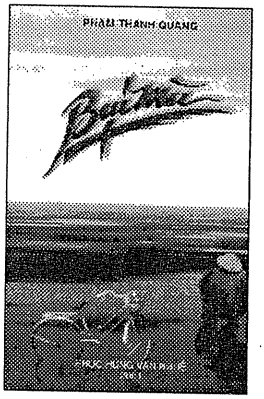

BỤI MÙ
Tiểu thuyết của
PHẠM THANH GIANG
Phục Hưng Văn Nghệ xuất bản
Giá 16 Mỹ kim

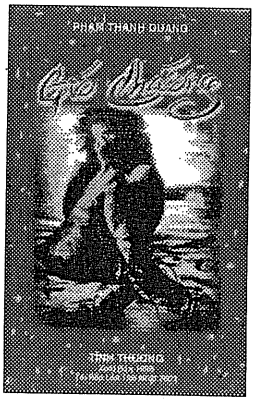

GIÓ CHƯỚNG
Tiểu thuyết của
PHẠM THANH GIANG
Tình Thương xuất bản
Giá 16 Mỹ kim

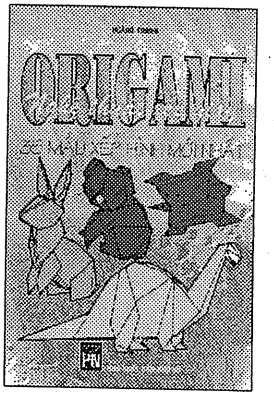

ORIGAMI, NGHỆ THUẬT XẾP GIẤY
Của **HOÀNG THANH**
Gồm 35 mẫu xếp hình mới nhất
Giá 7 Mỹ kim

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

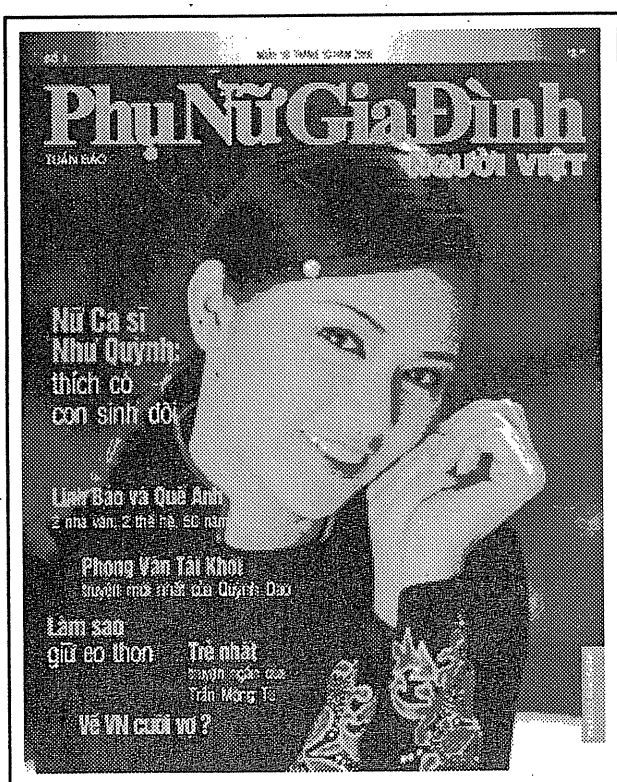

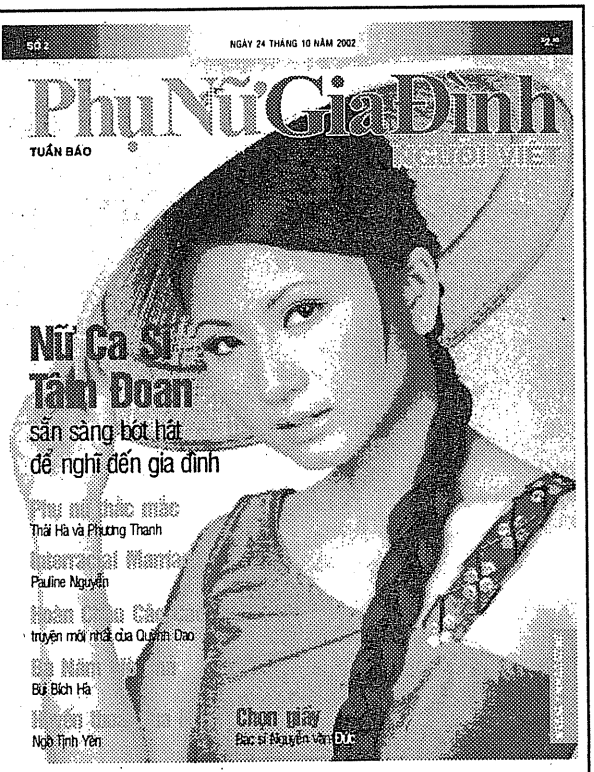

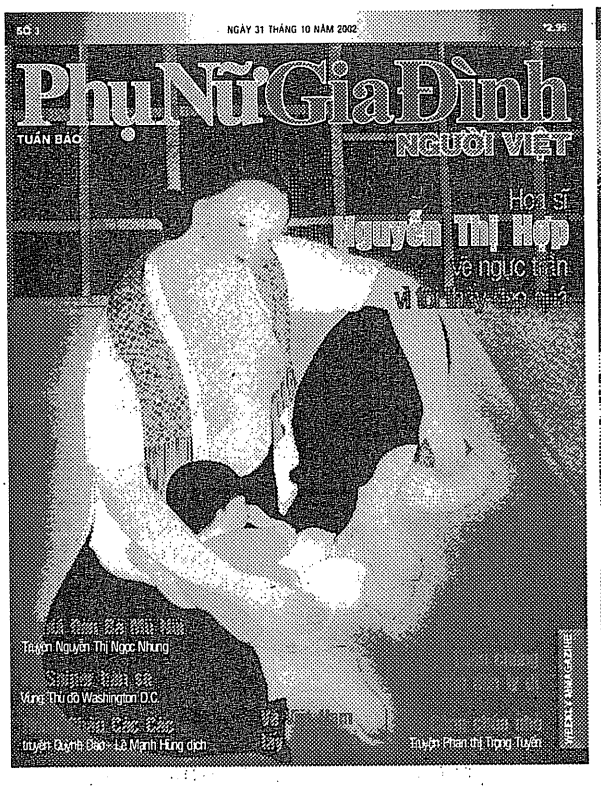

Đón đọc tuần báo Phụ Nữ Gia Đình Người Việt

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiểu Nhân, Hoàng Khải Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Xuân Đài, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm

Bìa: Đập thủy điện Manwan tại Vân Nam, sưu tầm của Ngô Thế Vinh
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Hý họa: **Babui**
Ảnh: **Ngô Thế Vinh**, tư liệu từ Internet

MỤC LỤC

Số 163 – Tháng Mười Một 2002

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
11. Việc ta, ta cứ làm – **Nguyễn Minh Cần**
19. Từ Vụ đánh bom ở Bali... – **Xuân Quang**
23. Thâm ý của Mỹ trong vụ Iraq – **Nguyễn Gia Tiến**
82. Cộng hòa Rwanda xét xử tội "diệt chủng" – **Nguyễn Văn Thành**
SÔNG MEKONG
25. Mekong dòng sông tranh chấp – **Phạm Phan Long**
33. Đến với con đập Manwan – **Ngô Thế Vinh**
LỊCH SỬ – TRIẾT HỌC
88. Công cuộc nghiên cứu Việt sử tại Bắc Mỹ (bài 15) – **Trần Anh Tuấn**
96. Chuyện những đôi hia vạn dặm – **Nguyễn Văn Thực**
106. Liêu Hữu Phương – **Lê Mạnh Hùng**
KHOA HỌC
59. Giải Nobel Y sinh học: nhìn lại quãng đường 100 năm – **Nguyễn Văn Tuấn**
66. Giải Nobel Vật lý năm 2002 – **Nguyễn Hùng Vũ**
68. Cuộc cách mạng di thể – **Trương Đăng Đệ**
VĂN
74. Mây Trời - **Nguyễn Chí Kham**
80. Giòng sông quá giang – **Tôn Nữ Lệ Ba**
98. Lá thư Vọng Các – **Hà Kỳ Lam**
101. Trăm sự nhờ thầy cô – **Karel Palacek, Nguyễn Ái Nhân** dịch
104. Hồn em đi theo anh – **Phạm Thành Châu**
112. Họp chợ – **Trần Trị Chi**
THƠ
77. Năm sắc hoa – **Hoa Cúc... Đen.** 95. Mùa không số nhà – **Nguyễn Nam An.** 97. Tiếc chăng chùi mất e.amail cũ – **Trần Tú Uyên.** 103. Thu đang – **An Phú Vang.** 105. Uống hồn quê – **Nguyễn Văn Cường.** 112. Phận người – **Lý Thừa Nghiệp**
MỤC THƯỜNG LỆ
8. Bạn đọc viết
10. Tòa soạn và bạn đọc – **Phạm Phú Minh**
48. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
53. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
107. Sách báo: Đọc "Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp" – **Nguyễn Đức Tường**
118. Vòng chân trời VHNT – **Anh Thành**

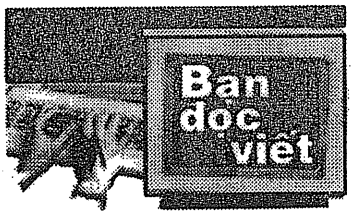

Không nên cắt ngắn

Giở báo số 162, tôi "đụng" ngay chuyện không vui: mục Bạn Đọc Viết chỉ có hơn một trang! So với liều lượng vẫn có hàng tháng thì số vừa rồi mục này rất thiếu, chỉ bằng khoảng một phần ba các tháng trước.

Sở dĩ tôi nói là không vui vì hàng tháng mục này chính là nguồn vui của tôi, mà nay nguồn vui bị cắt đi quá nhiều. Báo tới là tôi coi Bạn Đọc Viết đầu tiên. Những ý kiến linh tinh đủ loại của nhiều người, mỗi người một ý, một cách viết, một tính tình; người thì ôn hòa, người thì ưa khích bác, người bênh vực hệ thống tư tưởng này, người thích tôn giáo kia, nhưng nói chung lời lẽ rất hòa nhã (chắc điều này phải có bàn tay của Tòa soạn) xem rất thích. Vì chỉ là "thư" chứ không phải là bài viết, lời lẽ và ý tưởng rất thành thật không gọt dũa, nên ai đọc cũng cảm thấy gần gũi, tin cậy.

Mong Tòa soạn phục hồi số trang trung bình của mục Bạn Đọc Viết tối thiểu là ba trang, thành thật cám ơn.

Trần Thành Ý
(Texas)

Để bổ túc mấy câu đối của thi sĩ Vũ Hoàng Chương

Trong các số báo trước, hai ông Lưu Văn Vịnh và Tần Văn Hồng có nhắc đến mấy câu đối của thi sĩ Vũ Hoàng Chương viếng nhà văn Nhất Linh, nhưng còn có chỗ để khuyết. Lúc bấy giờ tôi đang dạy ở Chu Văn An và thi sĩ cũng dạy ở đó, nên tôi được nghe anh em đem ra bàn luận trong giờ giải lao ở phòng giáo sư và còn ghi nhớ, vậy xin viết lại đây để bổ túc một giai thoại văn học.

* Câu đối chữ Hán:

Vế thứ nhất : *Sổ thập niên bút mặc thành danh; nhất khả đoạn, nhị khả tuyệt, nhi tam bất hủ* .

Vế thứ nhì : *Song thất dạ vân tiêu lạc phượng; tiên phong hóa, hậu văn hóa, ư trung lập ngôn.*

Hiểu theo nghĩa chân phương, gạt ra ngoài những ẩn ý chính trị, nếu có, xin tạm dịch như sau:

- Mấy mươi năm bút mực nên danh, cái thứ nhất (bút) có thể gãy, cái thứ nhì (mực) có thể cạn, nhưng cái thứ ba (danh) không mất được.

- Đêm mồng bảy tháng bảy, phượng rớt từ trời cao; trước ra tờ Phong Hóa, sau ra tờ Văn Hóa (Ngày Nay), làm nên sự nghiệp văn chương (lập ngôn) ở khoảng giữa.

Ghi chú:

1. Ba chữ 'nhất', 'nhị', 'tam' dùng như những đại danh từ lần lượt chỉ 'bút', 'mực' và 'danh' theo thứ tự đã kể trước. Chữ 'Tam' còn là tên của nhà văn (điều này làm cho người ta liên tưởng đến chữ 'khả' cũng ám chỉ tên một người).

2. vân tiêu: vân là mây, tiêu là mây xanh. Theo Đào Duy Anh, vân tiêu là trên mây.

3. ư trung lập ngôn : có người hiểu là lập nên sự nghiệp văn chương nhờ ở hai tờ Phong Hóa và Văn Hóa Ngày Nay. Hiểu như thế e rằng có phần hạn hẹp và không chính xác cho lắm. Thực ra hai tờ báo đó chỉ là hai cái mốc trong sự nghiệp văn học của Nhất Linh. Những tác phẩm lớn của ông, trừ 'Dòng Sông Thanh Thủy,' đều nằm giữa hai cái mốc đó, nên tôi hiểu 'ư trung' là 'ở khoảng giữa' chứ không phải là 'ở trong'.

* Câu đối chữ Việt:

Vế thứ nhất : Người quay tơ, đôi bạn tối tăm, anh phải sống lẽ nào đoạn tuyệt ?

Vế thứ nhì: Đời mưa gió, lạnh lùng bướm trắng, buổi chiều vàng đâu nữa nắng thu ?

Hai câu này dùng toàn tên tác phẩm của Nhất Linh.

Anh Vũ (Internet)

Chuyện không bao giờ cũ

Có những chuyện tưởng ai cũng biết cả rồi, nói ra những sợ bị nghe câu của cụ Cố Hồng: "Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!" Thật ra dưới gầm trời này có chuyện gì mới đâu, nhưng tùy cách nhìn, cách nói mà người ta thấy nó cũ hay là mới. Như chuyện của chế độ cộng sản chẳng hạn. Những tài liệu tuyên truyền của miền Nam trước kia nói về chủ nghĩa cộng sản đều đúng hết, có thể nói không hề xuyên tạc, nói sai ở một điểm nào, thế nhưng nghe thì nhiều người lại không tin, chỉ vì nó được nói theo giọng điệu tuyên truyền. Nhưng nếu được trình bày một cách thấm thía, sâu sắc, trung thực thì dù chuyện có cũ vẫn có tác dụng tích cực nơi người nghe. Ví dụ như bài "Chỉ vì thiếu hai chữ" của Thế Uyên đăng trên Thế Kỷ 21 số 162 vừa rồi.

Tác giả đã trình bày thật xác đáng lý do sự băng hoại con người trong chế độ cộng sản. Người miền Nam nào sau 1975 cũng nhận thấy những người từ ngoài kia vào là "những công dân tồi, phẩm chất đạo đức kém,

đối xử với nhau theo luật của những đàn sói nơi hoang dã v.v..." nhưng không phải cũng có thể lý giải tại sao như thế. Cám ơn nhà văn Thế Uyên với bài viết bình tĩnh, thận trọng, đã đưa ra lời giải thật hay, giống như một ông thầy thuốc tài chẩn đoán bệnh trúng phóc vậy. Những giải đoán này không phải là cũ hay lỗi thời đâu. Có thể có người sẽ nói: "Ôi dào, đó là thời kỳ trước, thời kỳ bao cấp qua đã lâu rồi. Bây giờ thì mọi chuyện trong xã hội đã bình thường như bao xã hội khác." Đó là chỉ nhìn mặt ngoài. Bản chất chế độ hiện nay vẫn là độc tài, toàn trị, ai nói khác ý đảng là không được. Điều đáng mừng là thay vì cúi đầu chịu sự thui chột của chính mình và đồng bào mình, nhiều người trong nước đã lên tiếng phản kháng chế độ toàn trị rất phản động của đảng cộng sản Việt Nam. Vẫn rất cần nhiều bài viết như của Thế Uyên để tiếp tục soi sáng những điều tưởng như rất cũ, nhưng chưa chắc ai cũng đã hiểu một cách thấu suốt.

Trương Vĩnh (Boston)

Tôn giáo?

Với Hồi giáo quá khích, thế giới quả là đang đi vào một thời kỳ bất an. Cùng trong tháng Mười 2002, vừa xong vụ nổ ở Bali, Indonesia, lại đến vụ quân võ trang Chechen đột nhập vào nhà hát ở Mạc Tư Khoa bắt gần cả ngàn con người làm con tin để đổi một đòi hỏi chính trị. Ấy là chưa kể vụ bắn sẻ ở Washington DC cũng là do một người Hồi giáo, nhưng động lực có vẻ không nhân danh Hồi giáo.

Bất an của con người đến từ tôn giáo, đó là một chuyện rất lạ. Nhân danh tôn giáo để giải quyết sự việc bằng bạo động và thù hận với chủ trương giết được càng nhiều người càng tốt, thì càng lạ. Các học giả chuyên nghiên cứu về tôn giáo có lẽ nên trả lời hộ cho chúng ta: phải chăng trong một số tôn giáo đã chứa sẵn yếu tố thù hận và bạo động? Trong tự thân một số gọi là tôn giáo đã khẳng định sự bất dung, một sự hung hãn với những gì "không phải là ta, không thuộc về ta?" Nếu quả thật có những tôn giáo như thế thì nó có khác gì là những đế quốc tinh thần, mà mục tiêu tối hậu là tìm đến sự thống trị? Và dĩ nhiên, với những sản phẩm như thế, loài người phải sống bất an. Không có tham vọng thống trị nào mà không đem lại điêu đứng cho con người, đạo cũng như đời.

Ly Van Yen (Internet)

Bình luận khi nhậu

Đám xây lố cố chúng tôi sau lần tổng thống Clinton đi Việt Nam đến giờ không có dịp góp ý kiến với trang Bạn Đọc Viết của quý báo. Đã là xây lố cố thì họp lại lai rai ba sợi là chính, còn chuyện trò thì tràng giang đại hải, gặp gì vui thì nói, buồn cũng nói, không vui không buồn cũng cùng nhau bình luận, tóm lại không bao giờ có đề tài, có "đường hướng" gì cả. Sướng nhứt của vụ họp bạn bè là chỗ đó, không có "mục đích yêu cầu" không học tập không thu hoạch, đó chính là nơi thể hiện tự do tư tưởng, tự do trao đổi, dù nhiều anh cũng rất trật búa, nhưng không sao, miễn sao vui thôi. Cho nên cũng lâu rồi không ai buồn ghi lại một chuyện gì để gửi cho trang Bạn Đọc Viết của Thế Kỷ 21, một là chạ nào cũng làm biếng, hai là cũng chẳng có gì đặc biệt để mà kể lại.

Trong tiệc rượu chiều qua chúng tôi cùng ngậm ngùi trước tin giải thoát con tin trong rạp hát ở Mạc Tư Khoa bên Nga. Ai nấy đều phục sáng kiến dùng hơi ngạt để giải quyết chiến trường. Hơi độc thật mạnh, đến nỗi đối phương không kịp cả bấm nút cho bom nổ như họ đã dự trù. Thanh toán thật nhanh gọn. Nhưng hỡi ơi, cái giá phải trả thật quá cao: hơn 100 con tin bị chết, tuyệt đại đa số do chính hơi ngạt của phe ta chứ không phải do địch sát hại. Thảm thương thay! Theo tin tức quốc tế thì nhà chức trách Nga nhất định không tiết lộ hơi độc đó là chất gì, chắc chắn điều này gây khó khăn không nhỏ cho giới y tế lo cứu cấp những người chưa chết.

Những kẻ ba hoa nhất trong đám chúng tôi chiều qua cũng trở nên ít lời. Ai nấy đều xúc động. Nhưng cảm tưởng chung là đều thấy có cái gì bất thường trong cách giải quyết. Tuy bất thường nhưng lại khá quen thuộc với chúng tôi, những cựu tù cộng sản. Và cuối cùng cả đám bọn tôi đều bừng tỉnh một điều: đó là lối giải quyết của chế độ toàn trị.

Những nước cộng sản trước đây có thói quen không coi người dân ra gì, mọi chuyện đều nhân danh đảng, ai hó hé phản đối là đàn áp tức khắc, người dân sợ hãi cam chịu, riết rồi họ quen thói tự cho mình có mọi quyền hành như ông trời con. Khi cần có một biện pháp gì khẩn cấp họ thường ít cân nhắc nếu sự thiệt hại có xảy ra là ở phía người dân. Những vụ đàn áp ở Hung Gia Lợi, ở Ba Lan đều thẳng tay không khác gì

Thiên An Môn bên Tàu hay cải cách ruộng đất ở Việt Nam, chết bao nhiêu không hề là điều làm họ quan tâm. Cái cách giải quyết ở nhà hát tại Mạc Tư Khoa vừa rồi rõ ràng cũng còn phảng phất cung cách xưa. Một não trạng đã được tạo nên trong bảy mươi năm dễ gì xóa đi trong một thập niên! Người Nga, nhất là dân trí thức, nắm bắt tinh thần dân chủ rất nhanh, nhưng cỗ máy công quyền của họ thì còn chưa quen với sự uyển chuyển vốn phải quen với sinh hoạt dân chủ lâu ngày mới có được. Đối phó, đối với họ, là thẳng tay, một cách dứt khoát. Chế độ cộng sản không có thói quen thắc mắc một giải pháp là tàn bạo hay không tàn bạo. Thắc mắc là sản phẩm của lương tâm, mà lương tâm, theo tác giả Thế Uyên trong số báo 162, đã bị khai tử trong chế độ đó rồi!

Rốt cuộc mọi người trong bàn nhậu cử tôi viết những nhận xét này gởi cho báo Thế Kỷ 21. Tôi chỉ làm thư ký thôi, trúng trật xin để "tập thể" chịu trách nhiệm.

Tư Lý (Internet)

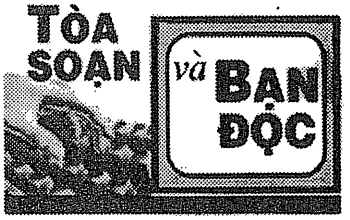

Tháng qua Tòa soạn nhận được bài vở của những tác giả sau:

Phạm Nguyên Lương, Lê Mạnh Hùng, Trần Huy Sao, Trần Thị Vĩnh Tường, Hoàng Huy Khánh, Sương Mai, Lĩnh Hàn, Nguyễn Văn Mừng, Nguyễn Hà Tuệ, Nguyễn Văn Toàn, Hoa Cúc, Lê Thái Lâm, M. Loan Hoa Sử, Nguyễn Đức Bạn, Thế Uyên, Vĩnh Hảo, Tôn Thất Thiện, Nguyễn Minh Cần, Nguyên Hương, Trần Dật – Ngô Lê Ái Lan.

Kính gửi quý độc giả và văn hữu,

Xuân sắp đến rồi!

Số báo này đã là số của tháng Mười Một, năm 2002. Giật mình thấy năm gần hết, coi lại lịch thì thấy chẳng mấy chốc nữa là đến Tết: năm nay là Tết con Dê, Quý Mùi, rơi vào ngày 01 tháng Hai, năm 2003. Vậy số Xuân năm nay sẽ vào hai tháng Giêng và Hai. Chỉ còn có hai tháng! Xin quý vị chuẩn bị gửi bài vở đóng góp cho số Xuân ngay từ bây giờ... mới kịp! Hạn chót gửi bài: 20 tháng Mười Hai, 2002. Dự trù số báo Xuân sẽ phát hành vào khoảng giữatháng Giêng năm 2003.

Chuyện sông Mekong

Đó là chuyện báo trong hai tháng nữa. Quay lại số báo này, quý vị thấy hình bìa là con đập thủy điện Manwan ở Vân Nam, và ở trong có hai bài của Phạm Phan Long và Ngô Thế Vinh, thuộc nhóm Bạn Cửu Long, viết về vấn đề xây đập thủy điện của Trung Quốc. Nhóm bạn Cửu Long đã đưa vấn đề hiểm họa khai thác thủy điện và tác hại của việc chuyển nước và khai thác lâm sản trên thượng nguồn sông Mekong của Trung Quốc, Thái Lan và Lào trên tạp chí Thế Kỷ 21 ngay từ năm 1995. Sau đó, vào năm 1996, Thế Kỷ 21 đã cùng Nhóm Bạn Cửu Long tổ chức buổi "Mạn đàm về sông Mekong" tại phòng Sinh hoạt của nhật báo Người Việt, Little Saigon. Bác sĩ Ngô Thế Vinh đã đặc biệt lưu tâm theo dõi và nghiên cứu vấn đề sông Mekong từ đó, và đã viết thành một loạt tiểu thuyết với chủ đề này, bày tỏ nỗi ưu tư về mối nguy hiểm của chuỗi đập khổng lồ trên Vân Nam mà Trung Quốc âm thầm và cương quyết thực hiện. Cho tới nay, tuy vẫn thiếu vắng các tiếng nói trách nhiệm và trí thức trong nước lên tiếng bảo vệ Mekong và quyền lợi quốc gia, nhưng ở hải ngoại, cuốn "Cửu Long Cạn Dòng Biển Đông Dậy Sóng" của Ngô Thế Vinh đã được xem là một công trình văn học khảo cứu giá trị của người Việt hải ngoại.

Riêng số Thế Kỷ 21 này, bài của Phạm Phan Long cập nhật hóa về hiện trạng phát triển lưu vực sông Cửu Long, trong khi bài của Ngô Thế Vinh là một thiên bút ký sống động sau một chuyến "giả dạng du khách" của tác giả để vào tận con đập thủy điện Manwan là con đập lớn nhất của tỉnh Vân Nam tại thượng nguồn sông Mekong.

Liên lạc với Thế Kỷ 21

Tòa soạn: **Tel: (714) 839-8746**
E-mail: **theky21@kicon.com**
Trị sự: **(714) 775-6301 (B)**
(714) 585-4666 (trực)
Fax: (714) 775- 0891

VIỆC TA, TA CỨ LÀM ! *

NGUYỄN MINH CẦN

Xin nói rõ hơn: Dân chủ hoá nước ta là việc của dân ta, phải do chính dân ta làm lấy. Không thể trông chờ ở ai hết. Vì "Dân chủ", "Tự do" thứ thiệt phải là thành quả do **người dân giành lấy trong đấu tranh**, chứ không thể là món quà biếu tặng. Càng không thể là của bố thí được ban phát bởi bất kỳ ai. Nếu là của bố thí ban phát bởi bọn cầm quyền độc tài thì chắc chắn đó chỉ là "bánh vẽ", dùng để đánh lừa người dân.

Cái chân lý này quá tầm thường, dễ hiểu và sơ đẳng. Thế thì sao bây giờ lại phải nói lại làm gì nữa?

Một mặt, vì nhiều người trong nước ta còn chưa ý thức được về quyền tự do, dân chủ. Số đông quen sống an phận thủ thường. Nếu kẻ cầm quyền có thí cho đôi chút tự do, dân chủ (khốn thay, toàn là thứ "giả hiệu"!) thì nhờ, không thì cứ cam chịu sống nhục nhằn với thân phận kẻ vô quyền. Chẳng khác mấy cỏ cây: Trời có thương ban cho chút mưa móc thì nhờ, không thì cứ héo hắt, tàn lụi dần trong khô hạn. Lại có nhiều người sống dưới chế độ độc tài toàn trị mà cứ nhởn nhơ như không. Vì họ không được biết trên đời này còn có những lối sống khác tự do hơn, dân chủ hơn, tôn trọng nhân phẩm hơn.

Mặt khác, ngay trong số những người khao khát tự do, dân chủ, cũng có không ít người đặt nhiều kỳ vọng ở các nước lớn, nhất là các siêu cường, mong họ sẽ giúp dân ta dân chủ hoá nước ta. Cái tâm lý ỷ lại, dựa dẫm nào phải đã hết đâu! Mặc dù kinh nghiệm của dân tộc ta trong suốt chiều dài lịch sử đã cho ta muôn vàn bài học đắng cay về hậu quả của tinh thần ỷ lại, dựa dẫm nước ngoài.

Không cần kể chuyện dưới thời phong kiến xa xưa, chỉ cần nhắc lại vài sự việc trong thế kỷ 20 cũng đủ. Đã từng có nhiều người yêu nước mong dựa vào Nhật Bản, vào Quốc Dân đảng Trung Hoa để giải phóng đất nước khỏi chế độ thực dân Pháp. Hậu quả ra sao, mọi người đã rõ.

Đặc biệt nghiêm trọng là các lãnh tụ Đảng cộng sản Việt Nam (ĐCSVN) đã dựa vào nước Nga cộng sản, nước Tàu cộng sản. Không chỉ dựa dẫm mà họ còn tự đặt mình và cả dân tộc vào vị thế lệ thuộc vào tập đoàn thống trị cộng sản Nga, Tàu khoác áo "Quốc tế Cộng sản". Chẳng những mù quáng du nhập học thuyết, chính sách, mà họ còn nô lệ rập khuôn, bê gần nguyên xi vào nước ta toàn bộ cơ cấu chế độ độc tài toàn trị của cộng sản Nga, Tàu. Hậu quả ra sao? Dân tộc ta phải chịu bao nhiêu đau thương tang tóc của cuộc nội chiến đẫm máu hàng chục năm trời. Dân ta cả hai miền Bắc, Nam phải chịu bao nhiêu tổn thất lớn lao về nhân mạng, về kinh tế, văn hoá, xã hội, đạo đức của đường lối đấu tranh giai cấp, "phóng tay" cải cách ruộng đất, cải tạo trí thức, tư sản, cải tạo công thương nghiệp, thủ công nghiệp, nông nghiệp, phiêu lưu tiến lên cái gọi là "chủ nghĩa xã hội" hoang tưởng. Trong cuộc nội chiến, hàng chục triệu người đã bỏ mình hoặc mang thương tật suốt đời. Biết bao tinh hoa của dân tộc bị vùi dập, biết bao người dân vô tội đã bị tàn sát, và hiện còn đang bị đày đoạ trong những trại tù cộng sản, hoặc khốn khổ trong cảnh giam cầm tại gia. Cho đến nay, một chế độ độc tài toàn trị, bạo tàn và thâm độc của một tập đoàn bé nhỏ đang thống trị trên đầu trên cổ dân tộc mà chưa biết ngày nào dân ta mới thoát ra được!

Và chúng ta cũng không quên cái kinh nghiệm đau xót của những người cầm quyền ở miền Nam, đã ỷ lại, dựa dẫm, lệ thuộc vào Hoa Kỳ để mong chống lại cuộc xâm chiếm miền Nam bằng vũ lực mà cộng sản miền Bắc tiến hành với sự hậu thuẫn mạnh mẽ của cộng sản Nga, Tàu và các chư hầu của họ. Người dân miền Nam đã điêu đứng vì bài học dựa dẫm đó. Khốn thay, khi đã "học" thấm thía rồi thì mọi sự đã quá muộn màng – nước mất, nhà tan, hàng mấy triệu người bỏ chạy khỏi nước, hàng chục vạn người chết thảm trên đường vượt biên, hàng chục triệu người còn lại trên quê hương phải cam chịu một chế độ độc tài cực kỳ khắc nghiệt.

Thế mà... dường như ngày nay có người đang quên những bài học đau xót đó của lịch sử.

Nhân chuyện "Lộ trình" của AEI

Đầu tháng 4 năm nay, tại trụ sở của American Enterprise Institute (AEI), nhiều nhà nghiên cứu Hoa Kỳ và khoảng mười nhà nghiên cứu Việt Nam đã họp bàn về quan hệ Việt-Mỹ. Ngày 11 tháng 4 năm 2002, một "Lộ trình cải tiến bang giao Mỹ – Việt theo hướng dân chủ hoá" (dưới đây, gọi tắt là "Lộ trình") được công bố. Hai nhà nghiên cứu Việt Nam tham gia cuộc họp của AEI đã giới thiệu"Lộ trình" đó bằng tiếng Việt, qua bài của ông Bùi Tín (BT) *"Lộ trình mới – Rốt Mép của Ê-I-Ai"*, đăng trên tờ "Thông Luận" số 159 tháng 5.2002 và một số báo khác, và bài của ông Nguyễn Quốc Khải (NQK) *"Những đề nghị cải tiến bang giao Việt – Mỹ và dân chủ hoá Việt Nam của Viện nghiên cứu chính sách công vụ Hoa Kỳ"*, đăng trên tờ "Thế Kỷ 21" số 158 tháng 6.2002.

"Lộ trình" này dù chưa được coi là chính sách chính thức của chính quyền Tổng thống George W. Busch, nhưng AEI là một trong những cơ quan nghiên cứu có thể có ảnh hưởng đến chính sách của chính quyền Hoa Kỳ, cho nên nhiều người dân chủ và yêu nước Việt Nam quan tâm nghiên cứu và theo dõi.

Theo lời ông NQK: "Mục tiêu của chính sách mới này là giúp Việt Nam trở thành một quốc gia hùng mạnh về kinh tế lẫn quân sự với một thể chế dân chủ để Việt Nam có thể tự chủ, độc lập và duy trì mối liên hệ thân thiện với các quốc gia láng giềng, đặc biệt là Trung Hoa và Hoa Kỳ"... "Điểm then chốt của lộ trình mới nhằm cải tiến bang giao giữa Hoa Kỳ và Việt Nam là Hoa Kỳ sẽ gia tăng viện trợ giúp Việt Nam từng giai đoạn song song với việc dân chủ hoá tại Việt Nam." Còn ông BT thì nhấn mạnh: "Tình hữu nghị Mỹ-Việt, mối quan hệ thân hữu Mỹ-Việt sẽ có thể là *một yếu tố cơ bản* để thực hiện thuận lợi những mục tiêu tốt đẹp của xã hội Việt Nam, của nhân dân Việt Nam mà chính những người lãnh đạo cộng sản đã ghi trong nghị quyết của họ...", ..."xây dựng tình bạn Việt-Mỹ gắn bó xã hội hai nước, nhân dân hai nước, Việt Nam sẽ có *một thế mới, một lực mới* khác hẳn hiện nay."

Như vậy, qua lời lẽ của những người giới thiệu, có thể nghĩ rằng những ý định của các tác giả "Lộ trình" là tốt đẹp. Để thực hiện chúng, các tác giả "Lộ trình" chia ra bốn giai đoạn "cải tiến bang giao," và ở mỗi giai đoạn đưa ra những điều kiện (xin chú ý: chữ "điều kiện" là của người viết bài này, chứ trong bài của ông NQK chỉ dùng chữ "đề nghị" mà thôi) cho Việt Nam thực hiện. Trong "Lộ trình" không nói rõ "Việt Nam" là ai, nhưng mọi người ngầm hiểu đó là tập đoàn thống trị Việt Nam, tức là Bộ Chính trị (BCT) ĐCSVN. Ở mỗi giai đoạn, nếu Việt Nam thực hiện được những "đề nghị" do Hoa Kỳ đưa ra thì Hoa Kỳ sẽ viện trợ lớn cho Việt Nam, có khi đến 500 triệu USD, để phát triển kinh tế, trợ giúp chiến cụ, hoặc huấn luyện quân sự, tăng thêm tiềm lực an ninh và quốc phòng cho tập đoàn thống trị Việt Nam. Tóm lại, mọi việc sẽ tiến hành theo phương thức "tiền trao, cháo múc" giữa nhà cầm quyền hai nước Việt Nam và Hoa Kỳ.

Đây là những "đề nghị" chính trị đáng chú ý được đưa ra trong "Lộ trình": ứng cử viên ngoài ĐCSVN được phép ứng cử vào Quốc hội trong kỳ bầu cử vào tháng 5.2002 (giai đoạn 1); các tín đồ thuộc các tôn giáo được tự do chọn lựa tổ chức điều hành của họ; các tổ chức này chỉ hoạt động tôn giáo không được phép hoạt động chính trị; ĐCSVN không được quyền bác bỏ việc bổ nhiệm các vị giám mục Công giáo và tu sĩ; ĐCSVN rút các chính ủy và chính trị viên ra khỏi quân đội; tất cả các thẩm phán và luật sư phải rút ra khỏi ĐCSVN; tất cả tù nhân chính trị được trả tự do; một số tạp chí và báo được tự do, không bị ràng buộc vào chế độ kiểm duyệt; những công ty và xí nghiệp mà ĐCSVN có trên 25% cổ phần được đem bán cho công chúng... (giai đoạn 2); những đảng phái không cộng sản được phép hoạt động, phê bình chính phủ, tham gia vào các cuộc bầu cử; điều 4 của Hiến pháp có thể thay đổi hoặc không; những công ty quốc doanh phải được bán cho tư nhân để sản xuất của khu vực công không quá 25% của tổng sản lượng nội địa (GDP) (giai đoạn 3); tách lực lượng cảnh sát và an ninh ra khỏi ĐCSVN và giảm số nhân viên cảnh sát và an ninh; tất cả các nhân viên cảnh sát và an ninh phải ra khỏi ĐCSVN; Hoa Kỳ được phép sử dụng hải cảng Cam Ranh cho mục tiêu quân sự (giai đoạn 4). Xem qua có thể nhận thấy trong tất cả những "đề nghị" đã đưa ra dường như chỉ có điều cuối cùng về cảng Cam Ranh là trực tiếp dính đến quyền lợi Hoa Kỳ, còn tất cả những điều khác chỉ vì sự dân chủ hoá Việt Nam.

Những người dân chủ và yêu nước Việt Nam ở hải ngoại có những ý kiến khác nhau đối với

"Lộ trình": có người hoan nghênh, có người tỏ ý lo ngại, cũng không ít người phản ứng mạnh. Chẳng hạn, hồi tháng 6 năm nay, chúng tôi có dịp gặp ông Nguyễn Hữu Chung, là một nhà chính trị sâu sắc đồng thời là một nhà nghiên cứu nghiêm túc có tiếng ở hải ngoại. Là chỗ quen biết thân tình, chúng tôi trao đổi thẳng thắn với nhau. Ông Chung nói: "Anh ạ, tôi muốn viết một bài để đập thật mạnh, nhưng lại cứ lấn cấn vì có anh em bạn bè mình tham gia vào đấy. Đập thì lại hoá ra là mình đập anh em mình. Mà không thì không được." Hôm đó, tôi nói với ông Chung: "Tôi cũng thấy cần phải phát biểu ý kiến về cái "Lộ trình" này. Nhưng... cũng như anh, tôi cũng ngại đụng chạm đến anh em mình. Có lẽ ta tạm lờ nó, cứ để cho nó chìm đi trong yên lặng."

Nhưng nào có yên lặng được đâu! Hồi tháng 7, ông BT trả lời phỏng vấn của tờ "Cánh Én", bài đó được đăng trên "Cánh Én", "Thông Luận" và vài tờ báo khác hồi tháng 7-8, dưới nhan đề *"Chọn bạn mà chơi!"*. Ông tuyên bố "chúng ta cần phải đánh động dư luận" trong và ngoài nước để mọi người hiểu rõ "Lộ trình" của AEI, vì thế bài của ông BT là một bài cổ động nhiệt liệt cho "Lộ trình."

Đến lúc này, chúng tôi thấy cần trình bày rõ quan điểm và thái độ của mình đối với "Lộ trình" đó. Việc này có quan hệ đến sự nghiệp dân chủ hoá đất nước, nên không thể vì tình riêng bạn bè mà im được.

Hãy khoan bàn luận về các "đề nghị" cụ thể đưa ra cho phía Việt Nam, mà trước hết nên đi sâu tìm hiểu xem tại sao AEI đưa ra "Lộ trình" bốn giai đoạn trong lúc này? Cái gì là động cơ thúc đẩy họ làm việc đó? Và việc đó thực tế sẽ có lợi, có hại gì cho việc dân chủ hoá thật sự đất nước ta?

Điều sơ đẳng này dù có nhắc lại có lẽ cũng không thừa: các chính khách của mỗi nước khi vạch ra đường lối, chính sách (hay lộ trình) của họ đều xuất phát trước tiên từ quyền lợi thiết thân của nước họ. Hoa Kỳ cũng thế thôi. Theo chúng tôi nghĩ, khi đưa ra "Lộ trình" này, AEI **chủ yếu nhằm phục vụ cho chiến lược trước mắt và lâu dài của Hoa Kỳ trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương** (cố nhiên, bao gồm cả vùng Đông Nam Á), là nơi các nước lớn, chủ yếu là Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nga, Nhật... đang công khai hoặc giấu mặt tranh giành nhau ảnh hưởng. Một thực tế rõ ràng là những năm gần đây, trong vùng Đông Nam Á, Trung Quốc cố hết sức bành trướng về mọi mặt, kể cả về quân sự, kinh tế lẫn ngoại giao, thậm chí cố mở rộng biên cương của họ. Những hành động lấn chiếm Hoàng Sa, Trường Sa, hiệp

ước gần đây về biên giới và lãnh hải với Việt Nam là một trong những ví dụ. Điều đó đe dọa trực tiếp an ninh của Đài Loan, đe dọa quyền lợi và chủ quyền của Việt Nam và nhiều nước khác trong vùng. Sự bành trướng đó của Trung Quốc cũng đe doạ dữ dội quyền lợi của Hoa Kỳ. Hiện nay, Trung Quốc tuy còn yếu, nhưng đang phát triển tương đối thuận lợi, nên họ vẫn ngấm ngầm nuôi tham vọng trở thành "đại bá" ít nhất là trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương vào giữa thế kỷ 21, và như vậy, trong tương lai không xa sẽ là đối thủ của siêu cường Hoa Kỳ. Chính vì thế, Hoa Kỳ muốn vạch ra một chính sách đối ngoại khả dĩ lôi kéo một số nước, trước hết trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, dù những nước đó không phải là dân chủ, vào quỹ đạo chiến lược của họ để làm lực cản sự bành trướng của Trung Quốc. Một trong những nước mà Hoa Kỳ nhắm tới là Việt Nam.

Hoa Kỳ biết rõ Việt Nam hiện đang nằm dưới sự thống trị độc tôn của ĐCSVN, và đảng này đang duy trì một chế độ độc tài toàn trị vô cùng khắc nghiệt với dân chúng. Hơn nữa, tập đoàn thống trị Việt Nam, tức là BCT ĐCSVN, hiện đang lệ thuộc vào Trung Quốc để tồn tại, tuy vẫn có mâu thuẫn này nọ với Trung Quốc. Trong tình hình đó, Hoa Kỳ vẫn mong muốn cải thiện và thắt chặt bang giao với tập đoàn thống trị Việt Nam. Hơn nữa, như chúng ta biết, các nhà báo và các nhà nghiên cứu Hoa Kỳ thường thích nói, thích nghĩ và thích tin là BCT ĐCSVN hiện đang phân hoá thành nhóm thân Trung Quốc và nhóm thân Mỹ hay thân phương Tây. Các chính khách trong AEI hy vọng rằng với "Lộ trình" này, họ có thể lôi kéo, nếu không toàn bộ thì cũng một nhóm nào đó trong tập đoàn thống trị Việt Nam hiện nay để đưa Việt Nam vào chiến lược của họ chống lại sự bành trướng của Trung Quốc. Đặt vấn đề cải tiến bang giao với Việt Nam trong lúc phong trào dân chủ ở Việt Nam đang phát triển, các chính khách trong AEI không thể không nói đến chuyện dân chủ hoá dù "sự nói" đó không hẳn mang "tính cấp thiết số 1."

Những người dân chủ và yêu nước Việt Nam cần bình tĩnh, khách quan suy xét kỹ, sáng suốt nhận định và dự kiến trước những điều lợi hại của "Lộ trình" này. Không thể để những từ ngữ đẹp làm quáng mắt mình! Nếu xét thấy "Lộ trình" này có những điều thật sự có lợi cho việc dân chủ hoá đất nước thì chúng ta cần kịp thời triệt để khai thác, "xé rào" mà đẩy mạnh phong trào dân chúng tiến lên. Còn những việc gì họ có thể làm mà gây hại cho việc dân chủ hoá, gây trở ngại cho việc gỡ bỏ chế độ độc tài đảng trị thì chúng ta phải có phương cách xử đối thích hợp, thậm chí tích cực phản đối. Đây là một vấn đề rất tế nhị.

Nói chung, vì lợi ích của việc dân chủ hoá đất nước, những người dân chủ và yêu nước Việt Nam chủ trương thắt chặt mối bang giao giữa Việt Nam với Hoa Kỳ, là một siêu cường dân chủ, giàu mạnh nhất thế giới và có ảnh hưởng lớn nhất đến nền chính trị thế giới. Nhưng **việc thắt chặt mối bang giao đó không nhằm củng cố chế độ độc tài toàn trị ở Việt Nam, mà phải nhằm thật sự dân chủ hoá Việt Nam**. Chính vì thế, những người dân chủ và yêu nước Việt Nam nhiệt liệt hoan nghênh sự ủng hộ của chính phủ, quốc hội và mọi tổ chức xã hội, phi chính phủ ở Hoa Kỳ **đối với phong trào đấu tranh của người dân Việt Nam** cho tự do, dân chủ và nhân quyền, nhằm thật sự dân chủ hoá đất nước. Đồng thời, họ cũng nhiệt liệt hoan nghênh sự ủng hộ của mọi nước dân chủ trên thế giới đối với cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam, vì nhận thức sâu sắc rằng sự ủng hộ quốc tế có tác dụng rất lớn đối với công cuộc đấu tranh dân chủ hoá đất nước, giành tự do và nhân quyền.

Nhưng, họ ý thức sâu sắc rằng thành công của công cuộc dân chủ hoá do chính phong trào dân chủ của nhân dân Việt Nam quyết định, nên họ không thể ỷ lại, dựa dẫm vào sự ủng hộ đó, dù cho nó đến từ một siêu cường mạnh nhất, giàu nhất thế giới. Mọi người dân chủ và yêu nước Việt Nam đều mong muốn điều đã ghi rõ trong "Lộ trình": **"việc cải thiện bang giao giữa hai nước đòi hỏi Việt Nam phải thi hành những biện pháp dân chủ hoá"** sẽ không phải là một câu nói suông để đẹp tai người nghe. **Nghĩa là mong muốn phía Hoa Kỳ sẽ đòi hỏi giới cầm quyền Việt Nam phải triệt để thi hành đúng đắn và đầy đủ những điều kiện tối thiểu qua các giai đoạn để thật sự dân chủ hoá Việt Nam.** Dù vậy những người dân chủ và yêu nước Việt Nam cũng không thể coi "Lộ trình" của AEI là "chiếc gậy thần" để ỷ lại và dựa dẫm trong công cuộc đấu tranh vì tự do, dân chủ và nhân quyền của nhân dân.

Mặt khác, họ có nhiều lý do chính đáng để cảnh giác, lo ngại và nghi ngờ, thậm chí không ủng hộ và kịch liệt phản đối, khi cảm thấy sự ủng hộ của Hoa Kỳ chỉ thông qua các cơ quan quyền

lực của nhà nước độc tài toàn trị để thoả mãn nhu cầu duy trì quyền lực của bọn độc tài, mà không đếm xỉa đến phong trào dân chủ và các tổ chức dân chủ của nhân dân, hoặc khi cảm thấy Hoa Kỳ vì nhu cầu lôi kéo tập đoàn thống trị để Việt Nam rơi vào quỹ đạo chiến lược của họ, mà tìm mọi cách hạ thấp những "đề nghị" dân chủ hoá và cố kéo tập đoàn thống trị "thắt chặt bang giao", rồi củng cố lực lượng cho cái tập đoàn thống trị đó và duy trì càng lâu càng tốt cho họ cái chế độ độc tài đảng trị trên lưng dân chúng Việt Nam. Điều này có khả năng xảy ra không? Nếu bình tĩnh quan sát tình hình thế giới thì có thể thấy không ít cường quốc - chẳng những cộng sản hay hậu cộng sản, mà cả dân chủ – đã và đang giúp củng cố những chế độ độc tài chống nhân dân chỉ vì quyền lợi ích kỷ của họ! Cho nên, đáng tiếc, **câu trả lời là rất có thể xảy ra**!

Nói như thế không có nghĩa là không tin tưởng ở những người bạn dân chủ Hoa Kỳ. Không phải thế, chúng ta đánh giá cao sự đóng góp của nhân dân Hoa Kỳ vào công cuộc bảo vệ tự do, dân chủ và nhân quyền trên thế giới. Nhưng với các chính khách thì dù họ ở nước nào chúng ta cũng không thể ngây thơ, cả tin ở lời nói tốt đẹp mà để mất cảnh giác. Mọi người đều chưa quên sự thật chua xót hồi thập niên 60-70, nhà chính khách Kissinger đã từng "dạy" cho nhiều người Việt Nam một bài học nhớ đời! Đến bây giờ nghĩ lại, nhiều người vẫn còn thấy rất đau!

Thành thực mà nói, lối giải thích của hai ông NQK và BT có nhiều điều không thể làm hài lòng độc giả ít nhiều có suy nghĩ. Ông NQK viết: "... mục tiêu của chính sách mới này là giúp Việt Nam trở thành một quốc gia hùng mạnh về kinh tế lẫn quân sự với một thể chế dân chủ để Việt Nam có thể tự chủ, độc lập và duy trì mối liên hệ thân thiện với các quốc gia láng giềng, đặc biệt là Trung Hoa và Hoa Kỳ"... "Lộ trình đề nghị ở đây **không đòi bãi bỏ "chế độ đảng cộng sản" (Communist party regime) hiện nay tại Hà Nội.**" Nghe qua thì có vẻ là hay ho, nào là "một quốc gia hùng mạnh về kinh tế lẫn quân sự", nào là "một thể chế dân chủ." Nhưng thử hỏi: **quốc gia nào, độc tài đảng trị hay dân chủ?** Nếu quốc gia độc tài đảng trị hùng mạnh cả về kinh tế lẫn quân sự thì có ích gì cho dân chủ và dân chúng? Lại thử hỏi: **"thể chế dân chủ" nào có thể có được, nếu "chế độ đảng cộng sản," tức là cái chế độ độc tài toàn trị cộng sản, vẫn còn nguyên vẹn?** Ở đây, chúng tôi không nói đến đảng cộng sản, vì, cố nhiên, dưới chế độ dân chủ đa nguyên thì đảng cộng sản vẫn có thể tồn tại, như các chính đảng khác. Lối giải thích đó lộ rõ một mâu thuẫn gây sự ngờ vực chính đáng cho người đọc.

Còn ông BT thì đoan chắc rằng: "Lộ trình này... không nhằm lật đổ Đảng cộng sản mà chỉ làm cho đảng có thể thực hiện một số điều kiện tốt đẹp chính họ đề ra. Đảng cộng sản có mất chăng thì là chỉ mất một số nội dung chưa thành sự thật (như chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản), mất độc quyền cai trị đã trở thành lạc lõng ngược đời giữa thế giới ngày nay..." Lời giải thích này của ông BT (ĐCSVN sẽ "mất độc quyền cai trị") nghe ra "hơi bị" mâu thuẫn với lời ông NQK ("không đòi bãi bỏ chế độ đảng cộng sản")! Người đọc không thể nhịn cười: "Lộ trình" là để giúp cho ĐCSVN thực hiện những điều tốt đẹp do chính họ đề ra, còn Đảng có mất chăng thì chỉ là những thứ vặt vãnh, như chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản hoang tưởng và cái "độc quyền cai trị" lạc hậu, lỗi thời mà thôi! Lối giải thích này chắc nhắm vào BCT ĐCSVN! Nhưng mà nghe như "dỗ con nít" vậy! Khốn thay, những cái "vặt vãnh" đó lại chính là những thứ mà tập đoàn thống trị hiện nay cố sống cố chết để giữ cho kỳ được!

Còn đoạn dưới đây, hình như, để dỗ người dân: "AEI và các học giả đều có ý định tốt với Việt Nam. Họ không có tham vọng về quân sự, đất đai gì hết. Đó chỉ là cảm tình và mong muốn cho Việt Nam được phát triển. Đây là cơ hội và nếu như bị bỏ lỡ thì Việt Nam không thể tìm được bạn tốt, và sẽ rất khó để tìm ra được con đường phát triển. Họ thực lòng quý trọng những đức tính cần cù, thông minh của người dân, rất cảm thông những khó khăn, éo le dân ta phải chịu đựng. Họ cũng rất tin ở thế hệ trẻ, ở trí thức Việt Nam..."....
"Tôi xin nhấn mạnh là những quan chức Hoa Kỳ đã nói với tôi (tức là với ông BT – ghi chú của người viết) rằng: Họ chỉ muốn những người trí thức Việt Nam hiểu rằng, không một tình cảm nào cứng nhắc cả..." (ý nói Hoa Kỳ và Việt Nam có thể trở thành bạn – ghi chú của người viết), rồi ông tiếp: "Hãy chọn bạn mà chơi! Làm bạn với Hoa Kỳ không dễ đâu. Tôi đã nói chuyện rất lâu với một số thượng nghị sĩ và thứ trưởng ngoại giao Hoa Kỳ. Hoa Kỳ cũng khó tính khi kén bạn. Chính qua chiến tranh mà họ hiểu người dân Việt Nam, đánh giá cao một số trí thức và thế hệ thanh niên mới. Họ rất tiếc là một dân tộc tuyệt vời như Việt Nam lại bị cầm giữ để không có tự do lựa

chọn, và do đó bị lỡ tàu hoài. Vì quý Việt Nam mà nay họ chủ động giang tay bè bạn! Tôi rất lo là khéo mà ta lại lỡ tàu..." v.v... và v.v... Ông BT say sưa "đánh động dư luận" đến nỗi bỏ qua một điều "hơi" quan trọng: "họ chủ động giang tay bè bạn" với ai? Không phải với một số trí thức và thế hệ thanh niên mới, cũng như với người dân Việt Nam được họ đánh giá cao, mà, đáng tiếc, họ giang tay bè bạn với những kẻ đang giam cầm đày đoạ những người trí thức đó, đang thống trị trên đầu trên cổ người dân Việt Nam! Nhưng có lẽ ít ai ngây thơ nghĩ rằng khi đưa ra "Lộ trình" này các chính khách Mỹ chỉ vì "cảm tình và mong muốn cho Việt Nam được phát triển." Hoặc vì "lòng quý trọng những đức tính cần cù, thông minh của người dân," hoặc vì "rất cảm thông những khó khăn, éo le dân ta phải chịu đựng."

Như trên chúng tôi đã vạch rõ, động cơ chính của AEI khi đưa ra "Lộ trình" này xuất phát từ quyền lợi của Hoa Kỳ, tức là từ chiến lược trước mắt và lâu dài của Hoa Kỳ trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Hoa Kỳ muốn ngăn chặn sự bành trướng của Trung Quốc trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Họ muốn kéoViệt Nam cùng với họ ngăn cản sự bành trướng của Trung Quốc. Cứ nói thẳng như thế có sao đâu?! Có phải nói như thế thì những người dân chủ và yêu nước Việt Nam không tán thành cái mục tiêu đó của Hoa Kỳ đâu? Cái mục tiêu đó cũng có lợi cho Việt Nam lắm chứ! Những người dân chủ và yêu nước Việt Nam tán thành mục tiêu đó! Miễn là các chính khách Hoa Kỳ không "đi dêm" với tập đoàn thống trị, không nhượng bộ về các điều kiện dân chủ hoá và thoả thuận với tập đoàn thống trị "sau lưng" phong trào dân chủ của dân chúng. Những người dân chủ và yêu nước Việt Nam phải cảnh giác, vì chính ông NQK đã nhấn mạnh: "Những đề nghị trong lộ trình AEI rất thực tiễn và uyển chuyển để sẵn sàng chấp nhận kết quả của những thương thảo giữa đôi bên trong tương lai." Câu đó xác nhận rằng các chính khách Hoa Kỳ sẽ sẵn sàng hạ thấp (có thể đến mức thấp nhất!) những "đề nghị" dân chủ hoá, sẵn sàng chấp nhận một thứ dân chủ méo mó, vô hồn, giả hiệu mà tập đoàn thống trị Việt Nam hiện nay vốn quen thói "treo đầu dê bán thịt chó" có thể nhận được. Nếu vậy, có nghĩa là những đòi hỏi dân chủ thiết thân của người dân Việt Nam sẽ bị hy sinh dễ dàng, miễn là BCT ĐCSVN tỏ lòng thân thiện với Hoa Kỳ. Và nếu quả như thế thì **sẽ là một đại bất hạnh cho dân tộc Việt Nam**: trên dải đất hình chữ S này, dân tộc Việt Nam ta vẫn còn bị giam hãm lâu, lâu lắm dưới chế độ độc tài đảng trị khắc nghiệt được một siêu cường "bảo ke," giúp đỡ củng cố an ninh và quốc phòng, và nói chung, củng cố cả cái chế độ đó! Và như thế, tiếng là người ta nói chuyện "dân chủ hoá" Việt Nam, nhưng mà không biết bao giờ người dân Việt Nam mới hưởng được một chế độ dân chủ đích thực, xứng đáng với bao hy sinh xương máu của dân tộc! Đấy cái gọi là "chủ động giang tay bè bạn" kiểu đó có thể đem lại hậu quả như thế!

Thế mà ông BT viết: "Kết bạn thân thiết với Hoa Kỳ, Việt Nam có thể tiếp nhận đến *50 tỷ USD* đầu tư không mấy khó khăn, chưa nói đến *hàng chục tỷ USD* (những chữ in nghiêng là của ông BT) có thể có từ cộng đồng Việt Nam trên khắp thế giới khi nền cai trị độc quyền của một đảng chấm dứt, khi đảng cộng sản vẫn có thể tồn tại trong nền dân chủ đa nguyên." Ơ hay! **các tác giả của "Lộ trình" kiêng, sợ, không dám đòi huỷ bỏ điều 4 của Hiến pháp** thì làm sao mà chấm dứt được nền thống trị độc tôn của ĐCSVN? Làm sao có được nền dân chủ đa nguyên? Và ngay những "đề nghị" đưa ra trong "Lộ trình" người ta còn tuyên bố sẵn sàng "uyển chuyển" nhượng bộ hoặc rút lui thì làm sao dân chủ hoá thật sự đất nước, làm sao "có được nền dân chủ đa nguyên"? Ông BT còn nhấn mạnh: "Hoa Kỳ rất mong **người dân Việt Nam được lựa chọn trên cơ sở tự do**, việc kết bạn này là hoàn toàn bình đẳng. Nếu **người Việt Nam** thật sự tán thành thì AEI đứng ra vận động xã hội, quốc hội, các viện nghiên cứu, các bộ máy tuyên truyền – người Mỹ gọi là lobby – để hình thành một ý muốn chung của nhân dân Mỹ, thực hiện một chính sách giao lưu, kết bạn thân thiết, tin cậy **với nhân dân Việt Nam"**! (Chú ý: những chữ nhấn mạnh là của người viết). Mấy người bạn dân chủ của tôi rất phẫn nộ khi đọc những câu tương tự. Họ phẫn nộ không phải vì họ không muốn kết bạn với nhân dân Mỹ, hay vì họ không muốn chính quyền và quốc hội , cũng như các tổ chức xã hội, phi chính phủ của Hoa Kỳ ủng hộ những đòi hỏi chính đáng về tự do, dân chủ và nhân quyền của người Việt Nam, trái lại, họ rất muốn những điều đó! Họ phẫn nộ chính vì ông BT làm như tuồng **người dân Việt Nam có quyền được tự do lựa chọn bạn!** Làm như tuồng ông quên là chính người Mỹ đã nói với ông: **"Họ rất tiếc là một dân tộc tuyệt vời như Việt Nam lại bị cầm giữ để không**

có tự do lựa chọn"!

Đọc hai bài của ông BT về "Lộ trình," riêng tôi thì thấy rất buồn cho một người bạn dân chủ bị lầm lạc. Thật tình mà nói, chúng tôi chẳng hề có ác cảm gì với ông BT cả, trái lại, chúng tôi quý tấm lòng của ông, nhưng cái lối cổ động kiểu này của ông quả là thiếu trách nhiệm với người đọc, gây ảo tưởng, gây hy vọng hão huyền, làm nhụt trí óc cảnh giác và gieo rắc cái tinh thần ỷ lại, dựa dẫm vào nước ngoài.

Bây giờ hãy xét qua những "đề nghị" chính trị mà AEI đã đưa ra trong "Lộ trình". Cần nói rõ rằng những"đề nghị" đó, nếu là thực tâm muốn thực hiện kỳ được dân chủ hoá, nếu được coi là "những điều kiện tối thiểu" và không bị tuỳ tiện cắt xén, lược bỏ, bóp méo hay xuyên tạc, thì dù còn thiếu một số điều rất cơ bản (như xoá bỏ điều 4 trong Hiến pháp, huỷ bỏ nghị định 31/CP...), nhưng, nói chung, cũng có thể coi là tốt cho sự dân chủ hoá Việt Nam. Nhưng ông NQK nói rõ "Lộ trình" của AEI có "tính cách khả thi," vì những đề nghị của Hoa Kỳ là "rất thực tiễn và uyển chuyển để sẵn sàng chấp nhận kết quả những thương thảo giữa đôi bên," nên những người dân chủ không thể không cảnh giác cao độ với cái tinh thần "uyển chuyển," "sẵn sàng chấp nhận" đó.

Còn nếu thực tâm muốn dân chủ hoá Việt Nam, coi đó là "những điều kiện tối thiểu" không thể cắt xén, thì chúng tôi cho rằng "Lộ trình" đó hoàn toàn không có "tính cách khả thi." Trong tình hình hiện nay, chưa có một triệu chứng nào cho thấy tập đoàn thống trị bảo thủ hiện nay, tức là BCT ĐCSVN được bầu sau Đại hội 9, sẵn sàng nói chuyện với Hoa Kỳ về "Lộ trình" này. Bản chất cực kỳ bảo thủ của tập đoàn thống trị Việt Nam hiện nay không cho phép họ làm một bước "động trời" như thế. "Động trời" vì đụng đến quyền lực toàn trị của họ, đụng đến "ngai vàng" của họ, đụng đến "ông anh cả phương Bắc" của họ mà họ đang lệ thuộc. Những lời dỗ dành của ông BT: "Kết bạn thân thiết với Hoa Kỳ, Việt Nam có thể tiếp nhận đến *50 tỷ USD* đầu tư không mấy khó khăn, chưa nói đến *hàng chục tỷ USD* có thể có từ cộng đồng Việt Nam trên khắp thế giới khi nền cai trị độc quyền của một đảng chấm dứt, khi đảng cộng sản vẫn có thể tồn tại trong nền dân chủ đa nguyên," cũng như những lời khuyên lơn của ông NQK: "Sự giúp đỡ kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ cho Việt Nam như đã nêu ra trong bản lộ trình để đổi lấy một sự thay đổi chính thể trước sau gì cũng phải xảy ra là một cơ hội tốt mà Việt Nam không thể bỏ phí" – những lời đó đối với tập đoàn thống trị Việt Nam hiện nay sẽ chỉ là nước đổ đầu vịt! Những lời đó mà nói với một chính quyền dân chủ của nhân dân Việt Nam thì quá hợp, chớ nói với BCT ĐCSVN thì chỉ là tiếng kêu giữa sa mạc! Cái mà tập đoàn thống trị hiện nay cần là "nền cai trị độc quyền của một đảng," cụ thể là ĐCSVN, chứ đâu có phải là "tiếp nhận đến *50 tỷ USD* đầu tư" hay "*hàng chục tỷ USD* có thể có từ cộng đồng Việt Nam trên khắp thế giới," hoặc là "sự giúp đỡ kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ." Lẽ nào các tác giả "Lộ trình" nghĩ rằng "có tiền mua tiên cũng được," cứ tung đô-la làm mồi thơm ngon xuống "cái ao cá Bác Hồ ở Ba Đình" thì chắc nhử được "lũ cá" háu ăn sẽ cắn câu! Đúng là tập đoàn thống trị Việt Nam hiện nay là một lũ tham lam, háu ăn lắm, chỉ nghĩ đến quyền lợi riêng của chúng, nhưng cái quyền lợi riêng của cá nhân của chúng đồng thời lại là quyền lợi chung cao nhất của cả tập đoàn thống trị là **quyền lực**, vì có quyền lực mới bảo đảm được quyền lợi cá nhân lớn lao và lâu dài. Khi thấy cái quyền lực này bị đụng đến thì chúng phải cố sống cố chết để giữ bằng được, chỉ trừ phi bị sức ép cực mạnh của phong trào dân chúng bắt chúng phải chịu nhả ra. Còn khi tập đoàn thống trị láu cá chấp nhận ngồi nói chuyện với Hoa Kỳ về "Lộ trình" thì chắc chắn không phải vì muốn "dân chủ hoá đất nước" – theo đúng nghĩa của từ này – mà là để chúng thực hiện một mưu đồ giảo quyệt theo kiểu tương kế tựu kế.

Người ta có thể lấy làm lạ: trong "Lộ trình" thiếu vắng những điều kiện chính trị rất căn bản để thật sự dân chủ hoá, như hủy bỏ điều 4 của Hiến pháp, hủy bỏ nghị định 31/CP trắng trợn vi hiến, thi hành tự do ngôn luận, không được đàn áp những người có chính kiến khác bằng cách gán cho họ những tội hình sự, phải thực hiện tự do thông tin, tự do báo chí, cụ thể là tư nhân được phép ra báo, huỷ bỏ độc quyền của ĐCSVN và chính phủ về mặt xuất bản, phát hành và nhập sách báo, bãi bỏ những hạn chế trong việc sử dụng Internet, chấm dứt việc phá sóng các đài phát thanh, v.v... Sự thiếu vắng này là cố ý hay vô tình?

Mặt khác, trong "Lộ trình" cũng có những điều phi lý. Chẳng hạn, trong giai đoạn 1, người ta đặt ra điều kiện là giới cầm quyền phải để cho công dân ngoài ĐCSVN được tự do ứng cử vào quốc hội sẽ bầu ngày 19 tháng 5, nghĩa là một tháng

sau khi "Lộ trình" được công bố. Hay trong giai đoạn 3, điều kiện đưa ra là các đảng phái không cộng sản được phép hoạt động, phê bình chính phủ, tham gia vào các cuộc bầu cử, trong khi điều 4 của Hiến pháp vẫn có thể giữ nguyên.

Đến đây, các tác giả "Lộ trình" có thể sẽ hỏi: thế thì người viết bài này muốn gì? có đề nghị gì? Xin nói rõ. Các chính khách của AEI cho rằng: "Sự giúp đỡ kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ cho Việt Nam như đã nêu ra trong bản lộ trình để đổi lấy một sự thay đổi chính thể trước sau gì cũng phải xảy ra là một cơ hội tốt mà Việt Nam không thể bỏ phí." Nói thế, tức là AEI đã sáng suốt nhận thức được một điều rất quan trọng: **"một sự thay đổi chính thể trước sau gì cũng phải xảy ra"** ở Việt Nam. Đúng, đó là điều không thể tránh khỏi! **"Sự thay đổi chính thể"** này có nghĩa là sự sụp đổ của chế độ độc tài toàn trị, do nhiều yếu tố gây nên, nhưng yếu tố chủ yếu chính là do phong trào đấu tranh kiên cường cho tự do, dân chủ và nhân quyền của nhân dân chống bọn độc tài đảng trị làm cho chế độ độc tài toàn trị đã ruỗng nát phải sụp đổ. Nếu AEI đã nhận thức được như thế thì đề nghị của chúng tôi rất giản đơn: Hoa Kỳ, siêu cường mạnh nhất thế giới, và các cường quốc dân chủ hãy ủng hộ mạnh mẽ hơn nữa phong trào đấu tranh kiên cường cho tự do, dân chủ và nhân quyền của nhân dân Việt Nam, kịp thời và mạnh mẽ lên tiếng chống những vi phạm nhân quyền của nhà cầm quyền Việt Nam, buộc họ thực hiện đúng những điều kiện trong Thương ước Việt-Mỹ, cũng như trong các Công ước về Nhân quyền, gắn bó những điều kiện viện trợ kinh tế với việc thực hiện những quyền con người của dân chúng, nhất là quyền tự do tư tưởng, ngôn luận, báo chí, lập hội, quyền tự do tôn giáo, quyền được hưởng chế độ tự trị của các sắc dân thiểu số, v.v... Có như thế thì càng thúc nhanh "sự thay đổi chính thể," tức là sự sụp đổ của chế độ độc tài toàn trị và càng chóng dân chủ hoá Việt Nam như AEI đã mong muốn. Một chính quyền dân chủ xuất hiện sau khi chế độ độc tài toàn trị sụp đổ sẽ thay mặt nhân dân Việt Nam thương thảo với Hoa Kỳ lộ trình thắt chặt bang giao giữa hai nước. Xin các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ hiện nay hãy làm như các cựu Tổng thống R. Reagan, G.Bush (già), cựu Thủ tướng M.Thatcher... đã từng làm đối với nhà cầm quyền Liên bang Xô-viết và các chư hầu của họ, gây áp lực để các nhà cầm quyền cộng sản tôn trọng tự do, dân chủ và nhân quyền, nhờ đó thúc nhanh sự sụp đổ của các chế độ độc tài toàn trị ở Liên Xô, các nước Đông Âu và Mông Cổ. Một chính sách như thế sẽ không có hại gì cho bang giao với chính quyền Việt Nam, cũng như trước đây đã không có hại gì cho bang giao với Liên Xô và các nước chư hầu của Liên Xô cả. Như trên đã nói, còn khi một chính quyền dân chủ được thiết lập ở Việt Nam rồi thì mối bang giao giữa Hoa Kỳ và Việt Nam sẽ đi vào một giai đoạn mới, rất tốt đẹp: lâu dài và bền vững. Như thế nhân dân Việt Nam sẽ coi Hoa Kỳ là một người bạn thật sự. Một lộ trình như thế, theo chúng tôi, sẽ mãi mãi đi vào lịch sử như là một thắng lợi của cả hai nước.

Trước khi kết thúc câu chuyện về "Lộ trình", chúng tôi muốn bàn thêm một tí về cuộc "cách mạng nhung." Ông NQK viết: "Việt Nam, cũng như Ba Lan, Hung Gia Lợi, Tiệp Khắc, không phải Liên Bang Xô Viết hay Trung Cộng. Việt Nam có thể thực hiện một cách mạng nhung với những bước chia sẻ quyền hành trong quốc hội như trường hợp một số nước Đông Âu." Ông NQK đã quên một điều tối quan trọng trong thực tiễn lịch sử của mấy nước vừa kể là: chỉ nhờ có **một phong trào quần chúng rộng lớn ở các nước đó làm áp lực mạnh mẽ** thì mới buộc được các tập đoàn thống trị ở các nước đó chịu chia sẻ và buông bỏ chính quyền, chứ không phải nhờ một nước lớn nào đó "vượt qua đầu" phong trào dân chủ của dân chúng để mặc cả với bọn cầm quyền mà có được cuộc "cách mạng nhung."

Chính vì thế, chúng tôi nhắc lại: quyết định thắng lợi của dân chủ hoá đất nước là phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, và xin khẳng định lần nữa: ***Việc ta, ta cứ làm!*** Các chiến sĩ dân chủ trong và ngoài nước, miền Bắc và miền Nam, không phân biệt thành phần, hãy đặt quyền lợi của Tổ quốc lên trên hết, gạt bỏ mọi định kiến mà liên kết lại với nhau thành những nhóm dân chủ, đi sâu vào dân chúng, vận động dân chúng đấu tranh cho quyền lợi của mình, đấu tranh chống tham nhũng, chống bóc lột, áp bức, đấu tranh đòi tự do, dân chủ và nhân quyền, đồng thời tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, tạo nên một sức mạnh tổng hợp to lớn của phong trào dân chủ mà giành lấy dân chủ hoá đích thực cho nước ta./.

10.10.2002

Nguyễn Minh Cần

* Nhại lời một bài hát cũ: "Đường ta, ta cứ đi, nhà ta, ta cứ xây, ruộng ta, ta cứ cày..." (Nhạc Tuổi Xanh của Phạm Duy).

TỪ VỤ ĐÁNH BOM Ở BALI, NHÌN LẠI CHÍNH TRƯỜNG INDONESIA

XUÂN QUANG *(Jakarta, Indonesia)*

Bali - biểu tượng của ngành du lịch Inđônêxia, nơi được cả thế giới biết đến với tên gọi là "Hòn đảo thần tiên" và còn ví như "Thiên đường nơi trần thế," đêm 12/10 vừa qua đã rung chuyển trong tiếng bom làm tan hoang cả một vùng Kuta nhộn nhịp nhất ở Bali. Kết quả điều tra do một đội điều tra quốc tế gồm các sĩ quan an ninh của Inđônêxia, Mỹ, Úc, Anh và Đức vừa công bố hôm 20/10 cho thấy bọn khủng bố đã tính toán cách đánh rất công phu: chúng đánh một quả bom ở bên trong một hộp đêm đầy ắp người, khiến mọi người hoảng loạn chạy nhào ra ngoài, khi đó chúng đánh tiếp hai quả bom khác đặt trong những chiếc xe đỗ bên ngoài một hộp đêm gần kề và vì thế đã gây thương vong rất lớn. Đã có gần 200 người thiệt mạng và khoảng 300 người bị thương và hàng chục người mất tích chỉ trong khoảnh khắc. Chất liệu để làm bom đã được xác định là chất C4 có sức công phá rất mạnh và quả bom lớn nhất được đặt trong chiếc xe van hiệu Mitsubishi L-300. Cả một khu đường Legian vùng Kuta nổi tiếng với các hộp đêm và các tiệm ăn đã bị đổ nát vì sức mạnh của trái bom.

Trong đêm 12/10, bọn khủng bố còn đánh bom tại một điểm trên đường Renon, cách Lãnh sự quán Mỹ tại Bali khoảng 100 mét và tại Lãnh sự của Philíppin trên đảo Manađô. Toà lãnh sự Mỹ không bị phương hại vì trái bom nổ bên ngoài, còn toà nhà lãnh sự của Philíppin thì chỉ thiệt hại vật chất. Cả hai nơi này không có ai thiệt mạng vì tối thứ Bảy các toà lãnh sự đều đóng cửa.

Một điều đáng chú ý là mặc dù bị tàn phá mạnh, hầu hết cửa kính của các tiệm trong khu vực gần nơi bị đánh bom đều vỡ tan, nhưng tuyệt nhiên ở Bali không có các vụ "hôi của" như thường được thấy trong các trường hợp tương tự tại một số các xứ khác. Hơn nữa dân chúng Bali đã tự động hiến máu, tiếp tế đồ ăn thức uống cho lính cứu hỏa...

Từ nhiều năm nay, mặc dù ở những đảo khác của Inđônêxia đã liên tiếp xảy ra xung đột cộng đồng hoặc xung đột tôn giáo và các vụ bạo lực, biểu tình gây mất an ninh, nhưng những người dân hiền hoà trên đảo Bali vẫn bình an tiếp đón du khách một cách niềm nở.

Bali là nơi giải trí tuyệt vời đối với du khách Úc, Đức, Nhật, những người đến đây tìm nắng và hơi ấm của biển, hoặc một số phụ nữ Nhật Bản "tân thời" thích đến đây để tìm "của lạ" ở những chàng trai da ngăm ngăm. Trong những thời gian có báo động tại đảo chính Java, đảo Bali vẫn là điểm du lịch hấp dẫn và là nơi tổ chức nhiều hội thảo của Á châu. Hơn nữa, không một người ngoại quốc nào bị quấy rối kể cả khi Mỹ oanh tạc Apganixtan. Mỗi năm du lịch mang lại $ 6 tỷ cho Inđônêxia thì Bali chiếm một phần ba số này và riêng năm ngoái đã có 1,5 triệu du khách đến Bali.

Vụ đánh bom ở Bali đã làm dân chúng Inđônêxia phẫn nộ. Những trái bom ở Bali đã làm thức tỉnh giới chính trị Inđônêxia. Sau vụ này nội các họp khẩn cấp và chính phủ đã ban hành hai sắc lệnh chống khủng bố, trao cho lực lượng an ninh, đặc biệt là cảnh sát, quyền lực lớn hơn để đối phó với nạn khủng bố. Hai sắc lệnh này cho phép bắt giữ trong bảy ngày đối với các đối tượng tình nghi khủng bố mà không cần phải có chứng cứ đầy đủ và cho phép áp dụng hình phạt cao nhất - án tử hình đối với những người phạm tội khủng bố, bao gồm cả tội đe dọa sử dụng và sử dụng chất nổ, chất hạt nhân hay hoá chất gây hoảng loạn v.v. Quân đội và cảnh sát là hai cơ quan thi hành sắc lệnh này mà nội dung dựa trên dự luật chống khủng bố đang bị "ngâm tôm, chưa thông qua" tại Quốc hội. Ngay sau khi hai sắc lệnh chống khủng bố được ban hành, thủ lĩnh của một tổ chức Hồi giáo cực đoan, ông Abu Bakar Bashir đã bị bắt giữ và một số các lãnh tụ cực đoan khác đang bị theo dõi gắt gao.

1. Hậu quả kinh tế

Vụ đánh bom ở Bali được coi là vụ đánh vào nền kinh tế vốn đang lao đao của Inđônêxia. Tác động của sự kiện Bali đối với toàn bộ nền kinh tế của Inđônêxia chưa thể tính hết được vì nó không

chỉ tác động riêng tới ngành du lịch mà còn tác động mạnh tới đầu tư nước ngoài. Ngay sau ngày 12/10, hối suất của đồng Rupiah của Inđônêxia giảm mạnh (- 3.4%) và thị trường chứng khoán sụt 10.4%.

Tuy nhiên, đã có một số ý kiến cho rằng trong năm 2002, tỉ trọng của ngành du lịch chỉ chiếm khoảng 3,36% GDP nên ảnh hưởng của vụ Bali đối với toàn bộ nền kinh tế Inđônêxia sẽ không lớn lắm. Ảnh hưởng đến chứng khoán không đáng kể vì từ nhiều năm nay đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) và đầu tư chứng khoán tại Inđônêxia đã là "âm."

Chính phủ Inđônêxia đã cho tái xét lại mục tiêu tăng trưởng kinh tế, giảm từ 4% xuống còn 3,5% trong khi các viện nghiên cứu kinh tế nhận định là trong năm 2002, mức tăng trưởng của Inđônêxia sẽ ở khoảng 3,25-3,50%.

Cuộc họp CGI (Nhóm các nước tài trợ cho Inđônêxia) dự định tổ chức vào cuối tháng 10 tại Yogyakarta nay buộc phải lui đến đầu năm 2003 để các bên có thời gian xem xét đánh giá lại ảnh hưởng của sự kiện Bali đối với toàn bộ nền kinh tế Inđônêxia. Tòa lãnh sự Mỹ tại Surabaya đã đóng cửa và một số nhân viên trong Sứ quán Mỹ đã được lệnh di tản khỏi Jakarta. Sứ quán Anh cũng được lệnh giảm bớt số nhân viên ngoại giao ở Inđônêxia. Các nước Úc, Anh, Niu Dilơn và Đức đều khuyến cáo công dân họ rời Inđônêxia vì đã có thông tin về "những mối đe doạ mới."

2. Hậu quả chính trị

Sự kiện Bali đã gây ảnh hưởng mạnh trên chính trường Inđônêxia. Từ sau khi người hùng Soeharto buộc phải từ chức vào năm 1998, chính trường nước này luôn ở trong tình trạng mất ổn định. Tổng thống Megawati Soekarnoputri lên cầm quyền mới hơn một năm, nhưng ngoài việc phải đối phó với những vấn đề trong nước bà còn phải đương đầu với chủ nghĩa khủng bố đang hiển hiện ở Inđônêxia. Trước những lời cảnh báo về sự hiện hiện của mạng lưới khủng bố ở Inđônêxia, nội các của Tổng thống Megawati Soekarnoputrri đã phản ứng một cách quá chậm, hơn nữa nội bộ lại bất đồng chính kiến, không dám thẳng tay trừng trị các thành phần cực đoan. Tình hình này khiến cho các nhà đầu tư mất niềm tin và họ bắt đầu "di tản" sangViệt Nam hoặc Trung Quốc.

Thảm kịch Bali đã thực sự đã làm thức tỉnh nhiều người trong giới lãnh đạo ở Inđônêxia, những người vẫn được ví như những con "đà điểu" chỉ biết vùi đầu trong cát trước nạn khủng bố. Cho đến trước ngày 12/10, nhiều chính khách Inđônêxia vẫn cho rằng khủng bố chỉ là âm mưu của Mỹ mà thôi. Nay họ đã thức tỉnh và thừa nhận có hoạt động khủng bố trong nước. Vấn đề hiện nay là các nhà lãnh đạo Inđônêxia sẽ đi xa tới đâu trong cuộc chiến chống khủng bố mang tính toàn cầu hiện nay. Inđônêxia đang đứng trước một thời kỳ bất ổn mới nếu chính phủ không có các biện pháp cứng rắn và kịp thời.

Chính trường Inđônêxia thời kỳ sau Soeharto

Inđônêxia với dân số trên 210 triệu người, nằm rải rác trên 17.000 hòn đảo (trong đó khoảng 13.000 đảo có người ở) với chiều ngang trải dài tới khoảng 5.000 km và ba múi giờ khác nhau. Inđônêxia có tới hơn 300 nhóm sắc tộc và có nhiều liên hệ nhân chủng với với Việt Nam. 85% dân Inđônêxia theo đạo Hồi. Ngôn ngữ ở Inđônêxia cũng rất phong phú, trong đó tiếng Bahasa Inđônêxia được lấy làm quốc ngữ và được phổ biến sau 350 năm dưới ách đô hộ của Hà Lan.

Inđônêxia là nước có dân số theo Hồi giáo đông nhất thế giới. Hồi giáo ở Inđônêxia gồm hai dòng chính là dòng Sunni và dòng Shia. Dòng Sunni chiếm từ 80-90% số dân theo Hồi giáo và đa số người Hồi giáo tại Inđônêxia theo dòng này.

Từ khi giành độc lập vào năm 1945 đến nay, Inđônêxia đã có năm đời tổng thống. Ông Sukarno, cha đẻ của Cộng hòa Inđônêxia và cũng là cha đẻ của đương kim TT Megawati. Ông cũng là một trong những nhà lãnh đạo nổi tiếng trong Thế giới thứ ba. Tổng thống thứ hai - ông Soeharto, đã cầm quyền bảy nhiệm kỳ liên tục với thời gian trên 32 năm. Ông Habbibie được coi là bị TT thời kỳ chuyển tiếp. Ông Abdurrahman Wahid, vị TT bị khiếm thị và nổi tiếng là thất thường. Hiện nay bà Megawati là TT thứ năm và là nữ Tổng thống đầu tiên của một xứ Hồi giáo đông nhất thế giới.

Trước 1997, Malaixia, Thái Lan và Inđônêxia cùng mức phát triển và được coi là các "tiểu hổ." Lợi tức đầu người của các nước này vào khoảng cỡ US$ 2.000-4.000/người/năm (gấp 10 lần VN). Trong cuộc khủng hoảng tài chính ở châu Á những năm 1997-1998, Inđônêxia bị khủng hoảng nặng hơn các nước khác. Một trong những nguyên nhân khiến cho Inđônêxia đến nay cũng chưa thoát khỏi khủng hoảng là do nạn "tham nhũng, bè phái và gia đình trị," ở Inđônêxia người ta hay gọi là nạn "3 K."

Nội các đầu tiên của TT Wahid được nhiều người hy vọng sau 32 năm trải qua chế độ độc tài

dưới thời TT Soeharto. TT Wahid đã làm giảm phần nào ảnh hưởng của quân đội khi ông đã bổ nhiệm một chính khách dân sự làm bộ trưởng quốc phòng. Dưới thời ông Wahid, quân đội Inđônêxia (TNI) mà người Inđônêxia thường gọi là đảng "Khaki" đã bị mất nhiều đặc ân nhưng đồng thời đất nước cũng rơi vào cảnh gần như không kiểm soát được khi phong trào ly khai và các cuộc xung đột bạo lực và xung đột tôn giáo phát triển tràn lan.

Có người đã nói dưới thời ông Wahid, "cây dân chủ" ở Inđônêxia đã bén rễ. Báo chí được tự do hơn nhiều so với trước đây. Các tôn giáo khác nhau như Hồi giáo, Cơ đốc giáo và Phật giáo có cơ hội chung sống hoà bình và người gốc Hoa được sử dụng tiếng Hán và được tổ chức các lễ hội truyền thống của nền văn hoá Trung Hoa. Nội các Wahid ôn hoà nhưng kém hiệu quả.

Ông Wahid nổi tiếng là một người không nhất quán và thường đưa ra những tuyên bố trái ngược nhau. Ông còn có đặc điểm là rất thích ôdu hànhọ nước ngoài (ông đã đi trên 50 nước trong 20 tháng cầm quyền). Trong 20 tháng làm Tổng thống, ông Wahid đã ba lần thay đổi nội các vì vậy các vấn đề cấp bách cuả đất nước không thể giải quyết được. Trong khi đó bản thân TT Wahid cũng bị dính vào hai vụ si-căng-đan, vụ "Buloggate" và vụ "Bruneigate," hậu quả là ông đã bị phế truất vào tháng 7/2001.

Vấn đề Hồi giáo

Theo Hiến pháp Inđônêxia, có sự tách biệt giữa đạo và đời. Tuy vậy, nhiều phe Hồi giáo muốn đưa luật Shariah - luật theo truyền thống Hồi giáo vào Hiến pháp để biến Inđônêxia trở thành một quốc gia theo kiểu Iran nghĩa là lẫn lộn đạo và đời.

1. Hồi giáo và Inđônêxia

Không giống như Cơ đốc giáo, Hồi giáo không có một giáo hội quyết định về sự hiểu biết thánh kinh và đức tin. Mỗi một trung tâm Hồi giáo có một vị đứng đầu chủ trì được gọi là iman. Các iman thường được đào tạo tại các trường Hồi giáo ở Ai Cập, Irắc, hoặc các trường đại học Hồi giáo quốc nội. Các trường Đại học Hồi giáo này trước đây chỉ chuyên giảng dạy về môn Hồi giáo và không giảng các môn khác.

Hồi giáo tại Inđônêxia gồm có hai tổ chức chính: tổ chức Nahdlatul Ulama (NU) là tổ chức lớn nhất theo trường phái bảo thủ gồm khoảng 40 triệu tín đồ, phần lớn là dân quê; và Muhamadiyah, tổ chức lớn thứ hai với khoảng 30 triệu thành viên theo trường phái cởi mở. Hai tổ chức này đều có hệ thống trường trung tiểu học, đại học và nhà thương, cơ quan xã hội. Tổ chức Muhamadiyah có từ 1930 có một hệ thống trường và Đại học khá rộng. Ở thôn quê, ngoài các trường tiểu học công còn có các trường của đạo Hồi gọi là *pesantren.* Tại các trường này, học sinh thường chỉ học kinh Quran (tiếng Anh gọi là Koran) và lời giảng của các thầy. Hệ thống trường (miễn phí) này nằm dưới sự kiểm soát của hai tổ chức trên. Các trường này không dậy toán cũng như các môn khoa học khác.

Vì không có một tiếng nói duy nhất, các tổ chức Hồi giáo cử ra một hội đồng các giáo sĩ Hồi giáo còn được gọi là MUI (Indonexian Ullamas Council). Họ là tiếng nói của đạo Hồi tại đây.

Các tổ chức NU và Muhamadiyah có nhiều đảng chính trị đại diện họ. Chẳng hạn, tổ chức NU thì có đảng Thức tỉnh quốc gia (PKB) chiếm khoảng 9% số ghế trong QH. Đảng PKB này ủng hộ cựu TT Wahid. Muhamadiyah có nhiều đảng chính trị hơn, trong đó có Đảng Uỷ quyền quốc gia (PAN), hay Đảng Liên hiệp phát triển (PPP) chiếm 11% số ghế trong Quốc hội của Phó TT Hamzah Haz và một số đảng nhỏ như Đảng Công lý (PK) chiếm không đến 5% ghế trong Quốc hội.

2. Hồi giáo hậu Soeharto

Trong thời kỳ chuyển tiếp hậu Soeharto, từ một cơ chế khắt khe qua một cơ chế cởi mở - tự do, nhiều tổ chức Hồi giáo đã lạm dụng để gây rối. Có những phần tử Hồi giáo cực đoan đã tổ chức đi phá các quán ăn hay bia ôm nhân danh đạo Hồi nhưng nhiều khi chỉ là cớ làm tiền các tiệm ăn hay các quán giải trí đêm. Ở Inđônêxia có khá nhiều các tổ chức Hồi giáo cực đoan như Laskar Jihad, Mặt trận những người bảo vệ Hồi giáo (FPI), Tổ chức Liên kết thế giới Hồi giáo (KIDI), Tổ chức thanh niên Hồi giáo (GPI), Mặt trận sinh viên Hồi giáo Inđônêxia (KAMMI). Các tổ chức này đã biểu tình phản đối các vụ ném bom ở Afganixtan. Họ cũng bị cáo buộc đã gây nhiều vụ nổ phá nhà thờ Cơ đốc giáo, đặt bom ở Jakarta và gây rối vào cuối năm 2000.

Các tổ chức Hồi giáo cực đoan đã thực hiện hay dọa thực hiện các cuộc bố ráp các công dân Mỹ ở các khách sạn vùng Solo hay Makassar. Họ còn đòi tẩy chay các hàng Mỹ (Coca cola, Fanta và đập phá các tiệm ăn Mc Donald, Kentucky Fried Chicken kiểu Inđônêxia nghĩa là gà chiên ăn với cơm chứ không phải bánh mì)

v.v.

Các tổ chức cực đoan thường tụ tập từ 300 đến 400 người biểu tình là nhiều. Toà Đại sứ Hoa Kỳ là nơi họ thường tụ tập có khi một ngày ba lần để biểu tình, đốt cờ và hình nộm TT George Bush. Thực ra, dân các tỉnh thường được thuê với giá khoảng 15-20.000 Rp/ngày ($ 2-3 US) để đi biểu tình. Họ thường kéo đến bằng xe buýt, hô hét một lúc rồi giải tán. Nhiều lắm là họ đóng đô trước TĐS trong một đêm, ngày hôm sau là phải lên xe về. Một hay hai lần các cuộc biểu tình này đã biến thành bạo động nên cảnh sát đã dùng vòi rồng xịt nước hay lựu đạn cay để giải tán.

85% dân số Inđônêxia theo đạo Hồi, nhưng họ theo một thứ đạo Hồi ôn hoà - cởi mở. Phụ nữ dù có mang khăn quàng đi nữa thì cũng phấn son như thường, lại còn lái xe thoải mái (không như Arập Saudi). Đa số phụ nữ không mang khăn quàng và các cô nhí thì thường mặc quần jean và áo T-shirt bó sát người.

Trong thời kỳ chuyển tiếp, trong khi Inđônêxia phải đương đầu với các thách thức về dân chủ hoá, phục hồi kinh tế và phân quyền thì các tổ chức Hồi giáo cực đoan đã lợi dụng một cơ chế nhà nước yếu kém để "tung hoành."

3. Hồi giáo và các tổ chức cực đoan khủng bố

Trong những năm hậu Soeharto, phe cực đoan đã gây nhiều khó khăn cho chính phủ vì họ luôn tổ chức các biểu tình và gây rối.

Một số lãnh đạo các tổ chức cực đoan này đã từng tham gia "thánh chiến" tại Afghanistan chống Nga và từ đó đã quen và thân các tổ chức Al Qaeda hay Jeemah Islamiah của Osama Bin Laden. Họ bị cáo buộc đã gây ra các vụ nổ tại một loạt nhà thờ ở hàng chục thành phố của Inđônêxia vào đêm Giáng sinh 2000 để gây chia rẽ giữa các đạo. Họ còn đào tạo lính, gây chiến tại đảo Maluku thành phố Ambon, làm mất trật tự và an ninh công cộng. Lãnh đạo Jafar Umar Thalib của Laskar Jihad cũng dùng vũ lực gây rối loạn chia rẽ Cơ đốc giáo và Hồi giáo. Một nghịch lý là khi Thalib bị cảnh sát bắt hỏi cung thì Phó Tổng thống Hamzah Haz của đảng Hồi giáo PPP lại vào thăm tận trong tù. Một trong những thủ lĩnh Hồi giáo khét tiếng là Abu Bakar Bashir, một người bị Malaixia, Philippine và Singapore tố cáo là đã âm mưu gây khủng bố tại các nước họ. Mặc dù bị tố cáo nhưng ông này được các lãnh tụ các đảng Hồi giáo như Amiens Rais (chủ tịch QH), hay lãnh tụ của đảng Golkar Akbar Tandjung ủng hộ và che chở. Đã có nhiều sự chia rẽ trong nội các vì nhiều nhà lãnh đạo Inđônêxia luôn bác bỏ việc cho rằng có các nhóm khủng bố tại Inđônêxia và các tin tình báo không được coi là chứng cớ cho vấn đề này. Hơn nữa họ cũng phủ nhận là Inđônêxia đã trở thành nơi nuôi dưỡng khủng bố được trang bị hay tiếp tế tài chính từ Trung Đông.

Từ sau sự kiện 11/9 ở New York, các cơ quan tình báo và Sứ quán Mỹ đã đưa ra nhiều bằng chứng tình báo chứng tỏ có mạng lưới khủng bố quốc tế như Jeema Islamiah và Al Qaeda ở Inđônêxia thì hầu như các lãnh đạo chính trị chẳng ai quan tâm.

Sứ quán Mỹ cũng liên tiếp đưa các tin là sẽ có khủng bố ở Inđônêxia nhưng bị các giới lãnh đạo chính trị không tin, cho là Mỹ muốn dùng con bài khủng bố để can thiệp vào nội bộ của Inđônêxia. Họ tin rằng khủng bố chỉ xảy ra tại các nước khác và không ảnh hưởng đến Inđônêxia.

Từ khi bà Megawati cầm quyền, các cơ quan tình báo Inđônêxia và Mỹ cũng bắt đầu hợp tác với nhau. Nhờ vậy, Omar al- Faruq, đại diện cho Al Qaeda ở vùng Đông Nam Á đã bị bắt. Sau khi hỏi cung, Faruq khai là đã xâm nhập các tổ chức Hồi giáo Inđônêxia và đã tiếp tay gây chiến tại Ambon đảo Moluku, tổ chức đánh bom các nhà thờ và còn mưu toan sát hại bà Megawati trong thời gian tranh cử năm 1999... Faruq cũng khai là hắn cùng A. Al Zawari phó của Bin Laden đã thăm Inđônêxia để xây dựng các căn cứ bàn đạp cho tổ chức Al Qaeda. Tổ chức này đã giúp huấn luyện quân sự - nhân sự và tiền bạc để mua chất nổ C4 do một số thành phần trong quân đội bán ra.

Gần đây khi tờ *Time* công bố tin đặc biệt về hoạt động của Al Qaeda ở Inđônêxia qua các lời khai của Faruq, các lãnh tụ chính trị kể cả Phó TT H. Haz đã lập tức bác bỏ và cho đây là âm mưu Mỹ và không có chứng cớ có khủng bố hầu gây ảnh hưởng trong nội bộ Indonexia. Chính phủ có cho trình đạo luật mới về khủng bố thì bị "ngâm tôm" ở Quốc hội, không thể thông qua. Truyền thống chính trị trung lập của Inđônêxia từ thời Sukarno vẫn còn ảnh hưởng mạnh trong cách suy nghĩ của các thành phần chính trị. Hậu quả là các đảng chính trị đều bị "ru ngủ" hay "phản ứng đà điểu" trước sự có mặt của những thành phần cực đoan thân Bin Laden. Nay sau vụ bom Bali, các thành phần Al Qeada đã làm thức tỉnh giới chính trị này và nay họ lại yêu cầu trừng phạt các thành phần quá khích. Việc này quá trễ đối với các nạn nhân vụ bom Bali, nhưng cũng may, là điều tốt cho Indonesia nói riêng, vùng Á châu và thế giới, nói chung./.

THÂM Ý CỦA MỸ TRONG VỤ IRAQ

NGUYỄN GIA TIẾN

Mấy tuần nay, thế giới sôi nổi về việc chính phủ Bush sửa soạn tấn công Iraq bằng quân sự. Lý do chính thức được Hoa Kỳ đưa ra để biện minh cho hành động này, là tiềm năng phá hoại của Saddam Hussein bằng võ khí hóa học, vi trùng, hoặc có thể cả nguyên tử. Ngoài ra Mỹ còn nói nghi ngờ Saddam có liên hệ với nhóm khủng bố Al -Qaida. Và rất có thể Mỹ sẽ đơn phương hành động, bất chấp sự đồng ý hay không của Liên Hiệp quốc và các quốc gia khác, mà trong đó Nga và Pháp là hai nước luôn luôn chống đối, tìm cách kìm hãm Hoa Kỳ.

Một số dư luận chỉ trích Mỹ là không phải lý do sợ khủng bố, mà chính là Mỹ muốn nắm lấy nguồn dầu hỏa tại Iraq.

Giả thuyết này có thể đúng, nhưng sự giải thích ngắn gọn rằng vì các giếng dầu của Saddam mà Mỹ "ra tay," đã làm nổi bật sự ngang ngạnh, hiếu chiến của "đế quốc Mỹ," mà không giúp nhận định được tầm quan trọng, thế chiến lược sinh tử của Tây Phương trong vấn đề này.

Nhóm "diều hâu" trong chính phủ Mỹ, tiêu biểu là Phó Tổng thống Dick Cheney, Bộ trưởng Quốc phòng Rumsfeld, và một số cố vấn: các "think-tank" đứng sau họ, như Richard Perle, Robert Kagan... đã có những toan tính thâm sâu khác. Khi vận dụng quân lực Mỹ trong một sứ mạng nguy hiểm, đầy thử thách và bất trắc này, có lẽ họ phải nhằm một kế hoạch quan trọng lâu dài hơn, chứ không phải chỉ vì mục tiêu đơn giản ngắn hạn là lật đổ Saddam, "con thú đen" thù nghịch, đố kỵ, của "gia đình Bush" để rồi lại rút ra, bỏ lại một xứ Iraq bất ổn, với sự sâu xé nội bộ, kiểu Afghanistan. Xét như vậy thì người ta cần tìm hiểu thêm thâm ý của Mỹ trong việc khua chiêng gõ trống, sửa soạn dư luận cho chiến dịch Iraq.

Một thực tế cần nhận định về nguồn dầu hỏa tại Trung Đông, rõ ràng là huyết mạch, sinh lực, của Mỹ và Tây Âu. Suy rộng ra, hoặc nói cách khác, tương lai của nền văn minh Dân Chủ và Kinh Tế Thị trường Tự Do, ít nhất trong nhiều thập niên nữa, nếu không là trong một tương lai chưa thể hạn định, sẽ còn tùy thuộc vào nguồn dầu hỏa ở vùng này. Thực vậy, hiện nay với sự kiểm kê mới nhất được chứng minh, thì tổng số dự trữ dầu hỏa trên toàn thế giới, (mà trong đó trên đất Mỹ chỉ có 2,1%, Nga 5,5%), riêng vùng Trung Đông đã chiếm hơn 50%. Đứng đầu là Ả Rập Saudi với 25%, Iraq đứng hàng hai với 11%, tiếp theo là Emirates 9,5%, Kuwait 9,4%, và Iran 8,7% (theo tài liệu tuần báo Le Point, Paris, ngày 20.9.02). Bảng phân tích thống kê này cho thấy tầm quan trọng vai trò của Iraq về dầu hỏa, và từ đó, trong thế chiến lược toàn cầu.

Cho tới nay, Mỹ vẫn duy trì được ảnh hưởng tại Ả Rập Saudi, Emirates và Kuwait, là dựa trên sự đồng tình của các chế độ quân chủ độc tài ở mấy nước này. Nhưng đây là một thế quân bình kéo dài trên sự bấp bênh, không bền vững, nhất là từ sau vụ khủng bố 911, các chế độ quân chủ, không mấy trong sạch này, khó có thể kiểm soát được lâu dài khối dân Ả rập bất mãn, đang sôi sục muốn nổi dậy. Nếu Mỹ tiếp tục duy trì hiện trạng (statu quo) thì những gì sẽ xảy ra? Trong ngắn hạn, vùng này sẽ là một thứ "vườn ươm cây," sẽ sản xuất vô tận các nhóm khủng bố, như đã thấy, đám không tặc 911 đa số là người Ả Rập Saudi và Ai Cập. Trong dài hạn, rất có thể sẽ có một chuỗi các cuộc nổi dậy, lật đổ các nhóm vua chúa, kiểu Khomeiny hạ bệ vua Iran hồi nào. Mỹ sẽ bị hất ra khỏi vùng này, "mất cả chì lẫn chài," như trường hợp đã xảy ra ở Iran. Một số nước "đồng minh" của Mỹ như Pháp, Nga... thường chỉ trích Mỹ, vì cho rằng việc tấn công Saddam sẽ gây xáo trộn, làm "mất thăng bằng" ở vùng này. Họ quên rằng có lẽ chính sự hiện diện của Saddam, chính cái statu quo hiện tại, mới là yếu tố luôn luôn đe dọa cho một "thế quân bình," cho một sự ổn định lâu dài!

Cho nên, giải pháp dài hạn vững bền cho vùng

Trung Đông, thì một cách hợp lý, không thể có gì khác hơn, phải là khởi sự một tiến trình "dân chủ hóa" toàn vùng. Người dân vùng này phải được ấm no, tự do thật sự, dưới các chế độ dân chủ thực sự, Thực hiện được điều kiện này chắc chắn là sứ mạng vô cùng khó khăn, như một thứ... "thiên mệnh, cứu tinh" (Messie!) , với tính cách "đội đá vá trời," nhưng có lẽ Mỹ chẳng còn con đường nào khác, bởi vì gần như sinh mạng của Hoa Kỳ và Tây Âu, hay là nền văn minh Dân Chủ Tự Do, gắn liền với nguồn dầu hỏa ở vùng này.

Thành thử, do điều kiện lịch sử đưa đẩy, những phúc lợi của một quốc gia, đôi khi trùng hợp với quyền lợi của Hoa Kỳ, thì có thể là cơ hội để phát huy, mà chẳng phải vì "thiện chí, hảo ý" gì của cường quốc này! Kinh nghiệm trong quá khứ cho thấy, khi Hoa Kỳ thắng cuộc Thế Chiến II, thì với tướng Mac Arthur, Mỹ đã chuyển hóa Nhật Bản từ một chế độ quân chủ hiếu chiến, thành một nền Dân chủ Tự Do, yếu tố cho sự bền vững, thịnh vượng ở Đông Á, trở thành đồng minh lâu dài của Mỹ. Tương tự, nước Đức phát xít của Hitler, cũng trở thành một nước Đức dân chủ thịnh vượng tại Tây Âu, thành trì ngăn chặn hữu hiệu sự bành trướng của chủ nghĩa CS, và dẫn đến sự xụp đổ của khối Liên Sô sau này.

Trở lại vùng Trung Đông, và ở thời điểm hiện nay, khi mà Mỹ, siêu cường duy nhất, "ngàn năm một thuở" có sức mạnh cho phép "qua mặt" cộng đồng thế giới, bất chấp mọi sự chống đối, vì không còn một quốc gia nào có thế lực đối trọng, Mỹ dại gì không nắm lấy cơ hội? Và tại vùng này, điểm nào thuận lợi nhất để cho quân đội Mỹ đầu tiên đặt chân tới, nếu không phải là Iraq sau khi Saddam bị lật đổ? Như với kinh nghiệm Nhật Bản, Iraq sẽ được cai trị lúc đầu bằng bộ máy quân sự Mỹ như Mac Arthur đã làm tại Nhật, trước khi chuyển tiếp dần dần sang một chính quyền dân sự Iraq. Khi Iraq đã thật sự có một nền dân chủ, là "hạt nhân dân chủ" đầu tiên trong vùng, như con bài "domino" đầu tiên lật xuống, thì "vết dầu loang dân chủ" ra toàn vùng chỉ còn là vấn đề thời gian. Và cũng như tại Nhật và Đức, quân đội Mỹ sẽ còn phải duy trì sự có mặt trong vùng một thời gian lâu dài để bảo đảm an ninh cho toàn vùng.

Nếu những diễn biến dự trù như trên sẽ xảy ra đúng như vậy trong nhiều năm tới, thì đó mới là những bảo đảm lâu dài cho nền an ninh của Mỹ và Tây Âu, và đồng thời của nền Dân chủ và Kinh tế tự do. Mới là một sứ mạng khả dĩ tương xứng với giá trị của xương máu sắp phải đổ ra của một số đông thanh niên Hoa Kỳ.

Có lẽ đây chính là kế hoạch lâu dài được phác họa bởi đám think-tank trong Bộ Quốc phòng Mỹ, và các cố vấn chung quanh Tổng thống Bush. Người ta nhớ lại là đã thấy đây đó những dấu hiệu, qua các lời tuyên bố của một số nhân vật. Cuối tháng 8 vừa qua, ông Cheney đã nói huych toẹt: "Mục tiêu của Mỹ không phải là sự trở lại Iraq của các toán kiểm tra vũ khí, ngay cả không phải là sự giải giới (désarmement) của Iraq, mà chính là sự thiết lập ở đó một nền dân chủ đa nguyên." Cheney cho rằng khi Saddam bị lật nhào, nhân dân Iraq sẽ "giang tay tiếp đón" quân đội Mỹ! Một số lý thuyết gia như Robert Kagan, đề cập đến chủ thuyết "wilsonisme võ trang" (theo danh từ "wilsonisme botté" của một học giả Pháp), để ám chỉ chủ trương phổ cập ra nước ngoài tư tưởng dân chủ Hoa Kỳ của Tổng thống Mỹ Wilson, nhưng với sự khác biệt là có thể dùng quân sự để đạt mục đích. Trong một số bài viết mới đây, Robert Kagan đã nhắc lại vai trò, sức mạnh, của Mỹ, không phải chỉ để đánh bại một thể chế độc tài hiếu chiến, mà còn có thể áp đặt, bằng quân sự nếu cần, để "tạo lập các quốc gia" (nation building) theo mô hình Dân chủ Tự do của nước Mỹ tại những vùng chiếm đóng, như Mac Arthur đã làm trước đây tại Nhật Bản. Robert Kagan tiên đoán, nếu Mỹ nhảy vào Iraq, thì nên chuẩn bị tinh thần cho dân chúng Mỹ chấp nhận là quân lực Mỹ sẽ phải ở lại vùng này lâu dài, như tại Nhật và Âu châu.

Nếu thật sự tương lai vùng Trung Đông sẽ diễn ra một cách "lý tưởng" như vậy, thì có lẽ thế giới sẽ được hưởng một thời kỷ ổn định lâu dài. Điều này làm nổi bật sự thiển cận trong việc chống đối Hoa Kỳ hiện nay ở Âu châu, nhất là tại Pháp, Nga, Đức... mà sự "chống Mỹ" nhiều khi chỉ vì đố kỵ, ganh ghét, nhiều hơn là do kinh nghiệm khôn ngoan, có viễn kiến.

Người ta hy vọng lần này, các "đỉnh cao chiến lược gia" Hoa Kỳ của Thế kỷ 21, sẽ tính toán không sai lầm, như sau Thế Chiến II đối với Nhật Bản và Đức. Chứ không phải như các chiến lược gia Mỹ của giai đoạn 1960-70, khi mà các "đỉnh cao trí tuệ" Hoa Kỳ (the best and the brightest) tiêu biểu như Mc Namara, Kissinger... tác giả của những màn "trái núi đẻ ra con chuột," đã gây nhục nhã, lụn bại, cho Hoa Kỳ trong xuốt hai thập niên, từ Đông Dương đến Iran, Nam Mỹ!

Thụy Sĩ, tháng 10, 2002

MEKONG DÒNG SÔNG TRANH CHẤP

PHẠM PHAN LONG
MekongForum

Hiện tình tranh chấp và viễn ảnh hạ nguồn

Sông Mekong mang nguồn sống cho 60 chục triệu dân nghèo nay đang biến thành nguồn tai họa giáng xuống họ, mực nước Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) bỗng rút thấp hơn vào cuối mùa khô rồi lại dâng cao hơn vào đỉnh mùa lũ, bất thường và liên tục suốt trong thập niên 90 đến nay. Hàng năm, Mekong gây thiệt mạng hàng trăm người Việt và Cam Bốt phần lớn là trẻ em. Hiện tượng lũ lụt gia tăng này không hẳn do biến đổi khí hậu (gobal warming) hay dao động nhiệt độ El Nĩno (ENSO: El Nĩno Southern Oscillation). Nếu dựa vào dữ kiện thời tiết của Cơ Quan Khí Tượng Hoa Kỳ [NOAA] về vũ lượng trên vùng Đông Nam Á vào mùa mưa năm 2000 ta sẽ không thể kết luận hiện tượng lũ lụt nặng nề xuống Mekong năm ấy là do El Nino gây ra: Tuy có nhiều nơi mưa bất thường thật nhưng mưa không nằm trên luu vực sông Mekong. Lụt năm 2000 có lẽ là hậu quả của nhiều nguyên nhân, mà có lẽ nguyên nhân chính là do con người: Từ việc phá rừng lấy gỗ bất hợp pháp ở thượng nguồn, việc chận ngang sông xây đập giữ nước rồi lại xả nước từ các hồ chứa. Theo KS Nguyễn Minh Quang thì chính các công trình thủy nông, việc nâng cao kênh đào, các đê ngăn mặn và các tuyến đường trong ĐBSCL do con người làm ra đã khiến lũ dâng cao hơn, nhanh hơn vì không thể tự nhiên chảy thoát ra biển [1]. [Hình 1]

Ông Quang viết: "Từ sau năm 1975, nhất là từ giữa thập niên 1980, ngoài việc nạo vét và nới rộng các kinh hiện có, một số lớn kinh chính và một mạng lưới kinh cấp II dày đặc đã được đào xuyên qua vùng Đồng Tháp Mười và Tứ Giác Long Xuyên và các vùng khác trên khắp Đồng Bằng Sông Cửu Long với mục đích chính là thủy nông. Hệ thống kinh nầy đã trở thành những lòng lạch thuận lợi cho nước lũ từ Kampuchea chảy vào Việt Nam sớm hơn, nhiều hơn, và nhanh hơn. Nó đã thay đổi đường thoát lũ thiên nhiên của ĐBSCL, nhất là ở vùng ĐTM và TGLX. Đồng thời, một hệ thống đê đập ngăn mặn đã được xây dựng ở cuối đường thoát lũ ở hạ lưu cùng với một hệ thống đường giao thông được nâng cao. Vì không đủ khả năng thoát lũ, hệ thống đê đập ngăn mặn và đường giao thông nầy biến thành một hệ thống "đê đập ngăn lũ" làm cản trở nước lũ trong vùng ĐTM và TGLX thoát ra biển Đông và vịnh Thái Lan. Hậu quả là mực nước ngập trong hai vùng nầy ngày càng sâu hơn và thời gian ngập ngày càng dài hơn."

Mặt khác, những năm mưa nhiều nối tiếp sau một năm mưa hiếm rất đáng lo ngại, người ta có thể để hồ chứa đầy lên quá sớm [vì sợ thiếu mưa như năm trước] rồi khi mưa vẫn tiếp tục đổ xuống hồ sẽ không còn chỗ chứa, các hồ ấy buộc phải tự cứu xả nước xuống hạ nguồn dù hạ nguồn đã chìm trong màn nước. Nếu để cho đập tràn vỡ thì còn nguy hơn, vì sóng thần sẽ đổ xuống tàn phá hạ nguồn, nên mở đập lúc đó là việc bất khả kháng. Sự việc này người viết đã trình bày trên diễn đàn Enviro-VLC của UNDP vào đầu tháng 10 năm 2000 và chỉ hai tuần sau đó, chính việc xả nước đáng tiếc này đã xảy ra cùng lúc tại các đập Đa Nhim, Trị An, Thác Mơ và Dầu Tiếng tại VN cũng sau đỉnh mùa lũ. Muốn tránh tai họa này, ngoài việc tiên đoán khí tượng chính xác để đối phó sớm, mà thể tích các hồ thủy điện cần phải tính trước đủ lớn để chứa nổi mưa kỷ lục 1000 năm hay hơn. Cả hai điều này đều đã không có và không dễ có được đối với các nước Mekong phương tiện vốn eo hẹp và chuyên viên vốn hiếm hoi.

Không phải chỉ ở Việt Nam, Cam Bốt cũng đã hứng chịu những trận lũ lụt bất thình lình trong những năm 1996-2000. Dân Cam Bốt cáo buộc các trận lũ ấy là do đập Yali của VN gây ra. Trong tháng 9, 2002, một đoạn sông Mekong tại Chiang Sean, Thái Lan đã bị lở bờ và mất hẳn đi một vùng đang canh tác dài 20 km ven sông. Người Thái cho rằng đây là do đập Mãn Loan TQ đã xả nước xuống hạ nguồn để tránh lụt trên hồ chứa, và do TQ phá hủy các cù lao trên sông không còn gì cản dòng nước như trước nữa. Theo TS Sin Meng Srun tại buổi Hội Thảo Sông Mekong năm 2000, Santa Ana College, hiện thời ngư dân Cam

Bốt đã phải gia tăng làm việc, sắm dụng cụ đánh cá để giữ mức lợi tức cũ và đối phó với tình trạng ngư sản trên sông tiếp tục giảm sút dần, cá bắt được nhỏ hơn và số giống loài mang về đang hiếm dần đi. [Hình 2]

Trước cảnh lũ lụt hàng năm, các cuộc vận động cứu giúp lũ lụt đã lan rộng từ VN ra khắp thế giới, trong và ngoài nước cùng nhau cứu lụt. Có những bà cụ tự mình làm bánh đem ra ngoài trời bán dưới gió lạnh và màn đêm gây quỹ tại các buổi trình diễn văn nghệ cứu trợ. Vận động cứu trợ cứ thế tiếp diễn sau những trận lụt hàng năm như đành chấp nhận định mạng an bài, tưởng như tai họa này chỉ có màu nhiệm thần linh mới giải quyết nổi! Thực tế không phải như vậy và đúng ra không cần phải chịu như vậy Việc nghiên cứu nguyên nhân của lũ lụt, việc thực hiện các biện pháp tránh né và giảm thiểu các tai họa, hay ít nhất là theo dõi dự phóng và báo trước tai họa cho Mekong đã không được một nỗ lực lớn nào chú tâm đúng mức với khả năng và kiến thức hiện có của nhân loại.

Những tai họa và hiện trạng này mới chỉ là những tiếng chuông báo động cho chuỗi tai họa lớn hơn và không thể cứu vãn lại từ Vân Nam sẽ dồn đổ xuống các nước hạ nguồn. Viễn ảnh lũ lụt lẫn hạn hán xảy ra liên lục và khắc nghiệt hơn xưa. Biển Hồ Ton Le Sap, một kho sinh quyển quan trọng của địa cầu [biosphere reserve] rồi sẽ bị cạn xuống, thu nhỏ lại và thêm ô nhiễm. Nước mặn sẽ xâm lấn sâu hơn nữa vào đồng bằng VN, trọng tải phù sa giảm, môi sinh duyên hải sẽ suy thoái và hủy hoại là những điều không phải nghi ngờ. Trước câu hỏi liệu có thể tránh được viễn ảnh này không, thì không một chính phủ trong số các quốc gia hạ nguồn hiện có một biện pháp gì để đối phó. Họ đều rơi trong tình thế bị động và gần như tê liệt. Thậm chí, mỗi nước đều vấp phải những công trình khai thác tắc trách ngay trên lãnh thổ mình với tai hại mà lý ra có thể tiên liệu và tránh được.

Quá trình phát triển lầm lỗi khắp lưu vực

Những thông tin khoa học về kinh nghiệm của TQ trên thượng nguồn Vân Nam rất hiếm hoi và khó kiểm chứng, nhất là những kinh nghiệm bài học quá khứ là những bí mật không được phổ biến ra ngoài. Tại Côn Minh, thủ phủ của Vân Nam, hồ Điền Trì (Dianchi), hồ này lớn hàng thứ sáu của TQ, đã bị ô nhiễm nặng nề vì nước thải từ các nhà máy luyện kim, nông nghiệp và sinh hoạt dân cư. Theo tường trình tháng 4, 2000 của Sứ Quán Hoa Kỳ tại Bắc Kinh: TQ đã tốn trên US$2 tỉ để làm sạch môi sinh nhưng theo WB ô nhiễm vẫn không thuyên giảm vì vẫn không kiểm soát hết được các nguồn chảy. Tại Dali cũng thế, Nhĩ Hải (Erhai) -hồ lớn thứ bảy của TQ- với dung tích 3 tỉ mét khối do 120 con sông ô nhiễm đổ vào. Hồ này không bị tù hãm như hồ Điền Trì nhờ chảy ra sông Xier. Xier lại chảy vào sông Mekong và đổ xuống hạ nguồn [Hình 3]. Nhĩ Hải tự hào là nơi khởi thủy của truyền thống dùng chim cormorant bắt cá thay lưới, thể hiện mục đích bắt cá để ăn không phải kỹ nghệ thương mại [2]. Ngày nay, chim cormorant không còn vất vả như xưa nữa mà vẫn giúp ngư phủ săn mồi bằng cách đứng chơi cho du khách chụp hình.

Trong chuyến quan sát tại Lào năm 1999, Aviva Imhof thuộc tổ chức International Rivers Network (IRN) đã phân tích các tác động sinh thái và xã hội của các đập thủy điện Lào xây trên các phụ lưu sông Mekong. Báo cáo "Power Struggle" của Imhof đã kết luận rằng những công trình khai thác Nam Ngum 1, Nam Ngum 2 và Nam Ngum 3, Nam Luek, Xe Kaman, Nam Theun-Hibon và Houay Ho là những dự án đã dựa vào căn bản kinh tế không vững chắc [economically shaky ground]. Có dự án đã thâm thủng ngân khoản đến 50% trước khi khởi sự. Imhof còn tố giác những cố vấn ngoại quốc đã cho chính phủ Lào, vốn là một nước nghèo, khuyến cáo sai lầm (poor advice to a poor country), nhất là lại về các dự án đầu tư to lớn ngang hàng với tổng sản lượng quốc gia của họ. Báo cáo này cho thấy thêm quân đội Lào đã lợi dụng việc khai quang làm hồ chứa, họ đã ngang nhiên phá rừng lấy gỗ trên khu diện tích rộng gấp sáu lần cần thiết và còn phá đi trước khi các dự án ấy được chấp thuận và có khi bị hủy bỏ. Aviva Imhof kết luận giới tư bản biến Lào thành thiên đường kinh tài cho họ (private investor paradise). Imhof không quá đáng trong nhận định này vì ngay như World Bank (WB) cũng đã xung phong đứng ra bảo kê các rủi ro chính trị cho các nhóm tư bản đứng sau dự án Nam Theun 2. WB đã dùng uy tín quốc tế buộc chính phủ Lào đứng ra ký nhận việc hoàn trả lại cho WB các phí tổn bảo kê ấy nếu phải xảy ra. Cuối cùng, tất cả hệ lụy từ kế sinh nhai bị thiệt hại, cưỡng bách phải di tản đã đành mà cả đến thất bại của đầu tư ngoại quốc cũng sẽ đổ hết lên đầu dân chúng [3].

Thái Lan sau khi cho xây đập Pak Mun [1994]

đã thâm lạm đến 70% ngân quỹ dự trù mà vẫn không còn tiền đền bù thiệt hại cho dân cư. Cố vấn Pak Mun cho xây thang cá (fish ladder) để cá lội ngược dòng trở về thượng nguồn sinh sản nhưng đã thất bại, vì cá Mekong không chịu hợp tác lội ngược thang như cá salmon. Hậu quả, là việc giảm sút ngư sản đã xảy ra trực tiếp tác động trên sự sống còn của 20.000 ngư dân Thái sống ở thượng nguồn. Chính phủ Thái đã phải nhượng bộ mở khóa cho đập Pak Mun và Rasi Salai chảy tự nhiên trở lại, nhờ đó tình trạng ngư nghiệp thượng nguồn đang hồi phục [4].

Tình trạng tắc trách từ những nơi mang trách nhiệm

Mekong River Commission: Hiệp Định Mekong năm 1995 do bốn nước hạ nguồn Lào, Thái, Cam Bốt, và Việt Nam chính thức ký kết thành lập Mekong River Commision (MRC) với mục đích điều hợp các dự án phát triển lưu vực Mekong. Theo KS Nguyễn Hữu Chung, Hiệp định 1995 hủy bỏ quyền phủ quyết (veto power) của các thành viên như đã có trước đó, và từ nay mỗi thành viên được tự do khai thác các sông nhánh trên lãnh thổ mình không cần các nước khác đồng ý. Hiệp định này đã không đề ra tiêu chuẩn nghiên cứu bền vững và biện pháp bảo vệ hay ngăn ngừa tác hại và nhất là không theo mô hình Công Ước Liên Hiệp Quốc. Có lẽ đây là cái giá VN đã phải trả để Lào và Thái ủng hộ VN hội nhập vào khối ASEAN và VN nhờ thế cứu vãn nền kinh tế đang kiệt quệ.

Hình 1: Bản Đồ Sâu Ngập ĐBSCL

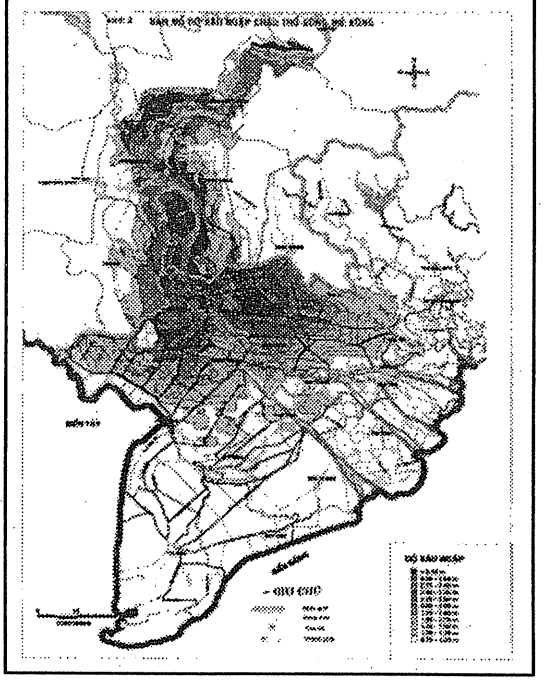

Ngay sau khi thành lập MRC, Việt Nam đã tìm cách tiến hành xây đập Yali trên sông Se San. Dự án Yali đã bị WB từ chối tài trợ vì không đạt tiêu chuẩn của WB về việc di dân. WB rút lui, thì Thụy Điển lại bước vào tặng MRC US$1.19 triệu. MRC ký một công tra trị giá US$760.000 cho công ty Electrowatt của Thụy Điển làm nghiên cứu khả thi cho Yali. Bản nghiên cứu của Electrowatt đã không quan tâm đến tác động của Yali xuống hạ nguồn, nhờ đó MRC để cho chính phủ Việt Nam vay tiền thực hiện Yali, lần này từ Russia và Ukraine không phải theo WB như trước. Cũng thời đó, có lẽ chẳng phải tình cờ mà VN đã thỏa thuận thanh toán món nợ chiến tranh (đồng Rúp) khoảng US$1.7 tỉ với Russia. Vào tháng 3 năm 2000, một trận lũ bất thường từ Yali đã đổ xuống tỉnh Ratanakiri gây thiệt hại khá nặng cho dân cư Cam Bốt. Ratanakiri đã lập bản báo cáo và phản đối VN nhưng không được bồi thường. MRC chỉ làm cuộc một điều tra cho có lệ. Việc này mang nhiều nghi vấn vì ngay từ đầu, MRC đã không thấy thiếu sót to lớn (gross negligence) trong bản tường trình của Electrowatt dù chính MRC đã trả thù lao cho họ. MRC không cho dân cư Cam Bốt và Việt Nam thông tin về Yali trong tiến trình xây dựng và điều hành. MRC trong dự án này đã thành một cơ quan bất lực hoặc thiếu trách nhiệm trước hành vi của Electrowatt. Đến nay vẫn không cơ quan nào thấy mình có lỗi gì hết mới thật lạ lùng [5].

Sau Ratanakiri, dân Cam Bốt đã gây áp lực với Asian Development Bank (ADB), khiến họ chồn bước. Việt Nam đã phải tự biết rút đơn không tiến hành việc vay tiền ADB cho hai đập Se San 3 và Se San 4 nữa. VN đã không ngừng lại và tìm ra cách lý giải rất tài tình: VN tự mình tài trợ cho hai dự án Se San này, và nhờ thế VN không còn bó buộc theo các tiêu chuẩn môi sinh quốc tế của ADB hay WB như trước nữa. Điều ly kỳ là cả ADB và WB đều đã không tài trợ cho các đập thủy điện nhiều tranh cãi, nhưng ADB và WB vẫn tài trợ cho các đường dây cao thế ngang tầm vốn để tải điện từ những dự án này về các thành phố và nông thôn. Họ coi như sự việc xây nhà máy là việc đã rồi và của riêng VN nên họ không có trách nhiệm gì. Trên thực tế, chính

ADB và WB đang góp ngang phần vốn vào cùng một kế hoạch nhưng lại tránh tai tiếng trực tiếp mà thôi. Điều tế nhị này cho đến nay còn nằm trong im lặng trên mọi diễn đàn cõ lẽ đây là điều bất lợi cho những người biết không thể nói ra.

Tuy Yali có những vấn đề như thế, khó ai dám phủ nhận nhu cầu phát triển Yali và Se San tại Việt Nam, mà ngược lại, những dự án này rất cần phải thực hiện để phát triển miền Trung Nam Việt, miễn sao nghiêm túc tìm hiểu tác động môi sinh và xã hội trên toàn lưu vực, và nhất là với sự cộng tác của dân cư Cam Bốt hạ nguồn. VN đã không làm thế, vẫn ào ạt khai thác Se San mà vẫn chống TQ khai thác ào ạt như thế ở thượng nguồn. Việt Nam đã không thấy xa để đầu tư sớm vào việc bảo vệ an toàn và môi sinh cho đập Yali và Se San để gây niềm tin tưởng và hậu thuẫn thế giới. Hấp tấp tại Yali, Se San 3 và 4, làm mất tin cậy và mất đi đồng minh Cam Bốt không thể cùng VN chống lại TQ từ hạ nguồn.

Những bài học đắt giá từ việc khai thác sông ngòi trong 50 năm qua khắp thế giới đã buộc WB ngưng hẳn việc tài trợ cho các dự án thủy điện lớn và không thể tiếp tực hoạt động nữa. Trước cảnh bế tắc này, hai tổ chức quốc tế WB và The World Conservation Union (ICUCN) đã thành lập và tài trợ cho tổ chức World Commision on Dams (WCD) quy tụ những chuyên viên thế giới kết hợp kinh nghiệm và thẩm định lợi hại của thủy điện và soạn thảo tiêu chuẩn để bảo vệ môi sinh cho các công trình tương lai. WCD đã đi đến việc công nhận những tai họa do việc khai thác sông ngòi đã gây ra trong quá khứ. WCD đã đưa những khuyến cáo chung về phương cách nghiên cứu cần thiết để nhân loại phát triển kinh tế và bảo vệ nguồn sống cho đời sau [6].

Tiếc thay, khuyến cáo của WCD đã không được các quốc gia Mekong nhìn nhận và thực hiện. Ngay cả Mekong River Commision cũng không đưa các khuyến cáo này vào kế hoạch phát triển mà họ có trách nhiệm điều hợp và quản lý. VN đã bỏ mất cơ hội đem mô hình của WCD vào cải tiến hoạt động của MRC.

Chiến thuật của Trung Quốc với bó đũa MRC

Mekong River Commission gồm Lào, Thái, Cam Bốt và Việt Nam thành hình từ năm 1995; cho đến 2001, quốc tế đã viện trợ US$80 triệu cho MRC hoạt động. MRC vẫn không hoàn thành kế hoạch phát triển lưu vực, tiêu chuẩn môi sinh hay tiêu chuẩn dùng nước và chuyển nước. Cho đến năm 2000 tất cả tài liệu của MRC đều xem như bí mật, yêu cầu phổ biến của MekongForum và của IRN đều bị khước từ viện dẫn lý do chưa ấn hành và đề nghị công chúng phải đến trụ sở MRC ở Nam Vang để tham khảo. Và hiện nay sau sự chỉ trích của NGO, MRC mới có website trên internet, một tiến bộ tuy tối thiểu cũng đáng khích lệ [7].

Nhưng MRC không phải là đối trọng trước chiến lược bẻ đũa của TQ. TQ đã tài trợ và xây đập Nam Theun - Hiboun bên Lào. Bằng số thủy điện thặng dư trên Vân Nam, TQ bán sang cho Thái Lan; bằng mối lợi thông thương từ hải cảng Simao, TQ đã thành công cùng ba nước Miến, Lào, Thái hợp tác mở rộng lòng sông Lancang cho thương thuyền tự do di chuyển trên Mekong mà không phải làm nghiên cứu tác động khả thi nào với dân cư. TQ đã làm sự hiện diện của MRC thành vô ý nghĩa. TQ còn với bàn tay xuống tận Nam Vang bằng một loạt đầu tư và tài trợ trực tiếp vào các hệ thống nước thải, xây dựng cầu, đường, chợ và cả nhà máy thủy điện của Cam bốt. TQ còn cho Nam Vang vay US$200 triệu không lấy lời. Đại lộ Mao Trạch Trông tại Nam Vang biểu lộ sự xâm nhập của ảnh hưởng TQ đà thấm sâu vào xứ này. MRC trở thành bất lực và Việt Nam rơi vào thế cô đơn cuối nguồn [8].

Trước áp lực của các NGO và dư luận khoa học bất lợi cho TQ dấy động lên bên ngoài, tháng 6 vừa qua Vân Nam đã bắt đầu cung cấp các thông tin về thủy lợi cho MRC để góp phần giảm bớt thiệt hại lũ lụt. Việc làm tốt lành này rất đáng ghi nhận cho TQ, nhưng chính sách TQ vẫn khăng khăng tuyên truyền những cái lợi TQ sẽ đem về cho hạ nguồn và không có gì là hại cả.

Kế Hoạch Đại Quy Mô và Môi Sinh Nguy Khốn của Trung Quốc

Trung Quốc là một dân tộc không ngừng tranh đấu với thiên nhiên lũ lụt, hạn hán và chiến tranh và gần đây, ô nhiễm đô thị hóa, sa mạc hóa và bụi đốt than đá đang gây lũ lụt và hạn hán thêm hay gắt [Nasa News, tháng 9, 2002] [Hình 4]. Hai thi thánh trong lịch sử TQ là Bạch Cư Dị và Tô Đông Pha đều đã được dân TQ tôn thờ không những vì thi tài mà vì hai vị đã xây Tô Đê và Bạch Đê trên Tây Hồ giúp cho dân Hàng Châu chống lại lũ lụt. Ngoài công trình Vạn Lý Trường Thành, TQ đã bắt đầu đào kinh từ 600 năm trước Tây lịch và suốt 2000 năm sang nhà Tùy và nhà Thanh trưng dụng 6 triệu dân quê để hoàn thành

Đại Vận Hà (Da Yun He hay Grand Canal), kinh này dài gần 1200 dặm nối liền sông Dương Tử với Hoàng Hà và là kinh đào dài nhất thế giới. Đáng kinh hoàng là khoảng nửa số dân công đã bỏ mình ở đó [9]. [Hình 4a] Hiện nay. Trung Quốc với 1,3 tỉ dân số đang mắc vào nạn hạn hán và sa mạc hóa trầm trọng lan rộng trên lãnh địa của họ. Sông Songhua, hằng mang nước về cho dân cư Hoa Bắc nay đã khô cạn. Nửa tỉ người sống từ Mông Cổ đến Tân Giang (Xinjiang) đang mất dần nước dùng; có đến 400 trong số 668 thành phố đang thiếu nước sinh hoạt. Chỉ cách Bắc Kinh 70 cây số, đã có những trận bão cuốn hoàng thổ từ sa mạc Mông Cổ (Gobi) thổi về bao phủ cả thành phố và làng mạc; có những đụn cát nổi lên cao đến 100 mét tiến về hướng kinh đô với vận tốc 5 mét mỗi năm. Tại Hà Bắc một đoạn của Vạn Lý Trường Thành bỗng nhiên ngoi lên từ đáy hồ cạn Phan Gia Khẩu (Pan Jiakou).

Hình 2: Các Dự Án Thủy Điện Mekong

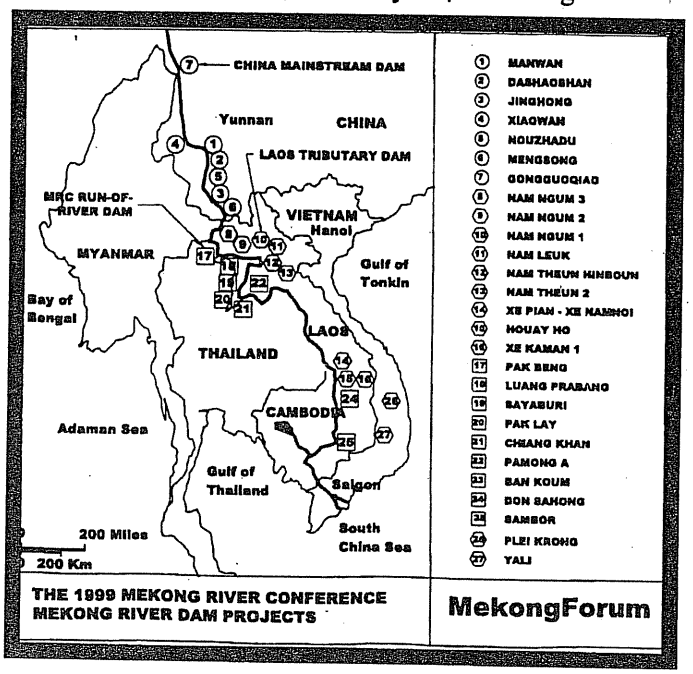

Từ thượng nguồn, Trung Quốc (TQ) tiếp tục và quyết liệt khai thác nguồn năng nượng thủy điện và tài nguyên khoáng chất của Vân Nam; không những họ không quan tâm đến sinh thái và an nguy cho dân cư của họ hay hạ nguồn mà họ còn hứa hẹn những lợi ích giả tạo như ngăn ngừa lũ lụt và chống hạn hán để trấn an dư luận. Trong thực tế, chính những dự án ngay trên TQ đã gây tai họa cho dân cư họ khủng khiếp nhiều hơn thiên tai gây ra trong lịch sử dân tộc họ. Trung bình TQ có 110 đập vỡ mỗi năm, riêng 1973 vó 554 vụ. Thực vậy, Trung Quốc xây 80.000 đập thủy điện và hồ chứa, trung bình trong 50 năm qua mỗi ngày họ làm xong một đập lớn. Sông Hoàng Hà, dài thứ bảy thế giới, đã bị trầm tích lấng đọng xuống đáy sông nâng cao hơn bình nguyên hai đến 20 m và đê cứ thế phải đắp cao hơn. Họ chuyển nước sông Hoàng Hà để bù đắp cho Hoa Bắc đến nỗi dòng sông này gần như đã không chảy ra biển (năm 1997 có đến 226 ngày). Sông Hoàng Hà -Nỗi Sầu Trung Quốc- đã gây kinh hoàng cho dân cư, thời nhà Minh, đê Khai Phong (Kaifeng) bị phá vỡ để tự vệ; rồi năm 1938 Quốc Dân Đảng đã phá đê để chống Nhật làm 900.000 người TQ bị thiệt mạng [10]. Năm 1975 trên sông Dương Tử, dài thứ ba thế giới, hai đập bằng thép do Soviet xây (thiết kế chống vũ lượng 1000 năm) ở Banquiao và Shimantan đã cùng vỡ làm thiệt mạng 230.000 người.

World Bank gần đây dự đoán rằng hai phần ba sản xuất nông nghiệp của cả Trung Quốc nằm ở Hoa Bắc lại là nơi không đủ nước dùng. Trung Quốc đang lập kế hoạch chuyển 45-60 tỉ mét khối nước từ Dương Tử lên lưu vực Hoàng Hà qua ba kinh đào; mỗi kinh dài khoảng 1000 dặm tổng cộng còn dài hơn Vạn Lý Trường Thành. Dự án khuấy nước vĩ đại này theo Eric Eckholm của New York Times (August 2, 2002) tốn khoảng US$58 tỉ, hơn cả con đập chọc trời Tam Giáp; mà Tam Giáp vốn là một công trình xây cất lớn bậc nhất của nhân loại.

Aral -thảm họa môi sinh lớn nhất của lịch sử nhân loại

Soviet Union đã xây kinh Kara Kum lấy nước thượng nguồn hai sông lớn Amu Darya và Syr Darya để tưới ruộng bông (cotton) vùng Turmenkistan và xuất cảng, họ xem bông như vàng trắng. Soviet đã biến Aral từ một biển hồ lớn hàng thứ tư hạ xuống thành hàng thứ tám của thế giới. Số nước 60 tỉ mét khối hồ này cung cấp cho nông nghiệp hàng năm đã không còn và nền ngư nghiệp đã hoàn toàn cáo chung. Mặt hồ Aral rút xuống, diện tích hồ chỉ còn một nửa và dung tích chỉ còn một phần tư. Aral nhắc nhở cho loài

người mối nguy hiểm khi con người ép buộc thiên nhiên phục vụ mục đích kinh tế thiển cận. Dự án xây kinh Seberia dài 2500 km để cứu vãn Aral quá tốn kém nên Gobachev đã phải hủy bỏ [11]. Kinh nghiệnm Aral vẫn không làm Bắc Kinh chồn chân chột dạ về đập Tam Giáp hay công trình Great Cannal trên sông Dương Tử.

Trung Quốc đã để dân số tăng quá nhanh, chăn nuôi quá sức chịu đựng của đất đai, và khai thác rừng che phủ quá sức phục hồi của tạo hóa. Sau 50 năm, Hoa Bắc đã rơi vào thảm trạng bi đát, sinh thái nông nghiệp châu thổ Hoàng Hà – cái nôi của nền văn hóa Trung Quốc – đã bị hy sinh.

Bây giờ, không thể nào tránh được nữa, Mekong tuy ở phương Nam nhưng, với tiềm năng trên 50 triệu kW thủy điện, Mekong đã thành cứ điểm trọng yếu khai thác chiến lược của Trung Quốc. Liệu Trung Quốc có quan tâm gì về hạ nguồn để tránh cho sông Mekong khỏi rơi vào cùng số phận với sông Hoàng Hà hay không? Liệu biển hồ Tonle Sap, Đồng Tháp Mười và châu thổ sông Mekong có tránh khỏi phải đón nhận các chất thải kỹ nghệ độc hại như cyanide, arsenic, acid vốn có từ các quặng mỏ từ Vân Nam chảy về hủy hoại hệ sinh thái của họ hay không? Phù sa có còn đủ để bồi đắp cho duyên hải Cà Mâu và đem dinh dưỡng giữ cho thủy hệ biển Đông được tồn tại hay không?

Hiện nay việc khai thác tiềm năng thủy điện và chứa giữ nước từ Lạn Thương giang (Lancang thượng nguồn Mekong) tại Vân Nam đã được tiến hành đại quy mô. Họ đã thực hiện xong các đập thủy điện lớn ngang dòng chính như Mãn Loan (Manwan) 1500 MW, Cảnh Hồng (Jinghong) 1500 MW, và Đại Chiếu Sơn (Dashaohan) 1350 MW. Bốn nước Trung Quốc, Thái, Miến, Lào đã thỏa thuận sẽ phá các cù lao đảo, vét lòng sông và mở rộng gềnh thác cho tàu bè trọng tải 500 tấn có thể đi từ hải cảng Simao xuống tận Chiang Khong/ Chang Sean, Thái Lan. Công tác 331 km này do mỗi nước tự thực hiện phần sông trên lãnh thổ mình. Theo tin mới nhất từ IRN thì Thái Lan đã cho đình hoãn lại phần của họ. Trung Quốc sắp khai dựng thêm đập Hiếu Loan (Xiaowan) 4200 MW, cao gần 300 m, bằng các toà nhà chọc trời 100 tầng. Họ còn các dự án lớn khác nữa như Nuozhadu (5500MW), Mengsong và Gongguoqiao.

Như thế họ sẽ tận dụng hết các tiềm năng Lạn Thương giang trên Vân Nam để phục vụ việc khai thác quặng mỏ nói trên. Người bình thường không thể nào hiểu nổi tham vọng của những lãnh chúa tại những quốc gia thiếu dân chủ. Họ say mê men quyền lực thực hiện cho bằng được những dấu ấn để lại thế gian này. Họ phải có các công trình đội đá vá trời như các con đập lớn sừng sững giữa trời trải suốt dòng sông lớn như Dương Tử hay Mekong mới thực thỏa chí bình sinh. Tiếng nói người dân và cả khoa học hoàn toàn bị đè bẹp trước những tham vọng ấy. Lý Bằng là kỹ sư thủy lợi và là người chủ xướng và cổ võ cho dự án Tam Giáp đã giao phó Tam Giáp cho vợ mình cũng là kỹ sư thủy lợi đứng ra quản lý.

Chất vấn ESCAP trên diễn đàn Phát Triển Liên Hiệp Quốc (UNDP)

Ký giả Dominic Whitling viết trên Reuters ngày 11 tháng 7, 2000, cho rằng "Đập Trung Quốc có thể giúp Đông Nam Á chống lụt gây ra vì hiện tượng hâm nóng toàn cầu." Reuters đã thuật lại lời David Jezeph, một viên chức cao cấp của ESCAP, Liên Hiệp Quốc gồm các điểm:

* Trung Quốc đã có thể chế ngự được lượng nước chảy xuống châu thổ sông Mekong nhờ họ đã làm xong ba đập và sắp làm thêm tám đập nữa.

* Đập Hiếu Loan chứa 10.000 triệu thước khối nước có thể làm giảm lũ lụt hàng năm ở châu thổ.

* Người Trung Hoa rất phấn khởi và còn đề nghị cho các nước hạ nguồn đóng góp vào việc xây dựng con đập.

* Tiềm năng US$1 tỉ thu hoạch ngư nghiệp hàng năm ở hạ nguồn không bị ảnh hưởng vì đập nằm quá xa trên thượng nguồn.

Tiến Sĩ Vũ Thanh Ca từ Tokyo đã phản kháng trên diễn đàn ENVIRO-VLC của UNDP, ông cho rằng thủy điện thượng nguồn gây nguy khốn cho hạ nguồn và đưa ra nghiên cứu của GS Wolanski của Australian Institute of Marine Science về nguy hiểm cho duyên hải VN và trích bài viết của Kỹ Sư Nguyễn Minh Quang trên diễn đàn này.

Cùng lúc, MekongForum từ California nhận thấy nguy hiểm của nguồn thông tin tuyên truyền bất lợi cho VN của Reuters nên đã trực tiếp phản đối với David Jezeph, cho những lời tuyên bố của ông ta trên Reuters là tắc trách và coi thường các nguy cơ sẽ gây ra cho dân cư lưu vực. MekongForum đã thách đố David Jezeph và cả ESCAP đứng ra bảo đảm là các đập Vân Nam sẽ không gây tai hại cho dân cư hạ nguồn Mekong như ông đã phát biểu trên Reuters.

Trước phản ứng đồng loạt này ngay trên diễn đàn UNDP, Jezeph đã viết thư phủ nhận những điều đăng trên Reuters và lên tiếng phản đối ký giả Whitling đã không tường thuật chính xác cuộc phỏng vấn và cho biết máy thu băng của Whitling đã bị... hỏng không kiểm chứng được. Ngay ngày hôm sau, Scott McDonald, Bureau Chief của Reuters đã cho đăng một bài khác với chủ đề là việc cắt giảm ô nhiễm khói carbon và không đề cập gì đến các đập Vân Nam và lợi ích nào của chúng nữa.

Sức ép Trung Quốc trên châu Á: Phát triển kinh tế toàn cầu

Sức ép của đồng Đô La Mỹ trên nền kinh tế toàn cầu đẩy các nước nghèo dân đông và có tài nguyên cạnh tranh lẫn nhau cung cấp nhân công và sản xuất rẻ và khai thác tài nguyên phục vụ cho những nước Tây Phương giàu, tài nguyên khan hiếm, luật lệ gắt gao và nhân công đắt đỏ. TQ đang ở vào cảnh này, vì đông dân (21% dân số thế giới [12])TQ vắt cạn thiên nhiên của mình và chèn ép các nền kinh tế nhỏ quanh mình. Ký giả Jane Perlez đã trình bày trên NY Times ngày 28 tháng 6, 2002, là: "TQ đã vượt qua Hoa Kỳ trở thành quốc gia có ảnh hưởng kinh tế nhất Á châu. Thủ Tướng Mã Lai Mahathir Mohamad đã tuyên bố: 'Chúng tôi muốn sống với thực thế là có Trung Quốc hiện diện và sẽ thành một TQ rất giàu, rất lớn mạnh về kinh tế.' Đại diện Hoa Kỳ Robert Zoellick đã khuyên các nước ASEAN nên đoàn kết lại thành một khối mới mong cân bằng nổi áp lực của TQ." Trên thực tế, Mã Lai và Singapore đều đã nhận ra TQ là một thực thể quyền lực kinh tế ảnh hưởng sâu sa vào nền kinh tế của họ.

Trong khi khắp châu Á trải qua suy thoái kinh tế vào năm 1997 thì TQ đã duy trì được mực độ phát triển và trên đường khuynh loát châu Á. Tuy tổng sản lượng quốc gia, GDP của TQ kể cả Hongkong vẫn còn ở mức rất thấp US$1.200 tỉ (3.67 % tổng số của thế giới [13]) [Bảng 1] và một số các chuyên gia kinh tế chưa xem TQ là một thế lực kinh tế đáng kể, nhưng dựa vào vận tốc tăng trưởng và mức độ xuất cảng thì ngược lại TQ rất đáng lo ngại vì dần dần TQ sẽ không có đối trọng. Cố vấn kinh tế Henri C. Liu đã tường trình trên Asia Times ngày 23, tháng 7, 2002 về xuất cảng từ các nước như sau: Mỹ US$781 tỉ, Đức US$551 tỉ. TQ US$463 tỉ. TQ đã vượt qua Anh, Pháp (và Nhật). Nhưng số liệu đáng ngại và ý nghĩa hơn là mức tăng trưởng xuất cảng của Hoa Kỳ chỉ có 11% , Đức 1% ; Trung Quốc lại đến 36% và cộng với Hong Kong là 19% trong khi Nhật lại đang sút giảm 10%. TQ sẽ nhanh chóng đuổi kịp Hoa Kỳ sẽ vượt lên hàng đầu trong vài năm tới, vị trí bá chủ thế giới của Hoa Kỳ đã bị TQ thách thức từ châu Á.

Một khi Trung Quốc khuynh đảo được kinh tế châu Á, họ sẽ đi đến việc ép buộc các nước trong vùng sử dụng nhân dân tệ thay vì đô la Mỹ. Từ đó chính TQ sẽ không cần nhiều dự trữ ngoại tệ và có thể ung dung độc lập tài trợ các phát triển kinh tế của mình. Ngày nay, TQ đã nhập vào WTO, TQ sẽ tiến nhanh hơn, NAFTA và EU cần cảnh giác để giữ thăng bằng mậu dịch.

Trung Quốc đang trên đà thực hiện một chiến lược phát triển kinh tế toàn cầu với các công trình vĩ đại chưa từng có trong lịch sử dân tộc họ. TQ trong cuộc cạnh tranh này sẽ đưa tổng sản lượng quốc gia của nền kinh tế TQ theo kịp các nước Âu Mỹ. Nhóm lãnh đạo Bắc Kinh đang âm thầm nhưng ráo riết gây ảnh hưởng kinh tế, chính trị và văn hoá khắp thế giới. Riêng vùng Mekong, sự thẩm thấu ảnh hưởng của TQ vào các nước hạ nguồn như Lào, Cam Bốt, Thái Lan đã rõ nét đến mức đáng quan ngại nếu không nói đã là một thách đố chiến lược cho những ảnh hưởng khác trong vùng này và cả thế giới. TQ thành công buộc Việt Nam giải quyết các tranh chấp về biên giới trong tư thế thượng phong của một kẻ mạnh từ thượng nguồn. Kế hoạch phát triển TQ sẽ gây e ngại cho Việt Nam. Mekong là một phần cốt yếu trong kế hoạch phát triển toàn bộ Trung Quốc. Sự nhân nhượng cần thiết cho sự sinh tồn của dân cư hạ nguồn trở thành vô nghĩa trước kế hoạch vĩ đại của họ.

Mối tương quan liên kết hé mở: Ống Dầu Xuyên Đông Nam Á

Tranh chấp sông Mekong nằm trong khuôn khổ một cuộc tranh chấp toàn khu vực, nên muốn giải quyết tranh chấp này để ổn định lâu dài cần phải dựa vào một căn bản liên đới toàn diện và vào phúc lợi công bằng toàn vùng. Mối tranh chanh chấp trên biển Đông và quyền lợi trên thềm lục địa cũng thế, sẽ phải nằm trên cùng một bài toán chiến lược của mỗi quốc gia. Gần đây, dự án ống dầu xuyên Đông Nam Á [Trans-Asean Gas Pipeline] đã phôi thai và hé mở hứa hẹn là một dự án chung mang lợi về cho cả khối ASEAN có thể giúp ASEAN xóa đi tranh chấp. Dự án ống dầu 4200 km này tốn khoảng US$7 tỉ sẽ nối kết

lại các giếng dầu của Phillipines, Indonesia, Malysia, Thailand và Việt Nam [14].

Dự án "Trans-Asean Gas Pipeline" đã thiếu vắng một thành viên vô cùng lợi hại không nên thiếu đó là Trung Quốc. TT Indonesia, bà Megawati đã khôn ngoan đi thăm TQ hai lần liền trong năm qua vì nhìn thấy được nhu cầu năng lượng của TQ sẽ phải tăng gấp đôi trong thập niên tới [Bảng 2]. Nếu ASEAN nới rộng dự án ống dầu này qua Dung Quất và lên tận Vân Nam, nó sẽ trở thành một dự án có khả năng gắn bó quyền lợi ASEAN vào với TQ. Lúc đó TQ sẽ thấy việc khai thác Mekong thủy điện không phải là con đường độc nhất để phát triển Hoa Nam. Việc TQ dùng võ lực để áp đảo các nước khác trên biển Đông chưa chắc đã giữ yên mà khai thác được họ sẽ có lý do hợp tác với khối ASEAN và VN trong một tương quan lưu vực và khu vực có lợi hơn cho TQ so với toàn cầu. Những việc lớn cần đến những viễn kiến lớn và khả năng kịp thời nắm lấy cơ hội: Trans-Asean cần nhìn xa hơn nữa và nên biến thành Trans-Asia Gas Pipeline.

Tài Liệu Tham Khảo

[1] http://www.vastvn.org/qglutxn.html

[2] http://chinaguides.shanghai-window.com/destination/yunnan/dali/erhai.asp

[3] http://www.irn.org/programs/mekong/index.asp?id=/programs/mekong/ps.ch1.html

[4] http://www.irn.org/programs/seasia/

[5] http://www.irn.org/programs/mekong/break.000801.html

[6] http://www.dams.org/report/

[7] http://www.mekonginfo.org/

[8] http://www.atimes.com/atimes/others/Mekong.html

[9] http://www.hyperhistory.com/online_n2/maptext_n2/grandcanal.html

[10] Insight Guides: China tr.64,195,252

[11] http://www.american.edu/ted/ARAL.HTM

[12] http://www.eia.doe.gov/emeu/iea/tableb1.html

[13] http://www.eia.doe.gov/emeu/iea/tableb2.html

[14] Asia Pulse July 17, 2002

[15] http://www.eia.doe.gov/emeu/iea/table62.html

Bảng 1: Tổng Sản Lượng Quốc Gia 1995 Tỉ US$ [Tính Theo Hối Suất 1991] [13]

Region/Country	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000
World total	25874	27097	27568	28398	29195	30155	31116	31631	32403	32893
USA%	25.31%	24.91%	25.13%	25.38%	25.35%	25.42%	25.72%	26.39%	26.81%	27.51%
Germany%	9.02%	8.81%	8.56%	8.51%	8.42%	8.21%	8.08%	8.12%	8.02%	8.15%
France	5.77%	5.58%	5.44%	5.37%	5.32%	5.21%	5.14%	5.24%	5.27%	5.36%
UK%	3.96%	3.79%	3.81%	3.86%	3.86%	3.83%	3.84%	3.88%	3.88%	3.94%
Japan%	19.76%	19.06%	18.80%	18.36%	18.13%	18.24%	17.82%	17.02%	16.40%	16.24%
Taiwan%	0.76%	0.78%	0.81%	0.84%	0.87%	0.89%	0.92%	0.95%	0.97%	1.02%
Russia%	0.00%	1.63%	1.46%	1.24%	1.16%	1.08%	1.06%	0.99%	1.00%	1.06%
China&Hongkong %	2.11%	2.27%	2.50%	2.70%	2.88%	3.03%	3.18%	3.30%	3.44%	3.67%

Source: US DOE 4/23/2002

Bảng 2: Tổng Số Điện Năng Tiêu Thụ [Tỉ Kwh] [15]

Region/Country	1991	1992	1993	1994	1995	1996	1997	1998	1999	2000
World Total	10,777	10,860	11,112	11,389	11,804	12,152	12,469	12,752	13,107	13,719
USA%	26.66%	26.57%	26.89%	27.00%	26.79%	26.75%	26.42%	26.85%	26.71%	26.39%
Germany%	4.41%	4.31%	4.19%	4.12%	4.06%	3.99%	3.89%	3.86%	3.76%	3.66%
France	3.23%	3.27%	3.20%	3.15%	3.11%	3.16%	3.04%	3.09%	3.06%	2.98%
UK%	2.73%	2.72%	2.69%	2.64%	2.62%	2.64%	2.56%	2.63%	2.60%	2.51%
Japan%	7.34%	7.35%	7.26%	7.53%	7.47%	7.40%	7.44%	7.27%	7.21%	6.88%
Russia%	0.00%	8.12%	7.49%	6.43%	6.27%	6.01%	5.78%	5.60%	5.58%	5.59%
Taiwan%	0.78%	0.83%	0.88%	0.93%	0.89%	0.92%	0.95%	1.00%	0.99%	1.02%
China&Hongkong %	5.80%	6.41%	6.94%	7.39%	7.73%	7.89%	8.18%	8.22%	8.53%	9.05%

Source: US DOE 4/30/2002

Tường trình từ Vân Nam

ĐẾN VỚI CON ĐẬP MANWAN

Gửi Nhóm bạn Cửu Long
"One may say that the Mekong is unknown to us.
Nevertheless this river... offers a fruitfield for discovery."
French Commission of Mekong Exploration, 1886

NGÔ THẾ VINH

Vào Trung Quốc đã trở thành dễ dàng trong những năm gần đây, và càng dễ dàng hơn nếu du lịch theo nhóm có hướng dẫn với lộ trình định sẵn. Nhập cảnh Trung Quốc với lý do cá nhân lại là một vấn đề khác. Cho dù là đổi mới, dẫu sao Trung Quốc vẫn còn là xứ sở của toàn trị và công an, rất kỵ với nhà báo, nhà văn hay bất cứ nghề nghiệp nào liên quan tới truyền thông và kể cả các tu sĩ truyền giáo.

Cho dù chủ đích là một chuyến du khảo / *fieldtrip* về khúc thượng nguồn con sông Mekong và các con đập Vân Nam nhưng chọn lựa dễ dàng nhất vẫn là lý do du lịch và nghề nghiệp thì chắc chắn không phải là nhà báo. Tôi cũng hiểu rằng nếu phải ghi lộ trình chi tiết thì cũng nên tránh nhắc tới địa danh rất "nhậy cảm" như Tây Tạng.

Đặt chân vào Trung Quốc, trở ngại trước mắt là hàng rào ngôn ngữ. Từ bốn tháng trước, qua giới thiệu của anh Trần Huy Bích với anh Trương Khánh Tạo ở Oklahoma, tôi đã được anh Tạo sốt sắng giới thiệu với anh Hoàng Cương người bạn thân thiết hoạt động cách mạng còn kẹt lại Côn Minh từ năm 1946. Hơn nửa thế kỷ sống ở Vân Nam, thông thạo tiếng Trung Hoa, anh Cương sẵn sàng giúp khi tôi qua vào tháng Chín. Nhưng gần tới ngày đi thì được tin anh Cương vì lý do riêng phải về Việt Nam và sẽ không có mặt ở Vân Nam. Không dễ dàng để thay đổi lịch làm việc ở bệnh viện, tôi vẫn phải thực hiện chuyến đi theo dự định, với thái độ sẽ *"phản ứng theo hoàn cảnh."* Cũng nghĩ rằng với các hàng rào ngôn ngữ ấy, trước đây tôi vẫn thực hiện các chuyến đi Lào và Cam Bốt như ý muốn.

Trước chuyến đi, thật là xúc cảm khi được tin anh Trương Khánh Tạo đã không còn nữa. Rất riêng tư, những dòng chữ viết về chuyến đi Vân Nam này xin được gửi tới anh Trương Khánh Tạo và gia đình Anh như một tỏ lòng tưởng nhớ.

Côn Minh ngày nay

Bằng chuyến bay của China Southern từ Los Angeles ghé Quảng Châu — vốn đã là một thành phố lớn và hiện đại trong số các tỉnh miền nam của Trung Quốc, từ đây phải đổi máy bay để tới Côn Minh, thủ phủ của Vân Nam.

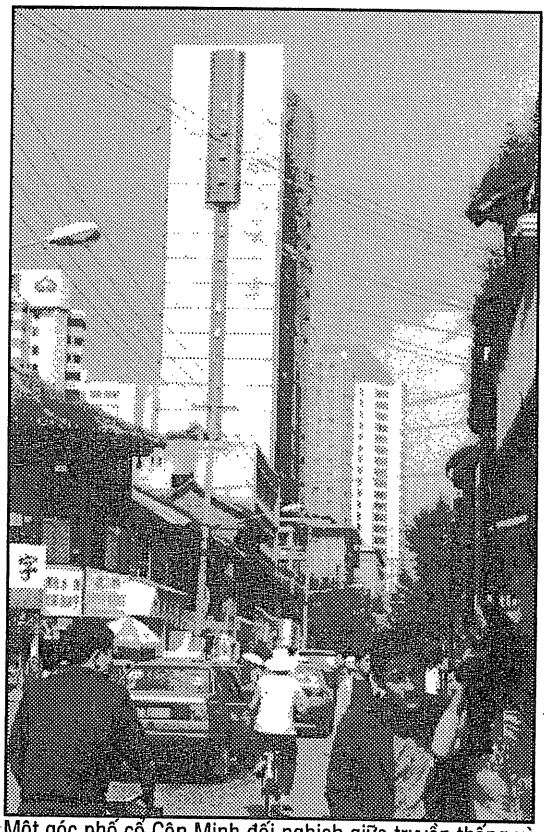

Một góc phố cổ Côn Minh đối nghịch giữa truyền thống và canh tân.

Trung Quốc là một đất nước vĩ đại được hiểu theo nhiều ý nghĩa. Chỉ riêng tỉnh Vân Nam cũng đã lớn hơn Việt Nam, diện tích 394,000 km2 dân số chỉ có 35 triệu (so với Việt Nam 340,000 km2, dân số đông gấp đôi).

Từ cửa máy bay nhìn xuống, Côn Minh mang vóc dáng của một thành phố lớn Âu Mỹ. Phải từng được sống ở một Côn Minh cũ, trở lại thăm mới thấy được sự đổi thay toàn diện và triệt để như thế nào:

"Côn Minh nơi chúng tôi đã ở đó 50 năm về trước, ngày nay đã hoàn toàn đổi khác, nhà cửa, phố xá hẹp cũ đã không còn nữa thay thế bằng những tòa lâu đài đồ sộ và đường xá rộng thênh thang, có đường riêng cho người đi bộ, đường riêng cho người đi xe đạp và nhiều cây cầu lớn bắc ngang qua đường, dưới cầu có đường hầm cho khách bộ hành qua đường và biến thành khu chợ to lớn dưới hầm.

Có thể nói thành phố Côn Minh 50 năm về trước đã bị san bằng để xây dựng một thành phố tân kỳ kiểu Âu Mỹ khiến ngày đầu tiên đến Côn Minh, khi chưa tìm được bạn cũ, tôi không tìm ra được những nơi trước đây tôi có nhiều liên hệ. Khí hậu Côn Minh ôn hòa, suốt năm không nóng không lạnh quá. Tôi nhớ lại hồi xưa anh Tam [Nhất Linh] đã nói với tôi rằng: nếu được về hưu, anh sẽ chọn Côn Minh thay vì Đà Lạt."

Đó là cảm tưởng của anh Trương Khánh Tạo khi trở lại thăm Côn Minh. Sự thực thì sự đổi thay mau chóng ấy mới chỉ trong vòng một thập niên gần đây thôi, *từ ngày có nguồn thủy điện dồi dào của con đập Manwan.* Người tài xế đã nói với tôi như vậy.

Wu là người Vân Nam đầu tiên tôi tiếp xúc, 28 tuổi một thanh niên khỏe mạnh, là tài xế đón khách ở phi trường, nói tiếng Anh lưu loát và có vẻ hiểu biết, đưa tôi từ phi trường về Holiday Inn Côn Minh, một khách sạn mới bốn sao 242 buồng theo tiêu chuẩn Mỹ. Nơi mà tôi hy vọng không phải gặp ngay trở ngại ngôn ngữ và cũng từ đây có thể tìm ra một người tài xế của một *Travel Agency* biết chút ít tiếng Anh.

"Ở cao độ 2,000 mét trên mặt biển, từ một Côn Minh cũ kỹ, bụi bặm và cả rác rưởi thì nay là một Côn Minh rất khác như anh đã thấy." Wu nói với chúng tôi. Trên đường về khách sạn, vào bên trong thành phố, nếu không còn nhiều xe đạp, thì đó là hình ảnh một thành phố hiện đại như ở Mỹ. Đường rộng và đẹp với những vồng hoa tươi đủ màu. Sự sạch sẽ trên các đường phố là điều đáng ngạc nhiên.

Wu hãnh diện giải thích. Chính người dân Côn Minh tự thấy rằng đây là thành phố của họ, nên họ yêu mến muốn giữ gìn và làm đẹp cho nó.

Đủ ăn đủ mặc cho 1.2 tỉ người có lẽ là một giai đoạn đã vượt qua. Đó là cảm tưởng tôi có được sau những ngày ở Vân Nam. Không thấy bóng dáng hành khất. Rải rác trên đường phố là hình ảnh các công nhân vệ sinh khỏe mạnh trong đồng phục bảo hộ lao động, họ vẫn dùng chổi quét và kẹp nhặt từng cọng rác. Những ngày sau này, cũng hình ảnh những công nhân quét đường ấy thấp thoáng trên những khúc xa lộ mới rất xa thành phố nhưng luôn luôn được giữ sạch tới láng nhẫy.

Chỉ qua những trao đổi ngắn trên đường đi, tôi đã có quyết định rất nhanh là chọn Wu và chiếc xe Mitsubushi của anh ta cho những ngày ở Côn Minh. Ngay suốt nửa ngày còn lại hôm đó, Wu đưa chúng tôi đi thăm thủ phủ Côn Minh, thăm cả một vài góc phố hiếm hoi của một Côn Minh cũ với những căn nhà mái cong mang nhiều dấu vết rêu phong của thời gian. Không xóa hết, có lẽ đây là phần người ta còn muốn giữ lại như một tương phản giữa truyền thống và canh tân. *[Hình 1]*

Tới thăm Đại Học Vân Nam, cảnh trí vẫn y như vậy, giống như mô tả trong hồi ký gia đình, *"Nguyễn Tường Bách và Tôi"* của Hứa Bảo Liên: *" Đây là một trường đại học lớn nhất của tỉnh này, chiếm cả một ngọn đồi lớn. Trên đồi toàn là những cây thông cây bách cao lớn, những con sóc nhảy từ cây nọ sang cây kia nhanh như cắt. Mỗi khi vào trường mọi người phải leo lên 99 bậc thang đá. Trong trường có nhiều kiến trúc đẹp và kiên cố toàn dùng những miếng gạch đỏ xây thành."*

Vẫn có đó những bước nhảy chân sóc nhanh như cắt ấy, vậy mà đã hơn nửa thế kỷ bão táp đã qua đi của một thời kỳ cách mạng Việt Nam với những tháng ngày bôn ba của những tên tuổi như Nhất Linh, Hoàng Đạo, Nguyễn Tường Bách...

Nhưng sự nguyên vẹn của đại học Vân Nam cũng chẳng còn tồn tại được bao lâu nữa vì trước mắt, những tòa nhà cổ xưa từ mấy trăm năm cũng đang từng phần bị phá đi để thay thế bằng những công trình kiến trúc hiện đại.

Thời gian của chuyến đi Vân Nam thì hạn hẹp, với mục đích rõ ràng là đến với khúc thượng nguồn con sông *Lan Thương* (Lancang Jiang tên Trung Hoa của con sông Mekong), tôi tiếp tục tìm hiểu xem chính Wu hay các mối liên hệ của anh ta có giúp tôi được gì không trong thực hiện mục đích chuyến đi này.

Qua câu chuyện trao đổi, được biết thêm về Wu, người gốc Hán tốt nghiệp đại học bốn năm, là giáo viên dạy toán, một vợ một con nhưng lương ít. Với cơ hội của một Trung Quốc mở cửa, Wu bỏ nghề giáo chuyển sang nghề lái taxi, lại có vốn liếng tiếng Anh nên có thể đồng thời hướng dẫn khách du lịch. Lương nay đã tăng gấp sáu

lần so với nghề nhà giáo, khoảng 600 đôla / tháng, có thể mua nhà trả góp thay vì thuê và sẽ hoàn toàn sở hữu căn nhà sau 20 năm.

Wu tự tin, bày tỏ mạnh dạn về các vấn đề chánh trị và xã hội của Trung Quốc. Chẳng hạn: Đài Loan dứt khoát là một tỉnh của Trung Quốc, không còn gì để phải tranh cãi. Mao Trạch Đông thì vẫn được kính trọng. Đặng Tiểu Bình được nhân dân Trung Quốc biết ơn vì mở ra một thời kỳ phát triển và thịnh vượng cho nước Trung Hoa. Thế còn chủ tịch Giang Trạch Dân? Cũng vậy thôi, ông ta quá mềm yếu / *too soft* nhất là với Mỹ khiến nhân dân Trung Quốc giận dữ. Như vụ để cho máy bay Mỹ đáp xuống đảo Hải Nam thay vì phải bắn rơi. Dẫu sao, bù lại Trung Quốc biết được thêm nhiều về kỹ thuật hàng không do thám của Mỹ.

Không quá ngây thơ để không nghĩ rằng những tài xế taxi hay hướng dẫn du lịch lại chẳng liên hệ gì tới công an, do đó tôi chỉ đưa ra những câu hỏi hồn nhiên chứ dứt khoát không để mở ra cuộc tranh luận.

Bữa ăn tối hôm đó Wu đưa chúng tôi tới một nhà hàng nổi tiếng về món *"Bún Qua Cầu,"* đơn giản chỉ là một tô nước dùng nóng sôi ngậy một lớp mỡ, khi ăn thì thả bún và những lát thịt thái mỏng vào, thêm một muỗng ớt đỏ, giống như món lẩu nhưng không có một bếp lò trước mặt. Đó là một bữa ăn nóng theo đủ cả ý nghĩa của chữ ấy. Các cô tiếp viên gốc Hán nhưng lại mặc theo trang phục rực rỡ của sắc tộc Di. Khách tới thăm Vân Nam không thể không nghe cái giai thoại thơ mộng và được giới thiệu đến với món ăn này.

Vào đời nhà Thanh, có chàng hàn sĩ quyết tâm đèn sách để chờ ngày về kinh đô dự thi. Chàng rời gia đình, dọn ra một hòn đảo nhỏ trên hồ để tập trung vào việc học. Hàng ngày, người vợ trẻ từ nhà phải vượt một cây cầu tre dài qua tận bên đảo đem bữa ăn đến cho chồng nhưng tới nơi thì thức ăn đã nguội lạnh. Tình cờ một hôm người vợ khám phá ra rằng nếu như có đổ một lớp mỡ dầy trên tô canh từ nhà thì vẫn giữ được thức ăn nóng cho tới khi gặp chồng. Tuy được giới thiệu là *"ngon tuyệt"* nhưng chúng tôi không thể nào theo kịp Wu để có thể dứt điểm một *"tô xe lửa ngậy mỡ động vật"* như vậy. Nhiều dầu mỡ và cay nóng là đặc tính của các món ăn Vân Nam.

Đêm hôm đó cũng là đêm đầu tiên ở Vân Nam, nhìn ra từ tầng lầu 9 của khách sạn Holiday Inn, trước mắt là cả một *"Côn Minh rực sáng"* dĩ nhiên với nguồn điện từ con đập Manwan, đập thủy

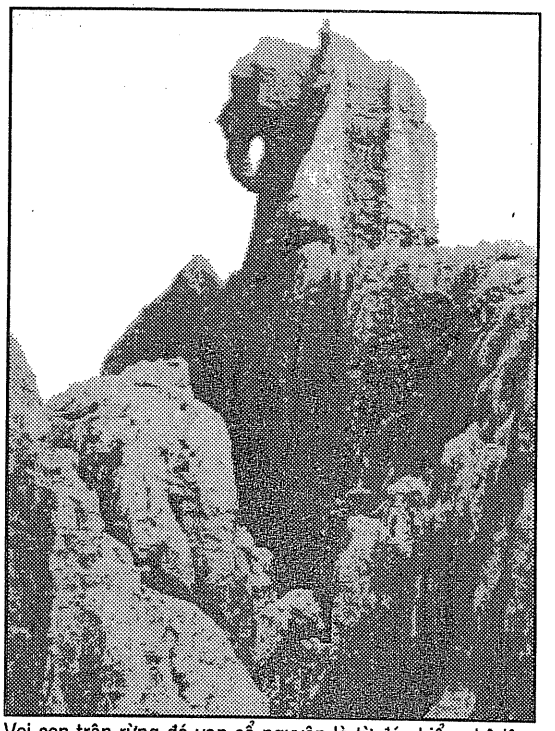

Voi con trên rừng đá vạn cổ nguyên là từ đáy biển nhô lên.

điện đầu tiên trong chuỗi 14 con đập bậc thềm trên khúc thượng nguồn con sông Mekong. Côn Minh ngày nay như biểu tượng phát triển của Vân Nam — nhưng bằng cái giá nào phải trả cho cư dân nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long và các quốc gia hạ nguồn thì vẫn còn là một ẩn số.

Rừng đá vạn cổ

126 km theo quốc lộ 320 hướng đông nam, hai bên đường mướt một màu xanh với những vườn cây trái, với cả những con lạch nhỏ và suối. Đủ loại trái cây tươi mới hái từ trong vườn ra, còn dính theo cả lá cành được bầy ra ven lộ bán cho du khách: những trái lê, đào, hồng giòn, măng cụt... Đất Vân Nam nổi tiếng về cây trái: đào Vân Nam có tiếng là thơm ngọt, tôi chưa bao giờ thấy được những trái lê bát lớn và đẹp đến như vậy với lớp vỏ xanh mượt mà. Đây sẽ là món quà thật quý từ Vân Nam nhưng trái cây lại là thứ quốc cấm không được phép đem vào Mỹ. Wu bảo đất ở cao nguyên Vân Nam tốt cho cây trái nhưng lại không tốt cho lúa nên muốn có gạo ngon thì phải nhập từ Thái Lan.

Đường xe lửa cũ từ Côn Minh xuống tới Hà Nội Hải Phòng làm từ thời Pháp (1904-1910) nay được thay thế bằng hệ thống đường rày mới.

Song song với quốc lộ lúc nào cũng hai chiều tấp nập những xe vận tải lớn *Dong Feng — Gió Đông* chế tạo tại Trung Quốc. Từ thủ phủ Côn

Cổng vào khu Đập Thủy Điện Manwan (Thị xã Yunxian, Đập Manwan)

Minh về hướng đông đi Thượng Hải, người ta đang làm thêm một công trình cầu đường với xa lộ *8 lanes* để đáp ứng nhu cầu giao thông và nổ bùng kinh tế của Côn Minh. Cách khoảng hai bên đường, là những trạm xăng của *Petro-China* rộng thênh thang có từ 20 tới 30 cây xăng mỗi trạm. Liệu có bao nhiêu thùng dầu ấy có gốc gác từ những túi dầu Biển Đông quanh các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. *China Telecom* và *China Mobile* là hai công ty khổng lồ đang cạnh tranh cung ứng điện thoại di động được sử dụng tràn ngập bởi 1.2 tỉ người dân Trung Quốc.

Khu Rừng Đá, cùng tuổi với rặng Hy Mã lạp Sơn, và cả vùng cao nguyên Tây Tạng — *[cao nguyên Tây Tạng là nơi phát xuất các con sông lớn như mạch sống cho toàn vùng châu Á trong đó có con sông Mekong]*. Có cùng một lịch sử địa chất, khoảng 300 triệu năm trước do va chạm của hai khối tiền lục địa tạo nên các cơn địa chấn với sức ép khổng lồ dồn liên phía bắc tạo nên một địa hình mới nổi bật với sự hình thành dãy Hy Mã Lạp Sơn và cả vùng cao nguyên Trung Á. Khu Rừng đá rộng 80 mẫu tây như một kỳ quan của tỉnh Vân Nam. Nguyên là một vùng đáy biển bị dồn lên cao, nước biển rút ra để trơ lại một vùng núi nham thạch bị nước, gió và thời gian xói mòn tạo nên một địa hình kỳ lạ với vô số những chỏm đá cao và những rãnh cắt ngang. Rừng thay vì cây xanh nhưng lại là những *cây đá* chi chít với đủ hình dạng gợi trí tưởng tượng phong phú của người dân Vân Nam với những tên gọi thơ mộng: vũng gươm, voi con, nấm bất tử... *[Hình 2]*

Vân Nam xứ sở của những giai thoại. Tới với *Rừng Đá* không thể không được nghe kể câu chuyện về một chàng trai tuấn tú tên *Ahei* vào trong *khu Rừng Đá* để tìm cách giải thoát cô gái trẻ đẹp *Ashima* đang bị giam cầm. Nhưng tên phù thủy độc ác đã tạo nên một con lũ cuốn *Ashima* băng ra khỏi hang đá, và từ đó *Ashima* vĩnh viễn xa *Ahei* nhưng linh hồn nàng thì vẫn trở về với *Thạch Lâm* như một âm thanh vang vọng. Một mình đi vào khu rừng đá là như lạc vào một mê lộ không dễ mà tìm ra lối về.

Vào mùa này, du khách đa số là người Hoa. Cuộc sống bắt đầu sung túc họ có nhu cầu du lịch, đi thăm một đất nước mênh mông với bao nhiêu là danh lam thắng cảnh, mà chưa cần phải khó khăn xin visa đi du lịch nước ngoài. Mỗi toán chừng 20 người đi theo một cô hướng dẫn tay cầm một cây cờ màu để nhận diện. Toán chúng tôi chỉ có ba và Wu thì đã quá quen thuộc với từng đường đi nước bước trong khu rừng đá như với đường chỉ tay của chính mình.

Tràn ngập quanh khu Rừng Đá là các cô sinh viên gốc Hán má phấn môi son, bận trang phục đầy màu sắc của sắc tộc Di, sẵn sàng làm người mẫu đứng chụp hình với du khách hay làm người hướng dẫn.

Thương mại hóa cao độ các tụ điểm du lịch là một hiện tượng thấy được ở khắp nơi từ khu đền đài Angkor Siem Rep tới rừng đá Shilin Vân Nam. Màn trình diễn high-tech *"âm thanh và ánh sáng"* thật hoành tráng bên hồ sen bên ngoài khu rừng đá mỗi đêm kết hợp với kỹ thuật tia *laser* diễn lại truyền thuyết nàng Ashima được kể là một show rất ăn khách nhưng chúng tôi không có nhiều thời gian ở lại qua đêm chỉ để xem một màn show như thế.

Trên đường trở lại Côn Minh cùng ngày, tôi bảo đùa Wu là hướng dẫn đoàn du khách mà quên

không mang theo một cây *"hồng kỳ"* và cũng hỏi Wu có biết hát bài *"Đông Phương Hồng."* Không chờ được yêu cầu, Wu hát giọng rất mạnh và nồng nàn, gợi nhớ tới các đoàn *"Hồng Vệ Binh"* của thập niên 60, nhưng lúc đó thì Wu chưa được sinh ra.

Qua hai ngày tiếp xúc và thử thách, Wu chứng tỏ rất có khả năng và có thể tin cậy được. Tôi trở lại hỏi Wu về nguồn điện của thủ phủ Côn Minh, về con đập Manwan. Wu cũng chỉ được biết Manwan như một địa danh cách Côn Minh khoảng 500 km về hướng nam, giữa con đường đi xuống Cảnh Hồng. Đường núi có vài đoạn hư xấu chưa được sửa chữa nhưng vẫn có thể đi được nếu thời tiết không mưa bão.

Với chiếc Mitsubishi chỉ có bốn máy đã chạy hơn 100 ngàn miles, tôi hỏi Wu làm cách nào thuê được một chiếc xe giống như loại xe Jeep có thể leo núi thì hắn trả lời vẻ tự tin: chiếc xe tuy cũ nhưng lại tốt hơn cả các loại xe mới hiện nay và dư sức để chạy gấp hai chặng đường tới Manwan chỉ cần đổ đủ xăng nhớt.

Chừng đó đủ cho tôi quyết định ngay sáng sớm ngày mai, chúng tôi sẽ khởi hành đi Manwan.

Con đập đầu tiên, con đập lịch sử

Manwan *[tên Hán Việt: Mạn Loan]* là con đập thủy điện lớn đầu tiên của tỉnh Vân Nam với công suất 1,500 Megawatt nằm ngay khúc giữa con sông Lan Thương. Cũng là con đập thủy điện lớn đầu tiên điều hành theo phương thức liên doanh / *Joint Venture* giữa trung ương và chánh quyền địa phương, với số vốn đầu tư lên tới hơn nửa tỉ mỹ kim (3,800 triệu nhân dân tệ yuan).

Phải nói là con đập Manwan đã đóng một vai trò quyết định trong kế hoạch điện khí hóa, kỹ nghệ hóa, đô thị hóa cả một vùng tây nam Trung Quốc từ kém phát triển đã mau chóng tiến kịp và sánh vai với các tỉnh trù phú miền đông và đông bắc.

Tuy đã có kế hoạch từ những năm 70, nhưng vì thiếu ngân sách nên mãi tới tháng 5 năm 1986, công trình đập Manwan mới chính thức được khởi công và việc đổi dòng / *river diversion* con sông Mekong được hoàn tất vào tháng 10 năm 1987. Con đập cao tới 99 mét chắn ngang khúc sông giữa hai ngọn núi với bức tường thành cao tới 35 tầng. Đơn vị phát điện đầu tiên bắt đầu sản xuất điện từ ngày 30 tháng 6 năm 1993 và chỉ hai năm sau đó, ngày 28 tháng 6 năm 1995, tất cả năm đơn vị phát điện cùng hoạt động đúng theo như giai đoạn một của dự án.

Tưởng cũng nên nhắc lại ở đây một sự kiện đáng ghi nhớ và gây nhiều tranh cãi là vào giữa năm 1993, xảy ra *một hiện tượng được coi là bất thường:* mực nước con sông Mekong phía hạ lưu đột ngột tụt thấp xuống mà không vào mùa khô, chỉ lúc đó người ta mới được biết là Trung Quốc đã xây xong con đập Manwan và đó là thời điểm bắt đầu lấy nước từ con sông Mekong vào hồ chứa và họ cũng chẳng thèm thông báo gì cho các quốc gia dưới nguồn. Chỉ riêng với con đập Manwan mà đã giữ tới 20% nguồn nước trên dòng chính khúc sông Mekong chảy qua Vân Nam.

Sau biến cố đó phải nói là càng ngày càng có mối lo âu về ảnh hưởng của chuỗi đập bậc thềm Vân Nam. Mối quan tâm đó càng ngày càng gia tăng do nguyên nhân thiếu hẳn nguồn thông tin cung cấp bởi Trung Quốc.

Thiết kế và xây dựng xong con đập Manwan đầu tiên được kể là *"một hoàn tất có tính cách lịch sử,"* đã khiến cho Phân bộ Điện lực Vân Nam thấy rõ tiềm năng thủy điện phong phú của con sông Mekong là rất phù hợp cho những nhà máy thủy điện khổng lồ khác có công suất lớn với mạng lưới dẫn cao thế / *extra high voltage.*

Tiến tới xây dựng thêm các đập thủy điện bậc thềm / *Mekong Cascades* trên sông Mekong là tạo sức bật cho các bước phát triển kinh tế và xã hội không chỉ riêng cho tỉnh Vân Nam mà còn hoàn tất một *"chiến lược chuyển điện từ Vân Nam tới các tỉnh khác của Trung Quốc."*

Kể từ khi hoàn tất công trình Manwan, ban lãnh đạo nhà máy đã đề ra nguyên tắc chỉ đạo cho tập thể công nhân đập Manwan, đó là *"lao động cật lực, cố gắng hiệp đồng, kỷ luật nghiêm ngặt, chi ly nhưng thực tiễn tiến tới một xí nghiệp hàng đầu."*

Tuy bước khởi đầu có những khó khăn: do thiếu kinh nghiệm, trang thiết bị không đạt tiêu chuẩn nhưng rồi tất cả đã được vượt qua để Manwan *"đạt thành công trên nhiều phương diện cả về kỹ thuật vật chất, văn hóa và ý thức hệ" [sic].*

Tháng 12 năm 1996, nhà máy thủy điện Manwan được Đảng ủy và Chánh quyền Vân Nam phong danh hiệu *"Đơn vị Tiên tiến cấp Tỉnh,"* đồng thời cũng được Văn Phòng Phân bộ Điện lực Vân Nam chọn là đơn vị tiên tiến trong 5 năm liền. Tháng 4 năm 1998, Manwan lại được nhận danh hiệu từ Bộ Điện lực Trung Quốc là *"một trong 400 đơn vị tiên tiến toàn quốc trong nỗ lực trồng cây gây rừng / afforestation."* Tháng

3 năm 1999, Manwan được Tổ hợp Năng lượng Nhà nước công nhận là *"xí nghiệp sáng tạo hàng đầu / nhà máy thủy điện hàng đầu"* — đây là một vinh dự hiếm hoi vì là nhà máy thủy điện lớn đã đạt mức hoạt động an toàn và liên tục trong nhiều năm với những trang thiết bị chế tạo trong nước.

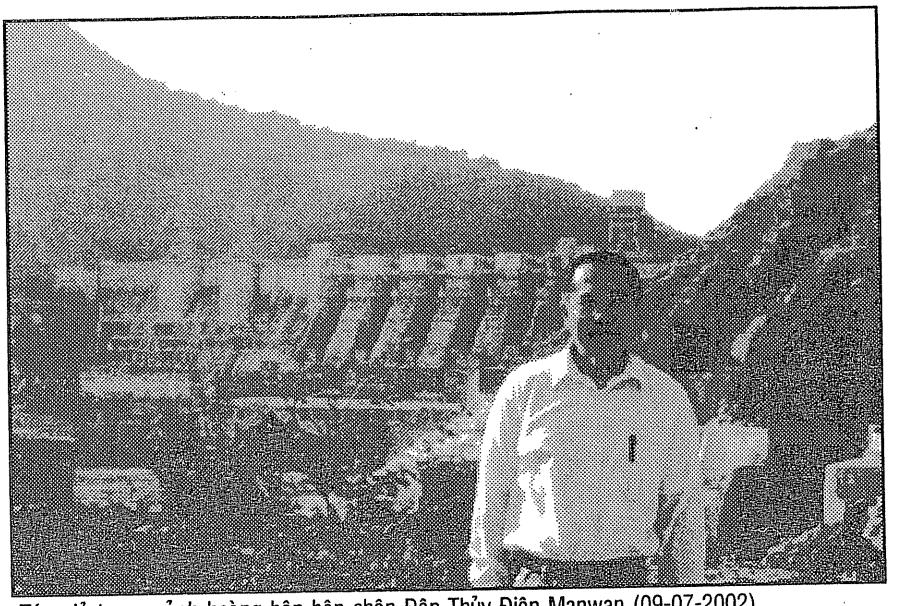

Tác giả trong cảnh hoàng hôn bên chân Đập Thủy Điện Manwan (09-07-2002)

Bước vào thế kỷ 21, trước những cơ hội và thử thách, nhà máy thủy điện Manwan sẽ phấn đấu để hiện đại hóa, tự động hóa / *automation* phát triển đạt tới tiêu chuẩn quốc tế của những nhà máy thủy điện hiện đại khác trên thế giới nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường năng lượng trong tương lai.

Ngày thứ ba ở Vân Nam đã thực sự là một ngày đáng ghi nhớ. Buổi sáng sớm khởi hành từ Côn Minh để đi khoảng 500 cây số đường bộ về hướng nam, đi về nơi hoang dã để tìm kiếm một địa danh mà chính người tài xế hướng dẫn cũng chưa hề đặt chân tới.

Ra khỏi Côn Minh đi một đoạn theo *Con Đường Tốc Hành / Express Way* về hướng tây. Đây là một xa lộ mới nối Côn Minh với cổ thành Đại Lý, do chánh quyền trung ương tặng nhân dân tỉnh Vân Nam nhân dịp Expo 99 *[Kunming's 1999 World Horticultural Exhibition]*. Đây là xa lộ rất tối tân có cả bảng hiệu giao thông tiếng Anh với con đường hầm xuyên núi dài ngót bốn cây số không thua bất cứ một xa lộ nào đẹp nhất của Mỹ. Từ Côn Minh tới Đại Lý, thay vì phải 12 giờ ngồi xe trên con lộ cũ, với con đường mới rút ngắn chỉ còn từ 4-5 tiếng. Là một con đường ngoạn cảnh / *scenic route* thật đẹp với núi đồi và thung lũng một màu xanh, qua các làng mạc với những căn nhà tường gạch đỏ mái xám cong, thỉnh thoảng lại vượt nhô lên nóc của một ngôi thánh đường Hồi giáo. Vân Nam rồi Tân Cương vẫn là những tỉnh có đông người gốc Hồi giáo người Hán gọi họ là *Hui* có gốc gác từ thế kỷ thứ 13 khi quân Mông Cổ xâm lăng Trung Quốc, với thường xuyên những cuộc nổi dậy, họ được coi là cội nguồn bất an của Trung Quốc. Theo Wu thì người *Hui* buôn bán giỏi lại được miễn các sắc thuế nên cuộc sống khá sung túc.

Đường tốt, xe chạy với tốc độ cao, buổi sáng hôm đó chưa quá nửa đoạn đường đã phải chứng kiến 3 tai nạn, một chết người của chiếc xe chiếc xe vận tải lớn *Đông Phong* với máu me trên mặt lộ và vô số mảnh kính vỡ.

Tài xế của những xe tải nặng này thường rất trẻ, mới ngoài 20, chạy vượt nhau cứ như là xe đua cho dù cũng đã có các trạm cảnh sát giao thông chặn bắt cho giấy phạt và cả treo bằng lái.

Chạy khoảng hơn 150 km của chặng đường dài ngót 400 km trên *Con Đường Tốc Hành* thuộc xa lộ 320 về hướng Đại Lý, sau đó xe rẽ sang quốc lộ 214 đi về phương nam, hướng tới con đập Manwan. Bây giờ thì tôi biết được ý nghĩa của những con số chỉ danh cho những con lộ Vân Nam: số 3 của quốc lộ 320 chỉ hướng đông tây, số 2 của quốc lộ 214 chỉ những con đường hướng bắc nam. Cả những ký hiệu chữ trên các bảng số xe: chữ A là từ Côn Minh, L Đại Lý , K Cảnh Hồng, J Tư Mao...

Ngược chiều với chúng tôi bây giờ là chiếc xe hàng mang biển số K Cảnh Hồng vấy đầy những bụi đỏ chở đầy khách đi Đại Lý; nếu suôn sẻ cuộc hành trình của họ cũng phải qua một ngày với một đêm.

Trên đường về phương nam, mỗi khi tới một ngã ba, Wu phải dừng xe để hỏi đường. Dân địa phương có người không biết đến tên Manwan, có người biết thì cũng không rõ ở đâu. Wu nói thông

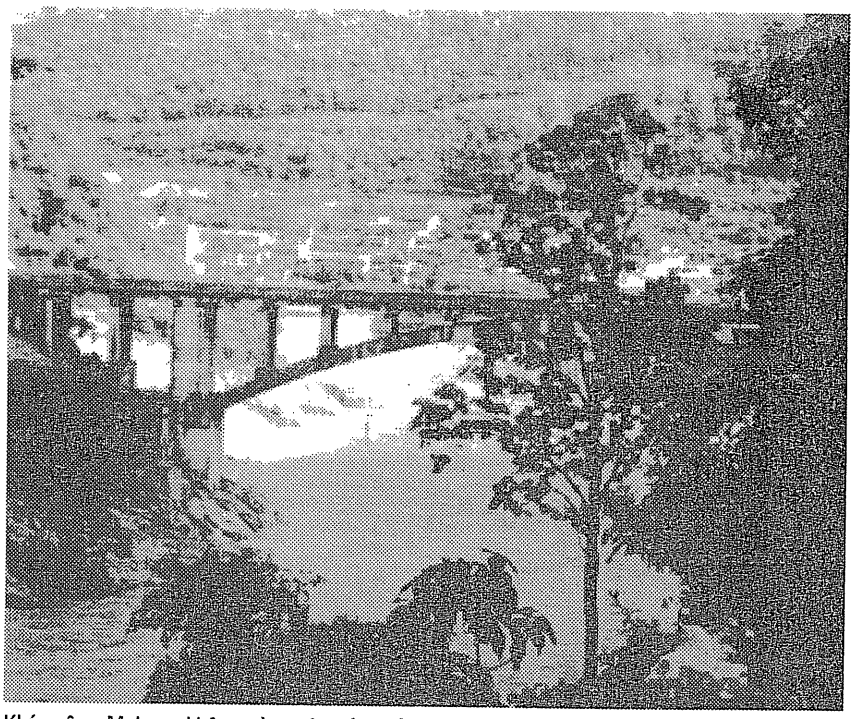

Khúc sông Mekong không còn cuộn sóng và như kiệt sức sau khi chảy qua những Turbines khổng lồ của con đập Manwan (09-07-2002)

thạo thổ âm địa phương, lại kiên nhẫn nên rồi cũng lần dò ra đường đi. Xe chạy qua những làng mạc, những thửa ruộng lúa chín vàng. Mỗi gia đình nay được sở hữu một khoảnh ruộng riêng, chẳng cần thi đua bình bầu nhưng ai cũng làm hết sức mình. Xây được nhà mới, có thêm được chiếc tủ lạnh hay TV hay không là do chính bàn tay tạo dựng của họ.

Trẻ con thì ăn mặc lành lặn cắp sách tới trường đi học, không có cảnh trẻ đi chân đất như ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Trai hay gái thì tôi hiểu rằng đây là *"những đứa con độc nhất"* trong mỗi gia đình. Mà người Trung Quốc như từ bao giờ, vẫn thích đông con. Vợ chồng Wu cũng chỉ có một con gái. Tôi hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu vợ anh muốn có một đứa con thứ hai. *Không thể nào có được, hoặc nếu muốn thì phải trả giá rất đắt cho lựa chọn ấy.* Kiểm soát dân số để phát triển, cưỡng chế cả 1.2 tỉ người Trung Quốc "mỗi gia đình chỉ có một con" không phải là điều dễ làm nếu không phải là một nhà nước toàn trị. Vẫn còn thấy vài đứa trẻ được quàng khăn cổ đỏ, Wu giải thích đó là số học sinh xuất sắc. *Hình như những gì đang diễn ra ở Việt Nam chỉ là một phó bản hạng hai rập khuôn Trung Quốc nhưng lại chậm hơn 20 năm.* Và không thể không nhớ lại câu phát biểu của ông Lê Khả Phiêu Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam đã làm nhiều người Việt phải chau mày: *"Nếu Trung Quốc thành công trong đổi mới, chúng ta sẽ thành công. Nếu Trung Quốc thất bại, chúng ta sẽ thất bại."* [FEER June 22, 2000].

Đến xế trưa, được kể là qua được một nửa chặng đường — đoạn đường tương đối dễ đi. Bây giờ mới là lúc xe leo đèo, trước mặt chỉ còn là một con đường "độc đạo," cứ hết lên triền cao lại xuống lũng sâu. Đường thưa xe nhưng là đường chạy hai chiều, hẹp và vòng vèo, giống như đoạn đường từ Vang Vieng đi Luang Prabang ở Lào.

Đường thì hẹp nhưng xe nào cũng muốn thênh thang chạy giữa con lộ, như không hề biết có xe ở phía trước, nhưng khi đối đầu nhau rồi thì chỉ còn là gang tấc. Yếu bóng vía mà lại còn nhìn xuống lũng sâu thì chẳng còn bụng dạ nào để muốn đi tiếp cuộc hành trình chưa biết bao giờ sẽ tới ấy.

Wu tay lái thật cứng mỗi khi phải đối đầu với những tình huống thật xít xao, hắn bảo an toàn trước đã— nói như cũng để trấn an khách. Tin cậy ở Wu nhưng tôi cũng hiểu rằng không thể có an toàn chỉ ở một phía. Không lẽ đã qua được những năm thử thách của chiến tranh trận mạc, nay lại để bị sa vực vì một trận *Gió Đông* — tôi muốn nói tới những chiếc xe tải nặng *Dong Feng* chạy rất vong mạng trên các ngả đường Vân Nam. Bầu trời vần vũ mây đen, có mưa lớn ở phía trước, xe phải chạy thật chậm lại khi qua những đoạn đường đá lở. Bây giờ thì mới thực sự thấy sót cho chiếc xe của Wu. Là xe chạy trong thành phố chứ không phải để leo núi , để phải cán lốp xe trên những tảng đá sắc hay sụp trên các ổ gà sâu đến đụng sàn. Chắc Wu cũng không hề tiên liệu phải chạy qua những chặng đường tồi tệ như thế. Wu khoe thành tích đã từng chạy qua những đoạn đường dài xấu hơn nhiều, đã từng đưa du khách người Pháp người Đức cũng bằng chiếc xe này

chạy 10 ngày đêm từ Côn Minh tới thủ đô Lhasa Tây Tạng. Tuổi trẻ, tự tin , lạc quan — phải chăng đó là tương lai của Trung Quốc?

Lại thêm bình xăng gần như trống chơn, kim đụng chữ E nhưng Wu thì vẫn tự tin bảo rằng còn dư xăng để chạy một chặng đường xa nữa. Ở cao độ 2,500 mét, chiếc xe nhỏ vẫn vòng vèo leo dốc. Đâu phải trên đường bằng, xe lên dốc sẽ tiêu thụ xăng nhiều hơn. Tôi bảo Wu như vậy. Không bướng bỉnh nhưng Wu vẫn tìm một lối giải thích lạc quan: nhưng khi xe đổ dốc sẽ tiêu thụ nhiên liệu ít hơn. Đó là chỉ là lý luận của một thầy giáo dậy Toán, mà toán thì chỉ có thuần lý chứ không phải là đời sống thực. Nhưng rồi Wu có lý, xe cũng bò tới được một trạm xăng nhỏ, phải trả một giá đắt hơn nhưng mọi người thì yên tâm với một bình xăng đầy.

Như *Đi Về Nơi Hoang Dã* chỉ thấy một màu xanh um của những khu *rừng mưa / rainforest* trên các triền núi và cũng hiểu vì sao ít có người dân Vân Nam biết tới con đập Manwan. Những cột điện thật lớn với hàng dây cao thế giăng qua những sườn núi là dấu hiệu cho thấy chúng tôi đã tới gần con đập. Đồng hồ chỉ cây số cho biết cũng còn khoảng 40-50 km nữa. Vẫn còn những đoạn đường vỡ mà chiếc xe phải vất vả vượt qua.

Xe chạy qua một thác nước nhỏ rào rào đổ xuống từ triền núi cao, những hạt bụi nước trắng chỉ đủ làm ướt mặt con lộ. Từ đây, nhìn xuống thung lũng chạy giữa hai dãy núi là thấy cả một hồ chứa lớn của con đập Manwan phản chiếu ánh nắng lấp lánh. Còn quá xa để nhìn thấy chi tiết đâu là con đập.

Qua một làng núi nhỏ, xe bắt đầu đổ dốc theo một con đường hẹp để đi vào một thung lũng. Wu lại phải dừng lại trước một khóm nhà để hỏi đường và được biết là đi đúng hướng. Ngăn cách bởi những bụi rậm, nhưng khi nghe tiếng nước rì rào chảy là biết tới gần dòng sông. Rồi con sông hiện ra, nhìn ngược dòng chảy tuy còn khá xa nhưng đã có thể thấy được bóng dáng của con đập.

Còn phải qua một cây cầu sang bên tả ngạn mới thực sự đi vào khu công trường của nhà máy thủy điện Manwan. Ngay nơi đầu cầu là một cột mốc lớn với hai hàng chữ :

YUNXIAN – MANWANZHEN [Quận hạt Yunxian – Nhà máy Manwan] *[Hình 3]*.

Hai bên đường là những căn nhà nhỏ, nhà ở xen lẫn vài tiệm tạp hóa và mấy quán ăn.

Nơi cổng vào có trạm lính canh, trên bức tường thành là một bảng hiệu uy nghi với hai hàng chữ Hán và Anh sáng chói "YUNNAN MANWAN POWER GENERATING Co. Ltd". Nơi mặt tiền là những tòa nhà công sở nhiều tầng lớn khang trang; sâu hơn vào phía trong là câu lạc bộ công nhân, khu cư xá nhân viên gồm những tòa nhà 3-4 từng trên lưng đồi. Có cả một nhà nghỉ điều hành như khách sạn dành cho cho khách vãng lai. Sự tháo vát của Wu khiến chúng tôi không có vẻ ngỡ ngàng của những khách lạ. Wu không gặp khó khăn gì để thuê hai phòng trong khách sạn, phòng trên lầu bốn, qua cửa sổ phía sau có thể nhìn xuống một khúc sông Mekong.

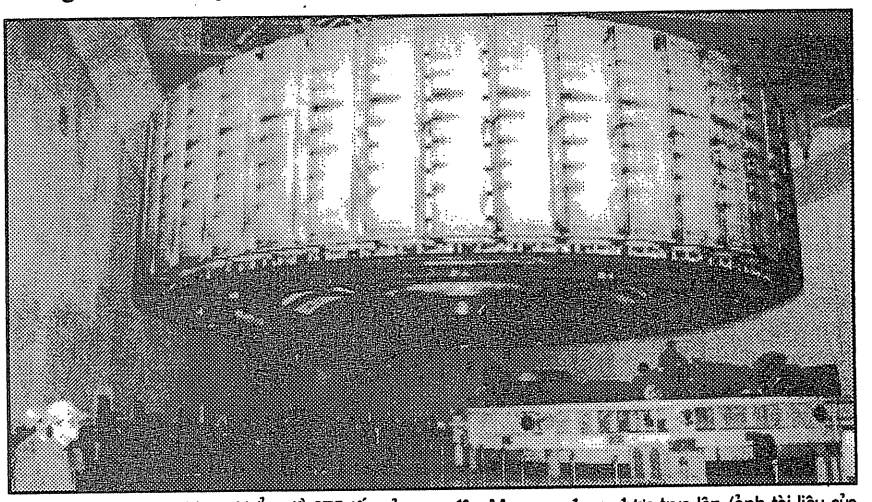

Một trong những Turbines khổng lồ 675 tấn của con đập Manwan đang được trục lên (ảnh tài liệu của bộ thủy điện Vân Nam)

Không biết sẽ được lưu lại nơi đây bao lâu, tuy còn rêm mình sau một chặng đường dài nhưng tôi vẫn bảo Wu lái xe đưa chúng tôi đi một vòng. Trong ráng chiều, ánh sáng không phải là lý tưởng cho những bức hình đẹp nhưng với tôi thì đây là cơ hội hiếm hoi và duy nhất để thu hình con đập — một nơi mà trước khi đi, tôi không nghĩ là có thể đặt chân tới. Xe chạy dọc theo bờ sông bên hữu ngạn, khoảng 4-5 giờ chiều có lẽ vào giờ nghỉ nên khá vắng, cơ hội là khoảng trống ấy, nên tôi đã chụp hình rất nhanh và tối đa với cả hai cuộn phim các *landmarks* của khu đập

Manwan.

Bên một bờ sông cao, phía dưới là dòng sông nước chảy, tôi cố gắng tới gần nhất chân con đập. Người bạn đồng hành luôn luôn là "cái thắng an toàn" không muốn tôi dừng lâu hơn nữa ở một nơi chắc chắn *"không phải là tụ điểm du lịch"* để mà xông xáo chụp nhiều hình như vậy. *[Hình 4]*

Tôi hiểu rất rõ một điều là cho dù với Trung Quốc đã mở cửa nhưng bản chất vẫn là *"một nhà nước toàn trị."* Vẫn có những hạn chế về thông tin và truyền thông trong đó vấn đề thu thập các hình ảnh, nhưng mức độ nghiêm ngặt tới đâu thì cũng rất biến thiên tùy theo thời gian, địa điểm và nhân sự, phải kể cả sự may mắn của mỗi nhà báo. Chính thức không được chụp hình là các căn cứ quân sự rồi tới các hải cảng, phi trường, nhà ga và cả những cây cầu trọng điểm. Với con đập thủy điện như Manwan thắp sáng cả Vân Nam, được quân đội bảo vệ, hiển nhiên phải được coi như một căn cứ quân sự chiến lược.

Biết là như vậy nhưng chính những con đập thủy điện, những cây cầu trên khúc sông Mekong nơi thượng nguồn với tôi lại là mục tiêu chính của chuyến đi Vân Nam lần này. Nên ngoài hành lý rất gọn nhẹ, hành trang chính là hai chiếc máy hình với rất nhiều phim vận tốc cao. Cũng phải kể thêm cả sự lạc quan nhưng đồng thời cũng chuẩn bị cho những tình huống tệ hại nhất: có thể sẽ ra về với tay không và cả những hệ lụy có thể xảy ra với những gán ghép thì sẽ rất hàm hồ .Với hai cuộn phim, tôi nghĩ là đã tạm đủ cho những giờ đầu tiên đến với con đập Manwan ấy.

Hoàng hôn trên sông Mekong. Trở lại khách sạn, được chỉ đường tới Câu Lạc Bộ Công Nhân, nơi chúng tôi có thể dùng bữa ăn chiều. Khu nhà ăn tập thể sạch sẽ khang trang. Vào giờ ăn, công nhân hay kỹ sư, tất cả đều rất trẻ và ngồi chung bàn; sự khác nhau về nghề nghiệp có thể nhận ra được trên nét mặt của họ. Thêm một người bước vào phòng ăn, tay cầm một chiếc tô bằng sắt tráng men trắng, khuôn mặt trẻ ánh mắt thông minh với cặp kính cận.

Như một *flashback,* chiếc tô bằng sắt tráng men đi lãnh cơm bỗng chốc gợi lại cho tôi cảm xúc của những ngày tù cải tạo. Tôi bảo Wu nên ra ngoài kiếm một quán ăn nhỏ nào đó dưới phố.

Đó là một quán không bảng hiệu, chỉ vỏn vẹn có mấy chiếc bàn và ghế gỗ nhưng phía sau nhà là nhìn xuống một bãi cát và nước con sông Mekong. Con sông vẫn rì rào chảy, nhưng không còn cuộn sóng và như kiệt sức sau khi bị giam hãm trong hồ chứa và rồi chảy qua những *turbines* khổng lồ 675 tấn của con đập Manwan. *[Hình 5 a,b]*

Phía bên kia bờ sông là núi cao với rừng xanh còn phủ kín. Mặt trời bắt đầu khuất sau đỉnh núi. *Lại một hoàng hôn khác trên sông Mekong.* Hôm nay, cũng là lần đầu tiên chúng tôi được ăn những món thổ sản của cao nguyên Vân Nam: món nấm sào, măng tre nướng, bọng ong chiên và dĩ nhiên không thiếu món cá tươi mới câu từ dưới con sông Mekong.

Từ Manwan tới Đảng ủy Côn Minh. Bề ngoài thì như bình thản, nhưng tôi không cảm thấy an tâm để lưu lại lâu hơn trong khu vực Manwan và có quyết định rời Manwan sáng sớm hôm sau. Wu thì lại quá nhiệt tình nghĩ rằng có thể tổ chức cho chúng tôi vào thăm bên trong nhà máy vì nghe nói vẫn có những *tour* có hướng dẫn như vậy.

Sau bữa sáng nơi một quán ăn ngay trước cửa cơ quan, mà chủ nhân là người Hồi giáo

(biết được như vậy do hàng chữ Ả Rập trên tấm bảng hiệu). Tôi và Wu trở vào khu hành chánh Manwan, tới được nơi cần tới. Cô trưởng phòng khi biết khách thăm là người ngoại quốc thì cô yêu cầu đợi để hỏi ý kiến cấp trên. Mươi phút sau thì một bà mặc áo ngắn, dáng khắc khổ — mà tôi nghĩ là *phòng tổ chức* bước vào nói chuyện khá lâu với Wu. Bà cho biết những chuyến tham quan như vậy là cho khách nội địa. Vì đây là lần đầu tiên có khách ngoại quốc, bà ta yêu cầu chờ để lên xin ý kiến của Đảng ủy. Wu đã đẩy tôi vào một tình huống thật khó xử và quả thật là thiếu khôn ngoan để dấn thân vào một *"guồng máy"* bất trắc như vậy. Bà phòng tổ chức vừa bước ra, tôi lấy cớ bảo Wu là sẽ không đủ thì giờ cho thêm một chuyến viếng thăm, nhưng rồi cả hai chúng tôi được giữ lại và yêu cầu chờ. Thật là tiến thoái lưỡng nan, tôi vẫn cố giữ vẻ thản nhiên nhưng cảm giác thì cứ như *"gái ngồi phải cọc"* và đồng thời phải chuẩn bị cho tình huống phải trả lời vô số những câu hỏi.

Thời gian như chậm lại, nhưng rồi bà phòng tổ chức cũng trở lại, lần này thì rất lịch sự bà nói chuyện trực tiếp với tôi qua thông dịch của Wu. Rằng Đảng ủy Manwan không trả lời là không, nhưng nếu có lý do thăm viếng chính đáng tôi phải xin phép Đảng ủy Phân bộ Điện lực từ Côn Minh. Bị khước từ nhưng lại cảm thấy nhẹ nhõm, vì với *red tape* ấy, với hệ thống quan liêu giấy tờ ấy, tôi có thể rời Manwan mà không gặp phiền

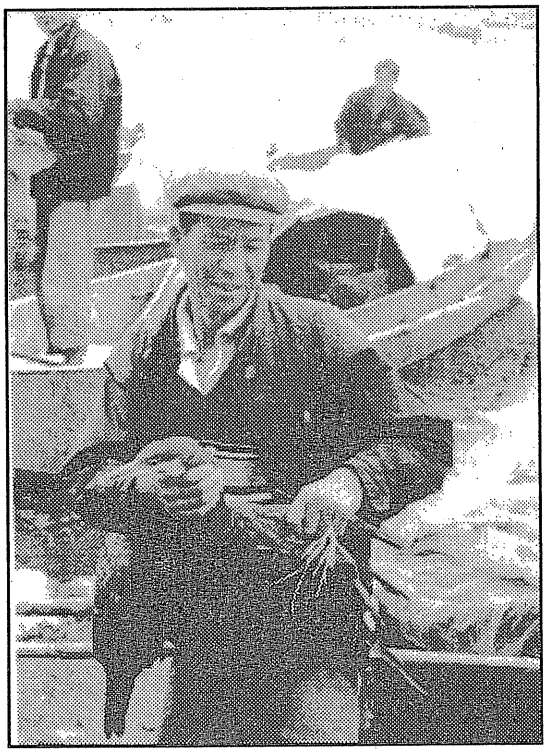

Cùng với đàn chim Cormorant săn cá trên hồ Nhĩ Hải-Đại Lý.

hà và cũng không hề có ảo tưởng là sẽ trở lại thăm Manwan bằng một giấy phép chính thức của Đảng ủy Côn Minh.

Cùng bầy chim Cormorants trên hồ Nhĩ Hải

Từ Manwan bằng đường bộ lên tới cổ thành Đại Lý cũng đã sẩm chiều. Đại Lý vẫn được so sánh như một tiểu Katmandu của Nepal, nơi có nhiều thắng cảnh và di tích lịch sử của hơn một triệu sắc dân Bạch / *Bai* với gốc rễ văn hóa lâu đời từ hơn ba ngàn năm. Vẫn còn đó những kiến trúc cổ xưa như Chùa Ba Ngôi được xây cất từ thế kỷ thứ 9, những ngôi nhà đá cổ với cả những con đường đá quanh co. Với phía tây là trùng điệp núi non, phía đông là hồ Nhĩ Hải.

Nhĩ Hải là hồ nước ngọt lớn thứ hai của Vân Nam đổ vào con sông Mekong qua một phụ lưu là con sông Xi'er. Được coi như một thú "tiên cảnh" của sắc tộc Bạch, là một hồ rất sâu có tới hơn 40 loại cá khác nhau nổi tiếng nhất là loại *"cá quậy / bow fish"* giống như cá chép có đặc tính ngậm đuôi vào miệng rồi bung ra nhảy cao trên mặt nước. Vân Nam rất xa biển nên người dân Vân Nam thích đặt tên biển cho những hồ lớn của họ. Đại Lý mưa tầm tã từ nửa đêm kéo dài tới sáng hôm sau. Nhưng rồi mặt trời cũng ló dạng. Khí hậu đủ tốt cho một nửa ngày đánh cá bằng chim cốc / *cormorants* trên hồ Nhĩ Hải.

Chiếc xe phải len lách giữa những thửa ruộng trên một con đường đất đá để tới được làng đánh cá nhỏ bên bờ tây của hồ Nhĩ Hải, gặp bác ngư dân sắc tộc Bạch da sạm nắng tuổi cũng gần 60, bác sống với đàn chim cốc cũng phải tới hai chục con đã được thuần hóa.

Có khách tới, bầy chim được tự do ra khỏi những chiếc lồng, tung tăng duỗi chân duỗi cánh hân hoan. Thay vì đeo vào cổ chim những chiếc vòng, rất nhanh và thành thạo người đàn ông dùng mớ lạt, buộc cổ từng con chỉ vừa đủ chặt để ngăn chúng nuốt xuống những con cá lớn bắt được, rồi ra lệnh cho đàn chim tung mình xuống nước và bơi theo ghe ra hồ. *[Hình 6 a,b]*

Gần bờ, nước hồ ô nhiễm đặc sánh lại với rong rêu, cũng không ngạc nhiên khi thấy rãnh nước thải từ thành phố chảy qua các ruộng lúa rồi đổ thẳng xuống hồ. Phải xa bờ, nước hồ mới trở lại trong xanh. Như những người bạn thiết, bầy chim cốc và ngư ông hoạt động nhịp nhàng. Cảnh tượng thật kỳ lạ chỉ bằng khẩu lệnh với những âm thanh sắc ngắn là cả một bầy chim từng đợt từng đợt vỗ cánh rồi cùng ngụp lặn sâu dưới mặt nước. Phải một lúc sau mới thấy từng con trồi lên, con chim nào với chiếc cổ phồng to phía trên nút lạt thắt là dấu hiệu bắt được cá lớn, ngư ông chỉ cần tới gỡ mỏ từng con và thu hoạch. Mẻ cá đầu tiên của một chú chim cốc là hai con cá chép chỉ nhỏ hơn nửa bàn tay.

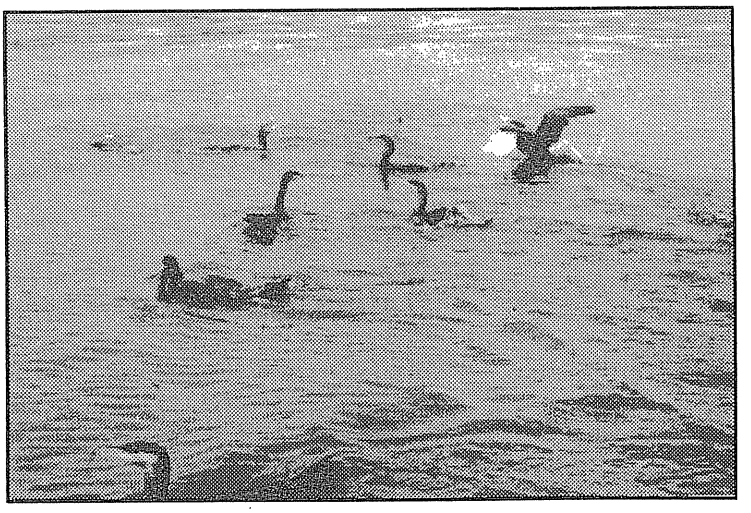

Bầy chim tỏ ra rất thân thiện, nhảy lên ghe, đậu trên mái chèo hay trên tay khách. Cảnh trí thiên nhiên hữu tình, chủ khách và bầy chim thực sự giao hòa. Tỏ tình thân, người đàn ông gốc Bạch mời tôi điếu thuốc hút. Cũng đã 30 năm rồi, lần đầu tiên tôi đã lại vui vẻ đón nhận và cả thưởng thức điếu thuốc thơm Vân Nam trên mặt hồ Nhĩ Hải.

Cách đây ngót tám thế kỷ (1278), Marco Polo trên Con Đường Tơ Lụa Phương Nam / Southern Silk Route đặt chân tới đây và ghi nhận cá ở hồ Nhĩ Hải là "nhất thế giới," sau đó Marco Polo đã vượt qua sông Mekong phía tây Vân Nam để ra khỏi Trung Hoa.

Sáu thế kỷ sau Marco Polo (1868), đoàn thám hiểm Pháp với Doudart de Lagrée / Francis Garnier khởi hành từ Sài Gòn bằng cuộc hành trình gian truân ngược dòng sông Mekong kéo dài hai năm cuối cùng Francis Garnier cũng tới được hồ Nhĩ Hải phía đông khu cổ thành Đại Lý. Nhưng Francis Garnier đã bị vị Sultan — vua Hồi từ chối tiếp kiến và buộc đoàn phải rời Đại Lý ngay sau đó.

Hơn 130 năm sau Francis Garnier, chúng tôi đang trở lại với sinh cảnh đẹp đẽ nhưng quá mong manh và có lẽ là những năm tháng cuối cùng của hồ Nhĩ Hải với nước hồ ngày càng ô nhiễm, đổ thoát ra bằng một phụ lưu lớn là con sông Xi'er để rồi cuối cùng cũng đổ dồn vào dòng chính con sông Mekong.

Tương truyền rằng hàng năm cứ vào khoảng tháng Tư, đoàn cá Pla Beuk về tụ hội tại nơi vũng sâu Luang Prabang phía bắc Vạn Tượng để tuyển chọn xem con nào sẽ tiếp tục vượt thêm hơn hai ngàn km bơi ngược dòng lên hồ Nhĩ Hải để đẻ trứng, con nào sẽ hy sinh làm mồi cho cho ngư dân làng Chiang Khong trong ngày hội thi cá Pla Beuk.

Pla Beuk_ *Pangasianodon gigas* là loại cá bông lau khổng lồ chỉ có trên sông Mekong có con dài tới 3 mét nặng tới hơn 300 kg. Ngư dân Thái và Lào sống hai bên bờ con sông Mekong vẫn tin rằng cá Pla Beuk là loại linh ngư đem tới cho họ vận may trong mỗi mùa chài lưới. Từ 10 năm nay, khi hoàn tất con đập thủy điện Manwan (1993) trên dòng chính sông Mekong như một nút chặn, đã chẳng còn một con cá Pla Beuk nào lên tới được hồ Nhĩ Hải để đẻ trứng.

Sau hai điếu thuốc, chủ và khách đều hân hoan. Lão ngư ông cao hứng bảo sẽ hát cho chúng tôi nghe một bài tình ca có tự lâu đời của sắc dân Bạch. Tuy không hiểu được lời ca nhưng những nốt nhạc thì rất du dương trầm bổng. Theo Wu thì bài hát kể lại mối tình thơ mộng và say đắm của đôi trai gái sắc tộc Bạch, cùng chèo thuyền trên hồ Nhĩ Hải cảnh sắc hữu tình, dưới bầu trời xanh, bên dãy núi cao, trên biển nước mênh mông, mỗi nốt nhạc lời ca là tiếng lòng thổn thức của họ. Ở tuổi gần 60, da sạm nắng và gầy khắc khổ nhưng người đàn ông đã hát với tất cả vẻ đam mê như đang sống lại với mối tình đầu của tuổi thanh xuân ngày nào. Bầy chim cốc vẫn bơi sát theo thuyền, mấy con nhảy đỗ trên ghe thì nghển cổ như để lắng nghe chủ hát.

Tôi hỏi về mức thu hoạch cá với đàn chim cốc. Ông nói đã sống với nghề săn cá bằng chim cốc từ 40 năm và chỉ cách đây hơn 10 năm thôi, vẫn có được những mẻ cá lớn nhưng về sau này thì không, lượng cá không hiểu tại sao ít hẳn đi, nhưng đàn chim cốc thì vẫn nuôi sống gia đình ông chủ yếu bằng tiền của du khách.

Trước khi rời Đại Lý, chúng tôi cũng tìm đến thăm *Mekong River Culture & Art Centre* trên đường Wen Xian. Thực ra đó chỉ là một thứ *motel* với vườn cây và hồ cá. Bảo đó là trung tâm văn hóa của con sông Mekong thì thực là quá đáng bởi vì ngoài mấy chục phòng cho thuê, chỉ có thêm ở đó vài ba lớp hội họa, lớp thảo bút tự / *calligraphy*, lớp nhạc và *Tai Chi*. Tác phẩm trưng bày là mấy bức tranh sơn dầu màu còn thô sượng, vài bức tượng nặn dở dang, khó có thể gọi đó là nghệ thuật. Những trang văn và thơ thì chưa xuất bản để được đọc, cảnh trí của trung tâm này chẳng có liên hệ gì tới con sông Mekong — ngoài một cái tên, để phải đi hơn nửa vòng trái đất tìm tới.

Lưới cá trên sông Mekong

Hai ngày nữa cũng không có chỗ cho chuyến bay từ Đại Lý xuống Cảnh Hồng, chúng tôi quyết định trở lại Côn Minh bằng đường bộ, từ đây mỗi ngày có nhiều chuyến bay đi Cảnh Hồng — là thủ phủ của vùng tự trị Tây Song bản Nạp / *Xishuangbanna* gồm nhiều sắc tộc đa số là Thái / *Dai*.

Ngoài khả năng thông dịch Wu cũng không biết gì nhiều hơn chúng tôi về vùng tự trị phía nam. Không có Wu đi cùng, chúng tôi lại đứng trước một tình huống mới.

Từ phi trường Banna về Xishuangbanna Sightseeing Hotel — cho dù là khách sạn ba sao cũng chỉ gặp toàn người nói tiếng Hoa. Phải chờ

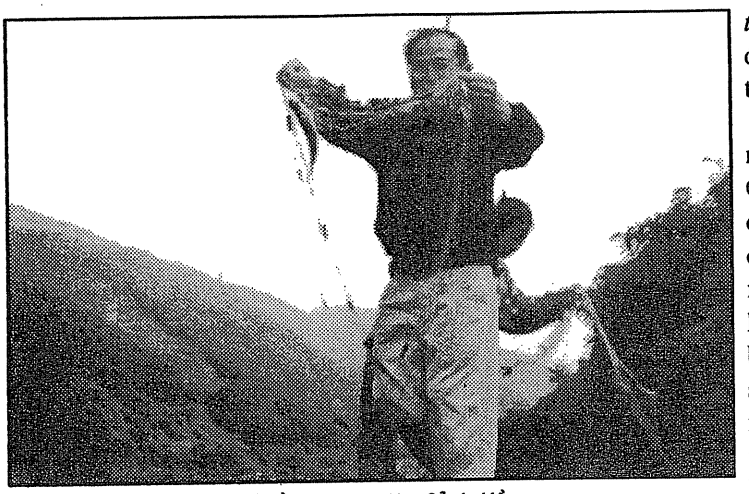

Lưới cá trên sông Mekong gần nơi xây đập Cảnh Hồng

cho tới buổi chiều khi gặp được cô *manager*, có lẽ người Hồng Kông biết chút tiếng Anh, chúng tôi mới có thể liên lạc với một hãng du lịch.

Bên kia đầu dây là Oliver, nói tiếng Anh như một người Hoa sinh đẻ ở Mỹ. Chỉ nửa giờ sau, hắn đích thân tới làm việc với chúng tôi ngay tại phòng khách sạn và cùng hoạch định chương trình cho ba ngày tới: bằng thuyền máy chúng tôi sẽ ngược dòng sông Mekong lên tới địa điểm xây đập Cảnh Hồng, lên thăm một khu cư dân sắc tộc, ngày hôm sau bằng xe tới với các con đập thủy điện phụ lưu dọc theo con sông Cát Vàng, thăm giang cảng Tư Mao và có thêm cả một buổi mai lưới cá trên sông Mekong. Chủ yếu là tới với sinh cảnh của con sông Mekong và những con đập.

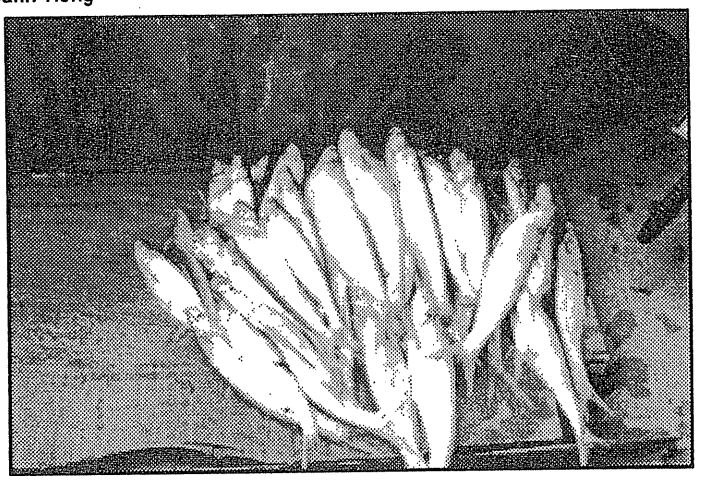

Một chương trình không giống với bất cứ một *Tour Route* nào mà Oliver vẫn phục vụ du khách. Dĩ nhiên có một cái giá phải trả cho một chọn lựa như vậy. Và người hướng dẫn là một thanh niên 22 tuổi sắc tộc Di / *Yi* với một *funny name: Potato*. Người Di không có tên họ nên hắn được bố mẹ chọn cho tên *Củ Khoai* mà hắn cũng rất thích. Là người thiểu số nhưng rất thông minh, lại chịu khó, hắn đang đi làm để dành tiền để có thể lên học đại học ở Côn Minh. Tối nào *Potato* cũng vào thư viện đọc sách báo, sau nửa đêm thì học thêm tiếng Anh qua các đài VOA hay BBC. Mỗi ngày với hắn là một ngày mới, học thêm một điều mới: ngày thứ hai đang trên sông nước, *Potato* quay sang hỏi tôi có biết một tên khác của con sông Mekong, rồi hắn thích thú tự trả lời: *Danube of the East*. Hắn mới học được chữ đó trong thư viện buổi tối hôm trước.

Sau Côn Minh, lại thêm một ngạc nhiên nữa khi tới với thị trấn Cảnh Hồng. Chỉ mới năm năm gần đây thôi từ 1998, một Cảnh Hồng cũ đã bị xóa bằng để thay thế bằng một thành phố hoàn toàn mới, với khách sạn nhiều tầng, các cửa hàng bách hóa, có cả thư viện và nhà sách lớn, với những con đường trải nhựa rộng với hai hàng cây xanh và dĩ nhiên là đông đảo người gốc Hán từ các nơi đổ tới. Một năm sau đó 1999, cây cầu mới lộng lẫy Cảnh Hồng từ xa nhìn như một con công dang cánh múa do Công ty Xây dựng Cầu đường Thượng Hải hoàn tất như một điểm nối quan trọng của mạng lưới giao thông thuộc Lưu Vực Lớn Sông Mekong *(Greater Mekong Subregion)*. Cây cầu cũ của Liên Xô xây từ 1977 như một sản phẩm kỹ thuật hạng hai, nay bất khiển dụng chỉ dành cho xe đạp và người đi bộ.

Buổi sáng sớm, khi mặt trời chưa lên, chiếc ghe máy đã chờ chúng tôi nơi khúc sông Mekong gần cây cầu Cảnh Hồng.

Chỉ mới ba tuần lễ trước đây thôi, những cơn mưa lớn Vân Nam đã gây lụt lội và làm chết 12 người. Đây cũng là thời gian người bạn ở Nong Khai, một thị trấn đông bắc Thái ngay phía bên kia sông là Vạn Tượng, đã Email cho biết: *"là đang chạy lụt, mực nước sông Mekong lên cao vì cả tuần nay nước đổ ào ào xuống từ Vân Nam. Nước đã lên đến mé đường chạy dọc theo bờ sông. Xe cảnh sát chạy khắp phố báo động, nhiều cửa*

tiệm đã chất đầy bao cát ở cửa ra vào, hoặc chở các hàng hóa đi Udon Thani tránh lụt."

Nay mực nước đã lại xuống thấp, những khối đá lớn nhỏ ven sông đã lại trồi lên. Sông sâu nhưng cũng phải thông thuộc nếu không có thể vỡ ghe vì va vào những tảng đá ngầm. Chiếc ghe máy chạy ngược dòng sông về hướng bắc, nơi sẽ xây con đập thủy điện Cảnh Hồng. Nước sông đỏ màu phù sa, vẫn chảy xiết với cả những vùng nước xoáy. Hai bên bờ sông là núi non. Trong tầm mắt nhìn thấy được, không còn đâu là những khu rừng mưa / *rainforest* nay được thay thế bằng những rừng cao su xanh ngút ngàn. Nhìn những búi cỏ rác khô và cả những túi rác ni lông đủ màu còn vướng trên những cành cây cao mới thấy được đỉnh lũ phải cao hơn mực nước hiện nay từ 3 tới 4 mét. Những túi ni lông chưa bị phân hủy, cũng để thấy rằng con sông Mekong đang là cống rãnh của các chất phế thải kỹ nghệ và cả rác rưởi của tiện dụng gia cư.

Con sông vẫn chảy xiết giữa hai bên là núi cao lại thưa thớt dân cư — những hẻm núi cao dốc ấy là địa hình lý tưởng để mà xây thêm những con đập thủy điện. Dự án đập Cảnh Hồng đã có cùng thời với con đập Manwan, dự trù sẽ được khởi công vào năm 2005. *Dù vào thời điểm nào, thì sớm muộn chuỗi đập Bậc Thềm Vân Nam trên dòng chính sông Mekong cũng sẽ được Trung Quốc từng bước hoàn tất do những lợi lộc vô hạn đem lại và sẽ không có thế lực nào có thể cản trở được họ. Điều ấy là chắc chắn.*

Không phải bây giờ mà ngay giữa mùa nước cao ấy , Mika cô gái Nhật Bản đã trải qua bốn ngày bốn đêm trên một chiếc tàu hàng lớn với năm người đàn ông lạ khác để đi ngược dòng sông Mekong từ Bắc Thái lên tới Cảnh Hồng. Nhỏ nhắn và xinh xắn như một cô nữ sinh trung học nhưng cô ấy lại là một giáo sư tiến sĩ của một đại học bên Anh thuộc Trung Tâm Nghiên Cứu Đông Nam Á / *Centre For South-East Asian Studies* và dĩ nhiên phải gan cùng mình để chọn một cuộc hành trình nhiều hiểm nguy và gian truân như thế. Vì là tàu hàng cấm chở khách nhưng qua giới thiệu của một người quen, cô được phép lên tàu như một thân quyến của giang đoàn. Qua các trạm kiểm soát cả năm người đàn ông ấy ai cũng sẵn sàng nhận cô làm vợ. Họ phải vất vả đi theo tàu xa gia đình hàng tháng trời, Mika đến với họ như một cơn gió mát nhưng cô lại cảm thấy an toàn vì người đàn ông nào cũng thấy có nghĩa cả bảo vệ cho cô. Chúng tôi lần đầu tiên gặp Mika trong một phiên chợ đầy màu sắc với những bộ y phục cổ truyền của sắc dân Akai thuộc nhóm tộc thiểu số Hani — Phiên chợ đối với họ không phải chỉ để trao đổi hàng hóa mà còn là nơi phát triển các mối tương giao xã hội. Sắc dân Akai không chỉ sinh sống ở vùng tự trị Tây Song Bản Nạp / Xishuangbanna mà còn cả ở bắc Thái và Lào. Đề tài khảo sát của Mika là *Transnational Migration of Ethnic Minority Akai*, đối với sắc dân này thì đường ranh giữa các quốc gia chỉ là một thứ biên giới ảo — *virtual border.*

Cùng chia xẻ mối quan tâm về các sắc dân thiểu số, chúng tôi có nhiều điều để trao đổi và cũng nghĩ rằng vấn đề người Thượng ở Tây nguyên Việt Nam có thể là một đề tài nghiên cứu của Mika trong tương lai.

Hôm nay Mika đã cùng xuống thuyền với chúng tôi trong chuyến du khảo trên sông Mekong. Nước sông Mekong vẫn rào rào chảy xiết, cả rất xoáy và sủi bọt khi vòng qua những ghềnh đá. Bây giờ thì Mika mới bắt đầu biết sợ, cô không thể tưởng tượng được rằng mình đã trải qua hơn bốn ngày đêm lại ngược dòng trên con nước lớn cuộn sóng ấy.

Bây giờ mới tận mắt thấy xuôi dòng sông Mekong là những con tàu lớn chở hàng từ cảng Tư Mao — *Simao* xuống tới tận Bắc Thái và Lào xuống xa tới Vạn Tượng. Vào tháng 4 năm 2001, Trung Quốc đã ký một thỏa hiệp về thủy vận trên sông Mekong nhưng chỉ với ba quốc gia Miến Điện, Thái Lan và Lào với kế hoạch vét lòng sông, cả dùng cốt mìn chất nổ phá tung những khối đá trên các đoạn ghềnh thác, các đảo nhỏ trên sông để khai thông mở rộng đường sông cho tàu lớn trọng tải từ 500-700 tấn có thể di chuyển từ cảng Tư Mao Vân Nam xuống Chiang Khong Chiang Sean Thái Lan xuống thẳng tới Vạn Tượng thủ đô nước Lào. Trong khi Việt Nam và Cam Bốt là hai quốc gia cuối nguồn, trực tiếp chịu ảnh hưởng của kế hoạch ấy thì bị gạt ra ngoài. Hậu quả ra sao thì chưa ai lượng giá được nhưng chắc chắn nhịp độ thiên nhiên điều hòa của dòng chảy sẽ bị rối loạn có ảnh hưởng dây chuyền trên toàn hệ sinh thái sông Mekong.

Mặt trời bắt đầu hồng lên trên đỉnh núi cao nhưng vẫn còn mờ sương. Ngược dòng chảy mạnh, chiếc ghe chạy chậm hẳn lại. Nhưng rồi cũng lần lượt ghé vào từng ghềnh đá nơi có đặt lưới từ qua đêm.

Cả thảy 12 chiếc lưới được đặt hai bên bờ ở những khúc sông khác nhau gần nơi sẽ xây con

đập Cảnh Hồng. Mỗi chiếc lưới nay được chính tay chúng tôi kéo lên. Mỗi mẻ lưới đều có cá nhưng là những con cá nhỏ — nhỏ hơn cả những con cá lưới được trên khúc sông Vạn Tượng ở Lào hay nơi khúc sông Tonlé Sap ở Nam Vang. Cũng có mẻ lưới thật nặng không phải cá lớn mà do lưới mắc vào ghềnh đá. Tóm lại đây là một vụ thu hoạch nghèo nàn. *[Hình 7 a,b]*

Không nói tới những con cá hiếm quý như Pla Beuk, Dolphin nhưng ngay cả những con cá lớn quen thuộc của sông Mekong nay ở đâu? Tôi thì vẫn lạc quan tin rằng còn quá sớm để bảo rằng đó đã là hình ảnh của quá khứ.

Đường lên Tư Mao

Tư Mao cách thị trấn Cảnh Hồng 165 km về hướng đông bắc, được coi như cửa ngõ để đi về phương nam xuống vùng tự trị Tây Song Bản Nạp. Con đường đèo tuy hẹp nhưng khá tốt , Potato thuê được một cô tài xế gốc Hán tóc ngắn tuổi mới ngoài 20, tay lái quá vững lại quen thuộc đường đi nên cô ấy vẫn không giảm tốc độ ở cả những khúc đường vòng. Chiếc xe vẫn chạy giữa một màu xanh của núi đồi, qua các thung lũng với sông và lạch.

Giữa con đường độc đạo ấy nơi lưng đèo gặp phải một trạm kiểm soát với những người lính Hồng quân còn rất trẻ. Họ kỷ luật lễ phép nhưng vẻ mặt thì quá lạnh lùng và cảnh giác. Cũng hình ảnh người lính Hồng quân ấy từ 28 năm nay đang ghì súng trên quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam. Truyền hình của nhà nước Trung Quốc luôn luôn có một kênh đài chỉ để phô trương sức mạnh quân sự của Hoa Lục.

Mọi người phải xuống xe để họ xét và giở xem từng trang cuốn sổ thông hành. Tuy mang thông hành Mỹ nhưng Potato lại giới thiệu chúng tôi là người Việt và Mika là người Nhật Bản. Họ yêu cầu được khám và lục soát xe từ trước ra sau; vì đây là con đường từ Thụy Lệ / *Ruili* một thị trấn biên thùy hoang dã giữa cực tây nam Trung Hoa và Miến Điện, được coi trục vận chuyển thuốc phiện từ khu Tam Giác Vàng vào Vân Nam. Những gì sẽ xảy ra nếu họ tìm ra được dù chỉ một chút ma túy trên chiếc xe của chúng tôi? Họ để chúng tôi đi sau khi không tìm thấy gì ngoài mấy thùng hàng khô nơi cốp xe sau của cô tài xế.

Cuối cùng chúng tôi cũng tới được thị trấn Tư Mao, địa danh rất nổi tiếng về các loại danh trà của Vân Nam, nằm trên hai con đường lịch sử: Con Đường Tơ Lụa Phương Nam / *Southern Silk Road,* như một hành lang doanh thương có từ thời Marco Polo sang tới tận La Mã và Con Đường Mã Trà / *Tea-Horse Road* nơi xưa kia xuất phát các đoàn xe ngựa thồ chở trà lên tận Tứ Xuyên và cả Tây Tạng. Nay thì người ta đang mở thêm một xa lộ có tên là *Xa Lộ Vân Nam – Miến Điện* dài 910 km từ Côn Minh tới Thụy Lệ_ như một nhánh quan trọng trong mạng lưới giao thông thuộc *Lưu Vực Lớn Sông Mekong / GMS.*

Giang cảng Tư Mao trên bờ sông Mekong nhưng lại cách thị trấn ngót 80 cây số, trời sẩm tối đường lại xấu nên chúng tôi quyết định trở lại Cảnh Hồng sau khi thăm mấy đường phố chính và cả thưởng thức mấy chung trà *Pu'er* nổi tiếng của Tư Mao.

Về tới Cảnh Hồng, chúng tôi đã phải ở lại thêm một ngày nữa và phải ngủ gần qua đêm ngoài phi trường vì trận bão đang thổi vào Côn Minh.

Hồ Điền Trì – *Dian* Côn Minh và con sông Hồng

Những chuỗi hồ lớn nhỏ chạy dài xuống tới Hà Khẩu / *Hekou* biên giới phía bắc của Việt Nam đã tạo nên một địa hình rất đặc biệt của cao nguyên Vân Nam. Điền Trì / *Dian* là một biển hồ lớn nhất phía nam Côn Minh có chiều dài hơn 40 km, diện tích 300 km2 *[gần bằng nửa diện tích đảo quốc Singapore]*, phía tây là núi đồi, phía đông hồ thì bằng phẳng nguyên là khu chài lưới thịnh vượng nhưng do ô nhiễm từ các khu kỹ nghệ bờ đông nam nên đã thực sự không còn một nền ngư nghiệp.

Không sao xử lý được nước thải, không giải quyết được khối nước trong Hồ Lớn Điền Trì đã quá ô nhiễm. Wu thuật cho chúng tôi nghe về một kế hoạch táo bạo của chính quyền Vân Nam: dự trù chi phí 2 tỉ yuan để khai thông một đường dẫn cho thoát nước ra sông Hồng chảy qua Việt Nam rồi đổ ra Biển Đông, sau đó thay thế bằng nước con sông Dương Tử dẫn vào hồ.

Tuy chưa thể kiểm chứng được là có bao nhiêu phần trăm sự thật trong kế hoạch đầy sáng tạo nhưng độc ác của các *"công trình sư Đại Hán"* ấy, nhưng có thể chắc chắn một điều Wu người giáo viên trung học ấy không đủ giàu tưởng tượng để bịa đặt ra điều ấy. Đổ tất cả ô nhiễm của hồ Điền Trì vào con sông Hồng như một đường cống rãnh, hậu quả sẽ ra sao trên bao nhiêu triệu cư dân Việt Nam nơi đồng bằng châu thổ đang sống bằng nguồn nước con sông Hồng và đây là điều

sẽ được ai quan tâm tới ? Nhà cầm quyền Hà Nội được biết gì về một kế hoạch *"giải quyết môi sinh"* theo lối ném bùn sang ao của chánh quyền Vân Nam?

Wu thực sự không ở tầm vóc để chúng tôi phải mở ra một cuộc tranh luận môi sinh và anh ta thì lúc nào cũng rất kiêu hãnh về những công trình đem lại thịnh vượng cho nước Trung Hoa.

Một chút riêng tư

Ngày cuối cùng ở Vân Nam, cùng vợ và đứa con gái nhỏ Wu nhất quyết mời cho được chúng tôi tới ăn tối tại nhà hàng *Old House* lớn như một hí viện rất nổi tiếng của Côn Minh gần bên *World Horti-Expo Garden.* Sau hơn hai tuần lễ giao tiếp, không còn là mối liên hệ của những *dịch vụ*, đối với gia đình Wu chúng tôi trở thành những người bạn. Ở cái tuổi chưa đầy 30, Wu có trước mặt một tương lai.

Wu không phải là tên thật của anh, nhưng được tôi chọn cũng vì sự an sinh của anh và gia đình. Cũng vì sự riêng tư, tôi đã không đưa vào bài viết *Tường Trình Từ Vân Nam* về người bạn đồng hành đã chia xẻ với tôi những kinh nghiệm của suốt một chuyến đi kể cả những giây phút căng thẳng, nhưng giữa chúng tôi thì đó là những ngày khó quên.

Buổi tối hôm ấy, trên tầng lầu bốn của nhà hàng *Old House* có buổi tiệc mừng sinh nhật rất lớn với cả màn thổi nến và hàng trăm người cùng đứng lên hát bài *Happy Birthday To You* bằng tiếng Anh và sau đó là một điệp khúc bằng tiếng Hoa. Lạc quan thì bảo rằng đó là dấu hiệu của bước *toàn cầu hóa / globalization* theo cái nghĩa *Mỹ Hóa / Americanization,* và cũng để cố quên đi cái hình ảnh một nước Mỹ đang *Hán Hóa / Sinicization* với khắp các tiệm bách hóa từ New York tới San Francisco mỗi ngày một đầy ngập thêm những món hàng *Made in China.*

Chỉ có một lựa chọn: sự phát triển

Khi chiếc Boeing 777 vừa rời Quảng Châu trên đường trở về Mỹ, không hiểu sao một hình ảnh chẳng có gì đặc biệt lại hiện ra rất rõ nét trong trí tôi lúc đó: một tấm bảng hiệu thật lớn trên một con đường quê an bình của Vân Nam, với một bên là làng mạc, một bên là những thửa ruộng lúa vàng, bên cạnh hình ông già Đặng Tiểu Bình là một hàng chữ ngắn thật lớn: *Chỉ Có Một Lựa Chọn: Sự Phát Triển.* Đó là một thông điệp rất rõ ràng ông Đặng Tiểu Bình gửi tới nhân dân Trung Quốc. Không phải chỉ có phát triển mà phát triển với tốc độ rất nhanh với hình ảnh Trung Quốc bước vào Thế kỷ 21 đang vươn lên như một siêu cường.

Với một số ít người thuộc thế hệ lớn hơn, họ nhìn cái dấu mốc phát triển của Trung Quốc lùi về một thời điểm xa hơn nữa: ngày ông Nixon tổng thống Mỹ đầu tiên tới gõ *"cánh cửa sắt khép kín"* của Trung Quốc để gặp được chủ tịch Mao Trạch Đông mở ra một kỷ nguyên mới cho nước Trung Hoa.

Phải chứng kiến sự đổi thay mau chóng của cả một vùng tây nam kém phát triển như tỉnh Vân Nam, không phải chỉ ở những thành phố, dấu hiệu của phát triển và xây cất còn thấy rất rõ cả ở *"những thị trấn giữa đường"* hai bên quốc lộ. Ruộng lúa thì xanh mơn mởn. Điện tới được cả những căn nhà ở vùng rất hẻo lánh trên các rẻo cao và không phải là không thường gặp trước mỗi hiên nhà ấy một đĩa bắt sóng mới biết trong nhà đã có TV.

Không phải đi theo *Tour Route* để bảo rằng đó là những hình ảnh mà nhà nước Trung Quốc muốn phô trương. Nói chung, từ thành thị tới thôn quê là hình ảnh những người dân Trung Quốc mặc lành lặn và no đủ. Lo được điều cơ bản ấy cho 1.2 tỉ dân mà vẫn cứ phát triển, đó phải được kể là một kỳ công nhưng có thể lý giải được vì họ

- Có chất xám của trí tuệ, có kỹ thuật cao
- Có lực lượng lao động cần cù và chịu khó
- Có kỷ luật dù tự nguyện hay không trong một chánh quyền toàn trị
- Có lòng tự hào và yêu đất nước Trung Hoa của họ

Hiển nhiên đất nước ấy không thiếu những khiếm khuyết như bất cứ xã hội nào khác, nhưng trải qua bao kinh nghiệm bi thương của rất nhiều máu và nước mắt, người dân Trung Quốc ngày nay đã đứng vững trên hai chân của họ để đi về tương lai.

Từ Trung Quốc, nhìn về Việt Nam nhỏ hơn cả tỉnh Vân Nam một đất nước đang vỡ ra từng mảnh, nhìn về Hoa Kỳ ngoài sức mạnh quân sự nhưng ngày càng cô lập và mất quyền lãnh đạo thế giới, cứ theo lẽ thịnh suy, thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của Trung Quốc. Ở mỗi thời kỳ, mỗi dân tộc sẽ phải cam chịu hay có một số phận xứng đáng với sự lựa chọn và cách sống của họ.

Côn Minh – Manwan
Cảnh Hồng – Tư Mao – Đại Lý
09 / 2002

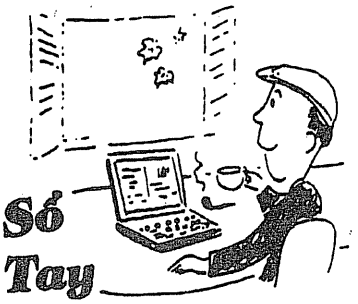

NGÔ NHÂN DỤNG

Tại sao họ đưa Lê Chí Quang ra tòa?

Vụ chính quyền cộng sản Việt Nam khởi tố luật gia Lê Chí Quang đã bị các nhà trí thức trong nước vạch ra đầy những điều phi lý; đặc biệt nhất là một nhóm các "nhà cách mạng lão thành của Trung ương và ở Hà Nội" nói rằng cứ theo bản cáo trạng của Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao thì chính ông Hồ Chí Minh đáng bị đem ra truy tố. Trong bản cáo trạng này họ buộc tội ông Lê Chí Quang là đề nghị chủ trương đa nguyên đa đảng. Hồ Chí Minh nắm quyền ở miền bắc Việt Nam cho đến năm 1969 chết đi mới thôi, mà trong suốt thời gian đó trên nguyên tắc chế độ Bắc Việt cũng "đa đảng!" Ngoài đảng cộng sản có tên là Đảng Lao Động, còn có những đảng mang tên là Dân Chủ và Xã Hội nữa. Ba đảng coi như là đa đảng rồi, tức là Hồ Chí Minh có tội! Nên xử chung ông Hồ với ông Lê Chí Quang mới phải!

Trong những lá thư phản đối vụ đem ông Lê Chí Quang ra tòa, bức thư của Tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang gửi ông Trần Đức Lương viết rằng vụ án này chứng tỏ "Các thế lực đang đẩy xã hội rơi nhanh vào khủng hoảng trầm trọng có nguy cơ sụp đổ đau lòng." Không biết ông Nguyễn Thanh Giang có ám chỉ chính cái Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao đó là một trong số các ổ chứa những thế lực đen tối hay không?

Vì ông Phạm Sĩ Chiến, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao đang chuẩn bị ra tòa về tội tham nhũng ăn hối lộ của trùm xã hội đen Năm Cam để tha cho hắn ra khỏi tù. Ông phó viện trưởng phạm tội rõ ràng như thế, nhưng ông viện trưởng Hà Mạnh Trí thì không có trách nhiệm nào hết, vẫn ở nhà thơ thới hân hoan! Ông có thể ngồi bầy kế triệt hạ những người có ý đồ chống tham nhũng như luật gia Lê Chí Quang, đem ông Quang ra tòa xử vào tuần tới để làm gương cho những người khác!

Vụ đưa Lê Chí Quang ra tòa có thể khiến dư luận chú ý, cho dân chúng quên vụ đem Phạm Sĩ Chiến và hai ủy viên Trung ương Đảng, Bùi Quốc Huy, Trần Mai Hạnh tổng cộng 156 bị cáo ra tòa về vụ Năm Cam. Hành động này chứng tỏ đảng cộng sản muốn trước khi các tội tham nhũng bị phơi bầy trước công luận thì phải bịt mồm bịt miệng trước tất cả những ai nuôi ý định nhân dịp này phát động phong trào chống tham nhũng.

Lê Chí Quang hãy vững tâm!

Trong lúc đảng Cộng Sản Việt Nam chuẩn bị đưa luật gia Lê Chí Quang ra tòa vì tội bất đồng ý kiến với đảng, người Việt Nam khắp thế giới đều nhìn thấy đảng đang lâm vào ngõ cụt cho nên mới phải làm như vậy. Chúng tôi nhận được một bài tham luận về chuyện Lê Chí Quang bị ra tòa của một độc giả từ xa gửi tới. Ông viết bài này ở Động Đình, chắc phải là một nơi xa lắm. Bài rất dài nên chúng tôi trích một số đoạn mà thôi. Ông Lạc Nam viết:

"Bà Phan Thúy Thanh khi bị các phóng viên của các hãng thông tấn nước ngoài chất vấn lần trả lời nào cũng vậy: 'Ở Việt Nam không có tù chính trị, chỉ có những người vi phạm luật pháp VN bị giam giữ mà thôi.' Bà nói không cần suy nghĩ và mắt không nhìn vào người hỏi vì bà đã học thuộc lòng những câu trả lời mà người ta đã 'chỉ đạo' cho bà. Có người phục khả năng đối đáp của bà. Cái bà nói và cái bà biết và mọi người biết hoàn toàn trái ngược nhau. Thế nhưng bà trả lời tỉnh khô, như bà tin thật vào câu trả lời của mình.

"Theo các nhà tâm lý học thì lần nói dối đầu tiên là khó nhất, nhưng đến lần thứ hai thì dễ hơn và sau lần thứ ba trở đi thì trở thành bản năng. Bà Phan Thúy Thanh đã vượt qua cái lần đầu khó khăn ấy, cũng như những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay. Theo những người gần gũi với ông Bùi Quốc Huy cho khi đến bị khám nhà thì ông vẫn nói ông yêu Chủ Nghĩa Xã Hội và trung thành với sự nghiệp của đảng CSVN. Đến đây thì mọi người ai cũng biết sự nghiệp của đảng là gì rồi?! Ông bị truy tố tội lợi dụng chức vụ theo luật VN, nhưng theo nhiều người cho rằng ông là một trong những 'Bố già' trong xã hội đen và 'đồng chí' Năm Cam chỉ là một trong nhiều tay chân của ông mà thôi. Tấm gương thủ trưởng 'cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư' sáng ngời của ông đã tác động 'tích cực' lên toàn bộ ban lãnh đạo công an thành phố Hồ Chí Minh. Họ đã 'răm rắp noi theo!'

"Nhiều ý kiến thắc mắc: Tại sao ông Huy lại sa ngã tới mức

độ như thế? Câu trả lời khó, nhưng lại rất dễ. Khi ông còn giữ chức tổng cục trưởng Tổng Cục An Ninh, ông có đủ công cụ và bằng chứng về các hoạt động bất chính của các lãnh đạo cấp trên của ông. Họ là tấm gương 'yêu nước,' 'yêu chủ nghĩa Xã hội' cho ông noi theo. Ông biết rất rõ vụ Minh Phụng chỉ là phần nổi của tảng băng chìm... Tuy vậy, ông Huy hơi chủ quan, với các bằng chứng trong tay mà không tính tới tương lai, khi các nhà lãnh đạo của ông, đến nước cùng mang ông ra thí, như ngày xưa Tào Tháo mang Dương Tu, người giữ kho, phát bớt lương gạo cho lính theo lệnh Tào, ra chém để lấy lòng quân sĩ. Các "đồng chí cấp trên" như thế tình cảm với ông lắm lắm rồi, ông chỉ bị truy tố với tội lợi dụng chức quyền thôi. Có nghĩa là không có tội (?), vì cứ thẳng tay ra thì ở VN biết bao nhiêu người sẽ bị truy tố như ông, từ chú cảnh sát giao thông đứng đường tới ông tổng bí thư đầy quyền, không lực!

"Còn ông Phạm Sĩ Chiến và ông Trần Mai Hạnh thì bị truy tố vì tội ăn hối lộ, trong khi bao nhiêu người khác còn tệ hơn mà không sao. Những tàu chở dầu thô từ các giàn khoan ngoài thềm lục địa, lâu lâu lại không cập bến thì không sao cả. Những dự án xây dựng lớn như thuỷ điện Hoà Bình, Yaly thì mất hàng tỷ đồng mua những đồ cũ của Nga, của Ukraina mà không ai xót. Họ bất chấp mọi ảnh hưởng đến môi sinh, miễn dự án càng nhiều tiền, càng có cơ hội để ăn chia. Tiền tân trang cho quân đội phần lớn vào túi các tướng lĩnh, phần còn lại mua mấy vũ khí đã hoen rỉ của Nga và các nước Đông Âu cũ, không còn khả năng chiến đấu. Tội nghiệp tờ báo *Doanh Nghiệp* cứ thích viết sự thật, nên bị đánh tan luôn.

Các dự án ODA (viện trợ) còn hơn nửa số tiền không được giải ngân, vì số tiền thực sự cho các dự án chỉ còn 30% trong tổng số vốn tư. Còn 70% thì 20% mất vào tay những người lãnh đạo trực tiếp dự án, 10% cho cấp bộ lãnh đạo cấp tỉnh trực tiếp, 10% cho cấp bộ để họ ủng hộ, 10% cho bộ Kế Hoạch Đầu Tư và cửa cuối là 20% cho Văn Phòng Chính Phủ. Không phải ngẫu nhiên mà Việt Nam được xếp vào hàng thứ ba trong các nước tham nhũng nhất Đông Nam Á, sau In-đô-nê-xi-a, và Bangladesh. Những người lãnh đạo "lương thiện nhất," mua đất nông nghiệp trước, làm quy hoạch thành phố sau. Mỗi lần như vậy, họ lời hàng triệu đô la, tạo nên thị trường nhà đất đắt nhất thế giới.

"Có lẽ cái thành công lớn nhất của đảng CSVN là tạo ra một cơ chế: 'Nói dối và thích nghe nói dối.' Khi ai nói thật, thì họ cảm thấy khó chịu và lập tức bị chụp mũ ngay là 'phản động,' 'chống nhà nước XHCN.' Phạm Hồng Sơn mới có dịch một bài Dân chủ ABC đã bị nếm mùi lao tù. Lê Chí Quang chỉ viết mấy bài chống tham nhũng đã bị truy tố. Nhiều người kiên nhẫn cứ lấy hiến pháp ra tranh luận với đảng; nào là: 'Công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí; có quyền được thông tin; có quyền hội họp, lập hội ..v.v' Rồi mấy ông luật sư nước ngoài cứ tưởng nước Việt Nam có luật pháp thật, xin bào chữa cho Lê Chí Quang. Họ đâu hiểu luật pháp ở VN chỉ để phạt "những người không thích nói dối." Giống như tấm váy mỏng của cô gái làng chơi. Có cũng được, mà không có cũng được. Ở Châu Âu bộ trưởng bộ Tư Pháp thì hét ra lửa, còn ở VN lần đầu tiên ông bộ trưởng được chiếu cố vào trung ương ủy viên, nhưng chẳng có quyền hành gì hết. Từ năm 1945 tới nay mới có cuộc hội thảo nhà nước pháp quyền lần tiên. Ông Hoàng Văn Hảo, Học Viện Chính trị Quốc Gia Hồ Chí Minh, chân thành nhận xét: 'Nhận thức về nhà nước pháp quyền ở ta lúc lên lúc xuống.' Nhà thơ Nguyễn Duy viết công lý ta nổi lều bều...như...!

"Ông Nguyễn Duy Quý, giám đốc Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn khẳng định: 'Không có vùng cấm nào trong công trình nghiên cứu cấp nhà nước này.' Xin đừng vội tin. Hãy xem gương ông Trần Khuê và bà Nguyễn Thị Thanh Xuân! Bộ chính trị 'đặt hàng' cho ông, bà ấy viết, rồi không trả tiền, lại vu khống và đàn áp họ. Họ nói: 'Bộ Chính trị nói đùa vậy mà anh, chị lại tưởng thật!' Rồi trường hợp ông Tương Lai nguyên viện trưởng viện Xã Hội Học, khi làm báo cáo về vụ Thái Bình hơi nghiêm túc quá nên mất chức. Chuyện đã rồi, không thể làm lại được nữa, dù ông có 'ăn năn,' viết bài khen Chủ Nghĩa Mác để đăng trên Tạp chí Cộng Sản cũng hoài công.

"Hãy đọc lại một khổ thơ của ông Tố Hữu viết trong bài 'Chào xuân 99':

"Mặt nạ người che lòng dạ quỷ!

Sao lắm kẻ xưng danh đồng chí

Nhạt lương tâm, lạnh ngắt đồng tiền

Gian tà dám bán rao đạo lý

Tham nhũng leo thang bậc cửa quyền!"

"Tại sao đảng CSVN dành riêng cho mình lắm độc quyền thế? Từ quyền yêu nước, quyền phá hoại môi sinh, quyền tham nhũng, v.v tới quyền chống tham nhũng! Ông Tố Hữu dùng những cụm từ chữ rất nặng 'mặt nạ người,' 'lòng dạ quỷ,' 'gian tà' chỉ các đồng chí của ông mà không sao cả, vì ông là cán bộ đảng viên, bài viết của ông còn được đăng ở nhiều báo. Còn Lê Chí Quang chỉ tham gia thôi mà cũng bị kết tội. Thế mà trên báo chí trong nước chỗ nào cũng thấy viết: 'Mọi người đều có quyền bình đẳng trước pháp luật.' Bình đẳng ở đâu? Pháp luật ở đâu? Đâu là nhà nước 'của dân, vì dân' 'dân biết, dân bàn, dân kiểm tra'? Tôi đề nghị các ông lãnh đạo trong bộ Chính trị nên đọc bài học vỡ lòng 'Thế Nào Là Dân Chủ?' mà Phạm Hồng Sơn đã bỏ công ra dịch, nếu không đọc được nguyên bản tiếng Anh.

"Việc đưa Lê Chí Quang ra truy tố chủ yếu để thăm dò dư luận. Chứ bản án thì họ đã định ngay từ khi bắt Lê Chí Quang. Nếu không có sự phản đối trong và ngoài nước thì họ tiếp tục công khai đàn áp những trí thức yêu nước. Ngược lại, họ sẽ dùng luật 31/CP do ông Võ Văn Kiệt ký, trước khi hạ cánh an toàn, để tạm giam. Đây là cuộc chiến tranh chống lại dân tộc với quy mô lớn nhất, toàn diện nhất trong lịch sử. Họ có thể bịt mồm được một Lê Chí Quang, nhưng không thể bịt mồm được cả 80 triệu dân VN. Những người lãnh đạo đảng Cộng Sản Việt Nam không thể cản lại xu hướng dân chủ tất yếu của thời đại, chống lại các giá trị văn minh của loài người. Cách đây vài năm, ông cựu Tổng thống Nam Tư Slobodan Milosevic không nghĩ mình sẽ bị truy tố trước toà án quốc tế với tội diệt chủng. Ở The Hague chỗ vẫn còn nhiều, dành cho những kẻ ngoan cố chống lại nhân loại.

"Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, và những người chưa một lần biết tên hãy vững tâm! Cả dân tộc đang bên cạnh các bạn và tự hào hành động dũng cảm của các bạn.

"Tất cả cho dân chủ ở Việt Nam!

"Động Đình, một ngày mưa, 27-10-2002.

Lạc Nam."

Lính đánh thuê

Suy nghĩ là một thiên tư của con người. Ít nhất, chúng ta vẫn thường tin như vậy. Nhưng biết suy nghĩ cũng không đủ để gọi là người. Bởi vì khả năng thiên phú đó phải được dùng như thế nào đó thì mới đáng gọi là con người suy nghĩ. Ngay những người có tâm địa không lành, suy nghĩ những điều làm hại kẻ khác, hắn vẫn suy nghĩ với tính cách một con người, con người ác, hắn biết mình muốn làm điều ác.

Điều đáng than phiền nhất là nhiều người có khả năng suy nghĩ mà lại dùng khả năng đó để nói những điều vô bổ, vô vị, nói để mà nói, theo chỉ tiêu, kế hoạch, mà chính họ cũng không tin tưởng vào điều mình nói. Khi làm như vậy, họ đã từ chối ngôi vị làm người của mình. Thấp hơn một con vật, họ trở thành một cái máy. Đó là cảm tưởng khi đọc một bài của ông Võ Chí Công, trong *Tạp chí Cộng Sản*, số 26, tháng Chín năm 2002.

Ông Võ Chí Công bàn về Vụ án Trương Văn Cam, biết dưới cái tên Năm Cam. Bàn chuyện anh trùm xã hội đen đã mua chuộc, đút lót các cán bộ cao cấp của đảng từ anh công an khu vực tới ủy viên Trung ương Đảng. Bàn thì bàn có sao đâu. Nhưng tại sao ngay câu đầu ông Võ Chí Công lại phải viết: "Đường lối đổi mới thật sự đem lại những thành tựu to lớn về phát triển kinh tế – xã hội, đời sống nhân dân ngày một được nâng cao. Đảng và Nhà nước cũng trưởng thành trong vai trò lãnh đạo và quản lý ..." Trích tới đó đã hơi dài rồi, thế nào cũng có người ngáp muốn đi ngủ! Đối với quý vị quen suy nghĩ như một con người thì đọc tới đó chắc đã chán lắm rồi, vì biết mình đang nghe một cái máy nó nói, không phải một con người nói.

Nhưng chắc không thể nào chữa được cái tật nói như con vẹt của một lý thuyết gia trong *Tạp chí Cộng Sản*. Nhất là một ông đã đóng vai chủ tịch nước. Đó là nghề của họ. Cũng như các kỹ sư điện toán lo ráp máy vi tính computer, các bạn đạp xích lô hì hục đạp, các công nhân nhà tắm lo chiều khách bằng bẩy chữ tám nghề, các lý thuyết gia trong *Tạp chí Cộng Sản* làm nghề lý luận. Họ lý luận để kiếm ăn, như đội ngũ lính đánh thuê trên "mặt trận tư tưởng."

Vụ án Năm Cam ở Việt Nam ai cũng biết. Và ai cũng biết vì sao có những hành động tham ô bẩn thỉu trong bộ máy thống trị của đảng Cộng Sản; tất cả chỉ vì chế độ độc quyền chuyên chế. Chấm dứt chế độ độc tài chưa chắc đã hết tham nhũng, nhưng còn độc tài thì chắc chắn còn tham nhũng. Nhưng các tay

lính đánh thuê cho "Cơ quan Lý luận và Chính trị của Trung ương Đảng Cộng SảnViệt Nam" giả bộ như họ không biết gì cả. Họ vẫn coi vụ Năm Cam như là một tai nạn xe cộ vì tài xế bất cẩn!

Ông Võ Chí Công long trọng đặt câu hỏi về vụ Năm Cam: "... chúng ta thấy gì?" Và ông trả lời ngay: "Một là, một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên bị lôi kéo, dụ dỗ, mua chuộc, trở thành đồng phạm của tội phạm."

Thật là khéo vờ vẫn. Đảng tiền phong của giai cấp, đỉnh cao trí tuệ, bách chiến bách thắng, đã giáo dục nhồi sọ các đảng viên bao nhiêu năm rồi mới thăng lên hàng tướng lãnh, phong chức thứ trưởng, mà lại bảo là họ bị dụ dỗ như con nít! Mà lại bảo bọn chúng chỉ là đồng phạm! Thế ai mới là chánh phạm? Chắc hẳn là, nói như thi sĩ Nguyễn Chí Thiện, "Chính danh thủ phạm phải là Đảng ta!" Còn anh Năm Cam, cũng như những tên Minh Phụng, tên Khưu Thìn trước đây, anh ta cũng chỉ là một quân cờ cho guồng máy độc quyền tham nhũng sử dụng!

Và ông Võ Chí Công còn chạy tội cho chế độ độc tài bằng cách đổ tội cho kinh tế thị trường! Ông viết: "Hai là, trong cơ chế thị trường, chủ nghĩa thực dụng phát triển coi đồng tiền là trên hết đã tác động đến đội ngũ cán bộ, gây hậu quả nghiêm trọng."

Những lính đánh thuê trong nghề lý luận có một cái tật là chuyện gì cũng đổ tại một cái chủ nghĩa nào đó. Năm Cam được hân hạnh bị đem ra bêu riếu cùng với cái gọi là "chủ nghĩa thực dụng!" Lối lý luận bằng chủ nghĩa này, chủ nghĩa nọ, đúng là nghề của những lính đánh thuê. Không vin vào một chủ nghĩa nào thì đâu còn đáng mang tên là lý luận gia của đảng! Triết gia Lucius Annaeus Seneca sống đầu kỷ nguyên Tây Lịch ở La Mã không hiểu sao cũng đọc tờ *Tạp chí Cộng Sản* này rồi, nên ông mới viết, "Không có kẻ nào làm hại loài người bằng những kẻ học triết lý để làm nghề lính đánh thuê." Tôi mới nhận được cuốn sách về triết học cổ đại của Pierre Hadot vào một ngày đẹp nhất trong đời. Hôm nay mở ra tình cờ như người ta bói Kiều, gặp ngay câu trên. Ngay sau khi đọc ông Võ Chí Công trong tờ báo lý luận của đảng! Chẳng khấn khứa gì hết mà sao các thánh hiền cổ đại Hy La cũng linh thiêng, ứng cho một quẻ không sai vào đâu được!

Nếu hỏi một bà Ba, chị Bẩy ở chợ Bến Thành về vụ Năm Cam thì chắc chúng ta sẽ không được nghe họ nói về chủ nghĩa nào hết. Tại sao có vụ Năm Cam? "Thì tại tụi nó tham quá chớ gì nữa!" Nói như vậy có phải thành thật và giản dị hay không nào! Mà chủ nghĩa thực dụng (pragmatism) đâu có coi đồng tiền là trên hết? Người ta coi ích dụng thực tế là tiêu chuẩn quan trọng nhất trong công việc, không nhất thiết phải là tiền! Nếu quý vị quản trị một xí nghiệp thì nhiều khi quý vị phải coi tâm lý thỏa mãn của nhân viên trong công việc là tiêu chuẩn quan trọng nhất; mà tâm lý đó không thể đo bằng tiền được. Còn tham, sân, si là những tật xấu của con người, nó chứa sẵn từ trăm ngàn năm trước trong gien rồi, đâu cần đến chủ nghĩa nào đâu!

Nhưng tại sao lòng tham lại được phát triển rực rỡ và quy mô dưới chế độ cộng sản? Vì cơ chế chính trị, kinh tế, xã hội độc tài nó thả lỏng cho lòng tham tha hồ phát triển. Không có một cơ chế kiểm soát như tam quyền phân lập, như hệ thống tư pháp độc lập, không có báo chí tư nhân tự do. Tất cả tạo cơ duyên cho lòng tham phát triển.

Chính ông Võ Chí Công viết, "Nhân dân bị ức hiếp nhưng không dám tố giác vì sợ bị bọn tội phạm trả thù ..." Nói "bọn tội phạm" ám chỉ bọn Năm Cam là sai. Nó là Đảng! Hỏi các ông Hoàng Minh Chính, Nguyễn Đan Quế, Phạm Quế Dương thì biết chúng nó trả thù như thế nào!

Liệu ông Võ Chí Công có biết như vậy hay không? Chắc ông phải biết. Nhưng ông vẫn viết những lời vô vị, vòng vo chạy tội cho đảng của ông. Ông tự hạ phẩm giá của mình. Không những thế, như Sénèque nhận xét, ông ta đã làm nhục cả loài người biết suy nghĩ.

Kinh tế Tri thức và chủ nghĩa cộng sản

Trong tờ *Tạp chí Cộng Sản* số 22 ra tháng Tám năm 2002, ông Đặng Hữu, là Trưởng ban Khoa giáo Trung ương viết một bài về "kinh tế tri thức." Đây cũng là một đề tài chúng tôi rất quan tâm, chú ý hơn cả chuyện Năm Cam nữa (!) cho nên muốn đọc coi các lý thuyết gia của đảng nói gì.

Kinh tế tri thức là một hiện tượng mới, khi các hoạt động kinh tế tùy thuộc vào hiểu biết, tin tức, và mạng lưới truyền đạt các tri thức đó một cách công khai, mở rộng và tự do. Khi các xí nghiệp liên lạc với nhau qua mạng lưới toàn cầu, tính toán kế hoạch kinh doanh trên mạng

lưới, khi tất cả các dữ kiện, tin tức được phơi bầy tự do trên đó để họ sử dụng, như vậy là đã đặt nền tảng cho kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức tùy thuộc vào hạ tầng cơ sở là hệ thống viễn thông, nhưng yếu tố quan trọng hơn là tinh thần tự do, phóng khoáng, trong một xã hội cởi mở. Trong thập niên qua, kinh tế nước Mỹ tiến xa hơn các nước Âu châu và Nhật Bản là nhờ dùng cái đà nhẩy của kinh tế tri thức.

Giáo sư Đặng Hữu diễn tả đúng những hệ quả của nền kinh tế tri thức. Ông viết: "Kinh tế tri thức thúc đẩy sự dân chủ hóa. Tổ chức quản lý có nhiều đổi mới; mô hình chỉ huy tập trung, có đẳng cấp không còn phù hợp; đang được thay thế bằng mô hình phi đẳng cấp, phi tập trung, mô hình mạng." (*Tạp Chí Cộng Sản* số 22, tháng 8/ 2002, trang 27.)

Nhận xét trên rất đúng. Tất cả các tác giả viết về kinh tế tri thức đều phải kết luận như vậy. Giáo sư Đặng Hữu cũng nhận xét rằng nền kinh tế và xã hội các nước tư bản đang phải điều chỉnh rộng lớn (đại điều chỉnh, như ông viết) để thích ứng với nền kinh tế dựa trên tri thức. Quả thật họ đang tự điều chỉnh. Và ông cũng nói rất đúng, là các nước khác chỉ có một con đường để lựa chọn, là hội nhập, để hợp tác và cạnh tranh với nhau. Và điều ông kêu gọi cũng rất đúng: "Nước ta phải nắm bắt thời cơ, khẩn trương chuẩn bị mọi điều kiện để phát triển kinh tế tri thức." Ông nêu đúng vấn đề cụ thể, cần thiết là phải "nhanh chóng phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hình thành mạng xa lộ thông tin quốc gia, ứng dụng [...] rộng rãi trong tất cả các lãnh vực..." Đọc những lời lẽ trên chúng ta phải mừng là nhiều người trí thức trong nước nhìn rõ nhu cầu của Việt Nam trong lúc muốn bắt kịp đà tiến của thế giới.

Nhưng sau đó, cũng trong bài này, ông Đặng Hữu lại nói những điều trái ngược hẳn với những nhận xét trên! Ông viết rằng phải tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới "dựa trên nền tảng của chủ nghĩa Mác – Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh."

Giáo sư Đặng Hữu giả bộ như không biết rằng những sản phẩm của tư duy Mác, Lê nin, Hồ Chí Minh đó đã đẻ ra một guồng máy hoàn toàn đi ngược với những nhu cầu thay đổi xã hội, đất nước, mà ông viết ở trên. Guồng máy đó đang kiềm hãm không cho các điều kiện của kinh tế tri thức phát triển!

Trong khi kinh tế tri thức thúc đẩy cách tổ chức xã hội (mô hình) phi đẳng cấp, phi tập trung và theo lối mạng lưới, thì những xã hội tổ chức theo Mác, Lê nin, do Hồ Chí Minh nhập cảng đem vào Việt Nam, đã thiết lập một cơ chế cai trị chặt chẽ, có đẳng cấp nặng nề nhất, tập trung cao độ nhất, chỉ huy theo hàng dọc từ trên xuống cứng nhắc chứ không có mạng lưới nào cả!

Cụ thể, đảng Cộng Sản Việt Nam thay vì phát triển hệ thống xa lộ thông tin và thiết lập cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin thì, ngược lại, đã đặt ra bao nhiêu rào cản, tình trạng ngăn sông cấm chợ trên internet không khác gì tình trạng giao thông, thương mại thời Lê Duẩn. Thay vì "giải phóng mọi lực lượng sản xuất, mọi khả năng sáng tạo" như ông Đặng Hữu viết, thì đảng Cộng Sản lại kìm hãm các lực lượng sản xuất tiến bộ nhất, là những người sử dụng internet và mạng lưới toàn cầu để thông tin liên lạc với nhau! Khả năng sáng tạo nào phát triển được trong cảnh ngăn sông cấm chợ đó? Những biện pháp ngăn cấm người dân không cho dùng internet tự do, không cho nghe, coi các đài truyền hình, truyền thanh ngoại quốc tự do, đó chính là sản phẩm của chủ nghĩa Mác, Lê nin, đã được Hồ Chí Minh áp dụng ở Việt Nam một cách dã man hơn ở bên Nga, bên Đông Âu – vì chủ nghĩa Mác Lê được "tổng hợp sáng tạo" với máu ranh vặt, đầu óc thủ đoạn quỷ quyệt của tầng lớp thấp nhất trong xã hội Á đông!

Đáng lẽ ra sau khi trình bầy những đặc điểm của nền kinh tế tri thức ông Đặng Hữu phải kết luận ngược lại. Rằng muốn nước Việt Nam bước vào thời đại kinh tế tri thức thì trước hết phải xóa bỏ chế độ độc tài! Phải từ bỏ các chủ nghĩa lỗi thời từ thế kỷ 19, phải giải tán đảng Cộng Sản, phải để cho nhân dân được tự do!

Nhưng ông Đặng Hữu không thể viết điều đó. Có lẽ ông khôn ngoan không nói, cố ý để cho các độc giả tự tìm ra hệ luận tất yếu của những điều ông viết bên trên. Còn chuyện đề cao những chủ nghĩa Mác Lê của ông cũng chỉ là hô một khẩu hiệu rỗng tuếch không còn nội dung nào nữa. Người hô khẩu hiệu và người nghe đều biết nó là trống rỗng.

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG
TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

RỪNG THU TẦNG BIẾC CHEN HỒNG: TẠI SAO LÁ ĐỔI MẦU? MÙA THU ĐÁNG GIÁ BAO NHIÊU TIỀN?

THANH THẢO

(Trích tạp chí Phụ Nữ Gia Đình Người Việt số 2)

Sáng nay thức dậy đi bộ dọc theo con đường uốn khúc gần nhà (để tập thể dục chứ không phải để tìm thi hứng như các chị Minh Thủy, Ngô Tịnh Yên, Trần Mộng Tú,) Thanh Thảo bỗng ngạc nhiên vì không biết từ lúc nào hai hàng cây bên đường lá đã ngả gần hết sang màu đỏ, cam, vàng, nâu. Còn sót lại trong đám lá là một ít lá xanh đậm. Những chiếc lá Thu như gấm nhắc ta nhớ câu thơ trong truyện Kiều "Rừng Thu tầng biếc chen hồng..."

Không phải chỉ có cụ Nguyễn Du, các thi sĩ, hay hay người Việt chúng ta mới rung cảm trước sắc đẹp huyền ảo diễm lệ của những chiếc lá thu. Bên mình không có phương tiện, chúng ta cứ chờ đợi khi lá đổi màu báo mùa Thu tới mới chọn dịp đi... ngắm. Trời cho lá màu gì, chúng ta ngắm màu đó. Tản Đà viết: "Trận gió thu phong nhuộm lá Vàng – Lá bên hàng xóm lá bay sang – Vàng gieo mấy lá năm hồ hết – Hờ hững ai xui thiếp phụ chàng - Trận gió thu phong nhuộm lá Hồng - Gió bay tường Bắc lá sang Đông ...

Dân tộc ta vốn không có thói quen tính toán, sắp đặt mọi thứ trước như người tây phương. Ngược lại, người Mỹ thường hoạch định mọi chuyện trong đời trước rất kỹ lưỡng. Năm nào con cái vào đại học, ra trường, năm nào sẽ về hưu, lúc nào có thể phải chuẩn bị hậu sự là chuyện được tính từ nhiều năm trước. Tính toán để đóng tiền sẵn về sau mình hoặc thân nhân đỡ phải lo. Chuyện du lịch cũng vậy.

Mùa Thu người ta hay đi lên rừng ngắm lá đổi mầu. Có rung cảm như các thi sĩ trước vẻ đẹp của những chiếc lá Thu hay không đi nữa, ngay cả việc dùng mấy ngày nghỉ đưa vợ, chồng hay người yêu đi chơi, người Mỹ cũng tính trước có khi cả một hai năm trời. Tính toán để xin chọn ngày nghỉ, điện thoại đặt trước phòng trọ, mang theo máy quay phim, chụp hình... đưa người thân đi chơi những đâu (về còn phải đem hình ảnh ra khoe bạn bè nữa chứ!)

Khi đặt phòng quán trọ, người ta thường hỏi khách sạn: "Liệu tuần lễ đó lá có ngả màu đỏ, màu vàng chưa?" Trả lời sai một, hai tuần lễ là làm hỏng mất dịp vui của du khách. Lần sau còn ai tới trọ nữa?

Phải dự kiến chính xác ngày nào lá thu trở mình nhuộm màu quan san rực tía trong những khu rừng để du khách đến thăm nhằm đúng lúc lá thay màu, nghề tiên đoán vì thế mới trở thành thương vụ du lịch trị giá hàng tỉ bạc. Những tiểu bang thời tiết đủ bốn mùa ở miền Đông Bắc Hoa Kỳ là những địa điểm thu hút nhiều du khách nhất trong tiết Thu. Những người ở vùng Washington D.C. đến New York vẫn lên Vermont, Maine. Còn ở miền Tây Bắc thì các tiểu bang Washington, Oregon, cho tới Montana cũng đón tiếp hàng trăm ngàn du khách từ các nơi khác. Canada thì khỏi nói, đó là đất của lá phong và của các họa sĩ vẽ phong cảnh tuyệt vời. Các Sở Du lịch tiểu bang phải nghiên cứu thời tiết để biết chắc ngày nào, tháng nào bắt đầu mùa lá đổ. Họ gửi thư mời du khách từ khắp nước và khắp thế giới, hẹn hò đúng lúc; không muốn để cho người ta sau này lại hỏi nhau "Thu về, em đã gặp Thu chưa?" rồi ngỡ ngàng vì đi muốn rủ nhau đi thăm mùa thu thì đã quá muộn. (Câu trên là thơ Đinh Hùng.)

Theo kết quả của cuộc nghiên cứu mới nhất đại học Vermont vừa công bố, số du khách thăm tiểu bang Vermont năm ngoái lên đến trên 1.5 triệu chuyến thăm. Những chuyến đi này mang tên "foliage touring" hay "ngắm lá thay màu." Tiền họ chi phí cho các chuyến đi chơi này trị giá khoảng $700 triệu Mỹ kim.

Tại tiểu bang Wisconsin, nơi có nhiều rừng hơn, trị giá những chuyến thăm của du khách trong năm ngoái lên đến hơn $1 tỉ Mỹ kim. Một số du khách đã không có dịp ngắm "rừng gấm thu nghiêng cánh lụa vàng" (Đinh Hùng) vì đến thăm rừng quá sớm hoặc quá trễ. Nhiều kinh tế gia thuộc tiểu bang Wisconsin cho rằng nếu dự kiến được chính xác thời điểm lá đổi màu, tiểu

bang này sẽ thu hút được thêm rất nhiều du khách trong những năm tới và sẽ nâng thương vụ lên cao hơn $1 tỉ Mỹ kim nhiều.

Những chương trình nghiên cứu tìm đúng khi nào lá thay màu hiện đang là đề tài tiểu bang Wisconsin và nhiều tiểu bang miền Đông theo đuổi.

Theo những nhà nghiên cứu sinh vật học, lá đổi màu vì một số lý do chúng ta chắc ai cũng biết qua chút ít. Nhiệt độ giảm và ngày bắt đầu thu ngắn lại trong mùa Thu tạo ra phản ứng hủy phân tử Chlorophyll, tức là chất Diệp Lục Tố trong lá cây.

Chlorophyll là phân tử tạo màu xanh, giữ nhiệm vụ chính trong phản ứng hóa học Quang Hợp (photosynthesis) dùng năng lượng mặt trời biến đổi khí carbon và nước thành thức ăn cho lá cây. Khi Diệp Lục Tố bị hủy, những sắc màu khác, yếu hơn, đã nằm sẵn trong lá cây mới có dịp lộ ra. Những màu vàng hoặc cam thuộc họ carotenoids, là hai màu chính khiến lá trong rừng thu nhuốm màu... quan san.

Giải thích đến đây nghe dễ hiểu rồi, nhưng đó là hai màu vàng và cam. Thế còn màu đỏ trong câu thơ "tầng biếc chen hồng" của cụ Nguyễn Du, hay câu thơ Đỗ Phủ "Lá thu hồng như hoa tháng Hai," là do hóa chất nào gây nên?

Tại sao lá lại biến thành màu đỏ là thắc mắc của các khoa học gia cả một thế kỷ nay. Nhờ các cuộc nghiên cứu mới đây, khoa học tìm biết màu đỏ của lá (và cả màu tím, màu hồng nữa, vâng đúng là màu hồng, tiếng Mỹ gọi là magenta) là do những phân tử thuộc họ anthocyanins tạo ra.

Phân tử anthocyanin không nằm sẵn trong lá cây như carotenoids, mà được tạo ra trong lá cây vào mùa Thu. Vấn đề ở đây là quá trình quang học và hóa học nào khiến lá cây bắt đầu tạo anthocyanins để có mầu đỏ?

Cuối năm ngoái, bác sĩ William Hock và nhóm nghiên cứu thuộc đại học Wisconsin-Madison đã chứng minh trong một bài viết đăng trên tạp chí *Tree Physiology* về lý do lá đổi màu đỏ. Bài nghiên cứu này hỗ trợ một ý kiến khoa học đã nêu lên từ thế kỷ thứ 19th. Theo ý kiến này, phân tử anthocyanins chính là hóa chất giữ nhiệm vụ che khuất những cơ chế thâu nhận ánh sáng, trong quá trình quang hợp của lá cây mỗi khi nắng chói chang quá.

Vào mùa Thu, với nhiệt độ và độ nắng giảm dần, lá cây chuẩn bị úa tàn khi những cơ cấu ở trong lá cây vẫn dùng trong quá trình thâu nhận ánh sáng, chúng cũng bị hủy diệt từ từ. Vì lý do này, lá cây trở nên quá nhạy cảm với ánh sáng mặt trời chỉ vì diệp lục tố không còn làm bổn phận thường xuyên của chúng nữa.

Trong quá trình quang hợp, những phân tử Diệp Lục Tố đóng vai thu ánh sáng mặt trời để dùng trong một "dây chuyền sản xuất," nhờ năng lượng mặt trời mà tạo ra chất đường cho cây. Khi các cơ chế quang hợp bị hủy dần dần, diệp lục tố được tách ra khỏi dây chuyền sản xuất, chỉ còn là những phân tử rời rạc lêu bêu, chúng nhận ánh nắng mặt trời rồi tự tìm cách vứt bỏ năng lượng bất cứ lúc nào có thể làm được. Quá trình tự hủy này tạo ra một số phân tử có tính hủy hoại như free radicals và peroxide. Chính các phân tử này giết chết lá.

Trước sau gì lá cũng rơi hết vào cuối mùa Thu để lại cành cây khô cằn mùa Đông giá, vậy thì lá có bị chết sớm, có rơi rụng sớm hay muộn thì có gì quan trọng?

Nhưng vì thiên nhiên đã xếp đặt để cho cây phải hút lấy và giữ lại hết những hóa chất hữu dụng trong mỗi chiếc lá trước khi lá rụng, nên cây cần làm sao giữ lại lá trên cành trong quá trình úa tàn cho đủ ngày đúng tháng mới được phép "vàng rơi mấy lá." Thiên nhiên cũng là một nhà kinh tế "tối ưu hóa," tận dụng những chiếc lá mùa này để nuôi cây chờ mùa lá sang năm. Đúng lúc các diệp lục tố tự do có thể sinh các hóa chất phá hoại, là lúc chất Anthocyanins trở nên cần thiết. Anthocyanins có tác dụng trên lá cây gần giống thuốc chống nắng bôi da của người đi tắm biển. Anthocyanins che ánh nắng mặt trời không cho gây phản ứng trên những phân tử Diệp Lục Tố còn sót lại trong lá cây. Nắng càng gắt, cây càng tạo nhiều hóa chất anthocyanins để che chở.

Vì lý do này những lá cây nhận trực tiếp ánh nắng mặt trời trong mùa Thu mới có nhiều lá đỏ. Trái lại, những cây bị che khuất hoặc được bao bọc trong những chỗ râm mát có rất ít lá màu hồng.

Theo tạp chí *The Economist*, số ra ngày 12 tháng 10, một bài nghiên cứu khác sẽ được đăng trên tạp chí *Tree Physiology* của ông Paul Schaberg hỗ trợ bài nghiên cứu của bác sĩ Hock. Ông Paul Schaberg là một nghiên cứu gia thuộc Bộ Canh Nông Hoa Kỳ tại tiểu bang Vermont. Bài nghiên cứu của ông thực hiện trên loại cây Phong Đường (Sugar Maple). Bài nghiên cứu kết luận những cây nào có nhiều lá đỏ sậm là

những cây có nhiều chất nitrogen (trong dạng hợp chất) và nhiều đường nhất. Màu đỏ của lá do cây tìm mọi cách sản xuất chất chống tác hại của ánh nắng mặt trời.

Một số khoa học gia khác tin rằng vài yếu tố khác như độ lạnh của mỗi mùa Thu, độ ẩm nhiều hay ít, cây bị thương bị bệnh hay không, hoặc bị tiếp xúc với Ozone cũng ảnh hưởng không nhỏ đến màu đỏ của lá cây. Một số nhà nghiên cứu còn nghĩ hóa chất anthocyanins không những chỉ giúp lá cây chống nắng mà còn có khả năng hủy diệt độc tố, giúp các tế bào lá giữ lại nước, và chống sự đóng băng. Vì anthocyanin có nhiều công dụng, hiện nay các khoa học gia vẫn chưa xác quyết được yếu tố nào khiến cây bắt đầu tạo ra hóa chất này.

Trong khi các khoa học gia còn bận nghiên cứu về hóa chất tạo ra màu lá đỏ, thiết nghĩ chúng ta cứ hưởng mùa Thu với tất cả những sắc màu huyền diệu của những tầng lá xanh, cam, vàng, nâu, hồng, đỏ, tím... Mỗi màu mỗi vẻ huy hoàng.

Khi có dịp đi thăm lá thay màu mùa Thu năm nay, và... đóng góp thêm vào thương vụ của các tiểu bang có đủ bốn mùa, những quí vị may mắn chắc không cần thắc mắc lá có đổi màu đỏ không, hay khi nào thì đổi sang màu đỏ. Chỉ có dịp thăm lá thay đủ thứ màu là đã quí rồi!

Các tiểu bang có rừng Thu lại tiếp tục tha hồ thu tiền du khách, tăng thêm thương vụ; và du khách có thể ngắm cảnh rừng gấm thu nghiêng mà không cần đợi kết quả nghiên cứu chính xác của các khoa học gia xem tại sao và khi nào lá biếc sẽ chen hồng.

HIỂM HỌA CỦA VIỆC DỰNG CƠ ĐỒ TRÊN MỘT NHÂN VẬT

THANH THẢO

Mấy tháng nay nếu là độc giả quyển tạp chí *Martha Stewart Living* chắc quí vị không khỏi thắc mắc tại sao chức vụ Chủ Bút lại không còn tên người phụ nữ nổi tiếng đã sáng lập nhãn hiệu mang cùng tên bà, Martha Stewart.

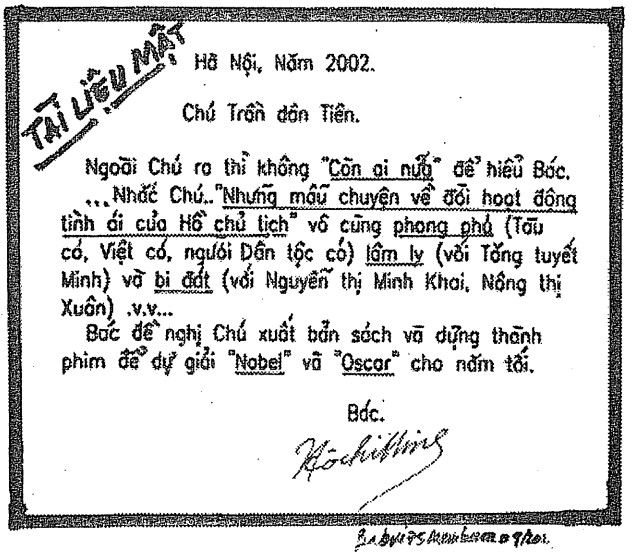
TÀI LIỆU MẬT

Hà Nội, Năm 2002.

Chú Trần dân Tiên.

Ngoài Chú ra thì không "Còn ai nữa" để hiểu Bác.

...Nhắc Chú.."Những mẩu chuyện về đời hoạt động tình ái của Hồ chủ tịch" vô cùng phong phú (Tàu có, Việt có, người Dân tộc có) lâm ly (với Tăng tuyết Minh) và bi đát (với Nguyễn thị Minh Khai, Nông thị Xuân) .v.v...

Bác đề nghị Chú xuất bản sách và dựng thành phim để dự giải "Nobel" và "Oscar" cho năm tới.

Bác.

Hiện nay chức vụ này do một nhân viên kỳ cựu của công ty, bà Margaret Roach đảm trách. Bà Roach là người ít ai biết đến dù làm trong ngành truyền thông báo chí.

Thay chủ bút, tạp chí này có còn đủ khả năng giữ và thu nhận thêm quảng cáo không? Hay mất người sáng lập nổi tiếng rồi tờ nguyệt san này sẽ không chóng thì chầy mất dần nguồn lợi tức cần thiết đến độ gây nguy hiểm cho cả đại công ty?

Không những chỉ có ban điều hành tờ nguyệt san *Martha Stewart Living* mới lo ngại vấn đề mất quảng cáo. Từ ngày công ty Martha Stewart Living Omnimedia Inc. bắt đầu trao đổi cổ phiếu trên thị trường chứng khoán phố Wall năm 1999, nhiều phân tích gia kinh tế và những nhà đầu tư lớn đã nêu quan ngại về hiểm họa xây dựng cơ đồ của cả một đại công ty dựa phần lớn vào một nhân vật nổi tiếng, nhà sáng lập, chủ tịch, kiêm tổng giám đốc điều hành Martha Stewart.

Martha Stewart Living Omnimedia Inc. là công ty mẹ của các công ty chi nhánh khác liên quan đến các tạp chí, thương vụ bán sản phẩm mang hiệu Martha, quảng cáo trên mạng điện toán và các chương trình truyền hình chiếu toàn quốc.

Từng làm việc trong ngành trao đổi cổ phiếu chứng khoán, bà Martha Stewart may mắn tìm được môi trường để giới thiệu những sản phẩm làm đẹp nhà cửa trên chương trình truyền hình. Từ đó, bà được biết đến như một người phụ nữ "hoàn toàn," hay ít ra là gần với giá trị "hoàn toàn" nhất.

Các chương trình truyền hình này mang nguồn lợi trị giá $13.9

triệu Mỹ kim cho công ty, tính từ đầu tháng Giêng đến cuối tháng 6, 2002.

Những sản phẩm bà giới thiệu trên truyền hình do công ty bà sáng lập sản xuất gồm nhiều mặt hàng gia dụng chất lượng tốt.

Vài sản phẩm tiêu biểu là những tấm khăn trải giường, sơn nhà, và đồ dùng trong bếp, trang hoàng nhà cửa.

Giỏi điều đình, và nhờ vào thành công liên tiếp, bà Martha Stewart đạt hợp đồng mang lợi tức cho công ty Martha Stewart Living Omnimedia Inc hầu như có một không hai trong kỹ nghệ này, hàng của Martha Stewart được bày bán tại tất cả các chi nhánh khắp nước của công ty bán lẻ K-Mart.

Tổng thương vụ bán sản phẩm mang hiệu Martha cùng thời gian từ đầu tháng Giêng đến cuối tháng 6, 2002 trị giá khoảng $27 triệu Mỹ kim.

Những quyển tạp chí về đời sống đẹp nói chung (Martha Stewart Living), liên quan đến trẻ em tuổi vị thành niên (Martha Stewart Kids), và đến các em bé (Martha Stewart Baby) là những "cây tiền" của công ty mẹ. Tổng số tiền thu từ quảng cáo tính từ đầu năm đến cuối tháng 6, 2002 lên đến $90.4 triệu Mỹ kim.

Còn việc quảng cáo và bán hàng qua mạng điện toán cũng thu được thêm lợi tức cho công ty với thương vụ tính cùng thời kỳ lên đến $15.1 triệu Mỹ kim.

Khó ai chối cãi đại công ty Martha Stewart Living Omnimedia Inc thành công lớn nhờ vào nhân dáng, cá tính và sự nổi tiếng của người sáng lập, bà Martha Stewart.

Tên bà càng trở thành quen thuộc với khán giả, độc giả và người ái mộ bao nhiêu, thì khi tai tiếng làm hoen mờ cái hình ảnh "hoàn toàn" của bà bắt đầu tạo ảnh hưởng bất lợi, tác hại càng khó lường bấy nhiêu.

Những chuyên gia kinh tế bây giờ bắt đầu nêu quan ngại liệu đại công ty tạo cơ nghiệp trên một nhân vật có thể nào tồn tại sau khi mất nhân vật đó chăng?

Hồi tháng Ba năm nay, cá nhân bà Martha Stewart bị cáo buộc tội lạm dụng chi tiết bí mật nội bộ để bán tháo cổ phiếu chứng khoán công ty nghiên cứu dược phẩm Imclone trước khi cổ phiếu này mất giá.

Imclone là công ty nộp đơn xin Cơ Quan Kiểm Soát Dược và Thực Phẩm Hoa Kỳ, gọi tắt là FDA, công nhận kết quả cuộc nghiên cứu về công hiệu thuốc chữa bệnh Ung Thư. Thuốc mang tên ERBITUX. Thuốc được quảng cáo rầm rộ là một khám phá mới trong ngành Y.

Nếu được FDA chứng nhận, cổ phiếu chứng khoán của công ty sẽ lên như diều.

Còn ngược lại, khi bị từ chối, những cổ phiếu nàysẽ mất giá đến độ có thể trở thành vô giá trị.

Ngày giờ bà Stewart yêu cầu bán tháo cổ phiếu Imclone bà có trong tay khiến bà khó tránh nghi vấn biết bí mật nội bộ để bán tháo trước cổ đông khác.

Bà Stewart công khai chối hết liên hệ thân mật của mình với chủ tịch kiêm tổng giám đốc công ty Imclone, ông Samuel D. Waksal. Ông Samuel từng là bạn trai của con gái bà Stewart. Bà giữ nguyên thái độ im lặng từ ngày đó đến nay.

Bà hai lần từ chối lời mời ra điều trần về vai trò của mình trong vụ này khiến nghi vấn bà có thể hành động kém minh bạch càng tăng.

Công tố viện không có đủ bằng chứng truy tố bà.

Tuy ngày 15 tháng 10 vừa qua ông Samuel D. Waksal nhận tội gian lận cổ phiếu chứng khoán trước tòa liên bang, ông không khai báo gì về liên hệ với bà Stewart.

Nhưng không may cho bà Martha Stewart, mới hai tuần trước, người phụ tá cho chuyên gia đầu tư của bà tại công ty Merrill Lynch đã nhận tội nói dối với công tố liên bang về vụ bán tháo của bà Stewart.

Để giảm tội của chính mình, anh chàng này hiện đang hợp tác với nhân viên điều tra liên bang để kết luận xem công tố viện có đủ bằng chứng truy tố bà Martha Stewart tội cản trở công lý hay không?

Nếu bị kết tội hình sự này, có lẽ bà Martha Stewart khó tránh khỏi án tù giam.

Nhiều họa sĩ biếm họa đã bắt đầu vẽ những hình ảnh tương tự như cảnh bà Martha Stewart quảng cáo cách sơn phết và trang hoàng gian tù của mình.

Hình ảnh kém đạo đức của mẫu người gần như lý tưởng Martha Stewart đã gây ảnh hưởng bất lợi không nhỏ cho cổ phiếu công ty. Kể từ khi nghi vấn bà Stewart vi phạm luật đầu tư, bán tháo cổ phiếu Imclone nhờ bí mật nội bộ, cổ phiếu của công ty Martha Stewart Living Omnimedia Inc đã mất 2/ 3 trị giá.

Từ trên $21 Mỹ kim một cổ phần, giữa tháng 10 năm nay cổ phiếu này chỉ còn trao đổi trên thị trường với giá $7 Mỹ kim.

Dù bà Martha Stewart đã phải từ chức chủ bút tạp chí và có thể cả những chức vụ khác tại công ty mẹ, giá cổ phiếu công ty có còn xuống nữa hay

không là điều không ai đoán nổi.

Tuy chưa đài truyền hình nào hủy chiếu chương trình của bà Martha và tổng số thương vụ của các hợp đồng quảng cáo trên các tạp chí chưa được kết toán, nhiều chuyên gia kinh tế lo ngại công ty Martha Stewart Living Omnimedia sẽ khó tồn tại khi mất đi người sáng lập nổi tiếng.

Hai lãnh vực truyền hình và tạp chí chịu trách nhiệm 60% nguồn lợi tức cho toàn công ty, tính thành tiền vào khoảng $320 triệu Mỹ kim.

Mất khuôn mặt bà Martha, liệu công ty lấy ai thay thế để giữ nguồn lợi tức này?

Còn về lãnh vực bán sản phẩm? Công ty K-Mart hiện đang lợi dụng thời cơ, nhân lúc bà Martha Stewart mang tai tiếng, đòi điều đình lại những hợp đồng đã ký gồm những khoản bảo đảm lợi tức của công ty Martha Stewart Living Omnimedia Inc tăng đều đặn hàng năm. Hợp đồng mới chắc chắn sẽ làm hạ lợi tức công ty mẹ và thế nào cũng ảnh hưởng gián tiếp đến trị giá cổ phiếu công ty.

Kinh tế học có lời khuyên căn bản nhất, nôm na là "đừng để hết trứng của mình vào một cái rổ" (lỡ rắn đến ăn hết thì sao?) Một đại công ty dựng cơ đồ trên hình ảnh của một nhân vật khi thịnh không sao, nhưng lúc suy chắc khó tránh hiểm họa rất lớn của sự chọn lựa kém khôn ngoan này.

VỪA ĂN VỪA SỢ

TRẦN QUÁN NIỆM

Bệnh tòng khẩu nhập (bệnh theo miệng vào)

Ở Hoa Kỳ khi ra đường, lỡ quá bữa mà bụng đói, lại muốn tiết kiệm thì giờ, người dân Mỹ nghĩ ngay đến món ăn phổ thông, nhanh, gọn và rẻ tiền là hambuger. Và tự khắc người ta liên tưởng đến nhà hàng McDonald. Nếu không tiện vào tiệm, thong thả ăn uống tại bàn, khách có thể ngồi tại xe, kêu món ăn tại một cửa sổ đặc biệt, giản tiện đến nỗi chỉ cần nói lên con số của món ăn. Vài phút sau, một túi thức ăn được trao cho khách. Món này đã được tiêu chuẩn hóa, gồm bánh mì kẹp thịt bò xay nướng, khoai tây chiên và ly coca.

Trong thoáng chốc, khách lại tiếp tục ruổi rong trên xa lộ, vừa ăn vừa lái xe ở tốc độ 70 dặm/giờ. Ăn bánh kẹp thịt, nhâm nhi khoai tây chiên, chiêu bằng hụm coca, thế là xong bữa. Dạ dầy không kêu gào nữa. Cơ thể được bồi bổ. Con người lại hăng hái làm việc với số năng lượng vừa được cung cấp. Hàng ngày có 46 triệu người Mỹ ăn hamberger tại tiệm McDonald. Những người khác ăn bánh mì kẹp thịt nguội (sandwich), hoặc những món ăn đóng hộp.

Người Mỹ đã quen với lề lối dinh dưỡng như thế từ nhiều thập niên. Họ hãnh diện cho hamberger là món quốc hồn quốc túy, quảng bá đến các quốc gia châu Âu, châu Á, Nga Sô v.v. như là một thứ văn hóa tiêu biểu của đại cường Mỹ Quốc. Trẻ em ngay từ 1, 2 tuổi đã làm quen với hamberger, với coca.

Và khi lớn lên, tiếp tục như thế, như một thói quen, không bao giờ thắc mắc đến những nguy hại tiềm ẩn.

Đùng một cái, gần đây nhất, các báo cáo về y học cho hay, khoai tây dưới sức nóng rất cao của dầu chiên, gây nhiều phản ứng tạo ra độc tố tai hại cho cơ thể. Tin này làm chấn động dư luận nước Mỹ, vì khoai tây được xử dụng như một món thực phẩm chính của người dân, sau bánh mì.

McDonald dùng mỡ động vật để chiên khoai. Loại mỡ này có nhiều chất béo dễ làm lượng cholesterol trong mạch máu con người tăng cao. Đồng thời McDonald dùng một loại hóa chất đặc biệt, khiến từng thỏi khoai khi chiên lên, có vỏ cứng lại, mầu vàng tươi trông rất đẹp mắt (nếu ta chiên khoai ở nhà, thì khoai ỉu xìu, mầu xám xịt.)

Đồng thời coca hoặc pepsy là loại nước chế biến nhân tạo theo một công thức bí mật của hai hãng trên, chứa đầy hóa chất (có một dạo có người ta kiện coca vì cho rằng hãng này trộn chất gây nghiền vào nước khiến không uống thì thèm). Nói tóm lại khi ăn một món ăn, vô tình thực khách đã tiêu thụ một lượng hóa chất vào cơ thể. Suốt một đời người, năm này qua năm khác, số hóa chất này tích lũy và không ít thì nhiều di hại cho cơ thể, gây nhiều căn bệnh hiểm nghèo.

Một rừng hóa chất

Trong thập niên vừa qua, với sự báo động của các khoa học gia qua kết quả của những thử nghiệm về tác hại của các hóa chất mà vô tình người tiêu thụ bị tiêm nhiễm, đã khiến dân chúng Mỹ lo ngại, đề cao gảnh giác trong việc ăn uống hàng ngày.

Cơ quan kiểm soát thực phẩm USDA cho hay có hàng ngàn loại hóa chất được chấp thuận để giới chế biến thực phẩm xử dụng trong việc sửa soạn thức ăn, nước uống bán cho khách hàng. Bước vào siêu thị, người ta thấy từng núi cam vàng rực, từng núi táo đỏ tươi thơm phức, rồi hàng thịt hàng cá, gọn gàng sạch sẽ, hàng đồ hộp, hàng trứng, hàng sữa, hàng thịt nguội

tươi hồng, ngon mắt. Tất cả trông sạch sẽ, vệ sinh. Nhưng vậy mà không phải vậy. Cam táo, rau trái được xịt thuốc trừ sâu bọ khi trồng tỉa và lúc bầy bán ngoài chợ lại được xịt thuốc làm cho tươi lâu. Thịt cá có thể nhiễm vi khuẩn tai hại Samonella, E Coli, Listeria v.v. Đồ hộp muốn lâu hư phải cần đến các hóa chất giữ cho bền (preservative), nước cam, nước táo cũng vậy (ở nhà bạn thử lấy trái cam vắt nước vào ly xem có mầu tươi như tropicana hay không, và được mấy giờ thì trở nên xám xịt, hư hỏng)

Trên đây chỉ là vài thí dụ điển hình.

Hiện nay dân Mỹ đã đề cao cảnh giác, cố gắng ăn uống lành mạnh hơn, tìm mua thực phẩm nuôi bằng phương pháp thiên nhiên, uống nước lạnh thay cho coca v.v., nhưng thử hỏi, có được bao nhiêu người?

Một tổ vi trùng

Còn nhớ ở Việt Nam, mỗi sáng mẹ tôi hay chị tôi cắp rổ đi chợ, mua lạng thịt, con cá, mớ tôm rồi về nhà, lặt rau, đánh vẩy cá, sửa soạn cho mâm cơm trưa và chiều cho cả nhà. Nhiều nhà có được mảnh vườn con, thì trồng rau, nuôi đàn gà, con heo chờ đến ngày giỗ, Tết làm thịt.

Bên Mỹ, siêu thị là nguồn cung cấp thực phẩm. Những vỉ thịt, bó rau được mua về đầy xe, dùng cho nguyên tuần. Đồ hộp được lưu trữ xử dụng cho cả năm.

Thực phẩm được chế biến bởi các công ty lớn, sản suất hàng loạt với số lượng vĩ đại. Để bảo đảm an ninh cho người tiêu thụ, cơ quan giám định thực phẩm do chính quyền điều hành, kiểm soát vệ sinh lò sát sinh, xưởng chế tạo. Thế nhưng vẫn không tránh khỏi những trường hợp nhiễm độc thực phẩm.

Thử tưởng tượng một lò sát sinh, mổ xả con vật, vặt lông cắt tiết, làm lòng với vận tốc máy móc cao, 90 con gà một phút, máu xương, da, lông tung toé khắp nơi, dù kỹ càng đến mấy, khử trùng tối đa, nhưng những vật phế thải đó vương vãi trong hóc kẹt, sàn nhà, sinh hư thối, tạo vi trùng, và khi nhân viên không cẩn thận, thực phẩm chế biến dễ dàng bị nhiễm độc và truyền đến người tiêu thụ.

Trong tháng 10 năm 2002, xưởng sản xuất thịt nguội tại tiểu bang Pennsylvania là Wampler Food Inc. đã phải thu hồi 27 triệu pounds gà tây chế biến dưới hình thức thịt nguội pastrami. Sự thu hồi này thật lớn lao so sánh từ trước đến nay.

Lần ngộ độc này đã khiến một số người chết và một số lớn khác vào nhà thương vì nhiễm độc. Vi trùng listeria được tìm thấy trên nền nhà máy chế biến thịt. Vi trùng này khiến bệnh nhân cảm sốt nặng, nhức đầu, đau cổ, ói mửa. Trẻ con và người già có thể chết. Đàn bà mang thai dễ bị xẩy thai hay đẻ non.

Dù kỹ càng đến mấy hàng năm vẫn xẩy ra nhiều vụ ngộ độc vì thực phẩm.

Thống kê cho hay hàng năm có chừng 500 người chết vì ngộ độc thức ăn và 2,500 bị bệnh.

Cách tốt nhất để đề phòng là rửa kỹ và nấu chín thực phẩm trước khi ăn.

Bệnh nhà giầu, bệnh nhà nghèo

Tại các nước nhược tiểu, dân chúng bị bệnh suy dinh dưỡng vì không có ăn (bệnh của nhà nghèo) trong khi đó tại Mỹ thực phẩm thừa mứa, khiến nẩy sinh căn bệnh phì mập (bệnh của nhà giầu).

Thống kê mới nhất (tháng 10, 2002) cho hay 31% người lớn tại Mỹ được coi là mập phì, trong khi có 15% trẻ em mập. Phụ nữ người Mỹ đen có đến 80% mập ú. 24% dân số người Mễ và Mỹ đen bị bệnh mập so với 13% Mỹ trắng. Thống kê không đề cập đến người Á đông. Người mập dễ mắc bệnh tim, đứt mạch máu não, áp huyết máu cao, máu có đường và đôi khi ung thư.

Hàng ngày cần tập thể dục một giờ, thường xuyên hoạt động để tránh bệnh mập./.

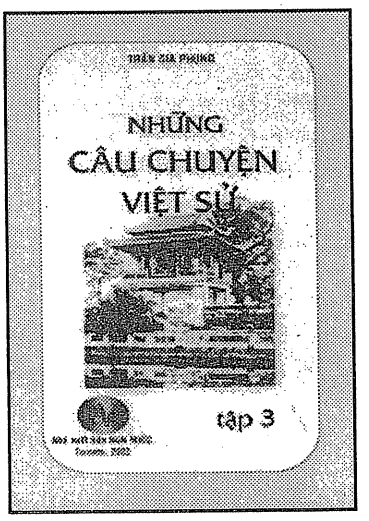

Tìm đọc

NHỮNG
CÂU CHUYỆN
VIỆT SỬ
TẬP 3
của
TRẦN GIA PHỤNG

212 TRANG
GIÁ $12.00

Nhà xuất bản
NON NƯỚC
TORONTO 2002

GIẢI NOBEL Y SINH HỌC: NHÌN LẠI QUÃNG ĐƯỜNG 100 NĂM

NGUYỄN VĂN TUẤN

Giải Nobel Y sinh học năm 2002

Ngày 8 tháng 10 vừa qua, Hàn lâm viện Thụy Điển, theo thông lệ hàng năm, vừa công bố danh sách các nhà khoa học được trao giải Nobel về sinh lí học hay y học (physiology or medicine), mà trong bài viết này sẽ được đề cập ngắn gọn là "y sinh học". Năm nay, hai người Anh, Sydney Brenner (75 tuổi), John Sulston (60 tuổi); và một người Mỹ, H. Robert Horvitz (55 tuổi), được tuyển chọn và bình bầu nhận giải thưởng cao quí này. Bác sĩ Brenner, nguyên quán Nam Phi, mang quốc tịch Anh, nhưng làm việc với chức vụ Chủ tịch kiêm Giám đốc Khoa học tại Viện Khoa học Phân tử (Molecular Science Institute), Berkely, Mỹ. Tiến sĩ Sulston là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Sanger, thuộc Trường Đại học Cambridge, Anh. Tiến sĩ Horvitz là Giáo sư thuộc Trường Đại học MIT, Mỹ.

Theo thông cáo của Hàn lâm viện Thụy Điển, ba nhà khoa học này có công nghiên cứu về các cơ chế di truyền trong quá trình phát triển cơ phận con người và *tử bào* (programmed cell death), còn có tên khoa học là *apoptosis*. Để hiểu rõ hơn về giá trị và ý nghĩa của công trình nghiên cứu tử bào, có lẽ một vài nét về tế bào này cũng cần thiết. Cơ thể con người được cấu tạo bằng hàng ngàn ngàn tỷ tế bào. Tế bào được chia làm nhiều (hàng trăm) loại tùy theo công dụng của chúng, như tế bào xương, tế bào não, tế bào da, v.v... Tất cả các tế bào đều xuất phát từ một tế bào duy nhất khi một tinh trùng thụ tinh với một trứng. Tế bào nguyên thủy được gọi là tế bào đơn (*zygote*), và có tiềm năng hình thành nên một cơ thể sống hoàn chỉnh.

Trong quá trình phát triển sau khi thụ tinh, tế bào này phân chia một cách liên tục thành những tế bào toàn năng đồng nhất như nhau. Hàng ngày, hơn một ngàn tỷ tế bào được sản sinh trong cơ thể chúng ta. Nhưng trong cùng thời gian, một ngàn tỷ tế bào khác chết đi. Quá trình chết này có người còn ví von gọi là "quá trình tự tử." Câu hỏi đặt ra là tại sao có quá trình sinh tử, và yếu tố nào chi phối quá trình này?

Để trả lời những câu hỏi căn bản này, ông Brenner chọn giun làm đối tượng nghiên cứu, vì (a) nghiên cứu trong con người thường khó hơn nghiên cứu trong các vi vật, và (b) giun là một sinh vật phức tạp hơn vi khuẩn, nhưng lại dễ khai thác để nghiên cứu một cách chi tiết. Vào thập niên 1960s, ông đã đi tiên phong trong việc dùng giun làm mô hình nghiên cứu tử bào. Đến thập niên 1970s, ông Sulston, nguyên là học trò của Brenner, tiếp tục phát triển các công trình của thầy mình, và chứng minh rằng một số tế bào của giun "cố ý" hi sinh trong thời gian trưởng thành của loài giun. Ông Horvitz, một học trò khác của Brenner, đi xa hơn một bước, chứng minh rằng quá trình tự tử của tế bào do một số gien điều khiển, và những gien này có tên là ced-3, ced-4, và ced-9. Ngày nay, chúng ta được biết thêm là chính những gien này cũng đóng vai trò điều khiển quá trình tự tử của tế bào trong con người.

Như vậy quá trình sinh và tử của tế bào rất cần thiết cho sự phát triển con người. Chẳng hạn như phần trung bì của bào thai (nối liền giữa ngón tay và ngón chân) khi phát triển sẽ được phá vỡ để tay và chân tách rời ra, và quá trình này do các tử bào đóng một vai trò quyết định. Ngoài ra, hiểu được cơ chế hoạt động của các tử bào giúp cho các nhà khoa học hiểu cơ chế mà một số vi khuẩn và virus xâm nhập vào cơ thể chúng ta. Chẳng hạn như trong các bệnh như loãng xương, tim, hay thậm chí AIDS, cơ thể bị mất tế bào vì có quá nhiều tế bào bị chết. Ngăn chận sự tự tử của các tế bào này là một chìa khóa quan trọng trong việc chinh phục bệnh tật. Và hiện nay, có nhiều nhóm nghiên cứu trên thế giới tập trung nhân lực vào nghiên cứu sự tự tử của tế bào.

Có vài điều đáng chú ý trong giải thưởng Nobel y sinh học kỳ này. Thứ nhất là khuynh hướng khoa học trong việc chọn và đánh giá công trình nghiên cứu để trao giải Nobel trong những năm gần đây, mà đặc biệt là năm 2002, nghiêng về các nghiên cứu tế bào học và sinh học phân tử (molecular biology). Tưởng cần nhắc lại là năm

ngoái, giải Nobel y sinh học được trao cho ba nhà khoa học (Anh và Mỹ) cũng cho các công trình nghiên cứu liên quan đến tế bào học. Trước đó, một nhà khoa học nghiên cứu về tế bào cũng được trao giải Nobel y sinh học. Do đó, có thể nói, giới nghiên cứu tế bào và sinh học phân tử được "trúng mùa" trong thời gian gần đây.

Thứ hai là khuynh hướng trao giải Nobel cho một nhóm nhà khoa học hơn là cho một cá nhân. Năm nay, có ba nhà khoa học được giải. Năm ngoái cũng có ba nhà khoa học được giải. Thực ra, tính từ đầu thập niên 90s cho đến nay, mỗi năm thường có ít nhất là hai nhà khoa học được trao giải, trong khi thời gian trước đó giải thưởng thường chỉ trao cho một nhà khoa học.

Sau cùng, một lần nữa, sự vắng mặt của một nữ khoa học gia trong danh sách những người được giải Nobel chắc sẽ làm nhiều người đấu tranh cho bình đẳng giới tính trong khoa học không hài lòng. Quả vậy, ngày nay có khoảng 40% các nhà khoa học hoạt động trong lĩnh vực y sinh học là phụ nữ, nhưng số lượng nữ khoa học gia được trao giải thưởng cao quí như giải Nobel chỉ đếm đầu ngón tay. Những người tranh đấu cho bình đẳng giới tính phàn nàn rằng có tình trạng kỳ thị giới tính trong các giải thưởng, nhưng qua nhiều năm tình trạng này vẫn còn là một vấn đề tế nhị.

Để hiểu rõ ý nghĩa của những khía cạnh trên đây, bài viết này sẽ sơ lược về lịch sử và các thủ tục cũng như các tiêu chuẩn trong việc tuyển chọn, bình bầu, và trao giải Nobel trong vòng 100 năm qua.

Ngược dòng lịch sử

"Người ký tên dưới đây, Alfred Bernhard Nobel, sau nhiều suy nghĩ và cân nhắc, tuyên bố những điều sau đây như những ý nguyện cuối cùng và như một bản di chúc sau cùng liên quan đến gia tài tôi để lại sau khi qua đời..." đó là những dòng chữ mở đầu bản di chúc cuối cùng của Nobel, một nhà khoa học và kỹ nghệ người Thụy Điển. Theo di chúc này, hàng năm, lãi suất của gia sản do Nobel để lại sẽ được chia làm năm phần để tặng cho những người đã có cống hiến lớn cho nhân loại trong năm vừa qua. Ông chọn ra bốn ngành khoa học để trao giải: vật lí, hóa học, văn chương, và các hoạt động cho mục tiêu hòa bình. Cũng theo di chúc đó, một trong những giải thưởng ông có ý dành cho những nhà khoa học hoạt động trong lĩnh vực sinh lí học hoặc y khoa. Sau này, giải thưởng về kinh tế học cũng được đưa vào hệ thống giải Nobel.

Sau khi được công bố, nhiều người phê phán khía cạnh pháp lí của bản di chúc. Có người cho rằng bản di chúc quá đơn giản, quá chung chung. Ngay cả trong gia đình của Nobel cũng có tranh cãi: một số người cháu của Nobel kiện nhau ra tòa và phải mất một thời gian khá lâu mới giải quyết xong cuộc tranh chấp.

Vai trò của Viện Karolinska và Ủy ban Nobel

Như nói rõ trong di chúc của Nobel, ông muốn Viện nghiên cứu Karolinska đứng ra tổ chức trao giải thưởng về y sinh học. Trong những năm đầu thế kỷ, công việc này do một nhóm giáo sư (gồm 19 người) thuộc Viện đảm nhiệm. Nhưng trong thực tế, một nhóm nhỏ gồm chỉ ba thành viên đứng ra tuyển chọn và bình bầu các ứng viên. Một trong ba người này là Chủ tịch của Viện nghiên cứu Karolinska. Trong vòng 42 năm liền, giải Nobel về y sinh học chỉ do ba người này tuyển chọn và trao giải. Đến năm 1960, người ta thấy việc tuyển chọn và bình bầu cần được cải cách, và theo đó, một ủy ban mới, gồm 61 giáo sư, ra đời để đảm nhận nhiệm vụ tuyển chọn, bình bầu, và trao giải. Ngoài ra, trong ủy ban này còn có thêm các nhân viên giảng dạy trong các trường đại học mà không nhất thiết phải mang hàm "giáo sư" (Professor), nhưng có thể là "Phó giáo sư" (Associate Professor), hay "Giảng sư" (Senior Lecturer). Do đó, ủy ban này có số nhân sự lên đến 200 thành viên. Với một nhóm người đông đảo như thế, vấn đề bất đồng ý kiến và tranh chấp là chuyện không thể tránh khỏi. Sau đó, một đạo luật ra đời bắt buộc ủy ban này phải công bố tất cả các văn thư liên quan đến việc tuyển chọn và bình bầu ứng cử viên cho công chúng biết, chứ không làm việc trong vòng bí mật như trước đây.

Nhưng sau một thời gian hoạt động, cách công bố này không đem lại hiệu quả như người ta mong muốn, nên đến năm 1977, Hội đồng Nobel ("The Nobel Assembly") được thành lập và hoạt động cho đến nay. Hội đồng Nobel gồm có 50 đại biểu, tất cả đều mang hàm giáo sư, và không một ai hơn 65 tuổi. Hội đồng Nobel thành lập một Ủy ban Nobel (Nobel Committee), gồm có năm người được tuyển chọn từ Hội đồng Nobel. Mỗi thành viên trong Ủy ban Nobel chỉ được quyền phục vụ trong vòng ba năm. Trong thực tế, Hội đồng Nobel chỉ là một cơ quan đại diện, vì tất cả mọi việc tuyển chọn ứng viên đều do Ủy ban Nobel chịu trách nhiệm.

Thời điểm và quá trình tiến cử cũng như bình bầu giải Nobel y sinh học được duy trì trong suốt 100 năm qua. Hàng năm cứ đến tháng Chín, Ủy ban Nobel gửi thư đến khoảng 2500 đến 3000 nhà khoa học trên khắp thế giới để mời họ tiến cử người nên được trao giải Nobel. Thời hạn chót mà các nhà khoa học tiến cử là ngày 31 Tháng Giêng năm sau. Một khi đã lên danh sách những người được tiến cử, Ủy ban Nobel sẽ trao danh sách này cho một nhóm gồm 10 người (trong Hội đồng Nobel) để họ xem xét thêm. Sau đó, nhiều cuộc họp sẽ diễn ra giữa thành viên của Ủy ban Nobel và nhóm 10 người này để bàn thảo, đánh giá các công trình nghiên cứu của các ứng viên được đề cử. Đến tháng 10, Hội đồng Nobel (50 người) mới họp và bỏ phiếu cho từng ứng viên. Cố nhiên, ứng viên nào có nhiều phiếu nhất sẽ được giải năm đó.

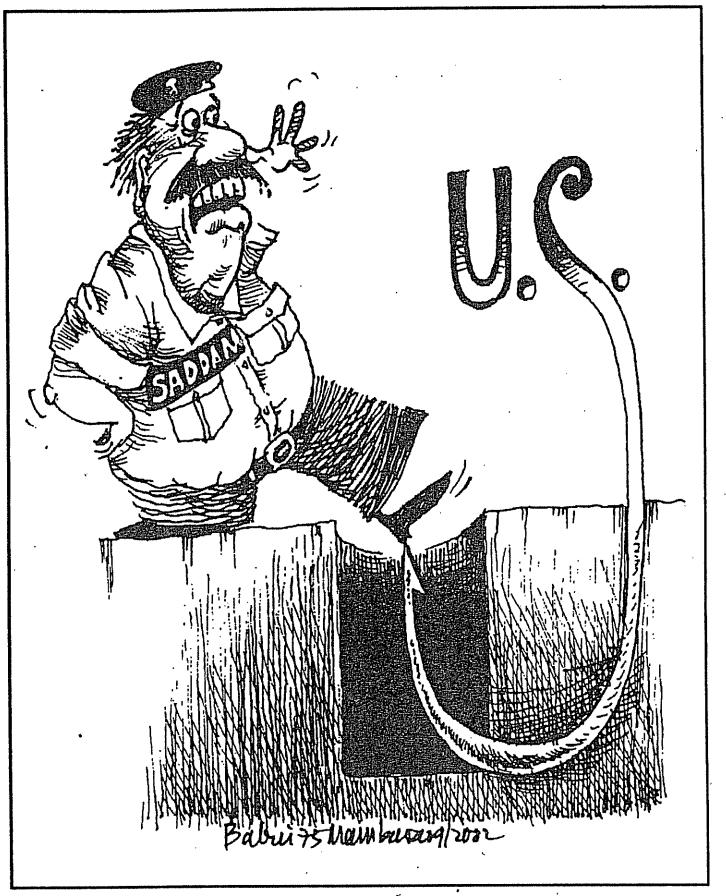

Tiêu chuẩn tuyển chọn

Giải Nobel do Viện nghiên cứu y khoa Karolinska thường được gọi là Giải Nobel về y học, nhưng trong bản di chúc của Nobel thì ông chỉ đề cập đến sinh lí học hay y học (physiology or medicine). Sở dĩ có sự khác biệt nhỏ này là vì vào thời ông Nobel còn sống, sinh lí học được dùng để mô tả một bộ môn học mà ngày nay chúng ta có thể gọi chung là sinh vật học (biology). Cách diễn dịch "sinh lí học hay y học" tạo điều kiện dễ dàng cho ủy ban tuyển chọn và phát giải thưởng cho các nhà khoa học làm việc trong các bộ môn như lâm sàng, sinh vật học, công nghệ sinh học, v.v... Cho dù cách phân biệt và định nghĩa thế nào là sinh lí học, hay thế nào là y học sẽ còn trong vòng tranh luận trong vài thế kỷ tới, nhưng nhìn qua lĩnh vực nghiên cứu của các nhà khoa học từng được giải thưởng này trong vòng 100 năm qua cho thấy ủy ban tuyển chọn và trao giải Nobel tỏ ra khá "phóng khoáng" với định nghĩa "sinh lí học hay y học." Chẳng hạn như giải Nobel năm 1973 được trao cho Karl von Frisch, Konrad Lorenz, và Nikolaas Tinbergen vì có công "phát hiện cơ cấu tổ chức và mối tương tác giữa cá nhân và khuynh hướng xã hội" có thể liệt vào một công trình mang tính xã hội học hay ít ra là tâm lí học. Giải thưởng năm 1979 cho Cormack và Hounsfield về công trình phát triển hệ thống CAT, tức là hệ thống X-ray dùng computer (còn gọi là computer-assisted tomography) có thể được xem là một công trình nghiên cứu vật lí học. Hay giải Nobel năm 1983 cho Barbara McClintock về công trình khám phá các yếu tố di chuyển của di truyền tố có thể được xem là nằm trong bộ môn di truyền thực vật.

Hai chữ quan trọng trong tiêu chuẩn này là "discovery" (khám phá, phát hiện), và "greatest benefit on mankind" (lợi ích lớn nhất cho nhân loại). Thực vậy, những người thừa kế và thi hành bản di chúc Nobel đã từng tranh luận, bàn cãi chi tiết về hai tiêu chuẩn này sau khi Nobel qua đời. Nhưng sau cùng họ không đi đến một tiêu chuẩn nào cụ thể, không đồng ý với nhau một bản chỉ dẫn nào cụ thể. Cuối cùng, họ để quyền quyết định cho Ủy ban Nobel diễn dịch hai cụm từ trên sao cho phù hợp nhất! Một vấn đề phức tạp khác là cách dùng chữ khác nhau của ông Nobel trong di chúc. Đối với ngành vật lí ông dùng chữ

"discovery and invention" (khám phá và sáng chế), trong khi trong ngành hóa học ông dùng chữ "discovery or improvement" (khám phá hay cải tiến).

"Discovery" hay khám phá thì dễ định nghĩa trong các ngành khoa học cơ bản, nhưng trong các ngành như khoa học lâm sàng thì định nghĩa thế nào là một "khám phá" không dễ chút nào. Khám phá thường được định nghĩa là những phát hiện mang tính bất ngờ, đem lại kiến thức mới cho nhân loại. Mặt khác, cụm từ "greatest benefit on mankind" thì rất dễ định nghĩa trong khoa học lâm sàng, nhưng đối với khoa học cơ bản thì lại rất khó định nghĩa. Một khám phá về cơ cấu vận hành của một tế bào trong khoa học cơ bản có thể không có ý nghĩa lâm sàng nào trong vòng 20 năm, nhưng lại có thể đem đến lợi ích cho bệnh nhân về lâu về dài. Để dung hòa cái khó khăn này, Ủy ban Nobel thường trao giải thưởng cho những khám phá nào có tính cơ bản nhất, original nhất.

Charle Nicolle được trao giải năm 1928 do công trình nghiên cứu về bệnh sốt Rikettsia, và nhờ vào công trình này mà hàng trăm ngàn người được cứu sống trong thời thế chiến thứ nhất. Paul Hermann Muller nhận giải năm 1948 do công trình nghiên cứu và phát hiện hóa chất dichloro-diphenyl-trichloromethylmethane (DDT), một hóa chất diệt cỏ và sâu bọ. Trong và sau thế chiến thứ hai, DDT không những được dùng để chống lại các bệnh như bệnh sốt Rikettsia, mà còn là một loại vũ khí lợi hại chống lại bệnh sốt rét. Tổ chức Y tế Thế giới (World Health Organization) ước tính rằng trong thời gian dùng DDT, hơn 25 triệu người đã được cứu sống. Ngày nay, có người đề nghị tẩy chay DDT vì họ cho rằng nó có thể làm ô nhiễm và độc hại đến môi trường. Nhưng vào lúc mà giải thưởng được trao tặng, lợi ích của DDT cho nhân loại là một điều quá hiển nhiên. (Thực ra, ngay cả ngày nay cũng chưa có bằng chứng đáng tin cậy nào cho thấy DDT độc hại đến môi trường).

Bản di chúc còn nhấn mạnh là giải thưởng chỉ dành cho những công trình nghiên cứu trong năm vừa qua (preceeding year). Nhưng trong thực tế, cái tiêu chí này rất khó mà thực thi. Thứ nhất, những khám phá được công bố trong các tập san khoa học chuyên môn thường tốn hơn một năm. Thứ hai, tất cả những khám phá khoa học đều phải qua sự kiểm tra của giới nghiên cứu khoa học trong ngành thì mới có thể đáng tin cậy được, và quá trình kiểm tra này thường tốn hơn một năm, thậm chí cả năm năm. Để giải quyết cái khó khăn tế nhị này, Ủy ban Nobel quyết định diễn dịch chữ "preceeding year" là các khám phá mà lợi ích của chúng được chứng minh rõ ràng trong năm qua. Bà Barbara McClintock khám phá các yếu tố di truyền trong thực vật từ năm 1944, tức là trước khi Francis Crick và James Watson khám phá cấu trúc DNA vào năm 1953. Tuy nhiên, mãi đến năm 1983 giải thưởng Nobel mới tới tay bà McClintock!

Như đề cập trên, một trong những phê bình của bản di chúc Nobel là nó quá chung chung. Do đó, khi soạn thảo các qui định để trao giải thưởng, người ta phải cố làm cho nó cụ thể hơn. Một trong những qui định đó là trong bất cứ trường hợp nào, giải thưởng chỉ được chia xẻ trong vòng ba người trở lại. Nói một cách khác, số người nhận giải thưởng về một bộ môn chỉ ba người hay ít hơn. Qui định này cũng có nghĩa là một số người xứng đáng được giải phải bị... loại ra. Trong thực tế, có khi cả một nhóm nghiên cứu bị loại bỏ trong quá trình chọn và trao giải.

Giải Nobel về y sinh học hay y học thường được chia xẻ nhau giữa hai người, nhất là trong thời gian sau bán thế kỷ 20, khi mà sự hợp tác nghiên cứu càng ngày càng trở nên phổ thông. Tính từ năm 1901 đến 1950, có 59 nhà khoa học được trao giải Nobel; nhưng từ 1951 đến 2000, có 113 nhà khoa học được trao giải. Điều này cũng dễ hiểu vì trong những công trình nghiên cứu lớn, một cá nhân riêng lẻ không thể nào có đủ khả năng để tiến hành nghiên cứu, mà cần phải có một sự hợp tác - thường là xuyên quốc gia - để hoàn tất công trình nghiên cứu.

Những lằn ranh biên giới khó định

Giải Nobel do Viện Karolinska trao hàng năm trên danh nghĩa là dành cho những công trình nghiên cứu về y sinh học như di chúc của ông Nobel viết, nhưng trong thực tế phân biệt những khác biệt giữa các công trình vật lí học, hóa học, sinh học, và y học không phải lúc nào cũng rõ ràng. Ông Rotgen được trao giải Nobel vật lí, nhưng công trình nghiên cứu của ông lại mang tính ứng dụng trong hóa học và y khoa. Schrodinger (giải Nobel vật lí năm 1933) và Bohr (Vật lí, 1922) là hai nhà khoa học từng thuyết phục giới nghiên cứu sinh học rằng quá trình của sự sống có thể phân tích bằng nguyên tử (atoms) và phân tử (molecules), và qua đó mà môn học

sinh học phân tử ra đời và phát triển mạnh như ngày nay. Tương tự, Delbruck (giải Nobel y sinh học, 1969), một nhà vật lí học, nhưng quay sang nghiên cứu về sinh học và đã có nhiều cống hiến trong bộ môn di truyền học.

Có thể nói rằng, một số nhà khoa học được trao giải Nobel hóa học đáng lí ra nên được trao giải về y sinh học. Ông Butenandt (giải Nobel hóa học, 1939) được ghi nhận là có công khám phá kích thích tố dục (sex hormones), một đề tài "rất sinh lí học"; ông Hevesy (Nobel hóa học, 1943) có công giới thiệu các phương pháp hóa học vào nghiên cứu y học; ông Sanger (được hai giải Nobel về hóa học) cũng do các công trình nghiên cứu liên quan đến công nghệ sinh học (biotechnology) như chúng ta biết ngày nay. Năm 1958, ông nhận giải Nobel hóa học lần đầu về công trình liên quan đến cấu trúc của insulin, rồi đến năm 1980, ông lại nhận một giải Nobel hóa học thứ hai về phương pháp phân tích nucleic acids. Tương tự, Dorothy Hodgkin có công xác định cấu trúc sinh hóa bằng phương pháp quang tuyến X, và được trao giải Nobel hóa học năm 1964; Mitchell (Nobel hóa học, 1978) nghiên cứu quá trình biến chuyển sinh năng lượng (bioenergy) và cho ra đời thuyết chemiosmotic.

Để kết hợp công việc của Ủy ban Nobel trong ngành y sinh học và các Ủy ban Nobel trong các ngành vật lí và hóa học, một hội nghị liên ủy ban được tổ chức hàng năm để đánh giá và phân định ứng viên nên nhận giải Nobel cho ngành nào, và quan trọng hơn là để tránh tình trạng một ứng viên mà nhận hai giải Nobel trong cùng năm! (Trong thực tế, hiện tượng này chưa xảy ra.)

Khuynh hướng

Tính từ năm 1901 đến 2002, có 178 nhà khoa học được trao giải thưởng Nobel về y sinh học. Bảng thống kê sau đây cho thấy lĩnh vực nghiên cứu của các nhà khoa học này.

Truyền nhiễm học và trừ sâu:	12
Miễn dịch học (Immunology)	19
Hóa học trị liệu và dược học	9
Quang tuyến trị liệu (Phototherapy)	2
Ung thư	8
Di truyền học (cổ điển)	3
Tế bào sinh học (cell biology)	7
Phát triển sinh học	4
Sinh học phân tử và di truyền học	29
Nội tiết học	20
Nghiên cứu kích thích tố	11
Nghiên cứu sinh tố (vitamin)	7
Tiêu hóa, tuần hoàn, hô hấp	7
Tâm thần học	24
Giải phẫu	3
Nghiên cứu giác quan	8
Tâm lí y học	3
Nghiên cứu về chẩn đoán	2

Nếu tính theo số lượng nhà khoa học thì giải Nobel có khuynh hướng trao cho các công trình nghiên cứu liên quan đến sinh học phân tử, và kế đó là tâm thần học, nội tiết học và miễn dịch học.

Nhìn qua các công trình khoa học được trao giải này cũng có thể cho người ta một một khái niệm về quá trình tiến bộ của y học. Từ những nghiên cứu có tính lâm sàng (clinical) hay tương đối "sơ sài" (so với trình độ kỹ thuật ngày nay), nghiên cứu y khoa đã tiến sâu vào lĩnh vực cơ bản nhất của con người như di truyền phân tử học (molecular genetics) và sinh học phân tử (molecular biology). Năm 1901, ông Emil Adolf von Behring (người Đức) đoạt giải này vì đã các công trình nghiên cứu và chữa trị bệnh bạch hầu (diphtheria). Hàn lâm viện Thụy Điển đánh giá công trình này rất cao, họ viết: "[qua nghiên cứu này], ông đã mở ra một hướng đi mới trong lĩnh vực y khoa, và bằng cách đó, đã cho các y sĩ một vũ khí hữu hiệu để chinh phục bệnh tật và sự tử vong" (tạm dịch từ "[by which] he has opened a new road in the domain of medical science and thereby placed in the hands of the physician a victorious weapon against illness and deaths.") Năm 1902, giải thưởng được trao cho một nhà khoa học người Anh, ông Ronald Ross (sau này được phong "Sir," tức hiệp sĩ) vì những công trình nghiên cứu liên quan tới bệnh sốt rét (malaria). Những năm sau đó, các nhà khoa học được tặng giải thưởng nhờ vào nghiên cứu liên quan tới bệnh lao (1905; Robert Koch, người Đức), sốt ban (typhus) (1928; Charles Nicolle, người Pháp); phân loại máu (1930; Karl Landsteiner, người Mỹ), bệnh truyền nhiễm (1945; Alexender Fleming, Mỹ; Ernst Boris Chain, Anh; Howard Walter Florey, Úc), sốt vàng (1951; Max Theiler, người Mỹ), chữa trị bệnh lao bằng thuốc streptomycin (1952; Salman Abraham Waksman, Mỹ).

Bắt đầu từ năm 1958, nghiên cứu về di truyền học đã được sự chú ý của Hàn lâm viện Thụy Điển qua việc trao giải thưởng cho ba nhà khoa học người Mỹ, George Wells Beadle, Edward Lawrie Tatum, và Joshua Lederberg, vì đã có công

khám phá ra một quy luật quan trọng trong di truyền học (genetic recombinant) trong vi khuẩn.

Các giải Nobel về y khoa và sinh lý học sau này thường được trao cho các công trình nghiên cứu liên quan tới khoa học sinh học phân tử (molecular biology). Năm 1961, giải Nobel về y khoa và sinh lý học được trao cho ba nhà khoa học là Francis Harry Compton Crick (Anh), James Dewey Watson (Mỹ) và Maurice Hugh Frederick Wilkins (Anh) vì đã có khám phá nổi tiếng về DNA, làm tiền đề cho hàng triệu nghiên cứu và tiến bộ về sinh học y khoa sau này. Kể từ đó, giải thưởng nghiên về các công trình mang bản chất sinh học phân tử (molecular biology) và di truyền (genetics). Năm 1978, Hàn lâm viện Thụy Điển trao giải thưởng cho ba nhà khoa học Werner Arber (Thụy sĩ), Daniel Nathans (Mỹ) và Hamilton O. Smith (Mỹ) do đã có công khám phá ra các enzymes và những ứng dụng vào nghiên cứu di truyền học. Sự tiến bộ trong sinh học phân tử và di truyền học những năm gần đây phần lớn nhờ vào các kỹ thuật PCR (polymerase chain reaction) do hai nhà khoa học Mỹ (Kary Mullis) và Gia Nã Đại (Michael Smith) khám phá, và đã được trao giải thưởng Nobel về hóa học vào năm 1993. Kể từ năm 1999 cho đến nay thì giải này vẫn được trao tặng cho một công trình mang nặng tính chất sinh học phân tử, nhất là các công trình liên quan đến tế bào học.

Trong di chúc của mình, ông Nobel có viết cụ thể là các giải thưởng Nobel sẽ được trao cho các nhà khoa học với những công trình nghiên cứu xuất sắc, mà không phân biệt quốc tịch của nhà khoa học. Khi nội dung của bản di chúc được công bố, một số người phê bình là ông Nobel không có lòng yêu nước, thiếu tinh thần quốc gia. Câu hỏi được đặt ra là trong vòng hơn 100 năm qua, giải Nobel có thiên vị về các nhà khoa học người Thụy Điển hay không? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta có thể xét qua bảng thống kê sau đây về số lượng nhà khoa học được trao giải Nobel theo quốc tịch và theo vài thời gian nhất định:

	1901-25	1926-50	1951-75	1976-2002
Mỹ	1	13	32	42
Đức	5	3	3	4
Anh	2	7	10	8
Pháp	2	1	3	1
Các nước khác	13	12	9	7
Tổng cộng	23	36	57	62

Trong số 178 nhà khoa học được trao giải Nobel về y sinh học, chỉ có chín người là công dân Thụy Điển và bốn người Đan Mạch. Thụy Sĩ, một quốc gia có số dân chỉ bằng phân nửa Thụy Điển, nhưng có đến tám nhà khoa học được giải Nobel. Riêng Úc có ba nhà khoa học được giải Nobel.

Trong thực tế, tất cả các nhà khoa học được giải Nobel đều làm việc hoặc ở Mỹ, hoặc ở Âu châu. Sau Thế chiến thứ hai, Mỹ đứng đầu danh sách giải Nobel về y sinh học. Vào thập niên 1930s, khi mà Đức quốc xã cầm quyền, nhiều nhà khoa học, phần lớn là gốc Do Thái, di cư sang Mỹ hay Âu châu, và chính họ là những người đã có công làm cho nền khoa học của Mỹ tiến bộ một cách vượt bực. Trong số 32 nhà khoa học Mỹ chiếm giải Nobel về y sinh học từ 1951 đến 1975, có đến chín người là di dân từ nước ngoài.

Còn các quốc gia Á châu? Ngoại trừ một người Nhật, ông Susumu Tonegawa (giải Nobel năm 1987) thuộc trường MIT (Mỹ) chưa có người Á châu nào được tặng giải Nobel về y sinh học. Điều này cũng đáng ngạc nhiên, vì nói chung, người châu Á, nhất là Trung Quốc và Ấn Độ có mặt hầu như trong mọi bộ môn y khoa. Nhiều người cũng rất xuất sắc, là những nhà khoa học hàng đầu trong chuyên ngành. Ấy thế mà sự hiện diện của người Á châu trong giải Nobel y khoa hầu như không đáng kể. Điều này không có nghĩa là các khoa học gia Á châu không thông minh, hay thiếu sáng tạo, mà có thể phản ánh quá trình chọn lựa và bình bầu người xứng đáng.

Trường đại học hay viện nghiên cứu nào có nhiều nhà khoa học đoạt giải Nobel? Trong ngành y sinh học, chỉ 15 trường đại học (tám ở Mỹ) chiếm khoảng 42% trong số 173 giải cho ngành này. Dẫn đầu là trường đại học Harvard, với 11 giải, kế tiếp là trường đại học Luân Đôn (chín giải). Các trường khác mỗi trường chiếm năm giải như California Institute of Technology (Mỹ), Max-Planck-Gesellschaft (Đức), University of Oxford (Anh), Massachusetts Institute of Technology (Mỹ), Institut Pasteur Paris (Pháp), Rockefeller Institute for Medical Research (Mỹ). Những trường khác có từ ba giải trở lên là Rockefeller University (Mỹ), Karolinska Institute Stockholm (Thụy Điển), University of Cambridge (Anh), National Institutes of Health (Mỹ), University of Texas at Dallas (Mỹ), University of Wisconsin, Madison (Mỹ) và Washington University, St. Louis (Mỹ).

Phê bình

Có ba phê bình chính: thiếu sót, nhầm, và thiên vị đàn ông. Phê bình nào cũng có cơ sở. Về vấn đề thiếu sót thì quả là không thể nào tránh khỏi, vì mỗi năm Ủy ban Nobel chỉ trao giải cho tối đa là ba nhà khoa học; do đó, những người khác, dù có cống hiến xuất sắc, bị "lọt sổ". Một trường hợp tiêu biểu cho sự thiếu sót là trường hợp của ông Oswald T. Avery. Ông Avery là người đầu tiên khám phá và định nghĩa DNA là một chất liệu di truyền. Ông công bố khám phá này vào năm 1944. Trong thời gian từ 1932 đến 1942, Avery đã được tiến cử nhiều lần nhưng không được trao giải. Kể từ năm 1945, ông được tiến cử hàng năm, nhưng thời gian đó, giới nghiên cứu khoa học chưa chịu nhìn nhận thuyết của Avery vì họ không nghĩ là DNA chỉ đơn giản có bốn mẫu tự mà lại có chức năng "chất liệu di truyền," họ nghĩ protein mới chính là chất liệu di truyền. Đến khi (sau này) cộng đồng khoa học chấp nhận ý tưởng của Avery thì ông đã qua đời, và Ủy ban Nobel không có lệ trao giải thưởng cho người đã chết!

Về vấn đề nhầm lẫn, có thể lấy ba ví dụ điển hình: Banting và MacLeod (1923), Fibiger (1926), và Moniz (1949). Hai ông Banting và MacLeod được trao giải Nobel nhờ vào công trình nghiên cứu về insulin, và giải thưởng này đã bị chất vấn ngay từ lúc Hội đồng Nobel công bố. MacLeod là giáo sư và trưởng phòng thí nghiệm, nơi mà Banting và một đồng nghiệp trẻ tuổi tên là Charles Best làm việc. Hai người có công khám phá insulin là Banting và Best (vì lúc đó MacLeod không có mặt trong phòng thí nghiệm vì ông đi công tác xa). Thế nhưng trớ trêu thay, chỉ có Banting và MacLeod, mà không phải Banting, là người được trao giải! (Thực ra, sau này Best cũng được tiến cử nhiều lần, nhưng ông không có cơ duyên được trao giải.).

Năm 1926, quyết định trao giải Nobel cho Fibiger về công trình nghiên cứu ung thư spiroptera (hay spiroptera carcinoma) cũng bị chỉ trích gay gắt. Thời đó, ít ai biết về cơ chế gây ra ung thư. Mãi đến 40 năm sau, giải Nobel mới được trao cho một công trình nghiên cứu ung thư khác, và lúc đó, người ta mới hiểu về mã di truyền, đột biến, vi khuẩn, và các cơ chế sinh học khác.

Năm 1949 giải Nobel được trao cho một bác sĩ giải phẫu (Moniz) vì phẫu thuật thùy não, hay lobotomy (hay còn gọi là leucotomy) trong việc chữa trị chứng loạn thần kinh (psychotic). Trước khi phẫu thuật được ứng dụng, bệnh nhân phải chịu nhiều cực hình như "nhốt" trong một lồng sắt (straitjackets), tắm bằng nước lạnh, rồi mới đến giải phẫu và giật điện. Khi thuốc được dùng để chữa trị thì phẫu thuật này đã trở thành một phương pháp của quá khứ. Ngày nay phẫu thuật thùy não được xem là một phẫu thuật phi đạo đức.

Về giới tính, chỉ có sáu trong số 178 vị đoạt giải Nobel là phụ nữ: Gery T. Cori (1947), Roslyn Yalow (1977), Barbara McClintock (1983), Rita Levi-Montalcini (1986), Gertrude B. Elion (1988), và Chritiane Nusstein-Volhard (1995). Điều này cũng không có gì đáng ngạc nhiên, vì trong nghiên cứu y sinh học, nam giới đóng vai trò "thống trị" trong vòng một thế kỷ qua.

Vài nhận xét

Các giải Nobel về y sinh học trong thế kỷ qua đánh dấu nhiều tiến bộ trong ngành y sinh lí học. Nhưng những giải thưởng Nobel không thể nào phản ánh đầy đủ quá trình chinh phục bệnh tật và kéo dài tuổi thọ của con người. Như trình bày trong bài viết này, nhầm lẫn và thiếu sót đã từng xảy ra. Nhưng uy tín của giải Nobel không vì thế mà suy giảm; cho đến nay, nó vẫn là một thước đo về tiến bộ y sinh học có độ tin cậy cao nhất. Lí do đơn giản là giải thưởng được cộng đồng khoa học tiến cử, bình bầu, và tuyển chọn một cách công bằng nhất.

Một trong những nguyện vọng của Nobel là phần thưởng tài chính của giải Nobel sẽ tạo điều kiện cho các nhà khoa học tiếp tục nghiên cứu mà không phải canh cánh lo lắng tình trạng tài chính cá nhân (phần lớn các nhà khoa học rất nghèo). Nhưng cái ước nguyện đó xem ra không thành sự thực trong bối cảnh kinh tế ngày nay. Tuổi trung bình của các vị tú Nobel là 55 tuổi, và trong độ tuổi này, phần lớn họ đã có một sự nghiệp ổn định, nếu không muốn nói là khá vững vàng, trên trường khoa học. Ngoài ra, nghiên cứu y học ngày nay, cũng như nghiên cứu vật lí và hóa học, đòi hỏi một ngân sách lớn, với sự cộng tác của nhiều nhà khoa học. Giải Nobel tuy có giá trị tài chính tương đối cao (khoảng 1 triệu Mỹ kim), nhưng không thấm vào đâu cho một ngân sách nghiên cứu y học trong thế kỷ 21.

Dù sao đi nữa, giải Nobel vẫn là một cái đích, một mục tiêu vinh quang, một động cơ đáng kể cho các nhà khoa học muốn vươn tới để góp phần đem lại lợi ích cho nhân loại.

GIẢI NOBEL VẬT LÝ NĂM 2002

NGUYỄN HÙNG VŨ

Năm nay, giải thưởng Nobel vật lý được trao tặng cho ba vật lý gia. Giải được chia làm đôi, một nửa dành cho giáo sư **Ricardo Giacconi** (người Mỹ gốc Ý-71 tuổi), nửa còn lại được chia đều cho hai giáo sư **Raymond Davis** (người Mỹ-87 tuổi) và **Masatoshi Koshiba** (người Nhật-76 tuổi). Các vị này đã có công lớn trong lãnh vực chuyên môn với những khám phá về hạt ***neutrino*** (Tôi đã muốn dịch là hạt vi-hòa-tử nhưng đọc lên nghe giống như một tên trong truyện Tầu nên xin giữ nguyên chữ neutrino).

Hội Hàn Lâm Thụy Điển tuyên bố, "*Các giáo sư này là những nhân vật tiền phong trong lãnh vực vật lý không gian, có công trong việc khảo cứu những hiện tượng vật lý vũ trụ liên quan đến hạt neutrino.*"

Riêng giáo sư Giacconi còn có công trong lãnh vực nghiên cứu và khám phá ra nguồn gốc của vũ trụ tuyến X.

Những phám phá của các ông đưa đến những ngành học mới thuộc bộ môn vũ trụ học như neutrino astronomy, X-ray astronomy. Cũng giống như sóng hấp lực, ngành neutrino astronomy sẽ giúp khoa học khám phá ra những bí mật của vũ trụ mà những viễn vọng kính thông thường không thể nào nhìn xuyên thấu, nhất là những hiện tượng xẩy ra trong khoảng 300 ngàn năm kể từ BigBang.

Ngoài ra, lý thuyết Mô-hình-Chuẩn sẽ được bổ túc và cập nhật vì những hiểu biết mới về hạt neutrino. Mô-hình-Chuẩn (tạm dịch từ chữ Standard Model) là một hệ thống lý thuyết vật lý đặt căn bản trên tổng hợp của thuyết tương đối tổng quát và thuyết lượng tử để giải thích những tương tác -*interactions*- giữa vật chất, nhất là những phản ứng của hai lực nguyên tử cơ bản (strong and weak nuclear forces).

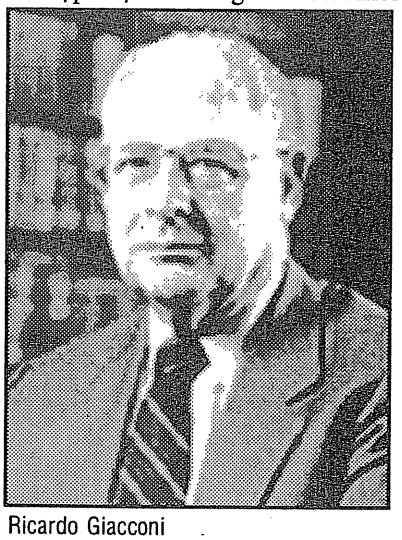

Ricardo Giacconi

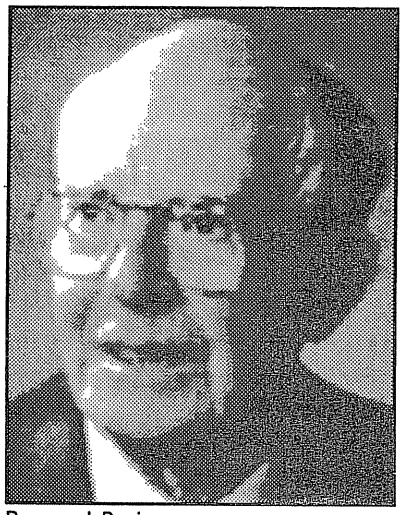

Raymond Davis

Một vấn đề nan giải khác thuộc môn vũ trụ học hy vọng cũng sẽ được giải thích qua những hiểu biết về neutrino, đó là *ảo chất -dark matter*. Hơn 90 phần trăm vật chất trong vũ trụ hiện chưa được khám phá ra là loại gì. Hiện tại hạt neutrino là một trong những ứng viên thích hợp nhất vì những tính chất đặc biệt của nó.

Ngoài ra, ngành neutrino astronomy cũng sẽ góp phần trong việc tìm hiểu về những bí mật của lỗ đen.

Hạt *neutrino* có một tiểu sử khá dài bắt đầu từ suy nghĩ của Wolfgang Pauli, một lý thuyết gia vật lý nổi tiếng của tiền bán thế kỷ 20. Qua những thí nghiệm của James Chadwick, Pauli đã dùng phương pháp quy-nạp (deductive logic) để suy ra một thứ vi hạt cực nhỏ, không điện tích, gần như không trọng lượng. Ý nghĩa vật lý của hạt neutrino rất quan trọng tại vì sự có mặt của nó giải thích và cứu vãn được nguyên lý bảo toàn năng lượng trong những phản ứng phân rã nguyên tử beta (Nguyên lý này là một trong những nền tảng cơ bản của vật lý.)

Một chuyện đáng suy nghĩ: Niels Bohr, cha tinh thần của thuyết lượng tử và là vật lý gia lỗi lạc, đã lầm khi ông cho rằng nguyên lý bảo toàn năng lượng không thể ứng dụng vào những gì xẩy ra trong lãnh vực lượng tử. Đây là một trong những giai thoại về nhầm lẫn của thế giới vật lý.

Lúc đầu, Pauli đã đặt tên cho vi hạt này là *neutron*, nhưng danh từ *neutron* này sau đó được dùng cho vi hạt trung-hòa-tử. Để tránh nhầm lẫn, năm 1933, Enrico Fermi, vật lý gia nguyên tử người gốc Ý, đã đặt lại tên vi hạt của Pauli là *neutrino*, có nghĩa là một hạt trung hòa cực nhỏ.

Để chận bắt được hạt neutrino đòi hỏi những thí nghiệm khoa học hết sức tinh vi phức tạp và ba giáo sư lãnh giải Nobel năm nay đã có công rất lớn trong việc nghiên cứu và góp phần sáng chế những bộ máy dò neutrino. Tại sao công việc của họ khó khăn? Hạt neutrino mang khối lượng cực nhỏ, không mang điện tích, không có thể tích, cho nên chúng bay xuyên qua *tất cả* mọi thứ vật chất trong vũ trụ. Một nhóm hạt neutrino có thể bay xuyên qua một bức tường sắt, thép hay chì dầy hàng ngàn tỉ cây số! Mỗi giây đồng hồ, cơ thể chúng ta bị một số lượng neutrino khổng lồ bay xuyên qua mà không hề hấn gì. Vì không có điện tích, cho nên hạt neutrino hoàn toàn không bị lực điện từ chi phối. Vì thuộc nhóm lepton, cho nên chúng chỉ bị ảnh hưởng rất nhẹ của lực nguyên-tử yếu (weak nuclear force). Ngoài ra, vì khối lượng quá nhỏ của chúng, chúng bị ảnh hưởng rất nhẹ của hấp lực (mỗi hạt neutrino không quá 5eV-electron volt).

Vì những tính chất (hay đúng ra là sự thiếu-tính chất - lack of property) của neutrino, tìm hiểu về nó là những khó khăn rất lớn trong lãnh vực thực nghiệm.

Xin nói rõ thêm: Theo vật lý nguyên lượng, vũ trụ được phân nhóm làm hai loại căn bản, một loại gồm những vi hạt tạo nên thế giới vật chất, tiếng Anh gọi là *fermion*, loại còn lại là những vi hạt "dẫn lực" gọi chung là *boson*. Thí dụ: hạt quang tử -photon- là vi hạt dẫn truyền lực điện từ thuộc loại boson. Hạt photon là hạt chúng ta quen thuộc nhất vì nó chính là ánh sáng.

Lepton là tên gọi chung cho một nhóm vi hạt gồm có sáu hạt, trong đó hạt điện tử -*electron*- là vi hạt quen thuộc nhất đối với thế giới loài người.

Neutrino ở trong nhóm lepton, thuộc loại fermion, và được chia làm ba loại: electron-neutrino, muon-neutrino, tau-neutrino. Tuy là một vi hạt cực nhỏ nhưng ý nghĩa của neutrino rất lớn

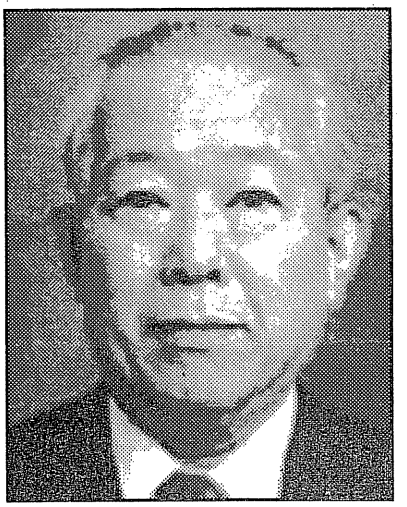

Masatoshi Koshiba

đối với vũ trụ học vì ảnh hưởng "góp gió thành bão" của chúng -tiếng Anh gọi là *cumulative effect*- Ảnh hưởng chung của số đông.

Năm 1956, hai vật lý gia Frederick Reines và Clyde Cowan đã thành công trong việc chứng minh được sự hiện hữu của hạt neutrino xẩy ra trong những phản ứng nguyên tử (nuclear fission). Đến năm 1995, những thí nghiệm tại Los Alamos cho thấy neutrino có một khối lượng cực nhỏ. Tuy nhỏ nhưng vì có quá nhiều neutrino trong không gian cho nên ý nghĩa của nó đối với ngành vũ trụ học trở nên rất quan trọng, góp phần giải thích được một số vấn đề hiện chưa được giải thích thỏa đáng, như vấn đề *missing mass* - khối lượng bị mất, hay vấn đề vũ trụ trương nở - *cosmic expansion*, v.v.

Cũng giống như hiện tượng *cosmic background radiation* - CBR, hiện tượng *neutrino background radiation* là một trong những hiện tượng tồn tại từ thời khai thiên lập địa đang được nghiên cứu vì những hứa hẹn quan trọng của nó.

Câu chuyện về neutrino còn dài và còn nhiều chi tiết phức tạp. Bài học chúng ta có thể rút tỉa từ hạt neutrino là từ một suy nghĩ của một vật lý gia về nguyên lý bảo toàn năng lượng, khoa học đã tìm ra một vi hạt cơ bản - *fundamental particle* - nhỏ nhất nhưng lại có thể là một vi hạt quan trọng nhất đối với khoa vũ trụ học. Hiểu được sự có mặt của hạt neutrino, khoa vũ trụ học có thể trả lời những câu hỏi như : *"vũ trụ đi về đâu?", "vũ trụ sẽ đi đến một trạng thái tận diệt như thế nào?"* và những câu hỏi thuộc thời kỳ Big Bang cũng như những câu hỏi về thuyết *"vũ trụ bộc phát -inflationary universe."*

CUỘC CÁCH MẠNG DI THỂ

(The genetic revolution)

TRƯƠNG ĐĂNG ĐỆ

Sự hiện diện của hàng triệu loại sinh vật khác nhau trên trái đất có vẻ như là một thách đố với mọi toan tính của con người để thống nhất chúng. Tuy nhiên, việc khám phá ra cấu trúc của DNA vào năm 1953 bởi hai khoa học gia James Watson, người Mỹ và Francis Crick, người Anh đã giúp chúng ta nhận thức được tại sao lại có một số lượng giống loại sinh vật lớn lao như vậy,đồng thời cho ta biết đặc điểm chung của chúng: đó là những protein, những viên gạch cốt yếu của đời sống.

Protein là những phân tử tạo ra trong các tế bào của mọi sinh vật, dù thuộc động vật hay thực vật, từ những vi khuẩn tới con người, cá voi, cây hồng hay cây đại thụ. Sự khám phá ra cấu trúc của DNA đã cho con người một kiến thức căn bản để từ đó dẫn đến một cuộc cách mạng mới, cuộc cách mạng di thể.

Giống như cuộc cách mạng kỹ nghệ cuối thế kỷ 19 do sự phát minh ra máy hơi nước đã làm biến đổi bộ mặt thế giới, hoặc cuộc cách mạng mã số (digital revolution) mới đây do sự khám phá ra transistor đã làm thay đổi hẳn lề lối làm việc và đời sống con người, cuộc cách mạng di thể do sự khám phá ra cấu trúc DNA đem lại, sẽ ảnh hưởng sâu rộng tới đời sống chúng ta, đặc biệt trong lãnh vực y học, và theo bác sĩ Harris, một khoa học gia hàng đầu của Anh quốc, có triển vọng giúp con người ta có thể sống tới 1200 tuổi.

Để hiểu cuộc cách mạng di thể, chúng ta hãy bắt đầu từ tế bào, đơn vị cơ bản của đời sống, và chúng tôi sẽ gắng trình bày một cách đơn giản những điều quan trọng nhất.

TẾ BÀO

Tất cả các sinh vật đều được tạo thành bởi những tế bào, và mỗi tế bào đều được sinh ra từ một tế bào khác. Phần lớn các tế bào đều có một chu kỳ, một chuỗi sự kiện tiếp nối nhau một cách đều đặn, theo một thời biểu đã được sắp đặt sẵn, từ khi mới thành hình cho tới khi lớn lên, tự phân ra (phân bào) hoặc chết.

Tế bào là đơn vị của sự sống. Mỗi tế bào giống như một xưởng máy phức tạp, thực hiện những nhiệm vụ như phát ra năng lực, tồn trữ những dữ kiện di truyền để truyền lại cho những thế hệ tế bào tiếp sau, sản xuất ra các protein...

Kích thước tế bào động vật và thực vật trung bình từ 10 đến 30 micron (1 micron = 1/ 1000 mm) đường kính

Số lượng tế bào thay đổi tùy sinh vật, ví dụ như vi khuẩn chỉ có một tế bào duy nhất, một người trưởng thành có chừng 100 ngàn tỉ (100 000 000 000 000) tế bào.

Đời sống của tế bào dài ngắn khác nhau: trung bình một tế bào hồng huyết cầu sống 120 ngày, tế bào xương từ 25 đến 30 năm, tế bào tinh trùng từ 2 đến 3 ngày, tế bào não suốt đời...

Mỗi tế bào có một nhân bên trong. Nhân tế bào chứa những cấu trúc quan trọng hình chữ X mà ta chỉ có thể quan sát được bằng cách nhuộm tế bào ngay trước khi phân bào. Vì những cấu trúc đó bắt màu nên chúng được gọi là những nhiễm sắc thể (chromosome). Thông thường nhân có 46 nhiễm sắc thể được sắp xếp thành 23 cặp, mỗi cặp gồm một của cha, một của mẹ, và được đánh số từ 1 đến 23; 22 cặp đầu có hình XX, cặp cuối cùng điều khiển giới tính (sex chromosome) và có hình XY cho phái nam và XX cho phái nữ (Hình 1 và 2)

Mỗi nhiễm sắc thể về cơ bản là một protein dài như một sợi chỉ nhỏ cuốn chặt lại gọi là DNA, và nếu gỡ hẳn ra thì dài chừng 1.8 m. Cấu trúc DNA có hình dáng như một cầu thang cuốn, và mỗi bậc thang được cấu tạo bởi bốn chất hóa học được viết tắt là A, T, C, G (Adenine, Thymine, Cytosine, Guanine) xếp thành từng cặp: A luôn luôn đi với T, C với G, các cặp này được gọi là những base pairs mà chúng tôi tạm gọi là những cặp bazơ. Những cặp AT, CG tương tự như những mã số 0 và 1 hay "bit " trong hệ thống nhị phân dùng để hợp thành những chữ cái A, B, C... hay những con số 1, 2, 3... trong một chip của máy điện toán (xem bài " Cách mạng mã số"); nhưng

những cặp AT, CG kết lại với nhau thì thành ra những di thể : chúng là những "bit " của các di thể.

Di thể hay gene chỉ là một đoạn ngắn của sợi DNA mang những chỉ thị cho biết tế bào phải hành động thế nào để chế tạo ra các protein cần thiết cấu tạo thành xương, bắp thịt, máu, màu tóc, và những tế bào khác của con người, và một di thể có thể mang hàng triệu cặp bazơ. Ví dụ sau đây chỉ là một khúc rất ngắn của di thể virus bệnh Aids :

ATGCCGTA
ATGCGCATATGCCGTAGCTAGCTA
GCCGATTAGCCGTAATGCGCATATGCCGTAGC
ATGCATGCCGTAATATGCCGTAATCGCG
ATAT
GCCGATATCGGCCGTAATCGATGCGCATATTATA_
Dean Tweed / The Globe & mail

Do số lượng nhiều hay ít và sự sắp đặt khác nhau của các cặp bazơ mà chúng ta có các di thể khác nhau và do đó, những protein khác nhau, những tế bào khác nhau, những cơ quan khác nhau, rồi những cá thể khác nhau trong một loài, rồi những loài sinh vật khác nhau trong thiên nhiên, thiên hình vạn trạng.

DNA mang các di thể riêng biệt của mỗi cá thể cho nên được coi như những dấu tay của cá thể đó. Chỉ nhờ vào tinh trùng còn bám vào áo của Monica mà người ta biết đó là của ông Clinton. Cũng do thử nghiệm DNA mà người ta có bằng chứng là Tổng thống T. Jefferson của Mỹ ít nhất cũng có một người con với Sally Hemings, một người nô lệ của ông.

Có tất cả hơn 3 tỉ cặp bazơ trong một sợi DNA dài chưa tới 2m ở con người, nhưng chỉ chừng 2% cặp hoạt động (active pairs) cấu tạo thành chừng 30 000 - trước kia người ta cho số đó là độ 100 000 - di thể (1), số còn lại được coi như những cặp bazơ đã bị đào thải suốt quá trình tiến hóa dài 2,5 tỉ năm của đời sống. Nếu các gen cho chúng ta biết hiện nay chúng ta là ai thì những mẩu DNA bị đào thải cho ta biết xưa kia chúng ta là gì; chúng giống như những hồ sơ hóa thạch (fossil reports) của tổ tiên chúng ta được tồn trữ trong các tế bào của chúng ta.

Bộ di thể của con người (The human genome)

Toàn bộ di thể của một sinh vật được gọi là "genome " mà chúng tôi tạm dịch là bộ di thể của sinh vật đó.

Vào cuối năm 1990, các khoa học gia thế giới, đặc biệt của Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, Nhật bắt đầu xúc tiến một công trình vĩ đại: đó là chương trình "The human genome" để lập một đồ họa của bộ di thể con người. Công việc đòi hỏi nhiều thời gian và tài chính. Tại Hoa Kỳ, cỗ hai tổ chức tham gia chương trình này: một của chính phủ do bác sĩ Francis Collins điều khiển với số tiền trợ cấp là 3 tỉ đôla, một của công ty Celera Genomics, một công ty về kỹ thuật sinh học, do khoa học gia Craig Venter làm chủ tịch.

Tuy người ta đã biết cấu trúc nhiễm sắc thể từ 1953, nhưng phải mấy chục năm sau, nhờ sự phát triển của kỹ thuật điều hành (engineering) di thể, của những kỹ thuật mới để phân chia hàng vạn khúc dài trong sợi DNA, và nhờ sự gia tăng lớn về tốc độ cũng như về sức mạnh của các máy điện toán, người ta mới có đủ điều kiện để đưa ra chương trình lập bản đồ của bộ di thể con người. Chương trình dự trù sẽ được hoàn tất vào năm 2005, gồm hai bước:

- Bước thứ nhất là định ra vị trí của chừng 30 000 khúc khác nhau nằm rải rác trong sợi DNA, mỗi khúc là một di thể. Công việc này, theo bác sĩ Collins, "giống như tìm một bóng đèn bị cháy trong một căn nhà nằm đâu đó giữa hai bờ biển Đông, Tây nước Mỹ mà không biết thuộc tiểu bang nào, thành phố nào, trên con đường nào."
- Bước thứ hai là tìm ra một cách thật chính xác thứ tự của các cặp bazơ trong một di thể. Nếu không có những máy điện toán thật mạnh thì không thể tồn trữ và điều hành những dữ kiện đồ sộ do công việc tạo ra.

Sau 10 năm nghiên cứu, vào tháng 6 - 2000 vừa qua, hai nhóm nghiên cứu của Hoa Kỳ vừa tuyên bố họ đã hoàn tất dự thảo đầu tiên về bộ di thể con người, và họ dự tính sẽ lập được bản đồ đầy đủ vào năm 2003. Nhưng lúc đó mới chỉ là điểm khởi đầu của cuộc cách mạng di thể, cũng giống như học đọc các chữ cái mới chỉ là bước đầu của của nền học vấn một con người, và theo các nhà chuyên môn thì phải nhiều chục năm, và gần đây theo báo *Ottawa Citizen* ngày 24 - 6 - 2000 trích tin của Associated Press, thì có thể cả một thế kỷ nữa mới xong.

Một nền y học mới

Sự hoàn tất bản đồ của bộ di thể con người sẽ đem lại nhiều thay đổi quan trọng trong y học.

Nhờ vị trí và thứ tự các cặp bazơ của các gen đã được định rõ, các khoa học gia sẽ có thể đi

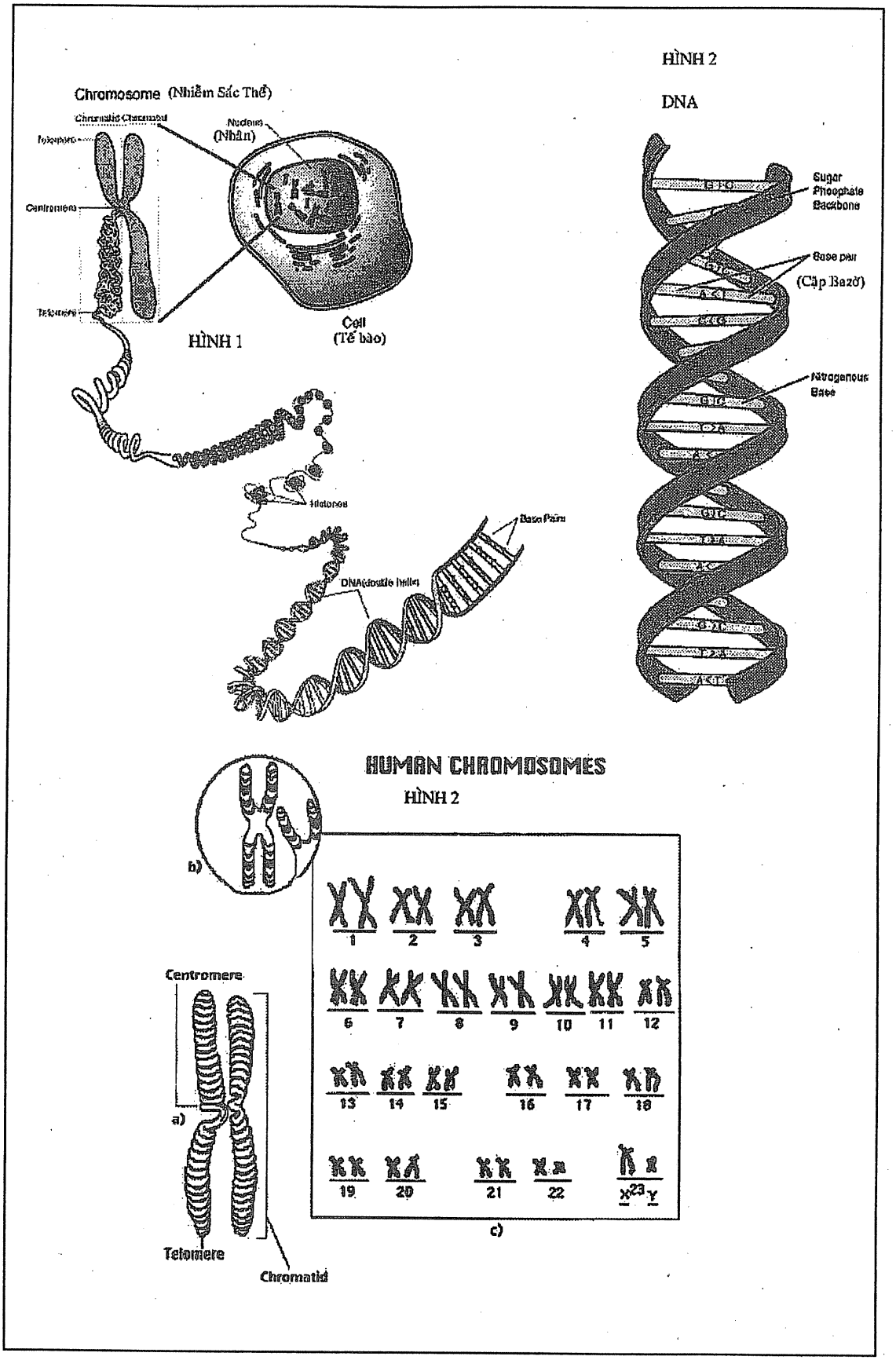
Chromosome (Nhiễm Sắc Thể)
Nucleus
(Nhân)
Centromere
Telomere
HÌNH 1
Cell
(Tế bào)
Histones
Base Pairs
DNA(double helix)
HÌNH 2
DNA
Sugar
Phosphate
Backbone
Base pair
(Cặp Bazơ)
Nitrogenous
Base
HUMAN CHROMOSOMES
HÌNH 2
b)
Centromere
a)
Telomere
Chromatid
c)

sâu vào di thể để tìm ra nguyên nhân các bệnh tật. Thông thường, một bệnh được phát ra là do một hay nhiều gen bị biến đổi (mutated) hay có một khiếm khuyết, một sai lầm nào đó, như về thứ tự các cặp bazơ chẳng hạn. Ví dụ như người ta đã tìm ra một nguyên nhân của ung thư da là do một gen thuộc nhiễm sắc thể số 9 bị hư hỏng, của bệnh quên Alzheimer là từ một gen của nhiễm sắc thể số 14 (theo đài VOA ngày 2 - 01 - 2001 thì người ta đã tìm ra thêm một gen khác thuộc nhiễm sắc thể số 10 cũng sinh ra bệnh này), của bệnh ung thư vú là từ nhiễm sắc thể số 17, của một dạng ung thư ruột già là từ nhiễm sắc thể số 2. Nói chung, các bệnh không đơn giản như ta tưởng, ông Craig Venter nói. Có thể là cả một mớ lộn xộn nhiều gen dính líu vào một bệnh.

Một sự kiện cần được lưu ý trong việc tìm nguyên nhân các bệnh là sự nghiên cứu di thể của một số lớn người có thể đem lại một kết quả quan trọng: đó là sự khám phá ra điều mà hầu như đối với mỗi bệnh, ít nhất cũng có một số nhỏ cá nhân mang những di thể có khả năng tự nhiên "bảo vệ" những cá nhân đó một cách có hiệu quả. Nếu tự nhiên đã có một số "di thể bảo vệ " ở một số người, các khoa học gia sẽ có thể nghiên cứu các cá nhân đó trước để tìm xem cái gì đã làm cho các di thể của họ được an toàn. Và so sánh di thể của người bị bệnh và của người lành mạnh có thể giúp các khoa học gia tìm được dễ dàng hơn di thể nào đã gây ra bệnh. Ngày 3 - 1 - 01, đài RDI cho biết nhờ phương pháp trên, người ta đã thấy nguyên nhân một bệnh điếc ở con nít là do sự biến đổi của một gen ở nhiễm sắc thể số 21, sự biến đổi này là hậu quả của sự lắp đi lắp lại thứ tự các cặp bazơ tại nhiều điểm trong di thể trên. Danh sách các "di thể bảo vệ" trên ngày càng gia tăng và có hy vọng trong vòng vài chục năm sẽ bao trùm tất cả các bệnh chính.

Cần nhớ là không phải di thể nào bị biến đổi cũng sinh ra bệnh, vì ngay khi hai nửa của các nhiễm sắc thể X và Y của cha và mẹ hợp lại với nhau - giống như khi ta mặc áo kéo cái dây gài nhanh (fermeture éclair / zip fastener) lại - cũng đã có một số biến đổi trong các gen làm cho người con ít nhiều khác với cha mẹ về hình dáng cũng như về tính tình. Người mình nói 'cha mẹ sinh con trời sinh tính ' nay có lẽ phải thay chữ trời bằng di thể mới đúng.

Khi một di thể bị sai lầm đã được khám phá ra, các khoa học gia sẽ tìm cách sửa chữa hay thay thế nó. Cho đến nay, đúng ra thì các bác sĩ chưa trị các bệnh; họ chỉ trị các triệu chứng, bước cuối cùng thấy được của cả một loạt tiến trình sinh hóa, họ chỉ chữa ngọn chứ chưa chữa gốc. Lý do là vì các dược phẩm được bào chế còn có tính cách mò mẫm, gồm nhưng chất lấy ra từ cây cối hay những hợp chất hóa học tương tự đã có sẵn.

Khi đã có thuốc, các bác sĩ có khi vẫn phải phán đoán, mò mẫm tìm thuốc nào có hiệu quả cho một bệnh nhân nhất định. Ví dụ như sau khi chẩn bệnh, bác sĩ nói là bạn bị áp huyết cao; có thể bạn phải thử ba hay bốn thứ thuốc khác nhau trước khi tìm ra đúng thuốc cho bạn. Đó là do bây giờ người ta đã khám phá ra rằng bệnh áp huyết cao được điều khiển bởi chừng một tá gen khác nhau, và bất cứ một (hay nhiều) gen nào cũng có thể là thủ phạm đối với trường hợp của bạn.

Sau này, bằng cách so sánh DNA của bạn với DNA của những người đã đáp ứng tốt với những dược phẩm nào đó, bác sĩ của bạn có thể kê cho bạn một đơn thuốc thích hợp với bạn ngay từ lần đầu, tiết kiệm được cho bạn hay ngân quỹ chính phủ tiền phải trả cho những thuốc dùng thử như trước kia.

Trong thời đại mới của nền y học di thể, cách chữa trị các chứng bệnh khác như ung thư, tiểu đường... cũng sẽ tương tự như vậy. Hơn nữa, các bác sĩ còn có thể trị các bệnh trước khi các triệu chứng xuất hiện, bằng cách dùng những thuốc để đẩy mạnh hoặc giảm bớt tác động của một protein nào đó một cách thật chính xác để tấn công những tế bào bị bệnh mà vẫn giữ nguyên những tế bào lành mạnh. Điều này cũng có thể áp dụng cho những bệnh tâm thần, khi người ta định rõ được những gen nào làm cho một số người dễ bị bệnh trầm uất (depression), tâm thần phân liệt (schizophrenia) (2), nghiện rượu, ma túy, hay dễ trở thành những kẻ hung dữ.

Sau đây là một cảnh có thể xảy ra trong một phòng mạch chừng 25 năm sau :

- Trong khi bác sĩ nói chuyện với cô Lan, ông gắp một miếng gạc đưa vào miệng bé Sơn, con cô Lan; ông quết nhẹ một cái, lấy ra một mẫu nước nhầy bên trong má bé Sơn. Ở một phòng bên cạnh, ông đặt mẫu đó vào một cái máy để hút DNA từ nhưng tế bào của chất nhầy ra và so sánh DNA bé Sơn với một chip nhỏ bằng đồng xu chứa những tài liệu di thể. Mấy phút sau, máy in của một máy điện toán đưa ra một danh sách các di thể của bé Sơn cho thấy trừ một vài cái,

hầu hết tất cả các di thể của bé đều bình thường. Bác sĩ giải thích cho cô Lan: "Các di thể của cháu nói chung tốt, tuy nhiên da cháu dễ bị hư hại, bởi vậy không nên cho cháu ra nắng nhiều quá »; rồi ông báo trước là "bé có thể dễ bị bệnh tim mạch sau này trong đời cháu. Muốn bớt rủi ro bị bệnh, bắt đầu từ hai tuổi, nên bắt đầu cho bé ăn những thực phẩm ít chất béo và có nhiều xơ, suốt cả đời như vậy."

- Một cảnh khác cũng có thể xảy ra trong tương lai :

Bạn cảm thấy thật khó chịu trong người, thân thể bải hoải, đau nhức khắp nơi. Bác sĩ của bạn lấy tay ấn chỗ nọ chỗ kia như từ thuở xưa, rồi nói: "Ông cho tôi coi thẻ di thể của ông." Một máy điện toán thu nhận mọi dữ kiện của cái thẻ plastic bạn đưa cho vị bác sĩ. "Đúng, ông bị cúm nặng," bác sĩ nói. "Tôi sẽ cho phòng bào chế pha chế thuốc cho ông, và thuốc sẽ sẵn sàng trước khi ông bận xong quần áo. Chắc chắn mai ông sẽ khỏe trở lại."

Hai cảnh trên bây giờ có vẻ như là tưởng tượng nhưng trong vài thập niên nữa sẽ trở nên thông thường. Khi đó, các khoa học gia đã giải mã được toàn bộ di thể con người và có thể cho biết bạn là ai, và trong số 4 000 bệnh thì những bệnh nào bạn đã có những di thể hoặc gây ra bệnh, hoặc làm bạn dễ mắc bệnh, giúp ta có những biện pháp phòng ngừa chúng. "Chúng ta đi vào một thời đại mà một bệnh có thể đoán trước được, trước khi nó phát ra" ông Wiliam Haseltime, giám đốc công ty Human Genome Sciences, một công ty về kỹ thuật sinh học tại Maryland nói. "Về cơ bản, y học sẽ chuyển từ chữa bệnh sang phòng bệnh, » ông nói tiếp. James Watson, một trong hai người đoạt giải Nobel vì đã khám phá ra cấu trúc của DNA, đã nói trước một ủy ban thuộc Quốc hội Hoa Kỳ khi chương trình 'Bộ di thể con người ' bắt đầu được tiến hành: "Trước kia chúng ta thường nghĩ rằng số mệnh chúng ta nằm trong ngôi sao của chúng ta, bây giờ chúng ta biết rằng số mệnh chúng ta phần lớn là ở trong các di thể của chúng ta. »

_Một khoa học gia, ông Levy, phó giám đóc công ty dược phẩm Glaxo Wellcome Inc. tại Missisauga, Ont. , tiên đoán rằng không lâu, chúng ta sẽ có thể mang trong người một "thẻ thông minh" (smart card) chứa đựng cơ cấu di thể chúng ta được in sâu vào một sợi từ tính. Ông cũng tiên đoán rằng cũng trong thời gian trên, các hãng bào chế thuốc cũng bắt đầu chế những dược phẩm nhằm vào cơ cấu di thể của từng cá nhân để bảo đảm hiệu quả đồng thời loại trừ những phản ứng phụ, vì phần lớn thuốc như bây giờ không có cùng tác động đối với mọi bệnh nhân.

Trong tương lai, nhiều thủ tục giải phẫu sẽ được thay thế bằng cách điều chỉnh những khuyết tật, những biến đổi của di thể, và có lẽ dễ dàng hơn là bằng cách định rõ loại protein nào đã được các di thể bị hư cấu tạo ra, rồi thay ngay các protein đó. Bác sĩ Jeffrey Isner tại Trung tâm Y tế St Elizabeth ở Boston đã đạt được những kết quả đáng lưu ý với một protein tổng hợp có khả năng làm phục hồi sự lưu thông của máu ở chân những người bị bệnh tiểu đường, và đặc biệt hơn nữa, làm kích thích sự phát triển những mạch máu mới ở những bệnh nhân bị bệnh tim nặng. Một ngày nào đó, tất cả các cuộc giải phẫu sẽ được coi như là những thất bại của kỹ nghệ chế tạo dược phẩm. Khi ấy, chúng ta sẽ có những phương pháp trị bệnh dựa vào các di thể cho hầu hết các bệnh nặng, và như ông Haseltine nói, chính di thể con người, protein con người, tế bào con người, chứ không phải các hóa chất, sẽ được dùng để làm ra thuốc. Sau đây là một ví dụ :

Vào năm 1990, cùng với hai người bạn đồng nghiệp, bác sĩ W. French Anderson lúc đó làm viêc tại National Institutes of Health, Hoa Kỳ, là người đầu tiên thực hiện phương pháp trị bệnh bằng di thể được chính phủ Liên bang cho phép. Bệnh nhân của họ là DeSilva, một bé gái bốn tuổi, bị một chứng liệt kháng gây ra bởi một di thể vì bị hư hỏng nên không thể điều khiển sự sản xuất ra một enzyme quan trọng. Nhóm bác sĩ trên lấy ra một ít tế bào bạch huyết cầu của em bé, cho chúng tiếp xúc với những virus mà di thể đã bị điều hành để mang những mẫu bình thường của gen bị hư. Các virus tấn công các bạch huyết cầu, rồi những bạch huyết cầu này được truyền trở lại vào máu của bé. Tại đây, các tế bào sau khi được tiếp nhận những gen bình thường, bắt đầu sản xuất ra chất enzyme thích hợp, và sau nhiều lần được chữa như trên, các tế bào bị hư biến hẳn, và em bé hầu như được bình phục.

Trong 50 năm nữa, những tiến bộ trong cách điều trị bệnh tật nói chung và của tuổi già nói riêng, và sự phát triển của y học để làm cho cơ thể con người ít bị "mòn " sẽ làm tuổi thọ con người tăng gia nhiều, bác sĩ Harrison nói. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia về y học tin rằng việc nghiên cứu về di thể lúc đầu sẽ chỉ nhằm chữa các bệnh nguy hiểm như ung thư, Alzheimer, tiểu

đường... và làm tăng sức khỏe để người ta có thể hưởng một đời sống lâu và hoạt động hơn, chứ không nhất thiết là làm tăng tuổi thọ, việc này sẽ được nối tiếp sau.

Ngoài việc đem lại cho loài người một đời sống khỏe mạnh và lâu dài hơn, cuộc cách mạng di thể còn đem lại rất nhiều vấn đề cho chúng ta, tốt cũng như xấu. Trong khuôn khổ hạn chế của bài này, chúng tôi chỉ đề cập qua tới một vấn đề, đó là vấn đề thực phẩm, khi mà chúng ta sống thọ hơn, và dân số thế giới ngày một gia tăng. Theo Ban Dân số thuộc Liên hiệp quốc, dân số thế giới sẽ tăng từ 6 tỉ ngày nay tới gần 10 tỉ vào cuối thế kỷ này. Chúng ta sẽ phải giải quyết vấn đề trên cách nào?

BỘ DI THỂ CỦA CÂY CỐI

Hiện nay, sữa, thịt, rau quả... được sản xuất ra bằng phương pháp chuyển ghép di thể (transgenics) nằm đầy trên các kệ trong các siêu thị ở Canada, Mỹ, Argentina, Trung Quốc... (một số nước như Anh, Pháp... phản đối hoặc vì sợ tác động tai hại, hoặc vì muốn bảo vệ nông gia trong nước). Chính nhờ biết phương pháp chuyển ghép di thể mà các nhà khoa học có thể ghép vào bất cứ một sinh vật nào những di thể lấy ra từ bất cứ một loại nào khác để tạo ra những loại tốt hơn, như bắp lớn hơn, cà chua nhiều thịt hơn, chuối không bị hư khi chuyên chở, gạo có thêm beta carotene, tiền thân của vitamin A, có thể giúp hàng triệu trẻ em khỏi bị mù.

Một tin mới nhất là tháng 12 - 2000, chỉ sáu tháng sau khi bản thảo bộ di thể con người được hoàn tất thì các khoa học gia thế giới đã giải mã được bộ di thể của một cây có tên khoa học là arabidopsis thaliana (chúng tôi viết tắt là arabi cho gọn), một loại cây cùng họ với cây mù tạc. Đó là một khám phá quan trọng vì không những nó cho ta biết bí mật của tạo hóa mà còn có thể giúp nuôi sống nhân loại ngày càng đông, giảm ô nhiễm, và tìm ra được những dược phẩm mới.

Cây arabi có 25 500 di thể nằm trong năm nhiễm sắc thể và chứa đựng chừng 117 triệu cặp bazơ (bắp có 3 tỉ cặp). Người ta đã biết nhiệm vụ của 2/3 bộ di thể, số còn lại được dự tính sẽ hoàn tất vào năm 2010.

Di thể của cây arabi đã được thử nghiệm để tạo ra những cây nông nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh, có thể chịu đựng những khí hậu khắc nghiệt, chống được sâu bọ, bệnh tật và cung cấp được nhiều vitamin. Những loại cây trên sẽ làm giảm được việc sử dụng những chất hóa học có hại dùng trong nông nghiệp, và có thể cứu được hàng vạn mẫu rừng mưa nhiệt đới khỏi bị phá, bằng cách tăng thu hoạch gấp bội trong các nông trại hiện có sẵn.

Hơn nữa, việc tìm ra bộ di thể của cây arabi chỉ là bước đầu dẫn tới sự khám phá ra di thể của những loại cây khác (3) đem lại nhiều lợi ích cho chúng ta như trong khi giá dầu và hơi đốt tăng, nhiều phòng thí nghiệm đang tìm cách nghiên cứu các gen để biến bắp, đậu nành, cây thuốc lá và những cây nông nhgiệp khác thành những xưởng máy sinh học để sản xuất ra những nguồn cung cấp nhiên liệu mới. Người ta cũng hy vọng tìm ra những chất hóa học dùng trong kỹ nghệ và những dược phẩm để chữa bệnh tật cho con người. Các nhà nghiên cứu đã tìm thấy chừng 100 di thể của cây arabi có liên quan chặt chẽ với những di thể gây một số bệnh cho con người như điếc, mù và ung thư.

"Quả là kỳ lạ là người và cây cối cùng chia sẻ một số di thể," ông Rod Wing, người đang nghiên cứu về di thể của cây lúa tại Đại học Clemson, nói. "Điều đó cho ta thêm bằng chứng là người và cây có cùng một nguồn gốc chung, đồng thời đặt ra nhiều câu hỏi về sự tiến hóa và mức liên quan giữa người và cây cối," ông tiếp./.

Chú thích

(1) Như vậy, số di thể con người chỉ bằng khoảng gấp đôi số di thể của con ruồi giấm (13 000) hay con giun (18 000); và các nhà di truyền học cho là có thể mỗi gen ở con người phức tạp hơn và có khả năng làm nhiều nhiệm vụ hơn để giải thích sự khác biệt to lớn giữa con người và con giun hay con ruồi giấm.

(2) Một bệnh tinh thần làm cho người bệnh có những ảo tưởng, những ý nghĩ lẫn lộn, những hành động phi lý, và cách ứng xử rút vào bản thân, không hòa với xã hội.

(3) Ngày 26 - 1 - 01,các khoa học gia tại hai công ty Syngenta và Myriad Genetics Inc. tại Salt Lake City, Utah đã giải mã được bộ di thể của cây lúa gồm 12 nhiễm sắc thể.

Tài liệu tham khảo chính

Time (nhiều số)

Popular Science

The Almanac of Science &Technology (Richard Golob)

Science desk Reference (Patricia Barnes - Svarney)

The Handy Science Answer Boo k (Carnegie Library of Pittsburgh)

MÂY TRỜI

NGUYỄN CHÍ KHAM

Sau tác phẩm đầu tay, tập truyện ngắn Trăng Ơi Thơ Ấu Mãi, được xuất bản cách đây mấy năm, nhà văn Nguyễn Chí Kham vừa hoàn tất bản thảo cuốn truyện dài Nắng Hồng Phương Nam. Thế Kỷ 21 xin cám ơn nhà văn Nguyễn Chí Kham đã cho phép trích đăng một số chương trước khi toàn bộ truyện dài này chính thức ra mắt bạn đọc.

Lúc gần trưa, Thùy mới rời phòng xuất cảnh. Hơn một tiếng đồng hồ trong buổi phỏng vấn, Thùy phải trả lời nhiều câu hỏi phức tạp liên hệ đến gia đình, cá nhân. Nhưng rồi, mọi chuyện cũng tốt đẹp. Khi đứng dậy, Thùy nở một nụ cười và nói lời cám cô Hằng, nhân viên phụ trách hồ sơ xin du học qua Nga và các nước Đông Âu. Trước khi trở gót, Thùy còn nán lại hỏi:

- Em còn đợi lâu không cô?
- Một tháng, em sẽ được giấy báo.
- Cám ơn cô nhiều.

Cô Hằng ngừng xem hồ sơ, ngước mắt lên gật đầu mỉm cười đáp lời chào của Thùy.

Lối đi từ phòng cuối ra đến ngoài, Thùy đã nghe vang lên những tiếng nói chuyện ồn ào, tiếng xe cộ từ ngoài con đường vọng vào. Ra tới cửa, Thùy dừng lại, cô đưa mắt nhìn đám đông. Họ đang đứng đây tụ tập từ đầu buổi sáng, người nào bên tay cũng có túi xách, cặp da, hoặc những bao giấy lớn đựng hồ sơ. Họ ăn mặc lịch sự, cười nói lưu loát, và nhiều chỗ nghe dậy tiếng luận bàn sôi nổi. Thùy biết, những người này cũng đang làm hồ sơ xin xuất cảnh, nhưng khác trường hợp của cô. Họ là người miền Nam, đang mong muốn được nhà nước cấp hộ chiếu cho xuất cảnh theo diện đoàn tụ, diện con lai, và lúc sau này, mới có thêm chương trình nhân đạo dành cho những tù nhân cải tạo. Còn cô, vốn là người miền Bắc, đang xin qua Nga du học.

Bây giờ đi đâu ? Câu hỏi đến với Thùy, cô gái đang lưỡng lự. Thùy bước xuống khỏi bực thềm, ra khỏi đám đông, rồi dừng trên bờ đường. Người đông, xe cộ chạy qua lại hết sức náo nhiệt trên hai con đường trước phòng xuất cảnh. Buổi sáng nay, Thùy đi chuyến xe sớm. Chiếc xe Jeep cơ quan, Thùy đi nhờ về Sài Gòn nên cô không thể mang xe đạp theo để làm phương tiện.

Trạm xe buýt nằm bên dưới văn phòng xuất cảnh, đối diện với Câu Lạc Bộ Thể Thao. Thùy tới, ở trạm có một người đàn bà đang chờ xe. Trạm không có ghế ngồi. Thùy đang nghĩ tới Nguyện, lúc này, cô muốn đến chỗ sạp báo tìm anh.

Xe buýt tới, hai người cùng bước lên. Chuyến xe buýt không đông khách nên ghế ngồi còn rộng. Xe chạy trên đường Nguyễn Du qua những hàng cây me trải dài bóng im. Bà khách ngồi bên cạnh Thùy là người miền Bắc di cư. Bà có vẻ mặt hiền hậu, cởi mở. Nhìn vẻ đẹp duyên dáng của Thuỳ bà có ngay sự thiện cảm. Bà hỏi chuyện cô về Hà Nội, và Thùy đáp lại bằng giọng từ tốn, nhẹ nhàng. Trong câu chuyện, có lúc Thùy thấy phân vân. Nghe bà nói, quê bà ở Hà Đông, nhưng từ ngày xa quê, bà chưa trở về thăm miền Bắc. Thùy im lặng thôi. Tới đường Pasteur, chiếc xe buýt rẽ trái, lên đường Xô Viết Nghệ Tĩnh lại rẽ phải. Bà khách ngừng chuyện, đưa mắt nhìn ra ngoài, và cho Thùy biết xe gần đến trạm chỗ Thùy sẽ xuống.

Thùy đứng dậy khi xe ngừng. Thùy chào bà khách, bà đáp lời và nhìn theo cái bóng của Thùy đi ra cửa xuống xe.

Buổi trưa dịu nắng, chiếc xe buýt lại rời trạm. Thùy đi trên lối vỉa hè theo hướng chỉ của bà khách lúc nãy. Thùy bỗng cảm thấy lạc lõng khi đi bộ một mình. Sài Gòn con đường nào cũng ồn, náo nhiệt. Trên vỉa hè đầy những quán ăn, giải khát, và đủ thứ hàng quà. Thùy đưa mắt nhìn lơ đãng, không mấy chú ý đến quang cảnh sinh hoạt

và những người đi qua lại xung quanh. Cả đến những tiếng động, tiếng còi xe chợt đến, chợt vang, rồi lặng thinh. Thùy chỉ nghĩ đến Nguyện. Cô gái đã có hình ảnh về một người anh, mà qua đó, nàng đã cảm thấy tình yêu xâm lấn. Và, tình yêu đã đến rất thật, không mơ mộng, hão huyền. Cô yêu người anh của mình, cũng như anh ấy, yêu cô trong tình yêu em gái thật nồng nàn. Và như thế, không thể nào cô cưỡng kháng lại. Cô đã yêu, đã nhớ, nhưng đôi lúc, cô vẫn hiểu rằng, hai người chỉ yêu nhau thôi không thể tiến xa hơn. Ừ nhỉ, người ta ồn ào, xôn xao về chuyện xuất cảnh, không biết anh ấy có quyết định ra đi không ? Nếu anh quyết định đi, có lẽ gia đình anh sẽ sung sướng.

Từ ngày theo gia đình bỏ Hà Nội vào định cư ở Vũng Tàu, Thùy chỉ gặp lại Nguyện có một lần. Anh cũng hứa hẹn, sẽ ra Vũng Tàu thăm gia đình cô, nhất là mẹ và ba cô, hai người anh rất yêu mến, kính trọng. Thùy chợt tự hỏi, không hiểu sao, lần gặp đầu tiên khi cô đi với Loan đến trại tù thăm anh, cô thấy anh đưa đôi mắt nhìn cô dịu dàng, tha thiết. Trong cái nhìn đó, khi trở về Hà Nội, cô cứ nhớ mãi, đôi lúc buồn buồn với sự thao thức. Cô nghĩ đến anh, thầm yêu trong hạnh phúc của một lần mong nhớ. Rồi sau đó, anh gởi thư riêng, cô cũng trả lời. Và, đến một ngày được ra khỏi tù, anh về Hà Nội, và anh đã sống một ngày Hà Nội, nhưng thực ra, một ngày của đời cô. Thế là, cái nụ hôn trong buổi tối mưa ở ga Hàng Cỏ đã xa cách từ ngày đó, cô được nếm trở lại cũng trong một buổi tối ở Sài Gòn. Khi Thùy vào miền Nam, thấy Sài Gòn, cô nhận ra ngay mình sẽ đi tìm một cuộc sống mới. Ở Hà Nội, cuộc sống quá lặng lẽ, đôi khi mệt mỏi vì thời tiết. Xa Hà Nội, vào Nam, Thùy đã đến một vùng đất mới lạ lùng, đầy hứa hẹn. Hôm gặp lại nhau trong mấy ngày Thùy ở Sài Gòn, Nguyện đã đem lại cho cô tất cả niềm vui mà không cần ao ước cũng vẫn có đầy đủ. Niềm vui rất tự nhiên, thoải mái. Nguyện đã dành cho Thùy một ngày Sài Gòn đúng theo ý nghĩa của nó, như hôm đó, Thùy đã dành cho Nguyện một ngày ở Hà Nội. Ngày đó, nay chưa có ai hẹn trở về.

Nguyện đưa Thùy đi thăm những con đường, phố xá, thăm các trường học, nói cho Thùy biết qua về tính cách, nếp sống, ngôn ngữ của người miền Nam, và chút ít về lịch sử Sài Gòn mà anh đã sống ở đây, đã đọc trong sách vở. Nguyện cùng Thùy đi chơi, bên cạnh một thiếu nữ, anh sống lại thời tuổi trẻ của mình. Hôm đó, hạnh phúc cho Thùy cũng là của anh, và hai người như được sống qua hình ảnh của nhân vật trong tiểu thuyết. Chiến tranh đã kết thúc và đem lại tình yêu cho rất nhiều lứa đôi. Nguyện dành cho Thùy tất cả những kỷ niệm về tuổi trẻ của mình. Nguyện mua quà, mua sách, anh gói gém lại những thứ đó và đưa hết cho Thuỳ. Món quà đó nói với Thùy rằng, tuổi thơ của cô bây giờ đã qua, và rồi đây với miền Nam, cô không còn sợ hãi chiến tranh, không còn nghĩ đến Hà Nội nữa.

Cùng với Thùy dạo chơi giữa Sài Gòn, Nguyện bỗng thấy mình trẻ hẳn lại. Khác với hôm Nguyện ghé Hà Nội, nỗi xúc động về một thành phố làm anh bối rối, bồng bột, và khiến Thùy lo sợ, lần này anh hết sức tự nhiên cởi mở, như cách sống ở miền Nam của anh đã thể hiện từ lâu. Buổi tối đó, Nguyện đưa Thùy ra ngồi hóng mát ở bến Cảng Sài Gòn. Anh cũng nói cho Thùy biết, nơi này, anh đã xuống tàu trong lần ra miền Bắc. Giọng nói đầy xúc động của anh khi miền Nam hiện ra những hình ảnh bom đạn và đêm tối, đã khiến Thùy se lòng.

- Nhưng mà thôi, chiến tranh đã qua đi rồi.

- Em hiểu anh.

- Từ sau chiến tranh anh trở về, được gặp em, lúc nào anh cũng nghĩ, xa hay gần, anh luôn có em trong lòng.

Ngồi bên nhau, hai người tay nắm tay. Rồi yên lặng, lúc ấy, Nguyện kéo Thùy

lại gần, anh ôm Thùy gọn kín trong hai cánh tay, rồi anh cúi xuống hôn, đắm đuối, ngọt ngào. Và, Thùy cũng chợt cảm nhận ngay trong dư vị cái hôn trở thành một cuộc sống mới của cô ở miền Nam. Hai người ngừng lại, tiếng chuyện trò nho nhỏ, rồi lại ở trong vòng tay, trong những cái hôn dành cho nhau. Thùy nói khẽ cho Nguyện nghe:

- Em yêu anh.

Nguyện không đáp lời, chỉ giữ hai cánh vai Thùy, anh nhìn sâu vào cặp mắt cô, và lúc đó, anh không hôn môi, mà cúi hôn trên cặp mắt cô vừa nhắm lại.

Ra Vũng Tàu, Thùy làm việc bên ngành du lịch. Vài năm trở lại đây, Vũng

Tàu trở địa điểm du lịch lý tưởng. Trên bãi biển, nay cũng ồn vui, có du khách nước ngoài, và cũng đông người Sài Gòn nghỉ ngày cuối tuần ra chơi. Những ngày nghỉ, Thùy ra biển, có lúc cô ngồi một mình nhớ đến Nguyện và thầm mong Nguyện có mặt bên cạnh mình. Nhưng, từ Sài Gòn ra Vũng Tàu chỉ hơn 100 cây số, mất khoảng

ba bốn giờ xe, vậy mà Nguyện không đến với cô.

Đôi khi, Thùy buồn hờn dỗi, cô lấy giấy ra viết thư để trách Nguyện. Nhưng rồi, khi mở ra mỗi thứ quà mà Nguyện đã mua cho Thùy, Thùy sung sướng, hạnh phúc như thể đang có anh bên cạnh. Hoa Vông Vang của Đỗ Tốn là một trong mấy cuốn truyện, anh mua tặng cho Thùy. Thùy đọc hết tập truyện này, trong đó có truyện Định Mệnh, cô hay đọc lại nhiều lần. Giữa cô và Nguyện có một đôi chút gần giống như trong truyện này. Lần đầu mới đọc, Thùy xúc động, cô cũng có nỗi lo sợ, bồn chồn như nhân vật nữ tên Mộc Lan. Câu chuyện kể lại mối tình giữa hai anh em, người em con cậu, người anh con của người cô. Năm ấy, từ Hà Nội anh ta về thăm, bỗng thấy cô em họ mình lớn lên và đẹp. Anh đem lòng yêu cô gái, nhưng cô không hay. Một buổi vắng nhà, hai người ngồi bên nhau đọc sách. Và, lúc câu chuyện ngừng lại cô gái khép mắt như một thiên thần. Chỉ trong một giấc mơ, một chút vẻ đẹp hết sức mong manh, anh đã làm cho cô em mình khiếp sợ. Nhưng rồi, sau vết thương trên nụ hôn, bất ngờ nó làm cô gái chợt cảm thấy nhớ, thầm yêu người anh trong lòng. Sau lần đọc đầu tiên, Thùy cũng mang một tâm trạng như cô gái trong truyện. Rồi từ bóng dáng cô gái Mộc Lan, rất nhiều lần Thùy nhớ lại Hà Nội, nhớ một buổi tối mưa ở ga Hàng Cỏ, Nguyện đã liều lĩnh ôm hôn cô, cô sợ hãi cưỡng kháng, nhưng rồi cái hôn của anh đã cho cô thứ vị nếm xót xa đau thương, vừa ao ước hạnh phúc. Lúc ấy, lòng Thùy tự dưng chùng lại, ngây ngất, và cô cũng nhận ra cô đã thực sự yêu anh rồi.

Thùy vượt qua đường, rồi trở lại lối đi trên vỉa hè. Bỗng Thùy lấy làm ngạc nhiên, vì Toà Soạn báo Tuổi Trẻ đã dời đi nơi khác. Căn nhà này nay thuộc về một cơ quan của Sở Văn Hoá. Thùy bước nhanh chân đi tới sạp báo, và cô hết sức ngạc nhiên vì không thấy có Nguyện và người bạn của anh. Trong sạp báo, một người đàn bà đầu đội chiếc nón vải đang đếm những chồng báo bày trên kệ. Đợi bà ta đếm xong, Thùy hỏi:

- Anh Nguyện có làm việc ở đây không chị ?
- Anh Nguyện nào ?
- Anh ấy là anh bà con với em. Trước, anh có đứng bán báo ở sạp này.
- À, sạp báo này là của anh Vinh.
- Vâng, em có biết anh Vinh.
- Sạp này đã sang cho tôi rồi. Tôi không biết anh của cô, nhưng anh Vinh hiện giờ là chủ đại lý sách. Không chừng anh của cô cũng làm việc ở đó.

Thùy không hỏi thêm, cô lưỡng lự không biết tính thế nào. Chị ta nhìn Thùy, rồi nói:

- Chỗ anh Vinh cũng gần đây thôi. Cô đi lên trường Lê Quý Đôn, lên phía trên một chút ở ngay bên cạnh Thông Tấn Xã.
- Xa không chị, Thùy hỏi.
- Gần đây thôi. Cô đi bộ một quãng băng qua đường Võ Văn Tần là tới.

Thùy cám ơn, rồi trở ra đường. Bây giờ đã trưa, và cô có ý định đón xe buýt xuống Thị Nghè ghé đến nhà Nguyện. Nhưng nghĩ anh ấy đi làm, không trở về nhà trưa, thì làm sao gặp ?

Thùy ngược trở lại con đường lúc nãy, đến Hồ Con Rùa, cô qua đường Võ Văn Tần, lúc gặp đường Lê Qúi Đôn cô rẽ trái lên quãng dốc, ra gặp đường Xô Viết NghệTĩnh và suốt con đường này la liệt những đại lý sách, còn trên bờ hè nối liền nhau những hàng quán bán cà phê, quán nước, quán cơm.

Thùy sửa lại cái túi xách đeo vai, thong thả bước đi . Có nhiều bảng hiệu đại lý, và khi chợt trông thấy bảng hiệu Thanh Vinh, Thùy dừng lại. Cửa hàng sách rộng và thoáng, hầu như các cánh cửa mở trống. Bên trong, có mấy người đang làm việc. Thùy nhìn vào, không thấy Nguyện cô thất vọng. Bỗng Thùy vui lên lúc nhận ra Vinh, người bạn của anh Nguyện. Vinh đang ngồi viết bài điểm sách cho báo Tuổi Trẻ. Một lúc sau, Vinh ngừng tay, nhìn ra ngoài, trông thấy Thùy đứng ở đó, anh nhớ là quen nhưng ngờ ngợ, liền đứng dậy đi ra hỏi:

- Cô tìm ai ?
- Em tìm anh Nguyện.
- Nó đi giao sách rồi. Chắc cũng sắp về.

Vinh mời Thùy vào trong quán sách. Thùy cũng tự nhiên, vì thấy không khí làm việc vui, người nào cũng bận rộn với việc giao sách cho khách hàng. Nhật đang tính tiền và giao sách, thấy Thùy đi vào cùng với Vinh, hắn chợt ngừng chú ý. Vinh kéo chiếc ghế cho Thùy ngồi, hỏi:

- Em uống gì ?
- Cám ơn anh, em không khát.
- Uống nước đi. Anh gọi nước đá chanh cho em uống nghe.

Nghe tiếng Vinh trao đổi chuyện thân tình, Thùy gật đầu, đáp:

- Vâng, anh cho em xin nước đá chanh.

Vinh ra quán, gọi một ly cà phê đá và một ly nước chanh. Buổi trưa ồn ào đông vui, và Thùy

cảm thấy như mình cùng tham dự sinh hoạt chung ở đây. Một lúc cà phê đá và nước chanh đem vào. Ly nước lớn và đầy làm Thùy thấy ngợp. Nhưng Thùy cũng đang khát. Cô vừa đón nhận ly nước chanh uống ngay liền.

- Em ở dưới Vũng Tàu phải không ?

- Vâng.

Thùy nhìn Vinh hút thuốc, uống cà phê, dáng nghệ sĩ, cô lấy làm thích thú. Cô nói với Vinh:

- Em có ghé sạp báo của anh.

- Anh sang lại cho người ta rồi.

- Em có nghe chị bán báo nói. Chỗ này anh làm việc cho đại lý.

- Anh hợp tác với người bạn. Anh Sơn đang tiếp khách hàng đằng kia là Giám Đốc.

- Sách vở nhiều và đông khách, anh nhỉ.

- Lúc này buôn bán tương đối dễ chịu.

- Ở đây anh Nguyện làm gì anh ?

- Đi phân phối hàng.

- Không phải phân phối ngay tại đây.

- Đây là những người từ dưới tỉnh lên. Trong thành phố, các tiệm sách, có người giao tới tận nơi.

Vinh chợt ngừng chuyện, quay sang nghe Sơn hỏi:

- Fahasha trả lời sao anh Vinh ?

- Bốn giờ chiều nay mới xuất hàng.

Sơn nói với người khách:

- Ông anh đi đâu, sáu giờ chiều quay lại đây.

- Tôi nhận khoảng bao nhiêu ?

Sơn lại hỏi Vinh:

- Họ xuất cho mình bao nhiêu ?

- 1000 cuốn.

- Tôi để cho ông anh lấy năm cây.

- Bao nhiêu cuốn một cây ?

- 25 cuốn.

- Rồi, chiều tôi quay lại.

Thùy hỏi Vinh:

- Sách chỉ ở trong miền Nam thôi. Có Hà Nội vào không anh ?

HOA CÚC... ĐEN

Năm Sắc Hoa

Tặng tác giả bài "Hoa cúc Tháng 10" Trần Mộng Tú

Tôi là hoa cúc tháng mười
Nghiêng mình trước gió đón cười thu phong.
Người về có nhớ tôi không?
Tôi là hoa cúc thu phong trước nhà.

Sáng tươi cúc trắng hơn ngà
Trinh nguyên từ thuở mẹ cho ra đời.
Lúc còn hàm tiếu thảnh thơi
Thu sang hương sắc như lời Nguyên Sa.
Áo tím mặc thuở mười ba
Chàng ta pha mực đậm đà nhớ nhung.
Đậm nhạt khác vẻ khôn cùng
Người về pha mực có trùng màu chăng?
Dịu dàng em thuở mười lăm
Sáng trưng như thể trăng rằm đêm thu,
Mẹ hiền đổi áo màu nhu
Hoàng bào cho mặc trăng lu hơn người.
Bích Lan thoắt đã xa rời
Áo vàng hoa cúc ngậm ngùi nhớ ai.
Người về ở với Sao Mai,
Áo đen hoa cúc liêu trai hóa thành.
Sách hồng chữ Việt rành rành
Khái Hưng tô vẽ nàng thành cúc đen.
Đời thường lắm nỗi bon chen,
Mẹ đem áo đỏ thay đen xen vào.
Thắm tươi hơn cả hoa đào,
Trắng vàng tím đỏ thêm vào áo nâu.
Đời buồn lắm nỗi bể dâu,
Đông sang cúc cũng đổi màu phôi pha.
Dù cho lắm vẻ kiêu sa,
Thay xiêm đổi áo thiết tha với người.
Chẳng hay vật đổi sao dời
Đông sang thu cũng ngậm ngùi chia tay.

Kiếp sau xin được làm người
Đến thăm hoa cúc tháng mười đón thu.

Santee 11/2001

- Có chứ em. Sách trong này chuyển ra Hà Nội, và lấy sách từ Hà Nội vào .

Thùy thấy vui, hỏi thêm Vinh về chuyện sách vở. Cô được nghe Vinh giảng rộng hơn về nghề buôn bán sách. Buổi trưa, nghe tiếng còi hụ kéo dài. Thùy đứng dậy, định chào Vinh và các anh em trong đại lý để đi, bất thần, vừa đúng lúc Nguyện về tới. Thấy Thùy, Nguyện hết sức ngạc nhiên:

- Sao em biết anh ở đây mà đến tìm ?

Thùy cười đáp:

- Em tài lắm.

- Ngồi chơi đợi anh.

Nguyện đi qua Nhật. Nhật có khuôn mặt trắng, mảnh dẻ như con gái, trên đầu luôn đội ngược chiếc mũ lưỡi trai. Thùy hay chú ý nhìn qua Nhật, thấy ngộ nghĩnh cô mỉm cười.

Nguyện hỏi:

- Dòng sông ly biệt, còn bao nhiêu cây ?

- Hai cây.

- Không có giao cho ai nghe.

- Em có hứa để cho Long An rồi.

- Không được, anh cần chiều nay phải giao cho họ.

- Tại sao anh hứa với người ta làm gì ?

Nguyện giải thích:

- Không phải anh hứa, nhưng quán sách người ta mới khai trương. Họ cần một ít sách Quỳnh Dao cho có mặt hàng để bán. Có vậy, sau họ lấy nhiều hàng cho mình.

- Anh lấy 10 cuốn giao cho họ.

- Rồi, anh nhận một cây, còn để Long An một cây.

Nguyện và Nhật hay cãi nhau về chuyện phân phối sách, nhưng hai anh em rất quí mến nhau. Để cho Nhật vui, Nguyện nói:

- Em biết, dưới miền Tây họ về Sài Gòn ngày một. Đây là quán sách mới khai trương, mình ưu tiên, sau có thêm bạn hàng.

- Vâng, ông nói gì cũng đúng.

Hai anh em nhìn nhau cười. Nguyện đốt điếu thuốc xong quay lại nói chuyện với Thùy:

- Ủa, em anh hả.

- Ờ.

- Trời. Anh có em gái xinh quá.

Nghe Nhật khen mình, Thùy cúi đầu mỉm cười sung sướng. Nhật trở lại tính tiền với khách hàng. Nguyện trở lại bàn, ngồi xuống cạnh bên Thùy:

- Em về lúc nào ?

- Mới sáng nay.

- Em ở lại nhà ai ?

- Không, chiều nay em về.

- Em lên nhà ở lại, mai về. Về chi bây giờ, gấp gáp vậy.

- Em về. Mai em phải đi làm sớm.

Nguyện nhìn lại khuôn mặt Thùy lâu ngày không gặp. Buổi trưa lắng dần. Có tiếng chuông điện thoại reo, Sơn bắt phone, rồi đáp:

- Anh đợi.

Sơn gọi Nhật:

- Mỹ Tho.

Nhật bắt phone đường dây đằng chỗ mình. Tiếng Nhật trả lời:

- Rồi. Có thằng Biền đến không ?

- Có.

- Mười phút nữa em tới.

Vinh hỏi:

- Đi đâu mày ?

- Anh Nam Cường cần gặp em.

Nhật giao hàng cho khách xong, ra ngoài lấy xe Honda phóng đi liền. Bữa ăn trưa trong đại lý, mấy người mời Thùy ở lại nhưng cô kiếu từ. Cô đi theo Nguyện ra ngoài. Nguyện dắt xe đạp xuống lòng đường đợi Thùy. Thùy lên xe, ngồi phía sau.

Nguyện hỏi:

- Em không ở lại, mai về.

- Không, mai em phải đi làm.

- Em về Sài Gòn có việc gì quan trọng không?

- Có.

- Nói anh nghe.

- Chút nữa.

Nguyện đạp xe lên phía trên rẽ phải, băng qua nhà thờ, rồi ghé vào quán cơm ở gần nhà Bưu Điện.

- Chiều nay anh còn đi bỏ hàng nữa không ?

- Còn, nhưng ít chỗ thôi. Sáng nay, những chỗ xa anh phân phối hết rồi.

Thùy nói:

- Chỗ anh làm việc, em thấy vui.

- Em thích công việc này không ? Về Sài Gòn đi, em vừa đi làm, vừa học thêm.

Nguyện gởi xe ở bãi rồi đưa Thùy qua quán. Chỗ quán ăn bên đây con đường trông qua Sở Ngoại Vụ. Có lẽ đã quá trưa, khách ăn xong đứng dậy chỉ còn vài người. Nguyện kéo bàn ra bóng cây. Hai người ngồi xuống chiếc ghế thấp và gọi cơm phần. Từ dạo gặp lại nhau ở Hà Nội, Thùy và Nguyện có cảm tưởng đã thân nhau lắm rồi.

Thùy chưa vào chuyện, đợi bữa ăn bắt đầu. Nguyện nhìn qua bên kia công viên, chỗ đó, còn đông người đứng tụ tập. Họ đứng đó, từ một năm

nay, bàn tán chuyện đi Mỹ. Đến hôm nay, bao nhiêu tin đồn mới trở thành sự thực.

- Anh sắp ra Huế.
- Anh về thăm chị và cháu.
- Anh về làm giấy tờ để xin xuất cảnh.
- Anh làm hồ sơ đi HO phải không ?
- Phải, em cũng biết.
- Có, em đọc báo Công An, và nghĩ không biết anh có làm không ?
- Anh biết tin này đã lâu, giờ mới làm.
- Sao vậy ?
- Sợ không chắc. Bây giờ chuyện đi là có thật rồi.

Người chạy bàn mang cơm ra. Cơm nóng hổi với hai món mặn và canh. Nguyện thấy vui khi gặp Thùy. Hai anh em ăn bữa cơm chung như ở trong gia đình.

Thùy nói:

- Bên ngành du lịch cho em đi xuất ngoại.
- Đi đâu ?
- Em qua Nga. Sáng nay em lên nạp hồ sơ ở Văn Phòng Nguyễn Du.
- Họ nhận rồi ?
- Rồi anh.
- Chừng nào em đi ?
- Chưa đâu. Mới giai đoạn đầu, và em còn phải ra Hà Nội nữa.
- Khi nào em đi, nhớ viết thư tin cho anh.
- Nhiều lần em định viết thư cho anh, nhưng em nghĩ, gởi về nhà không tiện.
- Không sao đâu, có gì em cứ viết thư tin cho anh.
- Chừng nào anh ra Huế ?
- Có lẽ tuần tới.
- Anh không ra Vũng Tàu thăm mẹ.
-Hôm nào vào lại, anh sẽ ghé thăm.
- Mẹ nhắc anh.
- Anh luôn nhớ đến gia đình. Anh đi vội một hai ngày cũng được. Nhưng anh muốn một kỳ nghỉ để ra ngoài đó thăm gia đình được ở lại lâu hơn.
- Ba cũng nhắc anh.
- Anh biết.

Buổi chiều xuống mau. Xong bữa ăn, hai người đứng dậy. Nguyện bảo:

- Em xuống nhà ở lại với bác ?
- Không, em phải về.

Không nài nỉ thêm, Nguyện chở Thùy ra bến xe Văn Thánh. Trên đường đi, có lúc trò chuyện, lúc không . Nguyện có cảm giác mơ hồ về những ngày đi xa của Thùy. Anh yêu Thùy, đôi khi nỗi nhớ cứ chập chờn, mường tượng. Không riêng Thùy thôi, mà cả đến Ly và Nhược nữa. Anh nhớ hình ảnh mỗi người trong thoáng qua nhưng vô cùng trân trọng. Riêng Thùy, đối với cô, anh là một mối tình, một mối tình không phải lớn nhưng mà đẹp, hiền dịu, và hết sức ngọt ngào cho thời con gái của cô.

Xe đổ dốc, Nguyện bóp thắng tay để xe hãm đà, chậm lại. Người ta ùa tới tranh khách cho xe Hố Nai, Gia Kiệm. Nguyện đưa Thùy tới chỗ xe đi Vũng Tàu. Xe còn trống, vì khách chưa đầy.

Thùy nhắc:

- Anh nhớ xuống thăm mẹ.
- Anh sẽ xuống.

Thùy chợt nắm tay Nguyện, cô nói:

- Em nhớ anh lắm, anh biết không ?

Nguyện nhìn vào đôi mắt Thùy, anh nói:

- Anh cám ơn em, lúc nào anh cũng nhớ đến em.
- Vâng, Thùy đáp trong lúc xúc động.

(trích trong truyện dài Nắng Hồng Phương Nam)

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT

9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683

(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU

Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM

Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

GIÒNG SÔNG QUÁ GIANG

TÔN NỮ LỆ BA

Bỏ lại sau lưng sắc đẹp mặt trời dòng Nhật Lệ, tôi theo gia đình vào Huế khi còn ẵm ngửa. Ba tôi cưới Mẹ tôi khi Người ra làm việc ở Đồng Hới; và "Con Mèo," như mọi người gọi tôi, là kết quả của mối tình giữa một bác sĩ và một sage-femme trẻ đẹp của thành phố có ngôi thành xây theo kiểu Vauban duy nhất còn nguyên vẹn ở nước Nam này.

Ngôi nhà mang số 17 đường Khải Định về sau đổi thành 23 Nguyễn Huệ, nơi gia đình tôi dọn về, không cách bờ hữu ngạn sông Hương bao xa ấy, chính là nơi chứng kiến điều sau này tôi mới hiểu ra: những cuộc sửa soạn vào đời. Ba tôi nuôi ăn học hầu hết con cháu trong gia đình; cả con em bạn bè xa mong theo Khải Định, Đồng Khánh. Ba tôi lại nhất định tìm cho được các học sinh giỏi lớp trên, mời làm gia sư kèm các anh chị tôi; nên ngôi nhà học thực sự đã trở thành một thứ "ký túc xá gia đình" có một không hai.

Tôi còn nhớ như in căn nhà học bao quanh bởi vườn cây trái bốn mùa, nơi trọ người gia sư được Ba mời kèm các anh chị lớn: Huy Cận. Rồi một chàng nữa, thường đến thăm bạn, Xuân Diệu. Có Trời biết vì sao tình cờ mà người chị thứ tư của tôi lại tên đúng là Diệu Xuân. Thế là mỗi khi thoáng trước ngõ bóng dáng đầu tóc rối bù của chàng Xuân Diệu, là cả lũ con nít lại đồng thanh (thật oan cho chị!) "Xuân Diệu/Diệu Xuân" cho đến bị dọa đòn mới thôi. Ngôi nhà học vì thế, rộn rịp quanh năm tiếng dạy, tiếng học, tiếng nô đùa... Và tiếng thơ. *

Bài Tình Tự sớm nổi tiếng - nếu không muốn nói là cả nguồn cảm hứng thi ca - của nhà thơ tương lai Huy Cận dám đã dậy lên từ lòng nước sông Hương những ngày gia sư ấy:

Lòng em nhớ lòng anh từ vạn kỷ
Gặp hôm nay nhưng hẹn đã ngàn xưa
Yêu giữa đời và hồn ở trong mơ
Tình rộng quá đời không biên giới nữa
Đây cửa mộng lòng em, anh hãy mở

Cả nhà thơ Xuân Diệu nữa, mối tình trai đằng đẵng trong thơ chẳng phải cũng đã dâng lên tự dòng sông này?

Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ
Lạc giữa miền êm chẳng bến bờ
Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá
Hai người, nhưng chẳng bớt bơ vơ?
(Xuân Diệu -*Trăng*)

*

Và Con Mèo đã chập chững những bước đầu đời cũng từ căn nhà học ấy, cũng từ phía hữu ngạn dòng sông ấy, dòng sông thơm.

Ba tôi rất nghiêm với các con. Sau này khi Người đã vĩnh viễn ra đi, tôi mới sực nhận ra rằng chưa bao giờ có dịp dám nhìn kỹ mặt Ba mình. Dẫu trong sâu thẳm nhất, tôi biết là Người thương tôi nhiều lắm. Đi đâu Ba tôi cũng mang tôi theo để khoe niềm hãnh diện "Con Mèo Thuộc Truyện Kiều" của Người. Con Mèo con lên năm, hai... chân trước khoanh tròn trước ngực, đọc tràng Kiều 108 câu như bị ma đuổi mỗi khi bị bắt ra "triển lãm" trước các bằng hữu của Ba tôi. Ngôi nhà số 17 đường Khải Định, về sau đổi thành 23 Nguyễn Huệ ấy, chính là nơi Con Mèo được hay bị học thuộc lòng đoạn Kiều định mệnh.

Tôi còn nhớ rõ, cuốn Truyện Kiều bìa trang trí hoa văn hình mây trong phòng chị Mỹ Ân, người được bác tôi gửi từ Nha Trang ra Huế ăn học. Tôi sẽ không bao giờ biết mối tình lãng mạn của chị, vì nó mà chị gần như cả ngày đọc thư tình trên giấy pelure xanh rồi khóc, rồi viết thư tình cũng trên giấy pelure xanh. Nhưng tôi biết chắc chắn là chị thuộc thật nhiều thơ, gần toàn thơ tình, cũng vì vậy chị ngồi chép thơ cả ngày, lại còn trầm bổng ngâm nga nữa; và điều đó, cùng cả mối tình lãng mạn của chị, đã để lại trong tôi dấu vết vô cùng sâu đậm.

Thế mà khi tôi đang đứng giữa năm đệ ngũ (và giữa mùa yêu!), Ba tôi đưa cả gia đình vào Sài Gòn sau ngày Ông nội tôi qua đời. Tôi đã khóc hết nước mắt. Phải là những ai đã sống trọn vẹn những ngày thơ ấu ở Huế mới hiểu được nỗi khủng khiếp mà tôi gánh chịu khi được báo tin này. Cái cảm giác bị búng lên thật cao, rơi xuống bồng bềnh như không trọng lượng. Khoảnh khắc ấy vẫn in rõ lắm. Như ngay lập tức, bao nhiêu hình ảnh, âm thanh, màu sắc..., nghĩa là tất cả những gì giác quan tôi cảm thụ được -Huế- lũ lượt chen nhau diễn ra trong đầu, trong mắt, trong tim hệt một khúc phim đang quay với đầy đủ tình

tiết mãnh liệt. Và nhất là dòng Hương, mối tình học trò đầu đời thơ mộng dòng sông sớm chiều soi bóng đã dâng lên thiết tha trong tâm tưởng tôi.

Bao la, câm nín, dịu dàng như Thiên Chức, dòng Hương nâng đỡ mọi chập chững cánh vỗ; nhưng khi chim ra ràng vỗ cánh phải tung bay thì dòng Hương đã nuốt nước mắt vào trong, không để tình ở lại vướng bước ra đi. Tôi bỗng hiểu ra do đâu Huế đã mưa không ngớt giọt. Có phải khách ngang Huế đã một lần đưa tay quá mái tranh, ban ngày cũng như thức giấc giữa đêm, để xem có thực không ngừng giọt mưa? Một tháng trời. Như quán đời mở lòng đón những người ở trọ qua đêm trước ngày bôn ba Đời nhập cuộc, Huế đã ân tình nhưng không giữ chân ai.

Một ân tình như thế của kẻ ở mà nước mắt đã hóa thành kiểu mưa không nơi nào trên đất Việt còn thấy; hay phải "thối đất thối đai" như vậy mới giúp được người cất dứt nổi bước ra đi?

Mưa chi mưa mãi
Buồn hết nửa đời xuân
Mộng vàng không kịp hái
(Lưu Trọng Lư - *Mưa... Mưa Mãi*)

Con Mèo xa Huế, mang theo cả chiếc nôi thơ ấu, cả hình ảnh bờ tường dợn sóng căn nhà học số 17 câu thơ Kiều đậm nét. Giờ đây, khi nhẩm lại từ sau câu "Ngày xuân con én đưa thoi" đến hết "Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa," thì chính tôi cũng khó hiểu là duyên nợ gì mà bấy giờ mình đã thuộc trọn cái đoạn Thăm Mả Đạm Tiên ấy. Nhưng cũng chính đoạn có câu "Sè sè nấm đất bên đàng/ Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh" này mà tôi cứ bị các anh chị lớn trêu ghẹo không tha "Ê, Mèo! Xè xè... gì nữa?" khiến tôi từ đó không còn dám tiếp tục thăm mả Đạm Tiên nữa.

Cho đến năm cuối cùng bậc trung học, khi vị cố vấn của Đoàn Thanh Niên Sinh Viên Học Sinh Tiên Rồng là Doãn Quốc Sỹ nói về Truyện Kiều nhân dịp kỷ niệm Nguyễn Du. Tôi nhớ mãi sân trường Đại Học Văn Khoa hôm ấy, ở tuổi đệ nhất, tôi đã ngâm các trích đoạn Kiều nối dài 108 câu của tuổi lên năm, khi lần theo những tiếng đàn trong đời Kiều, vị cố vấn trước đó say sưa trò chuyện. Tôi cũng nhớ mãi và muốn hỏi lắm từ phương trời này giờ đây, là liệu Người Anh Cả của Đoàn Tiên Rồng rồi có tìm lại được chiếc xe Daihatsu Người thường trìu mến gọi "Đại Hạc," sau buổi nói chuyện không biết "ai cưỡi đi đâu" mất:

Hạc Người ai cưỡi đi đâu?
Mà nay quốc sĩ một bầu trơ trơ!

Rồi đến gần nửa thế kỷ sau, khi vết chân Mèo đã vươn tới chân trời, thì nấm mồ định mệnh mà cuộc viếng thăm đã hơn một lần đứt, nối, đã lại thôi thúc nhức nhối bật thành giọng ngâm. Dường như tôi đang mơ hồ cảm thấy mối giao tình đã nối Kiều với Huế, với giòng Hương...

Hương Giang nhất phiến nguyệt
Kim cổ hứa đa sầu
(Nguyễn Du - *Thu Chí*)
Hương Giang trăng chảy về đâu
Miên man năm tháng dòng sầu khôn nguôi

Người thơ ấy, cái hồn dân tộc ấy, cũng đã phải ghé chân qua Huế. Dẫu đã mê câu ví giặm từ những ngày quê cha, dẫu đã lắng mười năm điệu chèo quê vợ, dẫu đã đọng nền thi ca ngàn năm quê người, nghĩa là dẫu nàng Kiều đã được thai nghén từ xa xưa lắm, thì phải qua Huế. Truyện Kiều mới ra đời. Chính Huế, và chỉ có Huế, đã gửi Nguyễn Du đi Chánh sứ Trung Hoa.

Nguyễn Du hỡi! Chẳng phải là người chơi đàn đất Long Thành vẫn 20 năm khăng khăng ôm chiếc đàn Nguyễn đợi Người trên chiếu rượu tiễn sứ thần, để gửi gắm một tiền thân Kiều:

"Nghe nói thuở nhỏ học đàn Nguyễn tại đội nữ nhạc trong cung vua Lê. Tây Sơn dấy binh, đội nhạc cũ lưu tán, người chết kẻ lạc. Nàng ôm đàn nàng gảy là khúc trong cung phụng vua, kẻ ngoài không hay; tài danh nàng một thời lừng lẫy."

...
Chiếc xa riêng mái tóc chiều
Một manh áo bạc phong kiều một thân,
Mày xanh không vết in ngần
Ai hay trăng ấy một lần lên ngôi?

Và chẳng phải nhờ chuyến Bắc du hơn năm trời ấy để hình ảnh nàng Kiều của nhà thơ mới được trọn vẹn thành hình.

Tôi bỗng hiểu do đâu, như cô lái đò chở những người con Việt qua sông đi tới chân trời, sông Hương- mà sóng nước đa tình của mắt những người con gái Huế đọng thành dòng chảy dẫu rộng và sâu, lại rất phẳng lặng êm trôi, dường như lại chỉ trôi ngang. Bao năm lớn lên bên bờ sông ngàn vạn lần, mà phải tận bây giờ tôi mới thật thấu hiểu "lòng sông": quá giang.

Nỗi mơ một ngày... vì thế trở thành da diết hơn bao giờ hết, phút giây đất nước thanh bình, trở lại Huế, bụm hai lòng bàn tay nay đã đầy nước sông Seine, sông St. Laurent, nước hồ Hồ Ngũ Đại, vục vào lòng nước thơm để cám ơn cuộc Quá Giang Đời.

** Đây là những chuyện được kể lại theo ký ức của gia đình, vì thời gian này tác giả chưa ra đời (chú thích của Tòa soạn Thế Kỷ 21).*

CỘNG HÒA RWANDA XÉT XỬ TỘI "DIỆT CHỦNG"

NGUYỄN VĂN THÀNH

Mất 49 người thân trong gia đình bị Đức Quốc Xã đưa vào lò hỏa thiêu, Luật gia Ba Lan Raphael Lemki đã sáng tạo ra từ "Diệt Chủng" vào năm 1944 vì ông hi vọng rằng khi nói tới chữ đó ai nấy đều phải rùng mình ghê sợ. Mọi người sẽ cảm thấy có trách nhiệm ngăn ngừa, trừng phạt, và ngay cả phải sử dụng mọi biện pháp cần thiết để ngăn chặn cuộc giết người hàng loạt. Những từ như *"tàn bạo hay man rợ"* chưa diễn tả được sự tàn sát qui mô xảy ra trong thế kỷ 20 đẫm máu nhất trong lịch sử do tội phạm "diệt chủng" gây ra.

Vào năm 1948, chịu ảnh hưởng tư tưởng của nhà luật học Raphael Lemki, Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc đồng thuận thông qua lần đầu tiên Hiệp Ước về nhân quyền lấy tiêu đề Công Ước Diệt Chủng, 1949

(*The Genocide Convention, 1949*) để các quốc gia hội viên ký kết và phê chuẩn. Mãi 40 năm sau, Hoa Kỳ mới phê chuẩn Công Ước này. Trên nửa Thế kỷ đã trôi qua, sau khi Công Ước có hiệu lực, ta vẫn thấy xẩy ra nhiều vụ diệt chủng gây chấn động lương tâm nhân loại, trong cuộc chiến tranh lạnh cũng như sau sự sụp đổ của khối cộng sản Liên Sô. Xin đơn cử ba vụ diệt chủng sau được thực hiện theo hệ thống như đã xẩy ra tại Cam Bốt (1975-1979), Liên Bang Nam Tư cũ, Yugoslavia (1991 trở về sau này), và Rwanda (1994).

Trong bài viết này, chúng tôi xin trình bày vụ diệt chủng 100 ngày diễn ra từ 6/4/1994 đến tháng 7/1994 tại Cộng Hoà Rwanda, miền Đông Trung Phi, đã giết chết trên một triệu người và 117,000 bị cáo can tội "diệt chủng" đang bị giam giữ trong các nhà tù chật ních tại nước bé nhỏ Rwanda. Do đó, ta thấy xuất hiện hai hệ thống pháp lý đều nhằm giải quyết nhanh chóng số phận gần 12 vạn can phạm, cùng tham gia vào vụ xét xử: Toà Án Hình Sự Quốc Tế ở Rwanda và Toà Án phong tục **Gacaca** của Cộng Hoà Rwanda.

Sự kiện trên rất quan trọng đưa tới nguyên tắc nhìn nhận Toà Án Quốc Gia, nơi xẩy ra vụ diệt chủng, sẽ đóng vai trò then chốt trong việc xét xử tội phạm đó, còn Tòa Án Hình Sự Quốc Tế chỉ giữ vai trò bổ sung mà thôi. Nguyên tắc này đã được đưa vào Quy Chế Rome của Toà Án Hình Sự Quốc Tế thường trực mới được thành lập bắt đầu có hiệu lực từ 1.7.2002 trở đi. Như vậy, việc khởi tố trước Tòa Án mới không phải là chuyện đơn giản. (1)

Các đề tài trên sẽ được triển khai trong các mục dưới đây:

I. Vài Hàng Về Đất Nước Rwanda

1- Địa Lý và Bối Cảnh Chính Trị

Cộng Hòa Rwanda nằm ở Đông Trung Phi, giáp ranh các nước Uganda, Tanzania, Burundi, Lake Kivu và Congo. Diện tích 10,169 dặm vuông/ 26,388 cây số vuông với dân số 8 triệu. Sau cuộc diệt chủng qui mô xẩy trong năm 1994, dân số giảm xuống còn 6,727,000 (kiểm tra năm 1996). Tiếng Rwanda và tiếng Pháp được 15 triệu người Rwanda, Burundi và Congo sử dụng như ngôn ngữ chính.

Burundi (một phần lãnh thổ của Rwanda) có ba sắc dân Hutu, Tutsi và Twa thuộc thành phần chính của dân tộc Rwanda. Sắc dân Hutu chiếm đa số , sắc dân Tutsi thuộc thiểu số, còn Twa gồm nhiều bộ lạc nhỏ. Tuy thuộc thành phần thiểu số, sắc dân Tutsi rất giàu có nhờ thành công trong việc đào đất tìm kiếm kim cương, chất coltan (nguyên liệu chế biến điện thoại di động), khai thác lâm sản, ngà voi tại Rwanda và đặc biệt tại nước láng giềng Cộng Hòa Congo. Một số rất đông dân Tutsi lưu vong sinh sống tại Uganda và, nơi có nhiều dân Tutsi cư ngụ, bị sát nhập vào Burundi dưới thời thuộc địa. Hai nước láng giềng này nhiệt tình ủng hộ sắc dân Tutsi trở về nước ngăn chặn cuộc diệt chủng do dân Hutu chủ xướng.

Khi cuộc diệt chủng ở vào thời điểm khốc liệt nhất, dân Tutsi lưu vong tại Uganda thành lập một đạo quân do Đại Tướng Paul Kagame chỉ huy xâm nhập Rwanda để cứu đồng bào của họ

đang bị dân Hutu tàn sát hàng loạt hết sức dã man. Đạo quân cứu tinh đó đã chặn đứng cuộc diệt chủng, đánh tan quân đội của chính quyền Habyrimana và đẩy tàn quân Hutu vào lãnh thổ Cộng Hòa Dân Chủ Congo. Đám tàn quân đó ước tính 30,000 người được sự che chở và giúp đỡ của Congo đang lăm le trở về lật đổ chính quyền Kagame và có thể tái diễn cuộc diệt chủng. Trong khi đó, những quốc gia ký kết Công Ước Diệt Chủng, 1949, đều bàng quan trước cuộc diệt chủng đại qui mô mà đáng lẽ phải có trách nhiệm "*ngăn ngừa và trừng phạt*" như qui định trong Công Ước. Cũng chẳng có lực lượng giữ gìn an ninh và hòa bình nào tới can thiệp mặc dù trên 10 tổ chức tranh đấu bảo vệ nhân quyền tại địa phương đã báo động và kêu gọi cộng đồng quốc tế can thiệp trước khi xảy ra cuộc diệt chủng nói trên.

Từ ngàn xưa, dân Hutu đa số và dân thiểu số Tutsi có mối hận thù sắc tộc thường diễn ra cuộc chém giết đẫm máu. Khi chiếm được Rwanda làm thuộc địa, người Bỉ dùng chính sách chia để trị nên rất ưu đãi sắc dân Hutu. Do đó, chia rẽ và hận thù lâu đời lại được khơi sâu thêm giữa hai sắc dân. Được chính quyền thuộc địa ban phát cho chút ít quyền hành trong tay, dân Hutu ngược đãi, khinh rẻ và còn tàn sát người Tutsi. Họ gọi người Tutsi là *Inyenzi* (*cock-roaches*) những con gián đáng bị giết và cần phải diệt trừ.

Rwanda được độc lập từ năm 1962 và trở thành Cộng Hoà Rwanda. Quyền hành được chia sẻ giữa hai sắc dân Hutu và Tutsi. Nhiều Đạo Luật đã được ban hành nhằm san bằng mọi sự bất bình đẳng và cấm mọi sự kỳ thị chủng tộc nhưng vẫn chưa thể gột rửa được mối hận thù sắc tộc khắc sâu vào đầu óc của hai sắc dân. Những khẩu hiệu như "*chúng ta đều là công dân Rwanda*" không có tác dụng bao nhiêu.

Theo Tổng Trưởng Tư Pháp Rwanda, Jean de Dieu Mucyo, không có sự chung sống thân hữu giữa hai sắc dân Hutu và Tutsi, và cuộc diệt chủng qui mô đã được chuẩn bị từ nhiều năm trước ngày 6/4/1994 được thế giới gọi "*cuộc diệt chủng 100 ngày* ." (2)

2- Nguyên nhân dẫn tới vụ diệt chủng

Vào 10 giờ sáng ngày 6/4/1994, nhà độc tài Hutu, Juvenal Habyarimana, đang bay trên thủ đô Kagali, Rwanda, thì bất thần bị một hỏa tiễn bắn rơi chiếc phi cơ ở phía Nam Kagali. Tổng Thống Habyarimana tử nạn, và cho đến nay, cũng chưa rõ kẻ tấn công là ai. Vụ giết nhà độc tài Hutu vẫn còn nhiều bí ẩn, nhưng làn sóng công phẫn của những người quá khích và cuồng tín ủng hộ Tổng Thống Habyarimana cùng sắc dân Hutu nổi lên thật đột ngột trên khắp đất nước Rwanda. Họ qui tội cho sắc dân Tutsi đã tòng phạm sát hại Tổng Thống của họ, và cuộc chém giết dân Tutsi bắt đầu ngay sau cái chết của nhà độc tài Hutu.

Cả một chính quyền do đa số dân Hutu lãnh đạo đã sử dụng phương tiện truyền thông, đặc biệt các đài phát thanh, kích động dân Hutu nổi lên tàn sát dân Tutsi cùng những người Hutu ôn hoà không cộng tác vào cuộc chém giết tàn bạo đó. Bị kích động và bị lôi cuốn vào sự cuồng loạn của đám đông, dân Hutu trở nên như những con thú dữ. Họ săn đuổi diệt người Tutsi, bất kể trẻ già lớn bé, với đủ thứ vũ khí như súng đạn, tên cung tẩm thuốc độc, mã tấu và gậy gộc. Có những vụ đốt nhà, cướp bóc tài sản, hãm hiếp phụ nữ. Hiếp dâm được coi như sự trả thù và trừng phạt. Không được bảo vệ, người dân Tutsi vô tội chạy trốn vào ẩn trú trong các trường học, khách sạn, bệnh viện, cơ sở nhân đạo, và các giáo đường cũng đều bị giết sạch.

Thành phố Butare nằm gần biên giới nước Brurundi, nổi tiếng hiền hoà, nơi có nhiều cuộc hôn nhân hỗn hợp giữa hai sắc dân Hutu và Tutsi. Với dân số 140,000 người, sắc dân Tutsi chiếm 75% dân số. Cuộc kiểm tra cho thấy, sau cuộc diệt chủng chấm dứt, trên một trăm ngàn dân thành phố bị tiêu diệt

Thảm cảnh trên xảy ra ở khắp mọi nơi có người Tutsi cư ngụ, từ thôn xóm hẻo lánh đến làng mạc, quận hạt tới tỉnh thành trên khắp đất nước Rwanda. Cuộc diệt chủng 100 ngày đã sát hại 800,000 người.

Thực ra, số nạn nhân còn nhiều hơn 800,000 người. Theo cuộc kiểm tra mới nhất của chính quyền Rwanda và được sự xác nhận của Đại Sứ Rwanda tại Liên Hiệp Quốc, Richard Sezibera, số người bị giết trong khoảng một trăm ngày lên tới 1,074,017 người tức mỗi ngày gần 10,000 bị tàn sát. Ngoài ra, Đại Sứ Sezibera cũng như cựu Trưởng Phòng Công Tố Toà Án Hình Sự Quốc Tế riêng cho Rwanda đều nhận xét tổng cộng có 117,000 bị cáo can tội "diệt chủng" và các tội phạm nghiêm trọng khác đang bị giam giữ. Con số can phạm quá lớn lao, không một Tòa Án nào có thể xét xử cho hết được. Theo Thẩm Phán Golstone, nếu ta có đưa hết tất cả các bị can ra xét xử cho tới nơi tới chốn thì cũng phải mất ít

nhất một trăm năm.

Vì lý do trên, Đại Tướng Paul Kagame, người hùng trong cuộc chiến chống diệt chủng, được bầu giữ chức Tổng Thống Rwanda, đã quyết định đưa tất cả gần 12 vạn bị cáo ra Tòa xét xử về tội diệt chủng cùng nhiều tội phạm nghiêm trọng khác theo hai hệ thống pháp lý khác nhau. Một mặt, Tổng Thống Kagame yêu cầu Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc cho thành lập Toà Án Hình Sự Quốc Tế riêng cho Rwanda, và mặt khác, ban hành Đạo Luật cho ra đời Tòa Án Phong Tục với tên Gacaca đóng vai trò chính yếu giải quyết. Số bị can lớn lao đó đang bị giam giữ tại các nhà tù khắp nước Rwanda.

HAI HỆ THỐNG PHÁP LÝ

1- Tòa án hình sự quốc tế riêng cho Rwanda

Thể theo lời yêu cầu của chính quyền Rwanda, Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc đã cho ra đời Toà Án Hình Sự Quốc Tế riêng cho Rwanda vào ngày 8/11/1994 do Nghị Quyết 955 (1994) được toàn thể Hội Đồng chấp thuận trong phiên họp thứ 3453.

Theo quy chế của Toà nói trên, Toà có thẩm quyền xét xử những kẻ vi phạm trầm trọng luật nhân đạo quốc tế trong lãnh thổ Rwanda và những công dân Rwanda phạm tội đó tại các quốc gia láng giềng từ 1/1/1994 đến 31/12/1994, về các tội phạm sau:

a-Diệt chủng

b-Những tội phạm chống nhân loại

c-Vi phạm Công Ước Geneva ngày 12/08/1949 qui định về luật chiến tranh ((Điều 3)

Được thiết lập vào cuối năm 1994, Toà Hình Quốc Tế Rwanda bắt đầu hoạt động vào năm 1997. Sở dĩ có sự chậm trễ, vì một mặt phải đặt ra qui tắc thủ tục và bằng chứng, và mặt khác cuộc diệt chủng đã giết chết gần hết nhân viên và thẩm phán phục vụ trong ngành tư pháp Rwanda. Sau cuộc diệt chủng, cả nước Rwanda chỉ còn 40 thẩm phán sống sót kể cả Tổng Thống. Theo lời kêu gọi của các tổ chức phi chính phủ, 90 quốc gia trên thế giới hưởng ứng tham gia vào Chương Trình Outreach (Outreach Program) gửi các chuyên gia thượng thặng tới giúp đỡ tài chánh, thông tin, tổ chức, huấn luyện và quản trị cả Toà Hình Quốc Tế lẫn ngành Tư Pháp Rwanda bị sụp đổ trong cuộc diệt chủng.

XÉT XỬ

Toà Hình Quốc Tế Rwanda đặt trụ sở tại thành phố Arusha, Cộng Hoà Thống Nhất Tanzania, Phi Châu. Cho đến nay, có 75 can phạm bị truy tố được coi như những "con cá lớn" và 66 kẻ phạm tội đang bị tống giam tại nhà tù Arusha. Toà dự trù đưa khoảng 120 tới 150 kẻ tình nghi can tội "diệt chủng" ra xét xử. Như vậy, Toà đã quá bận rộn rồi. Đa số bị cáo thuộc loại đầu não trong vụ "diệt chủng 100 ngày" tại Rwanda, gồm những nhân vật trọng yếu trong nội các của cố Tổng

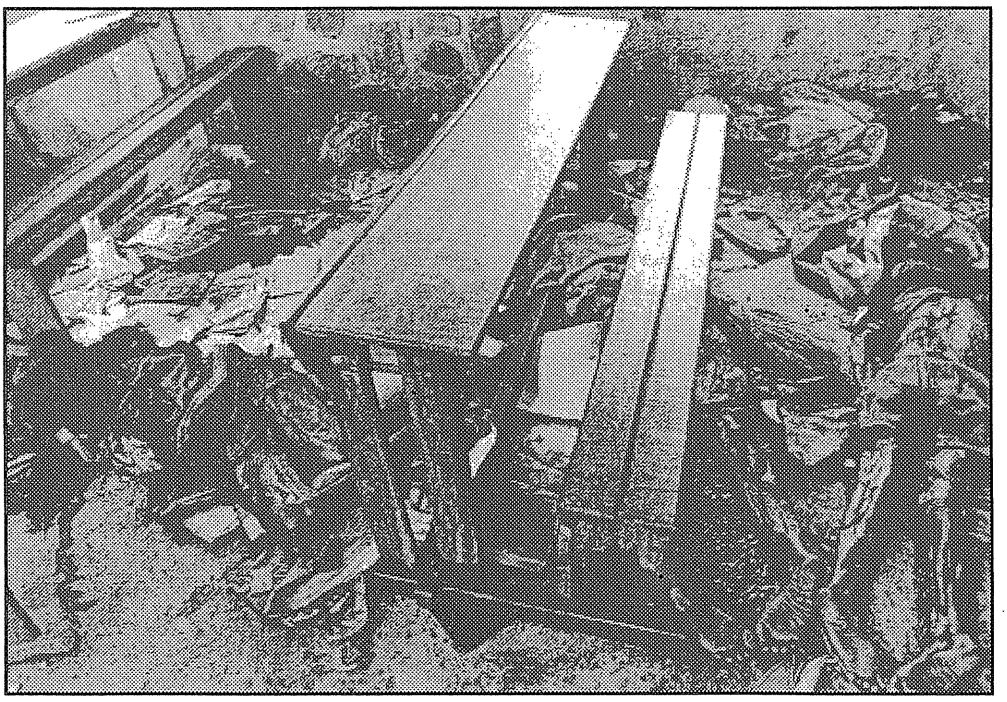

Thống Juvenal Habyarimana. Họ đã chạy trốn ra nước ngoài ẩn trú như tại Phi Châu, Âu Châu và Bắc Mỹ Châu. Tham gia vào vụ diệt chủng này, còn có nhiều thành phần khác trong xã hội Rwanda tỷ như nhà báo, luật gia, nhạc sĩ, sinh viên, giáo sư, thương gia, bác sĩ, tu sĩ cũng bị đưa ra Tòa Hình Quốc Tế Rwanda,

Một số can phạm đầu sỏ bị dẫn độ từ nước ngoài về nhà tù Arusha, trong đó có Thủ Tướng Chính Phủ Rwanda, 11 Tổng Trưởng, nhiều nhân vật chính trị và Tướng lãnh trong quân đội Rwanda. Thủ Tướng Rwanda, Kambanda, Jean bị dẫn độ từ Kenya về nhà lao Arusha ngày 15/5/1998, lãnh án tù chung thân về tội "diệt chủng và những tội phạm chống nhân loại." Đơn xin kháng án bị bác ngày19/10/2000. Bị can đang thụ án tại nhà tù Arusha, cùng với bốn nhân vật cao cấp khác đã bị kết án chung thân. Toà Hình Quốc Tế Rwanda không áp dụng án tử hình. Các Tổng Bộ Trưởng, Thứ Trưởng, phụ tá và các tướng tá cùng nhiều giới chức quan trọng khác sẽ có quyết định của Toà Hình Quốc Tế trong nay mai.

Tóm lại, các sự kiện trên cho ta thấy chỉ có Toà Hình Quốc Tế Rwanda mới có khả năng và uy quyền, lại được sự hỗ trợ của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, để yêu cầu hữu hiệu việc dẫn độ các can phạm chạy trốn khắp nơi trên thế giới. Tuy nhiên, Toà này vẫn gặp trở ngại vì Cộng Hoà Dân Chủ Congo từ chối việc dẫn độ Chẳng những vậy, quốc gia này còn giúp đỡ không chịu tước vũ khí của đám tàn quân Hutu ước chừng 30,000 người, trong đó có nhiều bị cáo đầu sỏ nằm trong danh sách dẫn độ. Chính đạo quân lưu vong đó đã lăm le trở về giành lại chính quyền và có thể đưa tới vụ diệt chủng khủng khiếp khác. Vì lý do đó, đã xẩy ra cuộc chiến dai dẳng giữa Rwanda và Congo, bắt đầu từ vụ "diệt chủng 100 ngày" cho đến nay, kéo thêm bảy nước nhảy vào Congo tham chiến đã giết chết hơn ba triệu người, nhiều nhất chết đói và bịnh hoạn. Cuộc xung đột vũ trang đó được mệnh danh " Đại Chiến tại Phi Châu" (3).

2- Tòa Gacaca

Tên Gacaca gợi lại cho ta nhớ tới vào thời rất xa xưa, một giải đất rộng và bằng phẳng, có cây cao bóng mát. Tại đó, theo phong tục cổ xưa Rwanda, các trưởng lão khả kính và chính trực sống ở địa phương, ngồi dưới bóng cây cao, xét xử những vụ kiện về tài sản, và đặc biệt về tội trộm gia súc

Để giải quyết gần 12 vạn bị cáo can tội "diệt chủng" nhốt trong nhà giam chật hẹp suốt bảy năm chưa được hỏi cung, Tổng Thống Paul Kagame giao trọng trách cho Chưởng Lý Toà Thượng Thẩm Nyanza, Jean Marie Mbarushimana, soạn thảo Luật Gacaca. Vào ngày 21/1/2001, nhân danh Tổng Thống Kagame, Chưởng Lý Mbarushimana phổ biến rộng rãi khắp nước Rwanda, lời mở đầu của Luật Gacaca. Bắt đầu từ đó, Gacaca đã là đề tài hàng đầu được bàn cãi sôi nổi trong mọi gia đình cũng như ngoài xã hội. Ngoại trừ một thiểu số còn hoài nghi, nhưng đại đa số dân chúng Rwanda đều tin tưởng Tòa Gacaca sẽ tìm một lối thoát để vừa trừng phạt kẻ phạm tội, vừa nhằm hòa giải hai sắc dân Hutu-Tutsi đi vào cuộc chung sống hữu nghị.

Luật Gacaca được ban hành vào tháng 10 năm 2001. Theo tinh thần Đạo Luật này, tất cả mọi công dân Rwanda đều có nghĩa vụ phải tham gia vào cuộc bầu cử chọn lựa 26 vạn phụ thẩm và thẩm phán. Ngoài ra, Đạo Luật còn minh định "trách nhiệm ra khai trước Tòa Gacaca là một bổn phận đạo lý, không một ai được đứng ra ngoài dù đưa ra bất cứ lý do gì."

Chính quyền đã động viên 90% dân số và thành công trong cuộc bàu 260,000 công dân thanh liêm vào chức vụ xét xử tại Toà Gacaca. Toà án mới được thành lập theo tiêu chuẩn quốc tế được chừng nào hay chứng ấy, và đặt dưới sự kiểm soát của Tòa Tối Cao Rwanda. Tuy nhiên, thủ tục thi hành án tù khá linh động như cho phạm nhân được miễn thụ hình một phần bản án khi y can trở về phục vụ cộng đồng địa phương.

TỔ CHỨC

Toà Gacaca được thiết lập trên khắp nước Rwanda, theo hệ thống hành chánh ở mọi cấp, như Tòa thôn xã, cộng đồng, khu phố, quận hạt tới thành thị. Mỗi Tòa địa phương đều có 19 thẩm phán với sự phụ tá của khoảng 400 nhân viên phụ trách điều tra, tìm bằng chứng để đưa ra xét xử theo bốn loại dưới đây:

Loại thứ nhất: Những kẻ tổ chức, kích động cuộc diệt chủng cũng như kẻ hiếp dâm, không được hưởng sự khoan hồng của Luật Gacaca. Rwanda vẫn áp dụng án tử hình.

Loại thứ hai: Những kẻ giết người nhưng không phải là người lãnh đạo cuộc tàn sát. Ước tính có ba phần tư tổng số bị can nằm trong loại này.

Loại thứ ba: Gây thương tích cho nạn nhân

Loại thứ tư: Xâm phạm tài sản.

Các Tòa Gacaca tổ chức theo hệ cấp ở trên đều có sự kiểm soát của Tòa Án Tỉnh, Tòa Thượng Thẩm và Tòa Tối Cao.

Can phạm thuộc loại một được xếp vào loại thủ phạm nguy hiểm nhất đã tham dự vào cuộc tàn sát tập thể hoặc hiếp dâm có tổ chức theo hệ thống từ trên đưa xuống. Hiếp dâm không còn là một thường tội, đã được Toà Hình Quốc Tế Rwanda coi như tội phạm chống nhân loại. Chưa có thể ước tính số phụ nữ bị hãm hiếp và bị giết vì cuộc điều tra còn đang tiến hành. Riêng tại Bosnia (trong Liên Bang Nam Tư cũ) ước tính có khoảng 50,000 phụ nữ bị cưỡng hiếp và 30,000 có thai, cho ra đời hàng ngàn trẻ em trong thảm cảnh đó.

Các bị cáo thuộc loại 2, 3 và 4 đều được sự khoan hồng rộng rãi nếu như thú nhận tội lỗi trước và trong phiên xử. Tỷ như can phạm thuộc loại 2 có thể bị kết án tối đa 25 năm tù, nhưng nếu thành thật thú nhận, có thể được giảm án xuống còn 12 hay 7 năm. Còn các bị cáo thuộc loại 3 và 4, hầu hết đều được phóng thích để trở về làm công tác trong cộng đồng. Hiện có 5,000 cảnh sát viên đang giữ gìn trật tự tại các phiên Toà Gacaca. Cả ngàn bị cáo được phóng thích trở về địa phương, hoà nhập vào cuộc sống bình thường trong xã hội Rwanda. (4)

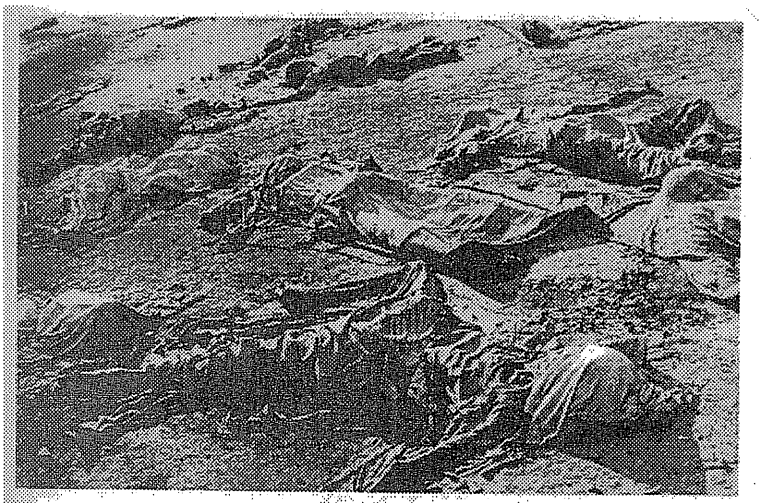

During the 1994 genocide in Rwanda, many Tutsis fled to churches but were massacred there; these men, women, and children were killed at Rukara and Nyarubo. *Photos this page courtesy Gilles Peress*

KẾT LUẬN

Theo quan điểm của Kingsley Chiedu Moghulu. phát ngôn viên và cố vấn pháp lý của Liên Hiệp Quốc tại Toà Án Hình Sự Quốc Tế Rwanda, câu hỏi căn bản được đặt ra là tại sao Tòa Quốc Tế đó thành lập? Và nếu không cho ra đời Tòa Án này thì liệu Tòa Án Quốc Gia Rwanda có thể đưa các giới chức cao cấp can tội vi phạm luật nhân đạo quốc tế tại quốc gia Rwanda ra Tòa được không? Trả lời câu hỏi sau hiển nhiên là không. Bởi vì ngành tư pháp Rwanda đã hoàn toàn sụp đổ sau cuộc diệt chủng 100 ngày. Mặc dầu có thiện chí chính trị không bao che công dân Rwanda phạm tội hình sự quốc tế, nhưng chính quyền Rwanda thiếu chuyên gia và phương tiện nên đã xin Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc thiết lập Tòa Án Hình Sự Quốc Tế riêng cho Cộng Hoà này để xét xử 117,00 bị cáo can tội diệt chủng đang bị giam giữ tại các nhà tù Rwanda.

Căn cứ vào thủ tục hình sự quốc tế hiện hành bị chỉ trích quá chậm chạp, có lẽ ta phải chờ tới thế kỳ 22 mới mong thấy Tòa hoàn tất nhiệm vụ xét xử tại Rwanda. Đối đầu phải giải quyết khó khăn vừa đề cập và với tinh thần tiên phong tìm lối thoát, Tòa Hình Sự Quốc Tế Rwanda đã đề ra và áp dụng những tiền lệ và nguyên tắc lừng danh sau:

Tiền lệ thứ nhất

Tòa Hình Quốc Tế Rwanda là Tòa đầu tiên kết tội nhà lãnh đạo chính quyền Rwanda (Thủ Tướng Jean Kimbanda) tù chung thân và điều tra trên 10 Tổng Bộ Trưởng, Chủ Tịch Quốc Hội cùng Tướng Tư Lệnh Quân Đội để đem họ ra xét xử trước công lý.

Như vậy, Tòa trên được thành lập không phải để xét xử tất cả các can phạm mà Tòa này chỉ xét xử những bị cáo chóp bu thường được gọi "những con cá lớn nhất" mà thôi. Số bị can còn lại thuộc thẩm quyền Toà Án quốc gia Rwanda.

Tiền lệ thứ hai

Toà Hình Quốc Tế Rwanda cũng là Tòa đầu tiên coi tội "hiếp dâm," trong một số trường hợp, nằm một phần trong tội diệt chủng, và lần đầu tiên kết án cá nhân vi phạm đó về "tội chống nhân loại."

Tiền lệ trên đã được đưa vào quy chế Rome về Tòa Án Hình Sự Quốc Tế thường trực mới được

thiết lập có hiệu lực cưỡng hành kể từ ngày 1/7/2002 (Điều 7, khoản "g" qui định về tội hiếp dâm)

Toà nào ưu tiên xét xử tội ác chiến tranh?

Như chúng tôi đã trình bày lời mở đầu trong mục kết luận, câu hỏi căn bản nêu ra để giải quyết là Tòa Án hình quốc tế hay Tòa Án quốc gia ưu tiên xét xử "*tội ác chiến tranh.*" Câu trả lời nằm trong sự khai sinh ra Tòa Gacaca.

Sau khi cuộc diệt chủng chấm dứt được sáu năm, ta thấy ngành tư pháp Rwanda được phục hồi đã lãnh trách nhiệm quan trọng giải quyết đại đa số các bị cáo vi phạm "tội ác chiến tranh". Tội này được giải thích theo khuynh hướng hiện nay, không theo sự định nghĩa chặt chẽ của kỹ thuật pháp lý thời xưa, bao gồm một chùm tội phạm sau: diệt chủng, chống nhân loại và vi phạm Công Ước Geneva ngày 12/08/1949. Sự giải thích vừa đề cập phù hợp với quy chế Toà Hình Quốc Tế Rwanda đã dùng tội danh chung "vi phạm trầm trọng luật nhân đạo quốc tế" (5).

Các sự kiện trên đã xác nhận định chế hình sự quốc gia sẽ ưu tiên mở cuộc điều tra và thủ tục truy tố kẻ gây ra "tội ác chiến tranh" thuộc thẩm quyền quản hạt của quốc gia đó.

Ý niệm trên dựa vào sự bổ sung (complementarity) đã được các nhà soạn thảo luật hình sự quốc tế đưa vào Quy Chế Rome về việc thành lập Toà Án Hình Sự Quốc Tế thường trực mới ra đời. Theo điều 1 và 17 Quy Chế Rome, Tòa Án Hình Sự Quốc Tế mới sẽ can thiệp mở cuộc điều tra và thủ tục truy tố chỉ khi nào các chức quyền quốc gia, nơi xẩy ra vụ phạm pháp nằm trong quyền tài phán, đã bao che các kẻ phạm tội hoặc không thể phát động quyền truy tố vì ngành tư pháp yếu kém hay bị sụp đổ như tại Rwanda.

Một trong hai lý do trên coi như duyên cớ thúc đẩy Biện Lý Toà Án Hình Sự Quốc Tế thường trực phát động công tố quyền để đưa bị cáo được bao che ra ánh sáng của công lý về bốn tội phạm nghiêm trọng nhất trên thế giới được qui định trong Quy Chế (6).

Nhiệm vụ lịch sử

Sự ra đời Toà Gacaca đã vấp phải sự phản đối ở trong nước cũng như ngoài nước. Chỉ trích thì dễ. Nhưng không có đầu óc siêu việt nào đưa ra được một tư tưởng hay sáng kiến khả thi cả. Ngoại trừ cựu Trưởng Phòng Công Tố Toà Hình quốc tế Nam Tư cũ và Rwanda, đưa ra đề nghị lập "Uỷ Ban Sự Thật và Hoà Giải" như Nam Phi đã áp dụng với hàng trăm ngàn bị cáo can tội "phân biệt chủng tộc." Nếu bị can thú nhận tội lỗi sẽ được ân xá, Rwanda đã bác bỏ đề nghị này. Rwanda đã tự cứu mình khỏi nạn diệt chủng, không thể trông cậy vào ngoại bang. Nay người dân Rwanda lại càng tin tưởng hơn nữa, công lý của đất nước mình phải do chính người Rwanda quyết định chứ không thể trông mong vào ai cả.

Thiết nghĩ không có nhân vật nào đủ thẩm quyền hơn Đại Sứ Rwanda tại Liên Hiệp Quốc, Richard Sezibera, đã hãnh diện tuyên bố như sau, tại diễn đàn Liên Hiệp Quốc cũng như khắp nơi trên thế giới: "*Con đường duy nhất đem công lý cho Rwanda: Tòa Gacaca.*"

Đối với Toà Án Hình Sự Quốc Tế Rwanda, các nhà sử học đang viết về những bản án của Toà này với lời tạm kết như sau: " *Những tiền lệ nổi tiếng của Toà Án Hình Sự quốc tế Rwanda đã làm phong phú luật hình sự quốc tế và được nhiều quốc gia trên thế giới đã đưa vào luật quốc nội.*"

Hiện nay Tòa trên đang cần những trái tim và trí tuệ hỗ trợ để hoàn tất nhiệm vụ lịch sử, trong những năm tháng tới, tại nước bé nhỏ, bất hạnh Rwanda chưa được sự quan tâm đúng mức của giới truyền thông và báo chí trên thế giới.

Virginia, 17 tháng 9/2002

Chú thích:

(1) *Justice on a Hill-Genocide Trials in Rwanda* by George Packer-Dissent Spring 2002

(2) *Raising the Cost of Genocide* by Samantha Power-Dissent Sping 2002

(3) Africa's Great War-The Economist July 6th-12th 2002

(4) *Genocide Trials in Rwanda* by George Packer

(5) The term "war crimes" on this context and as used here after in this article is intended to cover all the crimes within the tribunal's subject matter jurisdiction, not simply war-crimes in the narrow technical sense of the term. The crimes are referred to as " serious breaches of international humanitarian law" in the tribunal Statute and include grave breaches of Geneva Convention of 1949, crimes against humanity, violations of the law and customs of war, and genocide-*The Fletcher Forum of World Affairs Summer/ Fall 2002. Vol. 26:2*

(6) Under the ICC Statute, the ICC authorities can commence a prosecution only where the domestic authorities cannot or will not prosecute a crime within their jurisdiction and a number of other conditions are met. See S. Williams, in O. Triffterer, ed, *"Article 17: Issues of Admissibility." Commentary on the Rome Statute of the International Criminal Court.*

CÔNG CUỘC NGHIÊN CỨU VIỆT SỬ TẠI BẮC MỸ (1975-2000)

Bài 15: Nhóm Viết Hồi Ký

TRẦN ANH TUẤN

2/ Giới Cựu Quân Nhân: Các Sĩ Quan Cấp Úy

Trần Ngọc xuất thân khóa 25 Thủ Đức và được chuyển sang quân chủng Không Quân, đi học phi hành tại Texas. Năm 1992, ông sang được Hoa Kỳ, chắc là theo diện H.O., một chương trình được hai chính phủ Hoa Kỳ và Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thỏa thuận để các cựu sĩ quan QLVNCH vốn là cựu tù nhân trong các trại tập trung tại Việt Nam được đi định cư tại Hoa Kỳ.

Trần Ngọc trước hết là một nhà thơ. Theo lời tự giới thiệu của ông nơi trang bìa sau, ông đã có tới ba tập thơ xuất bản trước năm 1975. Sau khi tới được Hoa Kỳ, ông đã hồi tưởng lại cuộc sống phi hành của chính ông và các đồng đội để ghi lại tất cả những phi vụ từ năm 1971 cho đến khi ông vào tù trong các trại tập trung của Cộng Sản từ tháng Sáu năm 1975.

Đọc *Cũng Chỉ Là Phi Vụ* của một hoa tiêu các loại vận tải cơ C –123 và C-130, độc giả sẽ trải qua những phi vụ đánh hỏa công ban ngày, chiến thuật đánh đêm, phi vụ tải thương, phi vụ chuyên chở (quân nhân, vũ khí...), phi vụ thả dù tiếp tế, phi vụ thả dù huấn luyện, phi vụ tải quan tài về quê quán hay nơi chôn cất, cùng những nỗi nhọc nhằn, nguy hiểm của các phi vụ vì phòng không của địch và thời tiết mưa bão. Độc giả cũng học được nhiều danh từ kỹ thuật trong phi hành nói lên sự phong phú của kho từ ngữ chuyên môn thời Việt Nam Cộng Hòa: cơ phi, bình phi, tiền phi, phi cụ, phi đạo, phi trình, phi hành đoàn, hướng cận tiến, đường băng, bãi lên hàng,... những từ ngữ vừa êm tai vừa gọn gàng, tuy có một chút phức tạp.

Nhưng sách có rất nhiều lỗi hỏi ngã, c thành t và ngược lại... làm độc giả mất nhiều hứng thú khi đọc tác phẩm. Điều đáng tiếc nhất là tác giả đã tỏ ra rất lơ mơ về ý thức chính trị. Ngoài những chi tiết nhỏ như gọi Đại Hàn là "Nam Hàn," gọi Việt Nam Cộng Hòa là "Nam Việt Nam," đại bác thì gọi là "đại pháo," tác giả đã chỉ nhìn thấy chiến tranh *trong lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa thời 1954-1975* một cách chung chung, nguyên văn nơi trang 17: *"Con người vẫn mãi rình rập, săn đuổi nhau từ trong rừng sâu, núi thẳm, đèo cao suối cạn, ngay cả trong địa đạo, trong hầm hố, trong phố chợ... để tìm và tiêu diệt lẫn nhau. Điều đó mang tên Chiến Tranh. Chiến tranh đã hủy diệt hết mọi thứ và đã vắt hết những giọt nước mắt của con người đau khổ. Tuyết lệ đã khô. Ngoài mặt trận sinh mạng con người như cỏ rác."* Ai đã dụng tâm xâm chiếm Việt Nam Cộng Hòa ngay sau khi chiếm được một nửa nước Việt phía Bắc, ai đã gài cán bộ quân sự và chính trị ở miền Nam, ai đã chôn giấu khí giới ở miền Nam, ai đã đem một đạo quân hàng trăm ngàn người từ miền Bắc sông Bến Hải vào lãnh thổ VNCH... là những câu hỏi mà tác giả, mang danh một cựu sĩ quan Quân Lực Việt nam Cộng Hòa, tiếc thay, không biết đến một câu trả lời!

Ngoài ra, tôi ngạc nhiên khi thấy thi sĩ (?) Trần Ngọc đã sửa thơ và do đó đã làm hỏng thơ của người khác. Nguyên văn của người ta đang từ:

Ngày mai đi nhận xác chồng
Say đi để thấy mình không là mình
đã bị ông sửa thành:
Chiều nay đi nhận xác chồng
Quên đi để tưởng mình không là mình (trang 18)

khiến mạch thơ không còn gì là xót xa cay đắng lẫn đau đớn bi hùng. Để công bằng, tôi cũng phải nêu lên việc sửa thơ Lê Thị Ý của nhà văn Hồ Trường An trong *Giai Thoại Hồng. Ký Sự Văn Học* (Virginia, Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xb, 1989, trang 185). Hai câu tuyệt tác trên của Lê Thị Ý cũng đã bị Hồ Trường An sửa thành:

Ngày mai đi nhận xác chồng
Bâng khuâng cảm thấy mình không là mình.

Hay như nhà văn Lương Thư Trung sửa thơ Nguyên Sa, nguyên văn đang từ

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt mát

Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông

rất trữ tình đã bị Lương Thư Trung (*Bến Bờ Còn Lại, trang 229)* đổi thành

Nắng Sài Gòn anh đi mà chợt tắt

Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông!

Lý do của sự "tam sao thất bản" này phải chăng là vì các văn thi sĩ Việt Nam không có thói quen kính trọng lẫn nhau?!

Bến Bờ Còn Lại (Massachusetts, Thư Trung xb, 2000, 350 trang) của Lương Thư Trung là một tập hợp gồm 29 bài viết của tác giả về những kỷ niệm ấu thời trong cuộc sống ở miền Nam nước Việt. Là một cựu học sinh trung học Thoại Ngọc Hầu, Long Xuyên, tác giả nhập ngũ, học Trường Bộ Binh Thủ Đức. Khi VNCH sụp đổ, tác giả bị giam giữ trong những trại cải tạo ở miền Tây trong bảy năm, bắt đầu từ tháng 6 năm 1975. Ra tù, ông được đi định cư tại Hoa Kỳ theo chương trình H.O. năm 1992.

Trở lại với tác phẩm, sách của ông tập trung chi tiết về người và cảnh vật thuộc các tỉnh An Giang, Châu Đốc, Sa Đéc, Trà Vinh, Cần Thơ, Vĩnh Long... tức những tỉnh miền Tây Nam Phần thời VNCH.

Tác giả là một người có trí nhớ tốt và tấm lòng gắn bó với quê hương. Văn ông phản ánh cả cách nghĩ lẫn cách diễn tả vừa Nam vừa Bắc. Thật thế, ông xuất thân miền Nam, nhưng ông viết *ngon đáo để*, bánh tét *nhân đậu, nhân chuối*...

Có lúc tác giả làm người hướng dẫn viên du lịch dẫn độc giả đi qua tất cả những vùng lãnh thổ của Việt Nam Cộng Hòa, suốt từ Quảng Ngãi về đến Sài Gòn, qua cả các hải đảo ngoài khơi. Mỗi nơi tác giả vanh vách kể lại những đặc điểm về thổ sản (mà tác giả đã thay bằng danh từ thời thượng là *đặc sản*), về con người, có khi chi tiết đến từng quán cà phê như ở Pleiku, Đà Lạt, hay từng tấm bảng lưu ý khách *"Xin đừng ngắt hái hoa"* như trong hoa viên của một ngôi chùa cổ ở Cam Ranh, hay bảng *"Lửa cháy, rừng điêu tàn"* trên những đồi thông Đà Lạt có lẽ của cơ quan Lâm Nghiệp một thời Việt Nam Cộng Hòa.

Có lúc tác giả đứng ra giải thích chi li cách làm mắm ở miền quê miền Nam. Đầu tiên là phải biết cách "giọt" vẩy cá, rồi đến giai đoạn thính mắm, chao mắm, nhận mắm và gài mắm. Tác giả còn kể ra những cách mắm bị hư là mắm chua, mắm mặn, mắm trở, hay mắm nong nước. Tác giả lại trình bày những cách ăn mắm vốn rất đa dạng, và giải thích vì sao mắm không bao giờ là một món trong những tiệc cúng giỗ.

Đoản văn nhớ người thân của tác giả là những phần cảm động, chan chứa lòng hiếu thảo và tình gia tộc. Đó là những dòng chữ tác giả nhớ về ông bà, "tía má," anh chị em, con cái... Tuy vậy, đã có lúc tác giả quá đà vào việc "dạy đời", lên giọng "quốc văn giáo khoa thư" như bài *"Bên Dòng Đời Tất Bật"* (trang 51-56).

Lòng thiết tha với quê hương ruộng đồng đã khiến tác giả nhiều lúc hóa thân vào chiếc khỉ, cây lúa, rặng tre, các loài hoa đồng nội, để hiến cho người dân thị thành, nhất là thế hệ con em người Việt lớn lên ở hải ngoại, những nét đẹp mộc mạc mà thanh tú của hương hoa đất nước. Sự phân tích một cách nên thơ của tác giả về những loài hoa mà người Việt thường chỉ biết đến quả như hoa bưởi, hoa cau, hoa chuối, hoa cam, hoa quít, hoa chanh, hoa lê, hoa mận, hoa xoài, hoa dừa, hoa bần, hoa me, hoa cà phê... khiến cuộc sống nơi thôn dã hiện lên với tất cả vẻ quyến rũ đầy thi vị. Phải chăng vì thế mà trong đời người Việt, những ai đã có diễm phúc sống nơi thôn quê thì không bao giờ quên được quãng đời êm đềm và hạnh phúc ấy?!

Văn của Lương Thư Trung lại có lúc ý nhị như câu sau đây, nguyên văn nơi trang 181: *"...tâm ông bình thản lắm, nên làm sao mà người ta sánh kịp với ông về cái lòng nhân nghĩa được gói kín bằng chiến áo rách chèo đò."* Khi viết *"gói kín"* trong một *"chiếc áo rách,"* thuật sử dụng chữ Việt của tác giả quả đã đến chỗ hóm hỉnh tài tình!

Nhiều năm trước đây, tôi rất thích khi đọc *Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma*, truyện nông thôn miền Bắc thời Cộng Sản ngự trị của Nguyễn Khắc Trường viết ở Hà Nội năm 1988 và nhà Hồng Lĩnh ở California in lại năm 1991, vì hầu như trang nào của sách cũng có một, hai danh từ tiếng Việt cổ ở miền quê đất Bắc. Nay thì có thể coi *Bến Bờ Còn Lại* với *Mảnh Đất Lắm Người Nhiều Ma* là một cặp đôi khá chỉnh: *Bến Bờ Còn Lại* có khá nhiều thổ ngữ hay phương ngữ ở miền quê phía Nam đất Việt.

Thật thế, rất nhiều từ ngữ nông thôn ở miền Lục Tỉnh đã được nhắc lại: sóng lưỡi búa, gió chướng, lung vũng, cây trứng sấu, nước giựt, mắm trèn, trái mặc nưa, vạt mía, mía cọ, xúc mô, xúc ụ, cái lọp, xà di, rập, bán quạ, bán diều, gió bấc rong ngọn, da mốc cời, vàm, lung, cỏ song chằn, cỏ mồm, củ co, lá cứt quạ, cá ụp móng, cộ bò, trái thù lù, trái lăng trung, cóc bịch, ếch bà (không phải tiếng lóng chỉ xe Vespa ở Sài Gòn trước năm

1975 đâu, mà chỉ có nghĩa đen là loại ếch lớn con!)... Nhiều khi tác giả cho chúng ta cả một hệ thống những danh từ liên hệ đến một đề tài, những danh từ được sử dụng hàng ngày nơi miền Lục Tỉnh nhưng không phải người Việt nào cũng biết. Thí dụ như chim thì có các loại *chim trao trảo, ốc cao, cúm núm, manh manh, áo già, chích chòe lửa, cu cườm, chim vịt, cò ma, cò ráng, cò trâu...*, cá thì có *cá rô biển bà, cá mè vinh, cá vảnh, cá éc...*, đánh cá ở miền Lục Tỉnh thì có cách đánh *lưới giựt, đăng ven, bửng, vó cất, vó gạt...*, dây buộc ở miền quê miền Nam thì có *dây cổ rùa, mây rừng, dây choại...*, tôm thì có *tôm càng lửa, tôm càng xanh...*, xoài thì có *xoài thanh ca đen, xoài thanh ca trắng, xoài voi, xoài tượng, xoài đu đủ, xoài hòn, xoài gòn, xoài hương, xoài nghệ, xoài giấm...*

Đọc sách của Lương Thu Trung, vì thế, độc giả trẻ sẽ học được nhiều, mà độc giả có tuổi thì càng nhớ thương những ngày từng giăng câu bắt cá hay ăn mắm và rau. Và vì thế, những nhà làm từ điển hay nghiên cứu ngữ học tiếng Việt hay đơn thuần là giáo sư Việt văn... không thể không lấy quyển sách đặc biệt này làm tài liệu tham khảo!

Nhưng nếu sử dụng sách này như một tài liệu giáo khoa, thiết nghĩ cũng phải nêu cho học viên biết những lỗi chính tả khá nhiều của tác giả về các dấu hỏi hay dấu ngã, có g hay không có g ở cuối chữ, các mẫu tự c hay t ở cuối chữ, dấu á hay dấu mũ... Có vài lỗi quan trọng tưởng phải nhắc ra đây. Thứ nhất là danh từ "cốm". Cốm là một thức ăn thanh nhã của người Việt chúng ta. Cốm được làm từ nếp còn non. Cốm khác hẳn cớm. "Cớm" là một tiếng lóng chỉ "công an" hay "cảnh sát" thời VNCH. Tác giả đã sử dụng danh từ "cớm" thay cho "cốm" nhiều lần (các trang 71, 156, 158). Thứ hai là danh từ "dú" hay "vú"? Đó là cách làm cho trái cây khi hái còn xanh được chín. Tác giả Lương Thư Trung (*Bến Bờ Còn Lại*) và Trần Vặn (*Chuyện Đồng Quê*) đều viết là "vú" trái cây nhiều lần. Rồi "vỏ lãi", một loại xuồng ở miền quê hình thù rất mỏng nhưng dài như con lãi đũa nên mới có tên gọi như thế, hay "giỏ lãi" (trang 237)? Tác giả lại xác quyết những cây cỏ ở một vùng quê Bắc Mỹ (hồ Mystic, vùng Medford?), chính là rau mác, bồn bồn... vốn có ở vùng quê miền Nam nước Việt (trang 251).

Và cũng có những nhận định của tác giả cần phải kiểm chứng lại. Chẳng hạn như nhận định cho rằng phần lớn những sông rạch thiên nhiên ở miền Nam là do *đường voi đi mà thành* (trang 72). Hay về lễ tục ngày Tết. Theo tác giả, sáng mùng Một Tết thì người dân quê miền Nam mới đi chùa hái lộc (trang 218), và mùng Hai Tết họ mới về nhà cha mẹ nội ngoại để cúng bái tổ tiên (trang 219). Thời điểm của những sinh hoạt truyền thống này trong dịp Tết như vậy có đúng không, hay người Việt thưởng chỉ hái lộc vào đêm 30 Tết, và cúng giỗ tổ tiên vào ngày mùng Một Tết? Hay một chi tiết nhỏ như quán bánh mỳ trước cửa Bưu Điện Sài Gòn có tên là quán "Hương Lan," chứ đâu có phải là quán "Thanh Lan" (trang 224)?! Nơi hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu hồi năm 1963 là ngã tư Lê Văn Duyệt với Phan Đình Phùng ở Sài Gòn chứ có phải là Lê Văn Duyệt với Trần Qúy Cáp như tác giả kể nơi trang 230 đâu! Cuối cùng, sinh viên đại học thì dù ở Việt Nam hay trên thế giới, xưa nay đâu có ai ấp ủ giấc mơ kỳ quái là phải cố mua cho được một bộ tự điển bách khoa như nhận định của tác giả, nguyên văn, *"...có được bộ encyclopedia... là một giấc mơ suốt đời của những sinh viên nghèo"* (trang 227)?!

Cùng mạch văn với Lương Thư Trung có Trần Văn qua *Chuyện Đồng Quê* (California, Tiếng Vang xb, 1999, 277 trang).

Trần Văn tên thật là Trần Văn Ngà. Ông xuất thân giáo viên tiểu học. Năm 1962, Trần Văn nhập ngũ khóa 13 Thủ Đức. Trong quân đội, ông là sĩ quan báo chí tại Vùng 4 Chiến Thuật, Tổng Cục Chiến Tranh Chính Trị, và Biệt Khu Thủ Đô. Ông bị tù trong các trại tập trung từ năm 1975, mãi đến năm 1984 mới được tạm tha. Ông cùng gia đình đi định cư tại Hoa Kỳ từ năm 1993 theo chương trình H.O. và hiện cư ngụ tại thủ phủ Sacramento, Bắc California.

Xuất thân là công tử vùng quê sát biên giới Việt-Miên thuộc tỉnh Châu Đốc, tác giả đã may mắn trải qua cả một thời niên thiếu giăng câu đặt lọp, hưởng thú đá cá chọi gà, từng theo chân người lớn đập chim lùa chuột... trong một khung cảnh bao la của đất trời mênh mông những cá tôm, rau trái, lúa gạo và hoa mầu người ăn không hết, và nhất là của tình người đồng xứ chân chất phóng khoáng. Sách là chứng tích của đời sống thôn quê ấy, với những kinh nghiệm tác giả đã trải qua mà nay bồi hồi tưởng nhớ và ghi lại.

Trái với nội dung của *Bến Bờ Còn Lại* có phạm vi không gian rộng lớn gồm gần khắp miền Tây Nam Phần và có nội dung bao trùm con người, nhân tâm, cảnh vật, muông thú, và hương hoa,

Chuyện Đồng Quê của Trần Văn chỉ khu hạn trong ba đề tài là những món ăn, cách nuôi bắt chim cá, và những thú tiêu khiển ở đồng quê miền Nam mà thôi.

Nhưng hai quyển sách này có thể bổ túc cho nhau, vì cả hai tác giả cùng sinh trưởng ở đồng bằng sông Hậu, và nội dung một quyển (*Bến Bờ Còn Lại)* có thể nói là tổng quát về vùng đất ấy với một cách hành văn chân thực mà ý nhị trong khi quyển kia *(Chuyện Đồng Quê)* là một số chi tiết cụ thể và sống động của một tay lão luyện trong nghề ăn nhậu.

Những chuyện kể về món ăn miền Nam trong *Chuyện Đồng Quê* rất gần gụi với chuyện kể trong những bữa ăn hàm thụ ở các trại tập trung của Cộng Sản. Nguyên đời sống trong các trại tập trung do Cộng Sản lập ra để nhốt các cựu sĩ quan QLVNCH sau năm 1975 rất khổ cực và thiếu thốn. Vì thế, vào những ngày Chủ Nhật được nghỉ lao động hay những buổi tối trước khi đi ngủ, các cựu sĩ quan QLVNCH đang bị tù đầy thường túm tụm năm bẩy người thân thiết với nhau lại và kể nhau nghe những món ăn từng được hưởng trước đây, dưới thời VNCH, để đỡ thèm đỡ nhớ. Thường bợm nhậu là những tay kể chuyện hay nhất, vì họ đã trải qua nhiều bữa nhậu tuyệt vời với những món ăn độc đáo của các địa phương miền Nam. Chuyện kể trong *Chuyện Đồng Quê* gần gụi với những bữa ăn hàm thụ trong trại tập trung vì ngoài nội dung là những món ăn món nhậu của dân miền Lục Tỉnh ra, còn cả về hình thức nữa, với những câu văn còn nguyên cách diễn tả của văn nói và điển hình "nhà binh" như *ăn chết bỏ, mê chết bỏ, ăn ráo trọi, đã cái miệng, khoái nhứt, tàn canh gió lạnh, cái lẩu tổ chảng...*

Ở một khía cạnh khác, *Chuyện Đồng Quê* là một đóng góp quan trọng cho bộ môn "văn hóa ẩm thực." Nó chỉ dẫn *cách làm cách nấu* những món ăn độc đáo của miền Tây Nam Phần, như các món mắm và rau, chuột rô ti, rắn hổ xé phay, rùa rang muối, đuông, dơi, gỏi... với những chi tiết mà chắc chắn độc giả không thể nào tìm thấy trong những sách dạy nấu ăn bình thường.

Trong lời giới thiệu duyên dáng được đăng ngay đầu sách của một giáo sư đại học, vị giáo sư này có kể chuyện thi cử thời Pháp thuộc nhân đó nói về một giáo sư Pháp văn nổi tiếng miền Bắc mà ông viết tắt là P.D.K. Ở đây, tôi cứ viết rõ ra tên vị giáo sư viết tắt là Phạm Duy Khiêm, chứ việc gì mà phải viết tắt?! Theo vị giáo sư giới thiệu *Chuyện Đồng Quê* –cũng xin cứ viết thẳng ra là Giáo Sư Đỗ Bá Khê- thì điểm loại của môn thi Tú Tài thời Pháp thuộc là 6/10, mà giáo sư Phạm Duy Khiêm không bao giờ cho thí sinh quá 10/20 (sách đã dẫn, trang viii). Sự thực có như vậy hay không? Theo tôi, không thể có việc này, vì điểm 6/10 (tức là 12/20) là điểm đỗ rồi, mà lại là đỗ Bình Thứ -tiếng Pháp gọi là mention "Assez Bien"- chứ sao lại là điểm bị loại được! Cũng thêm một việc là "Lời Giới Thiệu" của Giáo Sư Đỗ Bá Khê đã cho biết, nguyên văn, *"Nghe nói... có lần ông thạc sĩ* (tức Phạm Duy Khiêm, TAT chú thích) *bị chận đánh rớt xuống hồ Hoàn Kiếm"* (sách đã dẫn, trang ix). Tôi nghĩ chi tiết này cũng đã được thêm thắt một cách vô căn cứ, vì dưới thời Pháp thuộc, ai đã học đến bậc Tú Tài thường là những người đã chín chắn và đứng đắn lắm rồi, không còn ai có hành vi du đãng đánh Thầy đến nỗi Thầy phải "rớt xuống hồ Hoàn Kiếm" đâu! Tôi tưởng dân Hà Nội xưa đâu có thiếu văn hóa đến thế, phải không?!

Hồi ký về đời tù tập trung có ít nhất sáu quyển. Đó là *Vùng Đất Ngục Tù* của Nguyễn Vạn Hùng, *Cuộc Chiến Chưa Tàn* của Trần Nhật Kim, *Phía Bên Kia Thiên Đường* của Phạm Trọng Phúc, *Đại Học Máu* của Hà Thúc Sinh, *Vượt Địa Ngục* của Dương Thanh, và hồi ký của Trần Tri Vũ bằng Anh ngữ được Viện Đại Học Berkeley xuất bản.

Hà Thúc Sinh tên thật là Phạm Vĩnh Xuân. Ông xuất thân từ Hải Quân. Sau biến cố 30/4/1975, ông bị tù trong các trại tập trung Trảng Lớn, An Dưỡng, Suối Máu, và Hàm Tân từ tháng Sáu năm 1975 đến mãi tháng Hai năm 1980 mới được tạm tha. Ra tù, ông tìm cách vượt biên tìm tự do, và thoát được sang Mã-lai-á.

Hà Thúc Sinh viết văn, làm thơ, và soạn cả nhạc. *Đại Học Máu* là hồi ký được ông bắt đầu ghi từ tháng 11 năm 1980 trong thời gian ông tạm trú ở đảo Pulau Bidong, Mã-lai-á, và hoàn tất tháng 11 năm 1984 ở California, khi ông được thường trú ở Hoa Kỳ.

Đại Học Máu được hình thành do chủ tâm của người viết từ đầu biến cố. Ngay khi bị đưa vào trại tập trung Trảng Lớn, ông đã có ý "mai phục", vểnh tai mở mắt để ghi nhận tất cả những sự kiện và những diễn biến đang và sẽ xẩy ra nơi mà ông phải sống dưới sự trừng phạt trực tiếp của kẻ chiến thắng. Giác quan thứ sáu của một nhà văn nhà thơ và tinh thần quốc gia đáng qúy của một sĩ quan QLVNCH trẻ đã khiến ông tự buộc mình vào sứ mạng ghi lại sự việc làm tài liệu cho đời sau về một thảm trạng của dân tộc, là hình thức

nhà tù mệnh danh là trại tập trung dưới chế độ Cộng Sản ở Việt Nam.

Chính vì thế, ngay khi thoát ra được cuộc đời tù, rồi may mắn hơn nữa là vượt thoát đến bến bờ tự do, ông đã bắt tay ngay vào việc thực hiện việc điều ông tự hứa, khi sự việc còn tươi mới trong trí nhớ của ông. Chưa tới sáu tháng sau khi ra ra khỏi trại tập trung, Hà Thúc Sinh đã kể lại chuyện tù. Do đó, những sự kiện, những chi tiết, ngay đến những mẩu đối thoại của gần năm năm tù ngục -đúng hơn là 1685 ngày theo như tác giả đã đếm- là những sự việc mà dư vị vẫn còn phảng phất quanh ông.

Vì người tù thường xuyên bị kiểm soát và lục xét tư trang suốt trong thời gian sống trong trại tập trung, tôi không nghĩ là tác giả có thể giữ được những sổ nhật ký, nhưng chắc là ông đã có một cách nào đó lưu giữ những sự việc kể cả ngày tháng và con số. Trên giấy trắng mực đen, tác giả chỉ cho biết cách ghi nhận của ông, nguyên văn nơi trang 323, là *"bằng óc và trong tim"*, nghĩa là không có giấy tờ gì cả. Nhưng nếu đó là sự thật, thì một quyển sách dầy 821 trang với diễn tiến theo thời gian trong 1685 ngày tù và một rừng đối thoại làm sao có thể là sản phẩm của trí nhớ được, dù trí nhớ đó có siêu phàm đến đâu chăng nữa?! Có thể tác giả đã ghi nhận những nét chính của sự việc bằng cách ngụy trang trong các sổ ghi bài học khi lên lớp chăng, và do đó đã thoát được những con mắt cú vọ của đám cán bộ quản giáo Cộng Sản khi họ khám xét tư trang của tù nhân?!

Sự việc đã được trình bày theo trình tự thời gian. Như thời gian đến trại, khi nào là ngày "lên lớp" đầu tiên, hôm nào được nhận quà của gia đình, hôm nào được cấp phát nhu-yếu-phẩm hàng tháng, hôm nào được tập họp tất cả một trung đoàn tù để xem phim tuyên truyền... trong thời gian tác giả ở trại tập trung Trảng Lớn.

Những chi tiết hàng ngày xảy ra trong trại tập trung cũng được ghi nhận khá đầy đủ. Như việc cán binh Việt Cộng lấy cờ quốc gia may thành quần đùi, vụ tự tử đầu tiên ở Trảng Lớn 10 ngày sau khi nhập trại, vụ có người làm "ăng ten" (báo cáo ngầm với cán bộ quản giáo), việc khai báo không được tẩy xóa, xóa chỗ nào gạch chỗ đó để quản tù vẫn đọc được chỗ xóa, dịch ghẻ và kiết lỵ các trại tù, cảnh những người điên loạn vì tù đầy, tù chết có khi không được chôn có hòm vì vẫn còn có "tội"... Những ti tiện của con người khi đói cũng được kể lại một cách sống động: đó là cảnh chia cơm hàng ngày với hàng trăm con mắt dõi theo tay người chia phần, cảnh một người tù ăn vụng nên không dám nhai mà chỉ nuốt...

Sự kiện có khi còn được ghi lại với chi tiết về ngày tháng và con số. Thí dụ như tiền ăn 10 ngày mà một sĩ quan cấp úy phải nộp theo Thông Cáo *ngày 20/6/1975* của Ủy Ban Quân Quản Thành Phố Sài Gòn Gia Định là *3475 đồng* (trang 70), hay danh sách đầy đủ chín điều quy định khi người tù đi xem phim chiếu trong trại tập trung...

Lời kể cũng đã đem lại cho người đọc nào mà những kỷ niệm tù đầy nay chỉ còn trong ký ức được dịp sống lại, như các danh từ quản tù thường nói, như "được trên chiếu cố," "khí thế lên," "chưa đạt yêu cầu," "mục đích yêu cầu," hay những tiếng "nhé,, "nhá" sau mỗi câu nói.

Cũng có nhận định so sánh của tác giả tỏ ra chí lý như khi ông so sánh việc sĩ quan QLVNCH phải khuất phục các cán bộ Cộng sản như, nguyên văn nơi trang 42, *"anh Nhật bị anh Tàu giải giới."*

Những gì ông viết phần lớn đều đã thực sự xảy ra, mà tôi xin xác nhận trong tư cách một chứng nhân, một cựu tù trong trại tập trung Trảng Lớn, cùng thời gian tác giả ở đó. Lấy một thí dụ cụ thể là đoạn tác giả nói về phản ứng quê mùa và dốt nát của cán bộ Cộng sản về nếp sống sung túc của người dân miền Nam: khi người nhà gửi quà vào cho tù nhân ở trại tập trung Trảng Lớn, cán bộ khi kiểm tra không hề biết *lạp xưởng* và *ruốc* (thịt chà bông) là gì. Đến áo chemise thì họ đọc theo cách viết tiếng Việt là "che mi se" và trách cứ người dân miền Nam là *"sơ-mi thì cứ viết sơ-mi, chứ sao lại cứ che che, đậy đậy cái gì ?"* (trang 267). Độc giả không sống dưới chế độ Cộng Sản ở miền Nam Việt Nam hay không có dịp tiếp xúc với cán bộ Cộng Sản sau năm 1975 thì có thể coi đây chỉ là những lời vu cáo rẻ tiền của những người Việt miền Nam *"còn nuôi lòng thù hận Cộng Sản"* như luận điệu ngây thơ và vô ý thức của một số người Việt hiện sống quá yên hàn và sung túc ở hải ngoại, chứ hẳn không biết trình độ văn minh của người Việt miền Bắc đã bị ngưng lại từ giữa thế kỷ XX, và chỉ mới tiếp tục phát triển từ đầu thập niên 90 khi Đảng Cộng Sản cầm quyền ở Việt Nam bãi bỏ chính sách "bế quan toả cảng."

Càng đọc Hà Thúc Sinh, độc giả càng phải cám ơn tác giả *Đại Học Máu* vì ông đã thành thực ghi lại sinh hoạt của những con người thất thế phải sống trong cảnh tù đầy, và nhất là để thấy chính sách trại tập trung đã tạo cơ hội cho

những người vệ binh Cộng Sản -những thanh niên trên dưới 20 tuổi và thất học- xúc phạm và sỉ nhục nhân phẩm của người tù chính trị mà tuổi đời và trình độ văn hóa đáng cha ông của họ.

Nhưng sách không phải không có những chỗ cường điệu. Và đó là điều rất đáng tiếc. Hãy lấy một thí dụ, với kinh nghiệm của cá nhân tôi trong ba năm (1975-1978) qua ba trại tập trung, hai do quân đội Cộng Sản trách nhiệm, là trại Trảng Lớn ở Tây Ninh và trại Đồng Ban cũng thuộc tỉnh Tây Ninh, và một do Công An Cộng sản trách nhiệm, là các trại Z3A-3B ở Long Khánh, tôi không hề thấy hay nghe một cán bộ quản giáo hay một vệ binh nào hàng ngày đi theo trong những buổi người bị cầm tù (tức các cựu sĩ quan QLVNCH) phải lao động khổ sai gọi người tù bằng nhân xưng đại danh từ "thằng" cả. Dĩ nhiên là khi khuất mặt, cả hai bên, tức cán bộ Cộng Sản và người cựu sĩ quan QLVNCH, đều không sử dụng những đại danh từ nào lịch sự khác hơn là "thằng, chúng nó, bọn ấy..." để đề cập đến đối phương! Trong khi sách thì tác giả không ngừng đưa những tiếng thậm xưng ấy vào miệng các cán binh Cộng sản? Rồi đến phiên *Đại Học Máu* khi đề cập đến cán bộ Cộng Sản thì đều viết là, nguyên văn, *"thằng quản giáo"*, chứ có "ông" hay "anh" gì đâu, mà hàm ý trách người ta lỗ mãng!

Đại Học Máu còn đi vào con đường mòn của một ước lệ. Đó là ước lệ rằng cán bộ Cộng Sản là bọn người ngu dốt, răng vẩu, miệng hôi, và nói ngọng. Và đó chính là những nét chung mà Hà Thúc Sinh đã dùng để tả những người cán bộ quản giáo trong các trại tập trung. Ở đây, sự hư cấu của tác giả quá lộ liễu. Ở đoạn này trong tác phẩm, tác giả cho người quản giáo tên Cư nói ngọng n thành l và ngược lại, thì ở đoạn kia quản giáo Cư này lại nói trơn tru, l ra l và n ra n. Những lúc Hà Thúc Sinh cho cán bộ Cộng Sản nói ngọng thì ông còn cố tìm những câu những đoạn có nhiều chữ bắt đầu bằng n và l khiến sự hư cấu càng lớn.

Chính sách trại tập trung của Cộng Sản thâm độc hơn nhiều những sự giận dữ cỏn con của cá nhân, sao tác giả lại vô tình bào chữa cho họ bằng những chi tiết không thật khiến bản viết của tác giả mất đi tác dụng của một tài liệu trung thực?!

Việc thêm vào tác phẩm những nhận định, phân tích, và phán xét của Hà Thúc Sinh cũng làm sách mất đi tính chất tài liệu và bộc lộ cảm tính chủ quan của người viết. Điển hình nhất là việc tác giả sỉ vả những ai quyết định lấy bản Tiếng Gọi Thanh Niên của Lưu Hữu Phước làm quốc ca cho Việt Nam Cộng Hòa là, nguyên văn nơi trang 296, *"vô ý thức, vô trách nhiệm, và bất cố liêm sỷ"* vì, cũng nơi trang 296, *"bài hát ấy là của thằng Cộng Sản đẻ ra, để cho sòng phẳng oán ân dứt khoát phải quăng nó vào thùng rác của lịch sử."*

Trong lời nói đầu của tác phẩm, Hà Thúc Sinh đã coi tác phẩm của ông như "một đống quặng mỏ," được khai quật nhưng còn giữ nguyên hình thái chân thực của nó. Nhưng chính những chi tiết hư cấu và cảm tính của ông thêm vào đã khiến trữ lượng quý kim trong đám quặng lớn gần 1000 trang mà Hà Thúcc Sinh muốn cung hiến cho độc giả đời sau bị giới hạn vì đất đã bám nhiều vào quặng. Thật là điều đáng tiếc cho tác phẩm của cả một đời người.

Nhưng Hà Thúc Sinh đã viết với cả một tấm lòng trung thực và một động lực trong sáng. Chính vì thế, việc ghi nhận của ông đáng được biết tới và sử dụng.

Đó là lý do có người đã muốn dịch *Đại Học Máu* sang Anh ngữ để thực chất chế độ tù tập trung của Cộng Sản được phổ biến rộng rãi trên thế giới. Theo lời giới thiệu trên tạp chí *The Vietnam Forum* số 6 (Hè-Thu 1985, tr. 272), *Đại Học Máu* sẽ được Huỳnh Sanh Thông chuyển sang Anh văn với tựa đề *Schools of Blood and Tears*. Nhưng từ bấy đến nay, tôi chưa được thấy bản Anh văn của hồi ký này.

Đồng dạng với *Đại Học Máu* là *Lost Years. My 1632 Days in Vietnamese Reeducation Camps* (California, University of Berkeley, 1988, 381 trang) của Trần Tri Vũ. Hồi ký tù tập trung của Hà Thúc Sinh và Trần Tri Vũ có nhiều điểm giống nhau. Cả hai đều đếm kỹ từng ngày trong trại, người 1685 ngày, người 1632 ngày. Cả hai đều lấy số ngày trong tù làm tựa để cho sách. Cả hai đều viết dài, người 821 trang, người 381 trang chữ nhỏ. Cả hai đều viết ngay sau khi ra trại, người viết sau khi ra trại được sáu tháng, người viết sau khi ra trại được khoảng một năm.

Nhưng khác biệt giữa hai tác phẩm, đúng hơn là giữa hai người, cũng rất lớn. Một đằng –Trần Tri Vũ- có "tả phù hữu bật." Ông viết với sự, nguyên văn nơi trang xiv của Lời Tựa, *"giúp đỡ, khuyên bảo, và khuyến khích"* của, cũng nguyên văn cùng trang đã trích, *"người Việt, người Pháp, người Anh, người Mỹ"*. Sau đó là một lô tên gồm 15 cá nhân những người đã giúp ông ta viết và in sách, chưa kể người thứ 16 là dịch giả với tên hiệu là Nguyễn Phúc. Trần Tri Vũ viết trong khung cảnh ấm cúng và thoải mái ngay giữa thủ đô Luân-

đôn của nước Anh. Rồi sách được in bởi một cơ sở giáo dục uy tín của Hoa Kỳ là Viện Nghiên Cứu Đông Á thuộc Đại Học Berkeley. Một đằng -Hà Thúc Sinh- là cá nhân đơn độc, viết trong tình cảnh thiếu thốn và bất định ở trại tị nạn Bi-đông, Mã-lai-á. Ngay việc xuất bản sách cũng chỉ do đơn độc một bạn trẻ -Tưởng Năng Tiến của nxb Nhân Văn ở San José, California- chịu trách nhiệm.

Tôi có cảm tưởng một bên là một anh giang hồ hảo hán tả xung hữu đột vì lý tưởng của mình. Một bên là một anh công tử con nhà giầu lại lắm thế lực vừa đánh vừa run: trước khi vào sách, Trần Tri Vũ đã trịnh trọng và cẩn thận ghi ngay đầu sách nơi trang xv một câu lẻ loi nhưng bất mắt là *"The names of the author and the translator are pseudonyms"*, nghĩa là *"Tên của tác giả và dịch giả đều là những biệt hiệu!"*

Tôn trọng ý riêng của tác giả, tôi không tìm hiểu về ông làm gì. Tôi chỉ căn cứ vào chính nội dung quyển sách để biết tác giả là một trung úy trừ bị biệt phái Bộ Quốc Gia Giáo Dục, nhưng có tính tự quan-trọng-hóa mình.

Thật thế, ông chỉ là một sĩ quan cấp nhỏ thì làm gì quan trọng đến độ Cộng sản phải lưu ý cho cán bộ đem loa đến vào buổi chiều trước ngày hết hạn trình diện của sĩ quan cấp úy để *chõ vào nhà ông* (nguyên văn là *"his loudspeaker pointed in our direction"*, trang 1) mà đọc thông cáo yêu cầu sĩ quan QLVNCH trình diện "học tập cải tạo" như nhắc nhở ông phải ra trình diện. Tôi nghĩ nếu một người quả thật quan trọng và nguy hiểm thì Cộng sản họ đến bao vây nhà, và dí súng vào người bắt đi chứ! Thứ nữa, tác giả Trần Tri Vũ cám ơn ông P.T.L. (?) nơi trang xiv vì nhân vật này đã can thiệp với Bộ Ngoại Giao của chính phủ Cộng Sản để ông được thả. Ông là ai mà quan trọng đến thế? Theo tôi biết, những người có thân nhân là Cộng Sản cấp cao hay có liên hệ với Cộng Sản mà bị tập trung ở Trảng Lớn đều đã được thả về ngay từ Giáng Sinh năm 1975 rồi, đâu phải ở lâu đến bốn năm sáu tháng tức 1632 ngày như ông?! Rồi ông còn cám ơn nhân dân và chính phủ Pháp cùng tất cả những quốc gia nào đã giúp đỡ người Việt (vẫn *Lời Nói Đầu*, trang xiv). Việc một cá nhân nhỏ bé với chức vụ khiêm tốn, như ông tự nhận, nhân danh cả một tập thể lớn lao đâu có chính danh, trừ những ai có tật tự quan-trọng-hóa mình!

Ngay tựa sách của ông -*Lost Years. My 1,632 Days in Vietnamese Reeducation Camps*- cũng là một điều không chỉnh: người Cộng Sản vì lý do tuyên truyền đã mệnh danh những trại tù là "trại cải tạo" và người bị tù là "trại viên." Nhưng đã từng có kinh nghiệm đau đớn từ bản thân, sao người cựu tù ngày nay không dám nói lên sự thực về tình trạng bị lừa đảo và tù đầy của mình? Chính tác giả cũng đã biết chú thích nơi trang 44 rằng người dân miền Nam chẳng bao lâu đã không còn ảo tưởng về sự cải tạo và biết những người trong trại chỉ là những tù nhân. Đã biết như thế, sao tác giả vẫn còn đặt tên cho sách của mình là *Trại Cải Tạo*, thay vì đúng ra phải là *Trại Tập Trung*? *Vietnamese Reeducation Camps* phải khác với *Vietnamese Concentration Camps* chứ!

Lost Years. My 1,632 Days in Vietnamese Reeducation Camps cũng đặc biệt có nhiều cước chú, hệt như một thiên biên khảo của người trí thức (?!). Tiếc thay đã có rất nhiều sai lầm trong những cước chú mà tác giả muốn "chỉ bảo" độc giả đọc Anh ngữ, hầu hết là Mỹ, về Việt Nam. Lấy thí dụ như cước chú nơi trang 7, tác giả giải thích danh từ B2 của Cộng Sản là một căn cứ của Bắc Việt ở cao nguyên Trung phần, nguyên văn là *"B2 was a North Vietnamese base in the central highlands..."* Thế ra tác giả không biết B2 là mật danh không phải chỉ một căn cứ của Cộng quân mà là cả một chiến trường rộng lớn, bao gồm lãnh thổ VNCH mà tướng tư lệnh Cộng quân là Trần Văn Trà và bộ chỉ huy đóng ở Tây Ninh?! Nếu cần, tác giả Trần Tri Vũ nên đọc số mới nhất của một tạp chí Mỹ, tờ *Vietnam* (số đề tháng 12/2002) để cập nhật hoá kiến thức của ông về chiến trường B2. Chú thích số 9 nơi trang 81 thì ghi sai năm mất của Hồ Chí Minh là năm 1979, đúng ra phải là năm 1969. Chú thích số 1 nơi trang 97 thì gọi lão thi sĩ Hà Thượng Nhân bằng cái tên vừa sai vừa xách mé là "Nhân". Sai vì tên Hà Thượng Nhân chỉ là bút hiệu, chứ có phải một người họ Hà tên Nhân đâu mà gọi trống không như thế được. Cái sai này càng khó chấp nhận khi Trần Tri Vũ cho độc giả hiểu ngầm ông ta chính là bạn của lão thi sĩ Hà Thượng Nhân khi ông viết, chi tiết nơi trang 97, rằng trong những ngày lo âu sau tháng Tư năm 1975, ông cùng thi sĩ Hà Thượng Nhân rủ nhau đi uống bia giải sầu ở Chợ Đũi, gần rạp chiếu bóng Nam Quang ở đường Lê Văn Duyệt Sài Gòn. Và xách mé vì Trần Tri Vũ ít ra cũng kém lão thi sĩ Hà Thượng Nhân cả một thế hệ!

Hình ảnh về chế độ các trại tập trung mà Trần Tri Vũ vẽ ra không sắc nét. Độc giả không thấy

được sự khủng bố thể xác và nhất là tinh thần kinh khiếp của chế độ trại. Trái lại, trong những ngày đầu ở trại, bộ đội Cộng Sản, theo tác giả, đã đối xử với các cựu sĩ quan QLVNCH như những người thân quen, nguyên văn là *"ordinary acquaintances"* nơi trang 11. Tác giả cũng mơ hồ không phân biệt được ai là "bộ đội" và ai là "cán bộ quản giáo," tất cả đều được ông gọi là "bodoi". Kể từ trang 78 trở đi thì ông mới phân biệt vệ binh với quản giáo. Chuyển sang Anh ngữ, vệ binh vẫn được viết là *"bodoi"* nhưng *"quản giáo"* thì được dịch là *"study monitor,"* một cách dịch không diễn tả thực chất của danh từ, tưởng như là cách dịch chính thức của cán bộ Cộng Sản phụ trách văn hóa vận. Đi xa hơn nữa, tác giả còn cho biết phần lớn "bộ đội" (với nghĩa gồm cả "vệ binh" lẫn "quản giáo") không hận thù gì các cựu sĩ quan QLVNCH mà ngược lại, họ còn thật sự xót thương những cựu sĩ quan này, nguyên văn nơi trang 25 là *"In reality, the majority of the bodoi had no hatred for us; on the contrary, some even showed real compassion toward us."*

NGUYỄN NAM AN

mùa không số nhà

Có đêm say đứng bên đường
Trăng khuya rớt xuống nỗi buồn lụt thêm
Tôi bơi từ chuyến bay đêm
Mà không thoát nổi ngày phiền níu chân

Tôi bơi từ lúc tình gần
Rồi xa - xót lại trăng tần ngần trông
Nửa đêm tình ới mênh mông
Đến đi xe lạc mùa không số nhà

17.10.02

Hình ảnh rõ nhất trong sách, tiếc thay, lại là sự yếu hèn thấp kém của những cựu sĩ quan cấp úy trong QLVNCH. Thí dụ như việc ngay khi bước chân đến trại tập trung là các cựu sĩ quan QLVNCH đi trình diện đã có những cãi vã đến gần *ẩu đả* để giành nhau chỗ ở, tập họp lúc nào cũng mất trật tự, rồi làm ăng-ten báo cáo ngầm với cán bộ Cộng Sản về những đồng tù, vân vân.

Lost Years. My 1,632 Days in Vietnamese Reeducation Camps là một hồi ký nhưng đầy những đối thoại từ trước khi tác giả ra đi trình diện, trong suốt thời gian hơn bốn năm rưỡi ở các trại tập trung, và cả khi trên đường về với gia đình khi được trại cấp giấy tạm tha. Những đối thoại ấy chứng tỏ sách chỉ là một tác phẩm của hư cấu hơn là một bản văn trình bày trung thực những gì đã xảy ra trong sáu trại tù tập trung mà tác giả đã nêu tên là Trảng Lớn, Xuân Lộc I, Xuân Lộc II, Bù Gia Mập, Bù Lôi, và Hàm Tân. Trong nhiều đối thoại rải rắc trong sách, tác giả đã gọi cán bộ quản giáo là "comrade cadre," tức "đồng chí cán bộ," và cán bộ quản giáo gọi ông là "Mr. Vu", tức "ông Vũ." Đây toàn là điều không thật, vì chẳng có cán bộ Cộng Sản nào coi tù nhân là "đồng chí" của họ, và gọi tù nhân là "ông" cả!

Dĩ nhiên *Lost Years. My 1,632 Days in Vietnamese Reeducation Camps* không phải không có những đoạn văn tả thực về tâm tư và tình cảm của một người bị đầy đọa trong trại tập trung Cộng Sản trong bốn năm và sáu tháng. Nhưng những chuyện uất ức vì mất tự do, đau đớn vì xa vợ con, cảm động vì có bạn tốt, ốm đau vì thiếu thuốc, và đói khát vì thiếu thực phẩm là những chuyện bình thường của một cá nhân, cần gì đến một đám đông gần 20 người mới viết nổi!

Thật ra, những trích dẫn nêu trên mà tôi ghi là "nguyên văn" là từ nguyên văn của bản tiếng Anh. Thành ra cũng có thể người dịch đã không nắm được đúng ý tác giả, hay từ ngữ tiếng Anh đã không hoàn toàn tương ứng với từ ngữ tiếng Việt nên những nhận xét của tôi có thể không phản ánh đúng như ý của tác giả. Nếu vậy, cũng là một việc đáng tiếc mà những ai, vì đứng tên cho một tác phẩm người khác dịch nên vẫn phải chịu trách nhiệm, phải chấp nhận.

(Còn tiếp)

Alameda, tháng 10 năm 2002

CHUYỆN NHỮNG ĐÔI HIA VẠN DẶM

NGUYỄN VĂN THỰC

"Đảng là tao" (1)
Lê Đức Thọ

Chớ tin vào một ý thức hệ,
một ngọn cờ chiến thắng,
một chủ nghĩa ép một khuôn nào.
Chúng ta tất cả là những kẻ tự
gánh lấy gánh nặng của mình trên vai,
cho đến tận cùng.
Imre Kertész, Nobel văn chương 2003 (2).

Võ Phiến trong bài Độ Kỵ Cái Trừu Tượng viết đại khái: Người Việt thiên về cảm nhận cụ thể, mà thiếu suy tư trừu tượng. Sự thiếu trừu tượng này dẫn đến thiếu những hệ thống triết lý tư tưởng. Ông cho đó là điều hay. Chi bằng có cái lưới để nếm những cái cụ thể cái đã, còn những chuyện suy nghĩ trừu tượng những dân tộc khác đã dọn sẵn rồi; trước sau gì dân mình cũng được hưởng, không phải lo chi.

Coi vậy, nếu nhìn theo một cách khác, triết học cũng cụ thể, cũng rất ngon ngọt đậm đà. Cụ thể? ngon ngọt đậm đà? Là vì các triết gia là những người dùng lý trí đưa ra những giải thích cụ thể về các hiện tượng, các chuyện trong trời đất, thay cho những giải thích mang tính huyền thoại. Một bước nhảy vọt từ chốn thần thánh uy nghi xuống cõi trần dung dị; rồi từ đó các vị bao đời cứ loay hoay với con người. Đôi hia của những kẻ "khó tánh" ấy nhảy xa vạn dặm chớ chẳng chơi! Bước nhảy vọt ấy thế nào mà chẳng làm cái đầu lưỡi trí tuệ, và cả chiếc lưỡi bằng thịt, của các vị ấy, của các môn sinh, của những người cùng một đầu óc, đậm đà ngọt ngào như cắn trái ăn trăng. Bởi sướng quá, bởi khoái quá. Cái khoái ấy của người bước ra khỏi cõi tăm tối, kiếm ra được những tư tưởng mở đường, những tư tưởng mà họ nghĩ là sẽ giúp trả lời những vấn đề của con người, của cuộc đời. Nhiều lúc trả lời trật, nhưng nhờ những tư tưởng trật lất ấy, mới nảy sinh những tư tưởng mới khác chỉnh lại. Chỉnh đi chỉnh lại từ khoảng 2500 trở lại đây bởi những bậc trí giả yêu mến sự hiểu biết đến ngành đến ngọn. Đôi khi qua những kinh nghiệm bằng máu. Bên Tây, các cụ lẩm cẩm xứ Hi lạp tới các vị triết gia đương đại, không chịu để các thế lực đương thời xỏ mũi. Xứ Đông cũng chẳng thiếu những vị thao thức tìm Đường (3) hầu mang lại cho con người hạnh phúc tinh thần, sung sướng vật chất. Hạnh phúc tinh thần, OK; nhưng, sung sướng vật chất, tôi có nói quá chăng? Thưa không, cứ xem cái nước Nga, trước khi đảng Cộng sản nắm quyền, có đủ điều kiện trí tuệ, nhân lực, tài nguyên để trở thành một đại cường quốc có đủ sung sướng vật chất, nhưng 70 năm ra sao, mọi người đều rõ. Mà tại sao lại ra nông nỗi như thế?

Cả Việt Nam cũng vậy.

Có phải hai nước này vốn quá thiên về sùng mộ quí vị cõi trên, thích những chuyện hào hùng, sướt mướt, mà thiếu, ít những suy tư lạnh lùng, trí tuệ như ở Anh, chẳng hạn? Ở hai nước Nga, Việt Nam đã xuất hiện những tay láu cá, dốt đặc cán mai, hoặc trí thức nửa mùa, mà khéo nói, nói có lửa đến nỗi làm dân đen lẫn dân sáng lờ nhờ chịu ngay, và thế là lao vào chém giết. Nhưng giết người đi thì ta ở với ai? (4) Bà nội ở với ai? Ông nội ở với ai? Bà ngoại ở với ai? Ông ngoại ở với ai? Mẹ ở với ai? Cha ở với ai? Vợ ở với ai? Chồng ở với ai? Con ở với ai? Bia mộ ở với ai? Giết người thì lấy ai mà cùng xây dựng? Thì làm sao mà hạnh phúc, mà sung sướng được?

Hai cuộc chiến tranh thế giới, sự thống trị của chủ nghĩa Cộng sản, sự thức tỉnh cùng xây dựng lại một nền dân chủ thứ thiệt và một nền kinh tế vững mạnh ở Tây Âu, (Bắc Mỹ đã đạt được từ lâu,) và mới đây ở Liên Xô cùng các nước đàn em Đông Âu, nói lên sức mạnh của tư tưởng triết học, tuy đứng sau lưng, đóng vai trò gián tiếp, nhưng là một vai trò rất lớn: xây dựng và hủy

diệt. Tư tưởng lèo lái thế giới - Les idées gouvernent le monde. Tư tưởng là một chuyện sinh tử.

Trong những số báo tới tôi sẽ biên soạn nhằm trình ra những nét đại cương của các hệ thống triết học lớn Đông, Tây với các triết gia tiêu biểu qua các thời đại; rồi nếu mát chèo xuôi mái, dưới dạng các chủ đề, sẽ trình bày các ý kiến của các triết gia về các vấn đề mà con người thường quan tâm, thậm chí lo lắng. Xin khởi đầu với tư tưởng của thầy Khổng.

Tôi sẽ cố gắng biên soạn (5) ngắn gọn, nhẹ nhàng; biết đâu nhờ vậy, những thoáng tư tưởng sẽ giúp bạn đọc bắt đầu nhận diện ra mình. Không để cho ai lừa mình.

Không để cho ai lừa mình, thì chuyện không để cho ai lừa Đất Nước cũng không xa.

Oslo, 12. 10. 02

Chú thích:

1. Vũ Thư Hiên, *Đêm Giữa Ban Ngày*.

2. Lời Imre Kertész nói chuyện với phóng viên tờ *Dagbladet*, Na uy, 10.10.02, ngay sau được báo tin đoạt giải Nobel năm 2003, nhờ bảy tác phẩm xoay quanh kinh nghiệm của ông lúc mới 15 tuổi bị nhốt ở trại tập trung Auschwitz 1944 - 1945 / "Auschwitz không phải là một biệt lệ, mà là một sự thật tận cùng về sự sa đọa của con người." - Lời biện minh của viện hàn lâm Thụy Điển về quyết định trao giải.

3. Đã đến lúc phải dùng chữ Đường, hoặc Đường Ngay thay cho chữ Đạo. Người Tây họ đã dịch là Đạo là Đường ngon ơ, sao mình còn ngại?

4. Lời ca của Phạm Duy.

5. Đôi khi, nếu gặp những bài hay, gọn ghẽ, tôi sẽ dịch trọn. Gặp những bài hay mà viết rắc rối, sẽ cắt tỉa, trau chuốt lại. Cũng có những bài tổng hợp nhiều công trình của các tác giả, chữ nghĩa của kẻ biên soạn sẽ làm chất keo dán. Nói tóm sẽ làm đúng định nghĩa về người biên soạn: người sưu tập tài liệu biên thành bài thành sách (Đào Duy Anh, *Từ điển Hán - Việt*).

TRẦN TÚ UYÊN

TIẾC CHĂNG CHÙI MẤT E.MAIL CŨ

E.mail tôi mở
Sáng nay, buồn!
Màn ảnh chẳng còn gì cả
Trống trơn!
Bạn bốn phương trời đâu mất biệt?
Lòng còn một hướng, hết người thương?

Thì tôi trở lại khung hình chữ
Gõ máy mà chơi... lại có thơ!
Thơ chắc sẽ buồn như tối trước
Bởi trời còn nặng lắm, cơn mưa!

Hạt mưa tí tách vang
Thầm lặng
Vén tấm màn xem cảnh đất trời:
Rừng lạnh, mây mưa trùm áo gió
Núi trơ, con quạ đã bay rồi!

Buổi sáng
Buồn hiu
Buổi sáng buồn
Mỗi lời tôi nói
Nước mưa tuôn
Ngửa tay nghe nặng lòng u ám
Nhắm mắt
Thấy trời trắng tuyết sương!

Mùa Đông nước Mỹ dài thê thảm
Bão ở Bắc tràn xuống phía Nam
Gió Atlanta tràn tới Los
Tôi... như con ngựa giữa đồng hoang!

Không có e.mail, buồn viết nhảm
Tới đây, nhìn lại: một trang thơ!
Chao ôi thơ cũng như mưa nhỉ
Ai đếm dùm ai những giọt mưa?

Ai đếm dùm tôi – thơ mấy giọt
Rồi lau cho sáng cái khung hình
Phải chi giữ lại e.mail cũ
Giữ lại hoài câu Em nhớ Anh...

LÁ THƯ VỌNG CÁC

HÀ KỲ LAM

Có lẽ Vọng Các không xa lạ gì với phần lớn người Việt hải ngoại, bởi lẽ đó hầu như là trạm dừng chân của mỗi người trên hành trình về Việt Nam trong thời kỳ Mỹ chưa bỏ cấm vận với nước này, và ngay cả hiện nay khi chính phủ Mỹ đã thiết lập bang giao với Hà Nội. Và có lẽ Vọng Các cũng chẳng có bao nhiêu điều hấp dẫn du khách ngoài thức ăn ngon và rẻ; quanh đi quẩn lại cũng chỉ có các màn biểu diễn về rắn, đi thuyền thăm khu Chợ Nổi, vào xem hoàng thành, thăm vài ngôi đền Phật Giáo v.v. Cho nên lá thư Vọng Các của tôi sẽ không kể chuyện Vọng Các, mà tường trình cho bạn vài chặng đường miền Bắc Thái Lan tôi đã đi qua.

Chiang Mai, Xứ của Voi

Từ Vọng Các, sau một giờ bay du khách đáp xuống phi trường của tỉnh Chiang Mai, một tỉnh ở miền Bắc. Đây là xứ sở của voi. Trong quá khứ voi được xử dụng vào các công việc chuyên chở, vận chuyển, chẳng hạn như kéo các khúc gỗ lớn từ rừng về, rồi khuân chất lên thành từng vựa gỗ (voi dùng vòi để làm công việc nầy). Người dân Thái vùng này nuôi voi như người nông dân Việt Nam nuôi trâu để phụ giúp người làm công việc đồng áng. Ngày nay, máy móc được sử dụng rộng rãi, cả một đạo quân voi đông đảo vùng Chiang Mai lâm vào tình trạng "thất nghiệp." Kỹ nghệ nuôi voi lại có hướng mới: phục vụ ngành du lịch. Và trong ba ngày tại Chiang Mai chúng tôi đã được xem các màn trình diễn của voi: voi đá bóng tròn, voi làm trò đấm bóp cho du khách, voi biểu diễn kéo gỗ và chất gỗ, voi đánh trống và thổi kèn v.v. Cuối buổi trình diễn, voi đi đến từng khán giả, chìa vòi ra xin tiền. Khi nhận được tiền, voi đưa lại cho chú nài. Ôi thật dễ thương, những con vật to lớn ấy! Sau màn trình diễn, du khách được cưỡi voi đi xuyên rừng cả giờ đồng hồ. Điểm đến là một bờ sông. Tại đây du khách xuống các bè tre và xuôi giòng sông Ping về lại chỗ đậu xe lúc ban đầu. Tất cả các trò chơi đó đã bao gồm trong vé mỗi du khách mua lúc vào làng voi (elephant village). Xem ra dịch vụ biểu diễn voi khá phát đạt, vì thu hút du khách. Trong rừng nhiều toán du khách cưỡi voi gặp nhau tại giao điểm những đường mòn, khiến rừng núi tưng bừng, náo nhiệt hẳn lên. Các người đàn bà thổ dân - bộ lạc Lisu, Akha - dựng những túp lều tại các nơi này để bày bán những chiếc nón thêu tay màu sắc sặc sỡ, và bán chuối cho voi (dĩ nhiên du khách mua cho chúng!).

Cảnh tấp nập trên cầu biên giới Thái-Miến.

Ở Chiang Mai cũng có một địa điểm nữa đáng đề cập là ngôi chùa Phật trên đồi Suthep, cách thành phố Chiang Mai khoảng năm, sáu cây số. Đồi khá cao, du khách được chuyển vận bằng thang máy đặc biệt lên đỉnh đồi. Từ cao điểm này du khách nhìn bao quát cả một vùng thung lũng chung quanh chân núi, thấy nhà cửa đô thị Chiang Mai san sát dưới kia, lung linh trong sương khói. Chùa gồm nhiều gian sơn son thiếp vàng nguy nga. Suthep là tên vị sư trụ trì đầu tiên khi chùa được sáng lập. Tương truyền rằng một vì vua nào đó của Thái Lan muốn lập một ngôi chùa ở vùng Chiang Mai, nhưng không quyết định được nên chọn địa điểm nào. Nhà vua bèn có sáng kiến thả một con voi trắng, cho nó tự do đi, đến khi nào nó dừng chân nghỉ ngơi thì nơi đó sẽ là địa điểm ngôi chùa mới. Và con bạch tượng đã trèo lên đỉnh ngọn đồi mà bây giờ ngôi chùa linh thiêng Suthep đang tọa lạc. Tôi thấy chữ "doi Suthep" trên các trang tài liệu du lịch (bằng Anh Ngữ) bèn tò mò hỏi cô hướng dẫn du lịch nghĩa của chữ *doi* là gì và rất ngạc nhiên khi nghe cô ta

giải thích: *doi*, tiếng Thái, có nghĩa là núi. Tôi đã nói với cô hướng dẫn du lịch rằng trong tiếng Việt chữ *đồi* cũng có nghĩa núi như *doi* của Thái ngữ. Thế là cả hai chúng tôi đều lấy làm thú vị với khám phá đó.

Một đặc điểm nữa của Chiang Mai là con gái ở đây nổi tiếng xinh đẹp nhất Thái Lan. Tôi thấy đó là một điều khả tín khi nhìn hướng dẫn viên du lịch của chúng tôi và các cô làm việc trong khách sạn. Đọc tài liệu lịch sử tôi được biết Chiang Mai và tỉnh kế cận ở phía Bắc là Chiang Rai ngày xưa từng là một vương quốc độc lập, và sau nhiều thăng trầm của lịch sử đã bị Thái Lan thôn tính. Hướng dẫn viên du lịch cho biết tiếng Thái ở vùng Chiang Mai không hoàn toàn giống ngôn ngữ ở miền Nam, trong đó có thủ đô Bangkok.

Chiang Rai, Trái Tim của Tam Giác Vàng

Từ Chiang Mai chúng tôi di chuyển bằng xe đến tỉnh Chiang Rai, là tỉnh biên giới cực Bắc của Thái Lan, giáp Miến Điện, để thăm vùng Tam Giác Vàng huyền thoại. Hành trình mất khoảng ba tiếng đồng hồ xe. Chiang Rai là vùng đồi núi, nơi có nhiều sắc dân thiểu số sinh sống. Những sắc tộc nầy tương tự người Mèo, người Mán, người Lô Lô ở vùng thượng du Bắc Việt Nam. Sau khi viếng một ngôi đền Phật giáo có từ thời thế kỷ thứ 13, chúng tôi nóng lòng chờ xem vùng Tam Giác Vàng.

Xe chạy khoảng nửa giờ, chúng tôi đến một con sông, và hướng dẫn viên bảo đó là Kong river. Bên kia sông là Lào. Tôi hỏi, "có phải Mê Kông không?", và được trả lời rằng ở Thái tên con sông nào cũng bắt đầu bằng chữ Mae có nghĩa là Mẹ, như sông Ping ở Chiang Mai là Mae Ping, và con sông này là Mae Kong. Nghe vậy, tôi nghiệm ra rằng sông Cửu Long của Việt Nam sở dĩ có tên Mê Kông là do Mae Kong mà ra.

Sông Mê Kông ở khúc này hẹp hơn đoạn chảy vào Việt Nam, vì càng về phía thượng nguồn con sông nào cũng nhỏ dần. Chúng tôi đang đứng tại vùng Tam Giác Vàng: bên kia sông là Lào, cùng bên bờ này với Thái Lan, và ngăn cách bằng một con suối nhỏ, Mae Sai, là Miến Điện. Chúng tôi đã dùng ca nô chạy ngược giòng sông, đậu tại một bến nước thuộc địa phận Miến, nhìn lên khu cờ bạc gồm nhiều dãy nhà ngói đỏ, nhưng không đổ bộ để thử thời vận. Được biết khu casino này do các nhà đầu tư Thái sang mướn đất Miến để kinh doanh, vì luật Thái Lan cấm tổ chức cờ bạc. Rời bờ Miến Điện, chúng tôi cho ca nô chạy sang

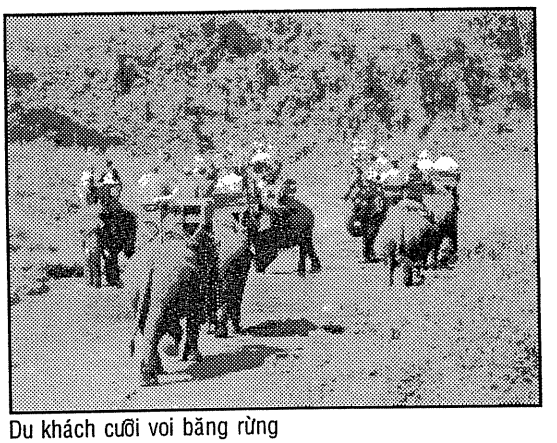

Du khách cưỡi voi băng rừng

phía Lào, định đổ bộ lên viếng xứ này, nhưng chợt vỡ lẽ hôm đó là ngày bầu cử của Lào, du khách tạm bị cấm.

Khu Tam Giác Vàng trên sông Mê Kông chẳng có bao nhiêu điều để xem, để kể. Huyền thoại về Tam Giác Vàng không xuất phát từ đây, trên giòng nước hiền lành này. Những khu rừng bí hiểm chung quanh Tam Giác Vàng mới là thế giới của những tay đầu trộm đuôi cướp, và của những ông vua thuốc phiện như Kunsa, một kẻ đã dám thách thức chính quyền Reagan. Nhưng cái thời "vàng son" đó giờ đây đã thuộc về lịch sử rồi. Ngày nay du khách đến mướn một căn nhà gỗ nhỏ giữa rừng Tam Giác Vàng, nghỉ qua đêm, nhìn trăng dãi qua song cửa chỉ để sống lại trong trí tưởng những câu chuyện Tam Giác Vàng xưa. Đến đây tôi liên tưởng đến Thế Lữ với một câu chuyện đường rừng trong tập "Vàng và Máu" - dĩ nhiên không phải bối cảnh Tam Giác Vàng. Tôi nhớ tác giả tả, "Ánh trăng xuyên qua cửa sổ mắt cáo đã đặt trên mình tôi những mảnh sáng vuông nhỏ," rồi ông tả những tiếng động trong cái tĩnh mịch của đêm rừng.

Mae Sai, Thị Trường Gái Quốc Tế

Mae Sai là một thị trấn cực bắc của Thái, bên bờ sông Mê Kông, thuộc tỉnh Chiang Rai. Điểm này là cửa ngỏ sang Miến Điện (chỉ cách Miến một con sông nhỏ, sông Sai, và có cầu nối liền 2 nước) rất sầm uất. Chúng tôi đã đứng bên này cầu nhìn sang Miến Điện: kích thước cây cầu biên giới này chỉ bằng cầu Calmette nối Sài Gòn với Khánh Hội. Sự phồn thịnh của nó trong thời vàng son của Tam Giác Vàng ngày xưa thật dễ hiểu, vì là nơi tiêu thụ rất mạnh thuốc phiện và các loại ma túy khác. Mặc dù hiện nay các lãnh chúa trong rừng thẳm không còn nữa, nguồn ma túy của Tam

Giác Vàng vẫn còn, nhưng ở một qui mô nhỏ hơn. Và kỹ nghệ này không còn là hoạt động huyết mạch của Mae Sai nữa.

Mae Sai chuyển qua một kỹ nghệ khác, một sự bộc phát kinh tế trong những năm gần đây: xuất cảng con gái. Nhưng trong toàn vùng biên giới phụ cận với Mae Sai, chỉ có một ngôi làng bán con gái nhiều nhất: làng Pa Tek, ở ngoại ô Mae Sai. Đa số dân làng là người Miến tỵ nạn chạy trốn sự nghèo đói và chính phủ quân phiệt của Miến Điện. Và sự nghèo đói đã là môi trường béo bỡ cho các mụ tú bà - nói theo ngôn ngữ trong kỹ nghệ buôn người này là các "dì", một từ ngữ nghe tình cảm và thân mật làm sao! - đến gạ gẫm, "làm ăn". Theo ước tính của Chương Trình Phát Triển và Giáo Dục Phụ Nữ và Cộng Đồng, một tổ chức của thành phố Mae Sai, trong tổng số 800 gia đình của làng Pa Tek thì đã có gần 600 gia đình bán con gái cho các mạng lưới mại dâm.

Ông Sompop Jantraka, giám đốc cơ quan nêu trên, cho biết: "Dân Vọng Các, phần lớn ngoại kiều, có thể đặt hàng con gái như gọi thực đơn pizza. Chẳng hạn họ nói, "tôi muốn một em đùi nhỏ nhắn, ngực bự, mông tròn" và các lái buôn chỉ việc đến đây tìm, và giao hàng.

Nạn mãi dâm đem đến một hậu quả bi đát là bệnh AIDS. Theo thống kê của Trung Tâm Bảo Vệ Trẻ Em và Nhân Quyền thành phố Mae Sai, năm ngoái (2001), đã có 50 thiếu nữ làng Pa Tek chết vì bệnh trên. Nhưng mức cung và cầu trên thị trường gái tại thủ đô Vọng Các vẫn không suy giảm! Nhiều yếu tố góp vào giữ "thị trường" ổn định. Một số khách hàng thiếu hiểu biết về bệnh tật, và lại tin vào dược tính thần thánh của gái trinh. Một số khác, tuy có ý thức về bệnh tật, lại đinh ninh rằng làm tình với con gái vị thành niên an toàn hơn. Sự thực, theo một cơ quan có thẩm quyền của Liên Hiệp Quốc, con nít dễ bị băng huyết, dễ nhiễm trùng, và vì thế dễ mắc bệnh hơn người lớn. Đó là chưa kể - vẫn theo cơ quan này - khách ít khi dùng "túi an toàn" đối với một cô bé 15 tuổi, một sự kiện càng làm tăng cơ hội nhiễm bệnh cho các thiếu nữ trẻ.

Dù gì đi nữa, số gia đình chịu bán con gái ở vùng cực bắc Thái Lan vẫn cứ đông đảo. Giá cả thì từ 115 đô la đến khoảng 1,000 đô la. Và cái tình cảm thiêng liêng của cha mẹ với con đã bị tiền bạc cắt đứt tàn nhẫn. Nhưng một số tài liệu điều tra khác cho thấy sự việc không chỉ có một chiều. Không thiếu trường hợp các cô gái tự nguyện bán thân để giúp cha mẹ, hoặc để tìm đường sống ở đô thị.

Giữa vũng lầy của xã hội vùng cực bắc Thái, chính quyền Thái Lan đã cố gắng làm một cái gì. Và nỗ lực đó là một chương trình giáo dục phổ cập 12 năm (ra đời 1997) cho mọi công dân. Giáo dục đã chứng tỏ là chìa khóa giữ cho thiếu nữ không rơi vào nanh vuốt của nạm bán dâm. Giám Đốc Sompop vạch rõ thành quả của đạo luật đó: trước khi chương trình giáo dục phổ cập ra đời, phần lớn gái điếm xuất cảng từ Mae Sai là người Thái; bây giờ số gái người Thái trong các đợt "giao hàng" từ Mae Sai chỉ có chừng 2%.

Ban nhạc voi: hai trống một kèn

Gái địa phương vùng Mae Sai giảm đáng kể. Các lái buôn phải đổi chiến thuật. Họ giăng lưới trên một địa bàn rộng lớn hơn. Kỹ nghệ tính dục lan sang Miến Điện, đến tận Vân Nam, Quảng Tây của Trung Hoa, và vượt sông Mê Kông sang Lào. Mỗi tháng hàng trăm cô gái trẻ tuyển chọn từ các nước láng giềng ấy được đưa qua cầu biên giới ở Mae Sai, nhập với gái Thái để sẵn sàng giao hàng về Vọng Các. Tôi đứng nhìn cảnh tấp nập người qua kẻ lại trên cầu Mae Sai nối liền hai quốc gia Thái, Miến, và ngẫm nghĩ, thật khó mà kiểm soát cái trục "buôn người" vùng Tam Giác Vàng này. Chính ông Wichai Promsilpa, cảnh sát trưởng Mae Sai, đã tâm sự với phóng viên Andrew Perrin của báo Philadelphia Inquirer, "đây là biên giới mở cửa. Hàng nghìn người qua cầu mỗi ngày. Làm sao nói được cái khác biệt giữa một cô gái sang đây để mua trứng và một cô gái sang để hành nghề bán dâm."

Bấy nhiêu, hy vọng bạn có được một khái niệm về tình hình Tam Giác Vàng ngày nay, và hy vọng bạn mua vui cũng được một vài phút giây.

Thủ đô Vọng Các
những ngày cuối tháng 2/2002

TRĂM SỰ NHỜ THẦY CÔ

KAREL POLACEK (nhà văn Tiệp)
NGUYỄN ÁI NHÂN dịch

Hai người đàn ông đứng nói chuyện ở góc phố, cả hai trông bình thản, thoải mái và có dáng vẻ hiểu biết, từng trải. Họ đã đứng tuổi, có vẻ già dặn và chín chắn. Một người có dáng cao, hơi gầy, mặt có vẻ nhanh nhẹn, đội chiếc mũ dẹt và hút thuốc lá rất từ tốn, thong thả. Thỉnh thoảng xen giữa câu chuyện, ông khạc nhổ ra đường bằng một điệu bộ lịch sự rất kiểu cách. Người kia dáng ngược lại, thấp đậm, mặt tròn đầy đặn với bộ ria thưa nhưng được chải chuốt cẩn thận. Quần áo ông mặc cũng được là và chăm chút rất chu đáo. Phía xa mặt trời đang lặn dần, hắt lên bầu trời một màu đỏ rực của buổi hoàng hôn đang đến. Hai người đàn ông nói chuyện thong thả và điềm đạm trong không khí yên tĩnh của một buổi chiều thường ngày.

Họ nói về công việc, gia đình, về thời tiết và mọi chuyện "trọng đại" trên trời, dưới biển. Tất nhiên họ cũng than phiền về chuyện thời gian trôi đi rất nhanh như thế nào. Cả hai cũng gật gù, chẳng mấy chốc nữa sẽ lại đến mùa thu, rồi lại mùa đông... chẳng mấy chốc lại sẽ đến tết. Rồi cả hai cùng chuyển sang chuyện tết nhất. Người đàn ông dáng cao đội chiếc mũ dẹt cũ gật gù và than phiền về những ngày lễ tết. Ông kêu ca về chuyện năm nào cũng phải đến thăm họ hàng, người trên, kẻ dưới và... cả các thầy cô giáo của con ông. Câu chuyện ngày càng rôm rả... họ đã chuyển sang chuyện về những bệnh tật đang huỷ hoại loài người. Cả hai cùng thống nhất với nhau về việc phải dạy con cái hết sức cẩn thận với những bệnh xã hội đang tràn ngập khắp nơi. Họ than thở về việc cứ bước ra khỏi nhà là gặp các tệ nạn đầy rẫy.

Câu chuyện đang vào lúc sôi nổi thì một người đàn ông đứng tuổi mặc áo thể thao, cầm đôi vợt bóng bàn đi ngang qua. Người đàn ông dáng thấp đậm có bộ ria chải chuốt hơi cúi người và chào với giọng rất kính cẩn: "Xin chào thầy giáo ạ!" "Xin chào bác!" người đàn ông cầm đôi vợt bóng bàn đáp lại rất lịch sự. Người đàn ông dáng cao với chiếc mũ dẹt trên đầu im lặng, thậm chí không buồn bỏ cả điếu thuốc trên môi. Ông quay nhẹ mặt sang hướng khác. Trên khuôn mặt ông thoáng qua nét thoả mãn, bất cần và mang dáng vẻ nhẹ nhõm của một con người tự do. Ông dáng thấp đợi cho người đàn ông cầm đôi vợt đi qua góc phố, nói với giọng đầy kính trọng lẫn khâm phục: "Thầy giáo dạy toán rất giỏi đấy!" Người đàn ông với chiếc mũ dẹt nhún vai không nói gì.

"Một người rất hiểu biết và thông minh!" ông dáng thấp với bộ ria chải chuốt tiếp tục:- "Ông ấy biết rất nhiều không chỉ về toán. Thậm chí ông còn khuyên và giúp đỡ nhiều người về nhiều chuyện khác nhau trong đời. Ông ấy biết trước rất nhiều chuyện có thể xảy ra..."

"Với tôi," - người đàn ông đội chiếc mũ dẹt nói với giọng lạnh lùng, "tất cả bọn họ bây giờ đều không quan trọng. Ông ấy giỏi đến mấy cũng mặc kệ."

"Một người rất nghiêm khắc! Ông ấy biết cách giáo dục học sinh. Tất cả phải rất kỷ luật và ông không tha thứ cho ai hết. Bao nhiêu học sinh đã không qua khỏi các kỳ thi của ông và đã phải khốn đốn trong cuộc đời."

"Với tôi họ không còn quan trọng," chiếc mũ dẹt nói với giọng tự hào và đôi chút kiêu hãnh. "Họ có thể đi ngay trước mặt mà tôi không cần quan tâm. Dạy toán hay dạy gì cũng thế, không quan trọng. Thậm chí tôi không cần phải chào họ."

"Không cần phải chào ư!" người thấp lùn sửng sốt pha lẫn chút sợ hãi như không tin và hỏi lại.

"Không." Chiếc mũ dẹt khẳng định với nụ cười pha nét thoả mãn. Ông nhổ nước bọt một cách lịch sự và tiếp tục: "Đã qua rồi cái thời tôi chào họ rất kính trọng. Tôi đã chào họ thật sự hết sức kính trọng. Từ trong cửa hàng nhìn thấy thầy giáo của con từ xa tôi đã vội chạy ra ngay ngoài và chào thật tôn kính... thật to: - Xin chào thầy..., xin chào cô.... Đã từng có thời như thế..."

"Thế sao bây giờ bác lại không chào nữa?"

"Không cần thiết nữa," chiếc mũ dẹt rạng rỡ nói tiếp, "Con trai tôi đã tốt nghiệp trung học, thi đỗ vào đại học và cả thế giới đang mở cửa trước mắt nó. Tất nhiên nó có thể quên đi tất cả mọi chuyện. Một vài năm nữa con tôi sẽ tốt nghiệp đại học, tôi sẽ cố gắng chạy chọt cho nó một chỗ làm tốt ở các cơ quan- tất nhiên sẽ lại tốn kém chút ít- và nó có thể gột sạch đầu và nghĩ đến những kế hoạch, ý tưởng thiết thực hơn. Nó sẽ có bằng cấp và trở thành một người khác, sẽ nhàn nhã và sung sướng hơn bố, mẹ nó. Nó có thể quên đi tất, toán hay không toán, như nhau tuốt!"

Ông đội chiếc mũ dẹt vừa nói, vừa nhìn vào góc phố, nơi một người cảnh sát đang dắt chó đi qua lại, với vẻ mặt rất đăm chiêu. "Trước kia tôi thỉnh thoảng phải đến trường để hỏi thăm về tình hình học hành của con. Những giây phút thật kinh khủng. Đứng trước mặt các thầy cô mà người tôi cứ run lên. Không hiểu có ai hình dung nổi khi mỗi người bố quan tâm đến con cái phải sợ và lo lắng thế nào như vậy không!" chiếc mũ dẹt kể tiếp- "Đây là những lời thầy giáo nói với tôi, tôi vẫn còn nhớ như in:

- Con trai của bác, bác Pavel ạ, rất thông minh, tuy nhiên cũng rất hiếu động và nhiều khi rất nghịch ngợm. Trong lớp rất nhiều khi không tập trung và không chỉ nói chuyện riêng mà còn chọc phá các bạn khác. Thật sự tôi không biết... không biết cháu liệu có nên học cao lên nữa hay không? Bác Pavel ạ, hay... tốt hơn sau khi tốt nghiệp trung học xong bác nên cho cháu đi học nghề hay gì đó thiết thực hơn. Có thể nhờ đó cháu sẽ thành một thành viên có ích của xã hội. Ngoài ra do ít tập trung nên kiến thức của cháu có rất nhiều chỗ hổng, ở trong phạm vi của trường rất khó có thể bù đắp được. Cháu nên cần được học phụ đạo thêm ít nhiều.

Những lúc đó, tôi hoàn toàn mất hết tự chủ, chỉ biết lắp bắp nói:

-Trăm sự nhờ thầy, nhờ cô giúp đỡ. Mong thầy cô kiên trì thử giúp cháu thêm xem sao. Tốn kém bao nhiêu cũng không thành vấn đề, miễn sao cho cháu nên người. Học thêm cần thiết bao nhiêu thì gia đình chúng tôi cũng không tiếc. Chúng tôi suốt ngày bận rộn công việc, chỉ còn biết trăm sự nhờ ở thầy cô mà thôi."

Về nhà, không chịu nổi tôi quát cho đứa con đến nơi, đến chốn. "Đồ hư hỏng, không biết điều. Học hành tốn kém học thêm- học bớt bao nhiêu tiền thế mà mày không hiểu. Lại còn bao nhiêu tiền sách vở nữa mà còn không muốn nên người, lại còn trêu chọc, nói chuyện trong lớp làm các thầy cô bực mình." Sau đó tôi còn truy hỏi đến nơi đến chốn xem tiền học thêm nó có dùng để đi học thêm không hay làm gì khác. Tôi cũng ra lệnh cho nó chỉ có thể nghỉ học ở trường thì được chứ không được phép bỏ buổi học thêm nào hết. Ngày con tôi thi tốt nghiệp, rồi thi đại học tôi thức trắng cả đêm. Nhiều lúc chỉ muốn chết quách đi cho xong chuyện. Nó không thi đỗ thì biết làm gì đây. Học thêm thì nhiều nhưng nó có biết làm gì đâu! Rồi sẽ ra sao ngoài xã hội đầy rẫy những tệ nạn, cám dỗ và các chuyện tiêu cực công khai. Rồi cũng đến đi giấu ma tuý vào bánh ngọt mà bán cho trẻ con thôi! Mà sao thi cử nhiều thế, tốt nghiệp gì mà thi những năm sáu môn. Học thi nhiều vậy mà nước mình có khá hơn tí nào đâu, đã thế tôi cứ có cảm giác càng học, thi nhiều thì thằng con tôi cứ càng như ngẩn người ra. Thật khốn khổ đường ăn học!"

Kể một hơi dài xong, ông hơi ưỡn ngực ra trước và xoa tay hãnh diện: "Bây giờ thì tất cả đã gần như qua rồi. Tôi đã gần như hết sợ. Học đại học cũng vẫn tốn kém, nhưng đỡ vất vả và thoáng hơn nhiều. Nếu không phá phách gì và ngoan ngoãn thì chắc nó sẽ tốt nghiệp thôi. Giờ tôi cảm

thấy rất tự do vì trút đi được gánh nặng trong người. Đã lâu rồi, từ ngày đó tôi ăn ngon và ngủ cũng rất yên tĩnh. Giờ thì mặc kệ cho cả hội đồng giáo viên đi ngang qua nhà, tôi cũng coi như không biết, không cần phải để ý đến họ. Bây giờ tôi là chính mình."

Bộ ria chải chuốt thở dài lộ vẻ buồn bã và lo lắng.

"Bác Pavel," Bộ ria thưa nói "Bác làm ơn chào các thầy cô giáo... ít nhất khi bác đứng cùng tôi được không?"

"Không bao giờ!" Ông Pavel giọng kiên quyết.

"Kể cả khi tôi xin, tôi nhờ bác... ít nhất cũng vì tình hàng xóm láng riềng... Các thầy cô giáo nhiều khi rất hay để ý và có thể gây khó khăn cho tôi và gia đình..."

"Ô hay, họ làm sao có thể gây khó dễ cho bác được, bác đã có con đâu..."

"Vợ tôi..." Bộ ria thưa thoáng rạng rỡ lên "lạy trời, có thể sẽ là con trai và sau đó tôi sẽ cố gắng cho nó vào đại học để đời nó sung sướng hơn bố, mẹ nó. Bác Pavel ạ, bác có được gì đâu khi bác muốn hại cuộc đời của đứa con đáng thương của tôi..."

Chiếc mũ dẹt lắc mạnh mẽ và dứt khoát:

"Vô ích thôi bác Vaclav ạ. Tôi thề là sẽ không chào và sẽ không chào. Tôi đã trở thành con người tự do, không phụ thuộc. Con tôi đã vào đại học..."

"Bác Pavel, đừng nên cố chấp như thế." Bộ ria tiếp lời: "Vợ tôi đang mang thai đứa con trai tôi, một sinh viên tương lai, sinh viên tương lai... Bác nghe rõ chưa? Bố lo lắng, mẹ chăm sóc, tất cả đều muốn để đứa con bé bỏng đó thành người, thành ông này, bà nọ... Thế mà bác dứt khoát không chào các thầy cô giáo. Bác có tưởng tượng được không, thằng bé học hành vất vả cả đêm để rồi hôm sau thầy giáo gọi nó lên bảng hay khi thi, thầy ra một câu hỏi để nó không thể trả lời được... chỉ vì bác, vì bác ích kỷ và không chịu chào các thầy cô. Thầy cô giáo sẽ đánh điểm kém, đứa bé sẽ không thể vào được đại học. Trời ơi, đứa con bé bỏng của tôi sẽ phải đi học nghề hay trung cấp ở đâu đó. Mà ngày nay, học nghề hay trung cấp thì chỉ có chết đói. Trong xã hội bây giờ chỉ có tiền và bằng cấp. Chỉ còn cách mua bằng, mà điều đó thì sợ rằng vợ tôi sẽ không đồng ý. Tôi muốn cho con tôi được khá hơn bố, mẹ nó. Thế mà mọi chuyện sẽ vô ích, vô ích... chỉ vì bác là người cố chấp và ích kỷ như thế."

"Không thể được. Mỗi người phải lo cho chính mình. Tôi đã lo cho gia đình tôi, bác cũng sẽ phải vậy. Nhưng chuyện chào thầy cô- Không! Những chuyện đó tôi đã trải qua một lần rồi. Vả lại thầy cô bây giờ phần nhiều có ra thầy, ra cô đâu! Cái đám sinh viên đại học sư phạm gần nhà ông anh họ tôi đấy, những thầy cô giáo- những kỹ sư tâm hồn tương lai, rất nhiều người suốt ngày ngồi quán, có cả nghiện hút và nợ nần như chúa Chổm. Thử hỏi, sau này họ sẽ thành các thầy, các cô ra sao? Không, từ nay tôi sẽ thoải mái và sống một cuộc sống yên tĩnh, hài lòng."

"Những lúc khó khăn mới biết bạn bè. Bác Pavel ạ, không sao! Qua chuyện này mới biết bác là người thế nào. Từ trước đến nay chúng tôi toàn mua hàng của nhà bác. Từ nay chấm hết, chúng tôi sẽ lấy, sẽ mua hàng của những người khác, cạnh tranh với bác. Bác sẽ làm hỏng đời, sự nghiệp của con tôi thì chúng tôi sẽ ủng hộ phía cạnh tranh của bác..."

"Tuỳ bác, bác Vavlav ạ, bác cứ làm theo như bác nghĩ là hay. Nhưng tôi sẽ không chào các thầy cô giáo. Việc đó để cho những người khác, như bác chẳng hạn, chào họ. Tôi đã được giải phóng, đã thoát khỏi cảnh đó rồi."

ANPHÚVANG

thu đang

Sớm mai lạnh trốn đi làm
Coi như nóng lạnh sang trang nằm nhà
Coi như em (áo) đường xa
Anh (cơm) gác trọ đỡ lo một ngày

Khi trời (ông) nhớ (bà) đầy
Anh cũng nhớ lắm em ngày thu đang
Coi như thời cũ hoang mang
Anh cất trong áo em mang mùa này

Thu Tây Bắc có vàng cây
Anh thu bất chợt hôm nay nằm nhà

9.15.02

HỒN EM ĐI THEO ANH

PHẠM THÀNH CHÂU

Bạn bè, bà con đã ra về từ lúc sáng, nhưng mấy mẹ con phải chờ cho đến khi quan tài được đưa vào lò thiêu, mới lên xe về nhà. Bàn thờ đã được thiết trí ở phòng khách. Ảnh ông Tư trên bàn thờ chụp lúc ông còn mạnh khỏe nên trông ông mập mạp, tự tin, yêu đời. Hai mắt ông chăm chú theo dõi bất cứ ai nhìn đến ảnh ông. Khi người nhìn di chuyển, ông cũng như quay đầu ngó theo. Người lạ thấy ảnh người đã chết cứ rờn rợn, nhưng thân nhân trong gia đình lại cảm thấy bớt vắng vẻ, tưởng như vong linh người thân vẫn còn lẩn quất trong nhà. Thằng con trai đã rút vào phòng. Các cô gái nấu nướng một ít phẩm vật đặt lên bàn thờ. Hai cây đèn cầy lớn được thắp lên, góp phần ánh sáng với mấy bóng đèn điện treo trên trần nhà và quanh tường khiến cho căn phòng thấy lạ hẳn, như nhà không có nóc và ánh mặt trời đứng bóng đang tràn ngập khắp nơi.

Bà Tư là dâu trưởng trong tộc. Từ ngày về nhà chồng, khi còn ở bên Việt Nam, bà thường phải quán xuyến mọi việc kỵ giỗ thay chồng vì chồng thường hành quân xa. Những tờ lịch trên tường chi chít những ghi chép về các ngày cúng kỵ, từ ông bà cao tằng cố tổ đến những người chết gần nhất. Công việc đó chiếm nhiều thời gian làm vợ, làm mẹ của bà. Bà vất vả nhưng rất vui vì bà con bên chồng thường tấm tắc khen bà đảm đang và xem bà như một thành phần quan trọng trong gia tộc.

Ông Tư bị tai biến mạch máu não, nằm liệt mấy năm nay, bà bận rộn suốt ngày bên cạnh ông để săn sóc, chuyện trò an ủi, đôi khi còn nói với ông những lời yêu thương, là những tình cảm, ý nghĩ tự quả tim bà, tự tâm hồn bà và tự cái tình vợ chồng đầu ấp tay gối mấy chục năm nay. Bà chỉ được dịp nghỉ ngơi trên chiếc giường nhỏ cạnh ông, khi các con từ sở làm, từ trường học về, thay phiên nhau săn sóc cha. Lúc đó bà mới có thể thiếp đi mươi phút để lấy sức thức đêm, canh chừng ông khi ông trở mình hay cần điều gì. Người bà càng ngày cứ gầy quắt đi, co rút lại như một xác ướp, vậy mà không thấy bà bịnh hoạn hay tỏ vẻ mệt mỏi bao giờ.

Hôm kia, trong khi các con tụ tập dưới nhà ăn cơm tối, bà ở trên lầu đút cháo cho ông. Theo lệ thường ông chỉ yên lặng, nhưng tối đó, ông ra dấu đòi ăn thêm. Bà mừng rỡ vì hy vọng, nhưng chợt thấy ánh mắt ông nhìn bà có vẻ khác thường, bà hốt hoảng khi linh cảm đến điều không may. Cái khăn vắt trên vai mà bà loay hoay tìm mãi không thấy, bà lấy tay áo chùi miệng cho ông vừa lập cập nói với ông "Anh đừng bỏ em, nghe anh!" Ông như mỉm cười, thều thào "Em đừng buồn!..." Bàn tay ông cố gắng tìm tay bà. Bà nắm tay ông với cả hai tay mình, vẫn thì thầm "Đừng bỏ em... Tội nghiệp em!" Ông nhìn bà, từ hai khóe mắt ông lóng lánh hai giọt nước mắt, lặng lẽ chảy xuống gối, và bà khóc cùng với ông. Đã ba năm nay, đêm nào bà cũng ngồi nhìn ông thiêm thiếp và âm thầm khóc. Trong cuộc đời làm vợ, bà đã nhiều lần khóc với ông. Bà khóc khi tiễn ông đi hành quân xa, khóc khi nhớ ông, khóc khi nghe tiếng súng từ xa vọng về khiến bà lo lắng. Rồi bà cũng khóc khi mừng đón ông về nghỉ phép. Dù cách nào, những giọt nước mắt của bà bao giờ cũng được ông cảm thông, an ủi, vỗ về... và bà cảm thấy yên tâm, hạnh phúc. Đời bà đã gắn chặt với ông, dù ông ở cách bà bao xa, bao lâu, nhưng từ nay bà biết mình sẽ bơ vơ. Bà nhìn ông, nước mắt chan hòa và cúi xuống thì thầm điều gì đó với ông... Có thể ông không nghe, nhưng ông hiểu được, đó là những lời dặn dò với biết bao yêu thương của bà, như trước đây, mỗi khi ông phải xa bà.

Trong ánh đèn lờ mờ, bà nhìn miệng ông, hy vọng ông sẽ nói với bà, nhưng lưỡi ông đã cứng đơ, các bắp thịt tê liệt, co rút lại khiến hai má của ông như tóp vào. Đôi môi ông cố động đậy một cách tuyệt vọng rồi giãn ra, bất lực. Mắt vẫn mở nhưng đã lạc thần. Bàn tay ông rời bàn tay bà, mấy ngón tay buông xuôi... Bà ngồi chết sững. "Con tàu vô hình đã đưa ông đi xa. Nhà ga vắng lặng, chỉ còn mình bà đứng đấy... Lần nầy ông không quay về với bà nữa!..." Bà đã ngưng khóc, cúi xuống vuốt mắt ông, xếp hai tay ông lên bụng,

sửa hai chân ông cho ngay ngắn rồi bà cẩn thận đắp mền cho ông, như bà đã từng đắp mền cho ông khi ông ngủ say. Vừa lúc cô con gái lớn, ăn xong, lên thay cho mẹ để bà xuống nhà ăn tối. Nhưng cô vừa bước tới, bà đã ra dấu im lặng "Con xuống gỡ tờ lịch hôm nay cho mẹ, ghi rõ, ba đi lúc mười giờ tối..." Cô con gái hốt hoảng kêu lên "Ba đi rồi! Ba đi rồi!" Tiếng chân rầm rập chạy lên cầu thang. Lũ con đứng quanh giường và bắt đầu kêu khóc. Bà nói giọng điềm tĩnh "Các con đừng khóc, để ba đi được thảnh thơi..." Chúng vâng lời mẹ, quì bên giường, đặt tay lên người ông, sụt sùi nho nhỏ "Ba ơi, ba!..." Bà lập cập đến chiếc giường nhỏ "Các con để mẹ nghỉ một lát." Và bà nằm xuống, co quắp người lại và thiếp đi. Bà đã hoàn toàn kiệt sức.

Bà ngủ li bì suốt ngày hôm sau, các con lo sợ cho bà, nhưng hơi thở bà vẫn điều hòa... Khi thức dậy, bà như người mất hồn, không thấy khóc, chỉ lơ láo, ngơ ngác, miệng lầm bầm những lời không đầu, không đuôi. Việc tang ma, bà không hề biết, các con bà phải tự lo cả.

...Trong lúc các con nấu nướng, bà cứ loay hoay bên bàn thờ, dùng khăn lau tấm hình ông Tư. Cô con gái thắp một nắm nhang đưa cho bà "Mẹ cúng ba trước, rồi đến tụi con." Hai tay bà cầm lấy nhang, đưa lên trán, và cứ thế đứng nhìn sững hình ông... Một lát sau, bà cắm nhang vào bát nhang rồi ngồi xuống, xếp chân trên chiếc chiếu và kính cẩn lạy. Bà lạy mãi, lạy mãi... Rồi bà đứng lên, bước giật lùi, đầu cúi xuống một cách lễ phép và bà quay về ngồi trên ghế xa lông. Các cô lần lượt vào lạy trước bàn thờ, xong, ngồi xúm xít bên mẹ. Các cô cố nói những chuyện vui với mẹ để không khí bớt buồn thảm "Tết nầy mẹ về Việt Nam chơi nghe mẹ! Đi với tụi con..." "Mẹ có thì giờ đâu mà về Việt Nam?!" "Về làng ăn Tết vui lắm. Về thăm bà con, chắc chắn ai cũng mừng rỡ. Mình còn đi Nha Trang, Đa Lạt nghỉ mát nữa, mẹ!" Các cô thay nhau tả cảnh Việt Nam đẹp ra sao, nơi nào đẹp nhất, khí hậu mát mẻ nhất, các cô còn nhắc tên các dì, các cậu để thuyết phục bà "Mẹ đi với tụi con, nghe mẹ! Đi nghe mẹ!" Bà Tư ngồi bất động, đôi mắt như đang dõi về một nơi xa xăm nào đó. Nghe con nói, bà chợt tỉnh, mỉm cười "Ừ, đi thì đi, về làng thăm bà con. Lâu quá! Mẹ nhớ các dì, các cậu..." Các cô gái mừng rỡ vì thấy mẹ mình đã vui lên một chút. Nhưng đột nhiên bà nhìn các con rồi thảng thốt kêu lên "Trời ơi! Đứa nào cũng ngồi ở đây. Không lên lầu coi thử ba con có cần gì không!?" Rồi bà nhỏm dậy, lảo đảo đi lên cầu thang.

NGUYỄN VĂN CƯỜNG

UỐNG HỒN QUÊ

Có những đêm
ngoài sân
rượu pha trăng tràn chén
cánh dơi mang hồn quê
chao liệng
dờn dợn bóng cổ nhân
với hơi thở cõi trần
lập lòe
xanh đom đóm
cả mắt em
long lanh...
Đêm như vậy
mới thật là
tôi
say khướt
một
khoảng trời
Và thương yêu
thấm đất.

LIÊU HỮU PHƯƠNG

LÊ MẠNH HÙNG

Có lẽ chúng ta ít người biết đến tên Liêu Hữu Phương. Nhưng đây là một trong những người Việt đầu tiên đỗ tiến sỹ tại Trung Quốc trong thời Bắc thuộc. Dưới thời Đường, sự học được khuyến khích và khoa cử bắt đầu được mở ra để lựa chọn nhân tài thay vì chỉ dùng những người hào tộc như những triều trước. Tuy nhiên, Việt Nam lúc đó nằm tại nơi biên duyên, muốn đi thi không phải là dễ. Từ châu Giao đi đến kinh đô Trường An để dự thi, đường xá xa xôi cả mấy ngàn dậm. Chúng ta không biết trong những năm đó có bao nhiêu người Việt Nam lên đường du học, nhưng chắc con số thành công chỉ là một phần rất nhỏ trong số những người ra đi. Số còn lại có thể trở về nhưng hầu hết có lẽ đều lang bạt rồi mai một nơi đất Bắc, bởi vì thời đó ít có ai dám trở về cố hương sau khi thất bại. Chính vì vậy trong một tờ trình lên vua Đường vào năm 845, một quan chức Đường đã viết: "An Nam mới đào tạo được tám chức quan tại triều. Số người đỗ tiến sỹ chưa quá mười người."

Liêu Hữu Phương là người châu Giao, sống vào thời Đường Vũ Tông (841-846). Gia thế ông ra sao chúng ta đều không biết. Sở dĩ chúng ta còn biết được đến ông là nhờ một bài thơ. Bài thơ này được tuyển vào trong bộ "Toàn Đường Thi," tuyển tập ghi lại tất cả những bài thơ hay nhất đời Đường. Nhưng có lẽ lý do khiến ông làm ra bài thơ đó mới đáng được chúng ta chú ý, vì nó đã cho chúng ta thấy một phần nào cái tình cảnh của những người học trò tha hương nơi đất khách quê người. Dưới đây chúng tôi xin dịch lại câu chuyện của Liêu Hữu Phương được ghi lại trong bộ Toàn Đường Thi.

"Năm Ất Vị đời Nguyên Hòa (845), tôi vừa thi trượt khóa thi tiến sỹ tại Trường An, bèn đi chơi sang đất Thục. Đến Bảo Kê Tây, vào nghỉ ở công quán, bỗng nghe có tiếng người rên rỉ. Lắng nghe, biết là ở phòng bên cạnh. Tôi sang thăm thấy đó là một người học trò nghèo đang bệnh nặng. Hỏi thăm anh bệnh gì, anh cho biết lao đao trường ốc không biết bao năm, mấy lần đi thi đều vị ngộ. Rồi bỗng nhiên anh đưa mắt nhìn tôi cúi lạy. Hồi lâu sau, nói cái thân tàn của anh xin gởi cho tôi, ngoài ra không biết nói gì hơn. Tôi đương kiếm cách chạy chữa cho anh thì anh bỗng nhiên ngoẹo người sang một bên rồi chết. Tôi bèn bán con ngựa đang cưỡi cùng với yên cương cho một nhà giầu trong làng, mua quan tài làm lễ an táng. Chỉ tiếc rằng không biết tên tuổi quê quán của anh. Tạm làm một lễ cho một người cùng đi một con đường, gặp vào khúc quanh đành chết một cách thảm thiết. Sau đó tôi làm một bài minh ghi vào quan tài. Thơ viết:

Ta! Quân một thế ủy không nang
Kỷ độ lao tâm hàn mặc trường
Bán diện vi quân thân nhất đỗng
Bất tri hà xứ thị gia hương

(Ôi! Anh rời cõi thế để lại chỉ một cái túi không; Biết mấy lần lao tâm vì chốn trường ốc. Một nửa vì anh mà lên tiếng khóc. Không biết quê nhà là ở nơi đâu).

Bài thơ này được Toàn Đường thi ghi lại với tên "Đề quan tài một người không quen biết." Khi chôn người học trò không quen biết này, Liêu Hữu Phương có lẽ đã nhớ đến số phận của rất nhiều người đồng hương, có thể là đồng bạn của mình nữa, đã nằm xuống trong thời gian lận đận lưu lạc nơi quê người. Riêng phần mình, Liêu Hữu Phương đã may mắn hơn. Năm sau, khi Hữu Phương trở lại Trường An, ông đã đỗ tiến sỹ, đổi tên là Du Khanh (chàng lang thang).

Washington DC
1/10/2002

ĐỌC 'NÓI CHUYỆN VỚI HOÀNG XUÂN HÃN VÀ TẠ TRỌNG HIỆP'

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Ít ai có thể viết một cuốn sách trí tuệ, dài ngót bốn trăm trang giấy, trong đó *phần đóng góp trí tuệ của mình ít hay được cất dấu kín.* Xin mời quí bạn tìm đọc Nói Chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp, cuốn sách mới của Thụy Khuê, nhà phát thanh và phê bình văn học, do nhà Văn Nghệ ở Nam Ca Li xuất bản và phát hành, tháng 8 năm 2002.

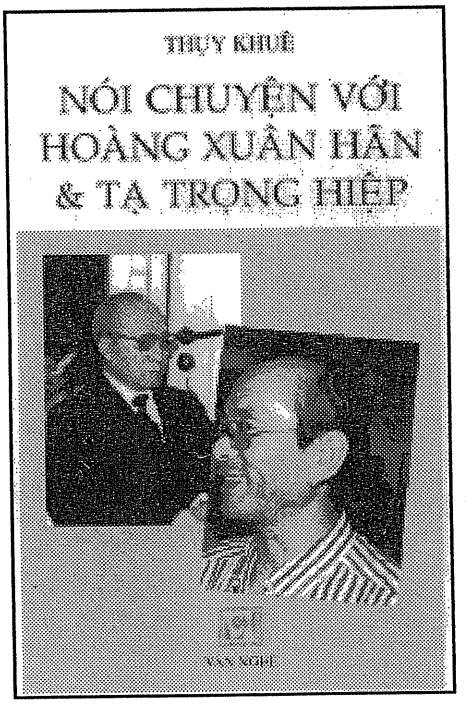

Giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một học giả Việt học, trực tiếp hay gián tiếp là bậc thầy của nhiều thế hệ. Thuở nhỏ, ông học chữ Hán với thân sinh là cụ Hoàng Xuân Úc. Ông đỗ tú tài Pháp năm 1928, thi đỗ vào các Trường Lớn (Grandes Écoles) bên Pháp năm 1930, đỗ cử nhân Toán năm 1935 và thạc sĩ Toán năm 1936. Về chính trị, năm 1945, ông tham gia nội các của chính phủ Trần Trọng Kim, giữ chức Bộ Trưởng Giáo Dục và Kỹ Thuật. Mặc dù nội các Trần Trọng Kim chỉ tại chức bốn tháng, bộ Giáo Dục và Kỹ Thuật cũng đủ thì giờ để soạn thảo và ban hành chương trình trung học tiếng Việt đầu tiên, thường được gọi là chương trình Hoàng Xuân Hãn. Sau chính phủ Trần Trọng Kim, tháng 4 năm 1946, ông ở trong phái đoàn Việt Nam tham dự Hội Nghị Đà Lạt, điều đình với Pháp về vấn đề độc lập của Việt Nam. Tuy nhiên, ông được biết đến nhiều nhất là do những công trình văn hóa: cuốn *Danh Từ Khoa Học* được ông bắt đầu soạn thảo từ khi còn du học bên Pháp. Có lẽ ông là người Việt đầu tiên nghiên cứu lịch sử một cách nghiêm túc và khoa học, và sau cùng, ông cũng là người đóng góp nhiều trong việc nghiên cứu chữ Hán-Nôm trong văn chương Việt. Cuốn *Kiều Tầm Nguyên* sẽ xuất bản trong tương lai, là một công trình nghiên cứu đồ sộ suốt nửa thế kỷ mà chắc chắn nhiều người, trong cũng như ngoài nước, đều đang chờ đợi.

Những ai bắt đầu lớn vào năm 1945, sống những ngày sôi nổi qua cuộc Đảo Chính Nhật rồi Cách Mạng tháng Tám, nhiều người chắc hẳn lần đầu tiên được làm quen với những danh từ mới như Việt Gian, Cộng Sản. Việt gian là người Việt bán nước hay cũng có thể là một người đang ngồi trong quán ăn, bị mấy anh nhảy từ trên xe hơi xuống, mang súng lục dí vào hô hoán là Việt gian rồi bắt mang đi (chính mắt người viết bài này đã trông thấy). Cộng sản, đơn giản là những người theo chủ nghĩa cộng sản, là tên gọi được gán cho một số người bởi mấy anh đi dán báo Việt Nam ở dưới phố (rất có thể là bạn của anh ngồi trong quán ăn), và cũng có thể bao gồm cả những kẻ mà mình không ưa thích. Với thời gian, Việt gian biến dạng, sau cùng bao gồm cả 'ngụy'; còn Cộng Sản, một thứ Việt gian nhìn từ đầu kia của ống kính, trở thành VC, Việt Cộng, v.v. Hậu quả của sự hung bạo trong ngôn ngữ là hầu hết dân Việt, không nhiều thì ít, trở thành 'ngụy' hay Việt Cộng, hay cả hai, còn những Việt gian thứ thiệt - theo nghĩa chữ *'quisling'* - thì lọt sàng, nhởn nhơ như mọi người thường vô tội khác. Xen giữa các loại 'Việt gian' là một chủng loại hiếm, có tên là 'trí thức trùm chăn,' gồm những nhà trí thức không hợp tác với Pháp nhưng, vì lý do nào đó, cũng không đi theo kháng chiến. Vào thời điểm đó, người ta cũng thường hiểu 'trí thức trùm chăn' là những người trí thức đứng trung lập. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn là một trong số những nhà 'trí

thức trùm chăn' này.

Tôi được làm quen với tên tuổi Hoàng Xuân Hãn trước khi cụm từ 'trí thức trùm chăn' góp mặt với đời. Từ trước chiến tranh chống Pháp, tình cờ thấy cuốn tạp chí Khoa Học trong nhà, tôi giở đúng trang có câu Kiều:

(Đêm thu gió lọt song đào,)
Nửa vành trăng khuyết, ba sao giữa trời.

Dựa vào *'nửa vành trăng khuyết'* cùng vị trí những chùm sao trên trời, tác giả Hoàng Xuân Hãn xác định ngày giờ Kiều bị bắt mang đi. Dù còn nhỏ, tôi thấy trò chơi này thật hứng thú bèn đi tìm đọc những bài ông viết trong mấy chục số báo Khoa Học sẵn có, dần dà làm quen thêm với nhiều tên tuổi khác như Ngụy Như Kontum, Tạ Quang Bửu, v.v. Những bài báo này có thể đã ảnh hưởng đến bước đường tương lai của nhiều chú bé thời đó. Lớn hơn tí nữa, tôi có được hai cuốn sách khổ lớn: Danh Từ Khoa Học và Lý Thường Kiệt. Mấy cuốn sách đó đã mất từ lâu và, vì hoàn cảnh, cũng chỉ gần đây tôi mới lại có dịp nghe thấy nói tới và đọc lại Hoàng Xuân Hãn.

'Nói Chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp' là một tập hợp gồm những bài phỏng vấn hai giáo sư Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp, một phần đã được phát thanh trên đài RFI của Pháp, tất cả đã được sao chép lại và đăng trên tạp chí Hợp Lưu trong khoảng mười năm trở lại đây. Ngoài ra, cuốn sách còn thêm phần tiểu sử ngắn và phụ lục.

Những bài phỏng vấn giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã được in lại ở nhiều nơi, đôi chỗ có chút thay đổi. Riêng những bài liên quan đến công việc nghiên cứu Kiều đã gây nên nhiều tranh cãi trong nước trong suốt mấy năm liền, lý do vì học giả trong nước đã dùng những bài sao chép này - có bài những câu hỏi phỏng vấn hoàn toàn bị cắt bỏ - như những nguyên bản để làm tài liệu nghiên cứu. Tất nhiên, những bản sao chép được in lại (kể cả bản in trong Hợp Lưu) không hoàn toàn là Hoàng Xuân Hãn, chúng không được GS Hãn đọc lại và sửa chữa vì ông mất trước khi in. Như Thụy Khuê đã nói trong lời Tựa, có những chữ chép nhầm vì không hiểu giọng Nghệ của GS Hãn, thêm vào đó, đôi khi GS Tạ Trọng Hiệp thêm bớt một vài chữ, với thiện ý là chúng sẽ làm cho sáng nghĩa một vài câu giải thích của ông thày (GS Hiệp đã từng học chữ Nho và chữ Nôm với GS Hãn). *Nói chuyện* ... được gom lại in ở đây, là một sản phẩm trân quý của tình yêu và lòng kính trọng đối với một bậc trưởng thượng. Những bài phỏng vấn đã đăng ở Hợp Lưu được so sánh, đối chiếu lại với băng ghi âm bởi nhiều người, những chữ ghi chép nhầm hay thêm bớt được sửa lại đúng với những gì GS Hãn đã nói, những chữ Nôm mà GS Hiệp đã thêm được so sánh với chữ Nôm trong Kiều Tầm Nguyên chưa xuất bản.

Đọc *Nói chuyện* ... ta cảm thấy ấm áp, hứng thú, học hỏi và biết thêm được nhiều điều mới lạ mà không cần phải làm một cố gắng nào đặc biệt. Những 'thì thì mà mà' hãy còn sót lại cùng những câu nói dặm để lấp những khoảng trống trong khi nghĩ, bình thường có thể khiến người đọc sốt ruột, ở đây, trái lại, cho ta cái cảm giác trực tiếp, thân thiết với người đang kể chuyện. Tuy nhiên, dưới cái bề mặt có vẻ dễ dãi này, ta nhìn thấy sự khó khăn trong việc khảo cứu Kiều, nói riêng, và văn chương cổ của ta, nói chung, bởi lẽ muốn phiên âm ra chữ quốc ngữ, trước hết phải đọc được chữ Nôm, muốn đọc được chữ Nôm, lại phải biết chữ Hán. Thêm vào đó, quy luật viết chữ Nôm tương đối lỏng lẻo, nghĩa chữ thay đổi theo thời gian cùng với sự tế nhị của 'tam sao thất bản', tình huống ấy đòi hỏi một cung cách làm việc hết sức thận trọng nơi người nghiên cứu. Ta hãy đọc một trao đổi giữa Thụy Khuê và GS Hãn.

TK: *Thưa bác, công việc của bác là bác sửa chữa cho đúng với bản bác cho là cổ nhất, tức là phần lớn những câu sai mà dở thì bác sửa lại cho đúng, còn những câu ngày trước người ta đã sửa lại cho nó hay hơn, thì bác có sửa lại không?*

HXH: Không. Bởi vì mình không chắc chắn nguyên là thế nào cả. Cái mà sau này có sửa hay hơn, hay là đối với mình hiện đại thì cho là hay hơn, thì cũng phải nói rằng: Sau người ta chữa ra thế. Ví dụ như:

Dưới cầu nước chảy trong veo
*Bên cầu tơ liễu bóng chiều **thướt tha***

Bây giờ là *bóng chiều **thướt tha***. Cái cảnh ấy, đối với mình bây giờ thấy hay lắm, vì lá liễu dài như tơ, coi như nó thướt tha như cái áo dài, hay là tóc dài của người đàn bà. Nhưng mà thực không phải là **thướt tha** đâu. Những bản cũ là **tha ra**. **Tha ra** có ý là không rơi thẳng xuống mà rơi xiên. Rồi sau chắc là các cụ thấy **tha ra** không quen đọc, không quen nói nữa, rồi đổi ra **thướt tha**, hay hơn. Những chữ ấy thì mình cũng vẫn để là **thướt tha**, nhưng đề rằng bản cổ viết là **tha ra** chứ không phải **thướt tha**.

Những trường hợp thay đổi chữ này có rất nhiều

khi ta đọc Kiều. Theo GS Hãn, 'Phải biết chữ Nôm, phải hiểu tiếng Việt, phải hiểu tiếng cổ, nhiều khi lại tiếng địa phương lại là chuyện khác nữa, thì lúc ấy mới hiếu thấu được những chữ ấy...' Bởi vì cụ Nguyễn Du là một người viết rất chính xác, không phải viết cho qua chuyện đi; do đó những câu như

Một đôi nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai

được chép trong một vài bản Nôm, thực ra phải đọc là

Một hai nghiêng nước nghiêng thành
Sắc đành trọi một, tài đành họa hai

Rồi đến những câu tối nghĩa hay ít nghĩa được chép trong một số bản in:

Nằm (hay Năm) tròn như cuội trong mây
Trần trần một phận ấp cây đã liều.

Đến đây, có lẽ bạn đọc cũng muốn tìm đọc *Nói chuyện* ... để được biết làm sao ông chữa từ *nằm* hay *năm* thành *vuông* để có câu tỏ tình thật tình tứ của Kim Trọng:

Vuông tròn nhờ cậy khung mây
Trần trần một phận ấp cây đã liều.

Tất nhiên, ngay cả *Kiều Tầm Nguyên*, một khi được xuất bản, cũng sẽ không bảo đảm chấm dứt được những cuộc tranh cãi về Kiều nhưng không vì thế mà điều đó sẽ làm bận tâm một người nghiên cứu uyên bác như GS Hoàng Xuân Hãn.

Một nghiên cứu khác được đề cập đến trong *Nói chuyện* ... cũng gây nhiều tranh cãi, đó là thân thế và sự nghiệp của bà Hồ Xuân Hương. Với Hồ Xuân Hương, những nghi vấn còn trầm trọng hơn nhiều, nhất là sau khi phát hiện tập *Lưu Hương Ký*. Có một hay hai Hồ Xuân Hương, một người làm thơ được truyền tụng như ta biết, một người là tác giả Lưu Hương Ký, hay hai người là một? Theo GS Hãn (và cả ông Trần Thanh Mại), chỉ có một tác giả Hồ Xuân Hương. Hơn nữa, qua những bài thơ trong Lưu Hương Ký, ông cho rằng Nguyễn Du là người tình đầu tiên của Hồ Xuân Hương, và khi Nguyễn Du viết Kiều, hẳn 'cụ không thể không nghĩ đến mối tình cũ với Hồ Xuân Hương hồi xưa'. Những phát biểu như thế này chắc chắn sẽ còn làm tốn nhiều giấy mực. Tập *Lưu Hương Ký* còn hay mất? Ông Trần Thanh Mại mới giới thiệu có 16 trong số 52 bài vào năm 1964. Ông Tạ Trọng Hiệp có về Việt Nam tìm kiếm nhưng không có kết quả. Bà Thụy Khuê chú thích thêm (với dè dặt thường lệ) ý kiến của một nhà nghiên cứu, là người ta không muốn cho thầy trò ông Hiệp có tập *Lưu Hương Ký*.

Nhưng, có lẽ đặc sắc hơn cả trong *Nói chuyện* ... là phần Hoàng Xuân Hãn, trên đường nghiên cứu cũng như ở vị thế một chứng nhân lịch sử. Ta đã biết ông là một sử gia khảo cứu lịch sử với một nhãn quan khoa học và nghiêm túc, nếu có thể được, ông đi đến tận ngọn nguồn khi cần săn lùng tài liệu. *Lý Thường Kiệt* và *La Sơn Phu Tử* là những tác phẩm mẫu mực. Qua chuyện *La Sơn Phu Tử*, ông nhận định: '... Quang Trung, ngoài sự ông giỏi về đường võ bị, về đường thao lược, ông là người không có học nhưng biết dùng người có học. Đấy là một đặc điểm của những người mà ta gọi là anh hùng đời xưa là thế. Ông Lê Lợi cũng thế ...' Đây không phải là nhận định của một sử gia bình thường mà là của một người đã phát hiện và bảo tồn được thủ bút của Quang Trung Nguyễn Huệ cho gia tài văn hóa của đất nước. Với những sử liệu quí hiếm mà ông có trong tay, phát biểu như trên là công bình, vừa phải, sự tôn vinh có đến sau thì đó cũng là điều tất nhiên. Không cần biện bạch dài dòng, nhận định của ông đáng tin cậy hơn nhận định của một số nhà truyền giáo râu rậm, ngồi ngất ngưởng trên cao, chỉ trỏ *les indigènes* ngồi xổm ăn bún chấm mắm tôm, liệt lãnh tụ của chúng vào hàng tướng cướp. Đáng ngạc nhiên hơn nữa là có những chính trị gia hay học giả theo Tây học, vì lý do nào đó, đã chấp nhận những nhận định củ khoai tây sượng, chín một nửa, của những nhà truyền giáo như thể chúng là những phát biểu đến từ Tân hay Cựu Ước.

Trong phần dẫn nhập ở trên có nói đến 'trí thức trùm chăn', thường được hiểu là những người đứng trung lập, và GS Hãn thuộc thành phần trí thức này. Nhưng, thế nào là 'trung lập'? Ông có lý do của ông để không đi theo kháng chiến song giữa Pháp và Việt Nam, chắc chắn ông không trung lập. Ông biên khảo sách lịch sử bằng một sử quan chính trực chứ không trung lập; một cách gián tiếp chính ông cũng nhận như vậy. 'Lý Thường Kiệt' được viết với mục đích chính trị, trích câu ông nói, '... cốt thiết nhất là Lý Thường Kiệt, để cốt thấy cái dĩ vãng của mình mà so với hiện tại.' (trang 107) Vậy thì trung lập là trung lập giữa Cộng Sản và 'Quốc Gia', đại diện bởi một dãy những chính phủ của Quốc Trưởng Bảo Đại mà thành phần chính yếu, nòng cốt vẫn là sản phẩm của Pháp và bởi những nhân vật của miền Nam Việt Nam sau này (đối với ông, quốc gia và cộng sản không tự chúng loại trừ lẫn nhau, chủ quyền và chủ nghĩa là hai thứ riêng biệt. '... Lúc ấy *nó* - ông muốn nói Stalin - phải đề xướng ra

chủ nghĩa quốc gia của Russie...', trang 104).

Phiền phức ở chỗ người viết sử hiện đại theo đường lối chính trực, không thiên vị, thường bị tấn công từ hai phía. Sách về ông hay của ông khi in lại ở trong nước, tất nhiên những người chịu trách nhiệm sẽ cắt bỏ những đoạn nào không hợp với khẩu vị của họ; phần in lại trong *Nói chuyện* ... đầy những câu bị gạch dưới, đó là những câu bị cắt bỏ. Còn về phía 'quốc gia', không thể nói là ông thân cộng thì có người nói ông 'ngây thơ', thí dụ như khi ông cho rằng việc đoàn kết các đảng phái để chống Pháp là điều có thể thực hiện được.

Không dễ, nhất là ở đoạn sau, ông nhận xét, '... Việc thứ hai là chính những người Quốc Dân Đảng, lúc ấy cũng ngoan cố lắm; họ định dựa vào Tầu mà diệt tụi maxiste đi.' Nhân chuyện ngây thơ, ta hãy đọc trích đoạn sau đây, lóng lánh như một viên đá quí nhỏ, khi ông kể về cụ Trần Trọng Kim, '... đến nỗi mà sau này cụ (cụ Trần Trọng Kim) còn nghĩ: *"Như cụ Hồ Chí Minh cứ đánh Tây cho được độc lập đi, xong rồi thì chuyển cho tụi Quốc Dân Đảng nó làm việc..."* (cười)', chữ 'cười' trong dấu ngoặc Thụy Khuê cẩn thận ghi thêm vào (trang 161).

Thụy Khuê hỏi ông về những nhân vật lịch sử như Bảo Đại, Trần Trọng Kim, Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm. Vì ông đã từng tham chính và là một bộ trưởng trong chính phủ Trần Trọng Kim, ông cũng khá thân cận với vua Bảo Đại, những tình tiết, mưu mô chính trị trong việc lập chính phủ năm 1945 mà ông tiết lộ, là những sử liệu quý báu. Như ông kể, ông Bảo Đại trước khi ký hiệp ước Hạ Long, 'định là cụ Kim với ông sẽ lập một chính phủ ở bên nhà. Người Pháp họ lừa ông và cả cụ Kim nữa...' (trang 167). (Đây cũng là kết luận mà bản thân tôi suy nghiệm sau khi đọc về ông Bảo Đại trong các sách ngoại quốc.) Ông Bảo Đại không phải là một người xấu, nếu sinh ở thời bình, trong một nước độc lập, ít phức tạp, ông có thể có nhiều may mắn hơn. Rất tiếc, câu chuyện về ông Bảo Đại đang hào hứng thì hết pile và lần sau gặp lại GS Hãn, Thụy Khuê không hỏi tiếp về chuyện này nữa.

GS Hãn không có nhiều liên hệ với ông Ngô Đình Diệm. Thú thực, tôi không thể nào hình dung ra cuộc hội kiến giữa hai người trong một tiếng rưỡi đồng hồ, như ông kể sau đây:

'Cậu ta (một người bà con của GS Hãn) nói với tôi: Cụ Diệm muốn gặp chú lắm. Làm thế nào để cháu tìm cách đưa chú tới gặp cụ Diệm mà tụi Tây nó không biết. Thế rồi một tối, cậu ta đến dắt tôi đi qua mấy cái vườn, rồi qua hàng rào, sang nhà ông ta.' (trang 129)

Để làm gì sau hành tung James Bond này?

'Ngồi đợi, tôi còn nhớ có cái đèn manchon sáng, không có điện tuy là ở Huế. Ông cụ này một chốc xuống, mặc khăn áo chỉnh tề, khăn đóng, tôi còn nhớ, mặt trắng, người tăng tướng thì không tăng tướng nhưng người nho nhã lắm. Ông xuống ngồi với tôi một giờ rưỡi đồng hồ, chỉ hỏi một câu thôi: Chào ông, hay cám ơn gì đó. Rồi thì ngồi, tôi ngượng quá, không thấy ông hỏi một cái gì cả, ...'

Trong cương vị một sử gia, cách nhìn của GS Hãn về ông Hồ Chí Minh chắc chắn sẽ gây nhiều phản ứng hơn. 'Xét về Hồ Chí Minh thì phải có lâu năm sau này thì xét mới không thiên lệch. Hiện bây giờ thì người ta oán nhiều lắm [...] (câu sau cùng và đoạn giữa hai dấu ngoặc bị cắt bỏ trong cuốn La Sơn Yên Hồ Hoàng Xuân Hãn in ở trong nước, được gạch dưới in trong *Nói chuyện* ...). Nhưng mà nói cái kết quả tức thì nước mình bây giờ mà có độc lập, có thống nhất, thì cái ấy là cái công của Hồ Chí Minh to lắm. Dẫu là người ta dùng một chính sách gì, cộng sản hay quốc gia, thì cái công ấy sau này đối với người viết sử, người ta xét lại không khác gì đời Lê Lợi, mà rồi quân Minh phải về. Lúc ấy đời Lê Lợi cũng nhiều đám chứ không phải mình đám Lam Sơn mà thôi. Đám Lam Sơn, đám Đông Triều, những đám lớn đấy. Đám Đông Triều, đám Lam Sơn, đám Tuyên Quang... bốn năm đám không có cộng tác direct thế này, [...]. Những đám ấy có thể nói với đám Lam Sơn cũng là trái nhau hết cả. Nhưng sau này người ta quên. Người ta nhớ Lam Sơn vì chính nhờ đám Lam Sơn mà đất nước được giải phóng. Cho nên tôi nghĩ không nên xét vội từ bây giờ.' (trang 149)

Đâu đó, GS Hãn gọi thực dân là 'thực dân'. Ông đã từng ngồi cùng bàn, điều đình, nhiều khi rất thân mật với những người Pháp, cấp tiến có, bảo thủ có. Ông đã từng bắt tay những tướng Pháp như Salan, Juin, đối diện, toàn là những người rất phong nhã - *galant* - nhưng tất nhiên ông cũng biết chính những ông tướng này, cả chục năm sau Việt Nam, lại xuất hiện ở Algerie làm loạn, lăn vào tổ chức binh đội bí mật, hy vọng bảo trì được *Algérie française*. Thế nào chăng nữa, quan điểm của sử gia Hoàng Xuân Hãn sẽ ngồi không ổn bên cạnh luồng tư tưởng cho rằng xương máu đã đổ ở Việt Nam là hoàn toàn phí phạm, bởi chưng tổng thống Pháp Vincent Auriol đã ký cho Việt Nam độc lập và thống nhất từ năm 1948.

Phần sau của *Nói chuyện* ... là mấy bài phỏng vấn GS Tạ Trọng Hiệp. Chúng ta đã xem qua việc ông Hiệp về Việt Nam để truy tầm *Lưu Hương Ký*, đặc sắc nhất là phần ông muốn tả Phan Khôi, người xa lạ.

Thụy Khuê có nói đến phẩm chất 'sửng cồ' của ông Hiệp ở một chỗ nào đó. Vẫn biết chính thể chính trị nào thì cũng tự tô điểm, vẽ vời đẹp đẽ cho chính mình, nhưng không sửng cồ sao được khi người ta muốn nó đẹp và *pure* đến độ như một trinh nữ, đúng tiêu chuẩn để có thể mang ra tế thần, như ta đã thấy trong việc cắt bỏ khi in lại những bài của GS Hãn hay về GS Hãn. Trong trường hợp Phan Khôi, thế cũng chưa đủ, người ta còn muốn làm cho nó bóng nhẫy ra bằng cách cho ông biến mất, như thể ông chưa từng bao giờ đặt chân trên mặt đất này. Vì vậy, Phan Khôi, người xa lạ!

'Nếu Thụy Khuê có dịp phỏng vấn thanh niên trong và ngoài nước, những người chưa đến tuổi 40, 45, thì tôi sợ là sẽ đi đến một kết quả rất buồn là người ta không biết tên Phan Khôi là ai, chứ đừng nói đến chuyện đánh giá Phan Khôi cao hay thấp, khen hay chê, chửi hay bênh. Mà như vậy là một tình hình đã kéo dài nhiều năm rồi' (trang 278).

Ông Hiệp nói nhiều chuyện lắm, trong đó có chuyện những cố gắng làm cho cái tên Phan Khôi biến đi, như khi người ta cho tái bản Nho Giáo của Trần Trọng Kim với phần Phụ Lục bị cắt bỏ, (vì phần này gồm những bài trả lời ông Phan Khôi trong cuộc tranh cãi rất hào hứng giữa hai ông.)

Ông Hiệp cũng có đề cập đến cuốn tiểu thuyết duy nhất của Phan Khôi, cuốn *Trở Vỏ Lửa Ra*, mà ông chưa tìm thấy. Tôi đã đọc cuốn này, còn nhớ loáng thoáng đó là chuyện một cô gái mới, hình như tên Châu, sống trong một nề nếp cũ. Duy có điều cho đến nay, tôi vẫn không hiểu tên truyện, *Trở Vỏ Lửa Ra*, nghĩa là gì, mặc dầu đã hỏi nhiều bạn nhưng chưa được ai cắt nghĩa cho.

Đóng góp cuối cùng của ông Hiệp là một phụ lục ông viết khi ông Đào Duy Anh, người mà ông gọi là một bậc đại sĩ, mất vào năm 1988. Ông tả cuộc gặp gỡ ông Đào Duy Anh lần cuối vào tháng 7 năm 1979 tại Thành Phố Hồ Chí Minh. Đoạn này hơi dài, tôi chép lại phần cuối ở đây.

'Cuối cùng, ông rút ra mấy tập bản thảo hoàn chỉnh, đánh máy rõ ràng, bảo tôi muốn chọn những gì thì ông tặng cả mà đem về Pháp, in được cuốn nào cho ông thì in. Lúc chia tay, ông đứng sững nhìn tôi hồi lâu, im lặng. Im lặng mãi cho đến phút bất thình lình mở rộng hai tay ôm choàng lấy tôi, vừa ôm vừa nức nở thê thảm, như thể chút hết bao nhiêu buồn đau dồn chất suốt hơn hai mươi năm. Tôi nhìn khuôn mặt ràn rụa nước mắt, lòng thắt lại. Cả hai đều vẫn im lặng. Im lặng cho đến khi tôi ra về. Từ ấy, bản thảo tác phẩm của ông vẫn nằm trong ngăn sách nhà tôi, *Thơ Chữ Hán Nguyễn Du* (249 bài, dịch hết thành thơ, có kèm cuốn vở chính tay Đào Duy Anh chép bản chữ Hán) và *Kinh Thi* (phiên âm, chú giải và dịch 203 bài). Bao giờ in được cho ông nhỉ? Chín năm rồi! *Chín năm đốt đuốc soi rừng* ...' (trang 325)

Sửng cồ!

Mở đầu bài viết, tôi có nói đây là một cuốn sách trí tuệ trong đó phần đóng góp trí tuệ của tác giả ít hay được cất dấu kín. Đó là một câu nói cường điệu có tính khiêu khích. Đúng, nếu ta đếm số câu hỏi của tác giả so với số trang câu trả lời. Sai, nếu ta nghĩ đến các chuẩn bị cần thiết để thực hiện cuộc phỏng vấn, biến nó thành một tư liệu sống động, phong phú, ý nghĩa và có một giá trị trường cửu. Phỏng vấn một người bách khoa như GS Hãn, ta chỉ cần đặt câu hỏi cẩn thận rồi ngồi im nghe ông nói cả một cuốn sách - *talks a book*. Tôi hình dung tác giả Thụy Khuê ngồi rất nhỏ nghe 'bác' Hãn nói nhưng có lẽ không quá nhỏ đến như vậy!

TK: *Thưa bác, thế còn việc nữa là lúc bác sang Pháp, bác sang để gặp vua Bảo Đại, thế rồi...*

HXH: Không phải. Ông Bảo Đại lúc ấy cũng không ở bên này. Chuyện gặp ông Bảo Đại thì thế này: Lúc hội nghị Genève, 54, tôi sang đây 51 cơ, chứ không phải...

TK: *Xin bác để cháu nói hết câu hỏi...*

'Nói Chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp' là một tài liệu sống động, phong phú, ý nghĩa, rất hữu ích trong việc bổ xung cho những sách hay bài viết mà hai ông đã viết. Riêng tôi, rất nhiều đoạn tôi đọc đi đọc lại hai, ba lần, không vì mục đích viết bài này. Việt Nam còn một số ít nhân vật đã rất trọng tuổi, hiện sống trong và ngoài nước, có ảnh hưởng hay liên hệ đến những phát triển văn học hay lịch sử cận đại. Thụy Khuê là một trong vài người viết hiện nay có đủ điều kiện để thực hiện những cuộc phỏng vấn có bề sâu, một thứ lịch sử nói - *oral history*. Chúng ta hy vọng bà sẽ cố gánh vác công việc rất trí tuệ, nặng nhọc này và, nếu có làm, xin nhớ mang theo đủ pile dự trữ.

10/ 2002

HỌP CHỢ *

TRẦN TRỊ-CHI

Nhà Khởi trong con hẻm gần Ngã Bẩy, Sài Gòn. Hẻm 702 đường Phan Thanh Giản, đất đá lồi lõm nhưng rộng rãi. Con hẻm rộng này nối đường Phan Thanh Giản thông qua đường Trần Quốc Toản, chỗ gần Viện Hoá Đạo.

Dân sống trong hẻm, phần đông là lao động tay chân. Họ sống xen kẽ với các gia đình công tư chức, cảnh sát, hay quân nhân không tác chiến, làm việc trong trong các doanh trại ngay tại Sài Gòn. Người lớn đi làm. Trẻ nhỏ đi học. Sự học hành cao thấp của chúng tùy theo gia cảnh của từng đứa. Cũng có trẻ, không đi học; vì lười cũng có, nhưng phần đông là vì quá nghèo. Có nhẽ bố mẹ chúng nghĩ, có học cũng chẳng đi đến đâu, chỉ thêm dở dang, tốn kém, mất thì giờ. Chi bằng để chúng ở nhà, trông em hay phụ giúp những việc lặt vặt. Họ chờ chúng lớn hơn chút nữa, đủ sức có thể kiếm thêm được chút tiền, phụ vào việc chi tiêu trong nhà. Mà họ cũng chẳng phải chờ quá lâu; và con họ cũng chẳng phải cực nhọc đi xa, kiếm việc. Trong hẻm có hai gia đình lúc nào cũng sẵn việc cho bọn trẻ đủ lớn và chăm làm.

Một nhà chuyên đóng các thùng hay tủ cho radio, loa phóng thanh, máy hát đĩa hay băng nhựa. Gia đình này cung cấp thùng, vỏ ngoài cho các nhà nhập cảng các loại máy móc đó. Người ta chỉ nhập cảng máy, còn thùng được đóng tại Việt Nam, bằng ván ép, đánh vẹc-ni bóng đẹp và chắc chắn.

- Mai rầy bác phải mở lớn hơn nhiều, chứ không còn làm tại nhà như thế này được nữa.

Ông Kính đã nói vậy với chủ gia đình, ông Lộc, chuyên đóng thùng radio.

- Ông nói sao chứ? Chúng tôi chỉ mong đủ sống và anh em thợ có được đồng lương là mãn nguyện rồi.

- Ấy. Sao bác lại nói lạ vậy? Rồi dân ta cũng sẽ sản xuất ra máy móc chớ. Không phải nhập cảng, mà còn xuất cảng ra nước ngoài nữa. Tôi cứ nói là, rồi bác cũng chẳng ở không, để nói chuyện với tôi nữa đó.

Một nhà khác chuyên làm mới các xe Vespa. Họ không sửa máy, mà chỉ chuyên lo cái vỏ bề ngoài. Xe Vespa đời cũ, hai cái mông, hai bên của bánh sau, nhỏ và xệ. Chủ xe cũ đem đến sửa cho đẹp. Họ muốn vỏ ngoài của xe được gò lại cho giống như xe đời mới. Cặp mông nhỏ và xệ cũ được tháo ra. Nó được cắt và hàn gắn thêm cho phồng, vểnh lên. Người thợ sẽ mài nhẵn những chỗ hàn gắn rồi sơn xì đánh bóng toàn thể bên ngoài. Chiếc xe sửa lại sẽ có cặp mông to, vểnh lên y hệt xe đời mới.

Hai nhà đó đều có đủ nhân công quen nghề. Nhưng lúc nào họ cũng có những việc phụ khác dành cho trẻ con. Đó là nơi bọn trẻ trong xóm tập tành cho quen, lại kiếm thêm được tí tiền. Chúng chờ lớn hơn chút nữa sẽ bung vào đời, ganh đua, kiếm sống.

Công việc ấy là của bọn con trai. Còn con gái dân lao động thì chẳng bao giờ được rảnh tay hay dư thì giờ để nhẩy chân sáo. Ngay từ khi chúng còn bé, chúng đã phải thay mẹ, lo việc nhà. Lớn hơn một chút thì phụ giúp mẹ buôn bán, đi ở đợ, hoặc ra nhập vào đoàn gánh nước mướn.

Dân khu này chưa có nước máy dẫn tận nhà. Nước dùng cho cả xóm được gánh từ vòi nước công cộng tại con hẻm bên cạnh. Hẻm 682 đường Phan Thanh Giản. Con hẻm này có lề đường thẳng tắp và được trải nhựa đàng hoàng. Đến năm 1966, cảnh sát viên Kiều Công Hai, bị Việt Cộng trà trộn trong nhóm biểu tình từ Viện Hóa Đạo, bắn chết ngay tại đây. Sau đó, tên ông được dùng để đặt tên cho con hẻm. Và người ta gọi là đường Kiều Công Hai.

Năm 1965 cuộc sống của dân trong hẻm 702 bắt đầu thay đổi. Nó không mở ra, theo hướng đi lên như lời ông Kính dự đoán. Nó nem lại, ồn ào và chật trội hơn.

Đầu tiên, ngay trước chùa Pháp Hội, cuối con hẻm, gần đường Trần Quốc Toản, một chợ mới được nhóm họp. Ngôi chợ mau chóng có đông đảo người mua kẻ bán và thành hình vài tháng sau ngày tết Ất Tỵ, mồng 2 tháng 2 năm 1965. Khởi nghe người ta bảo:

- Dưới quê đánh lớn. Dân miệt vườn bỏ ruộng

nương lên đây họp chợ, sinh sống qua ngày. Họ than đời sống dưới đó bấp bênh, dễ bị tai bay vạ gió.

Cuộc chiến tại miền Nam đột nhiên bùng lên dữ dội vào năm 1965. Những cuộc hành quân liên miên, tiếp nối quanh năm. Những trận đánh đẫm máu kéo dài nhiều ngày. Súng nổ, hỏa châu soi sáng, sát ngay Sài Gòn và các tỉnh lỵ lớn.

Ông Kính đọc báo rồi kể lại cho dân trong xóm hay:

- Ngày 27-10-1965, nguyên một tiểu đoàn địch đã dám tấn công một đồn Biệt động quân chỉ cách Sài Gòn có hai mươi cây số. Chúng bỏ lại cả trăm xác chết.

Chiến tranh du kích phá hoại chuyển mình thành trận địa chiến. Bom đạn. Đổ vỡ. Chết chóc. Nhà cửa bị thiêu rụi. Ruộng vườn thiếu người trong nom. Đường giao thông bị phá hoại, đặt mìn. Thuế phải đóng cho những người có súng ống trong rừng sâu. Bọn họ còn tuyển quân, dẫn đi cả trẻ con mười ba, mười bốn tuổi. Cuộc sống dân quê một cổ hai tròng. Người dân đành bỏ ruộng vườn, chốn chiến tranh, chạy về thành phố. Vẫn từ những tin tức đăng trong các nhật báo, Ông Kính cho bà con lối xóm biết:

- Đầu năm 1965, số tị nạn chưa tới hai chục ngàn. Bây giờ, cuối năm, đã vọt lên trên bẩy trăm ngàn người tị nạn Cộng sản.

Đó là con số chính thức. Những người tị nạn nhận được trợ giúp từ chính phủ. Số người chạy chốn chiến tranh, được thân nhân sinh sống trong các thành phố giúp đỡ, hoặc có thể tự lo lấy được, nhiều hơn con số được công bố rất nhiều.

Tất cả dồn về thành phố, về Thủ đô. Nơi đây an toàn hơn. Người ta tránh chết. Người ta tìm sống. Và người ta phải kiếm cái ăn. Người có chút vốn, bỏ tiền ra theo nhau buôn bán. Các chợ khắp Đô thành và vùng lân cận đều đã chật cứng, tràn ra cả ngoài lề. Tại những chợ đó, người bán ngoài lề đường luôn luôn bị cảnh sát dẹp đuổi.

Dân gồng gánh bán buôn phải vào sâu trong các con hẻm, tụ họp lại, dần dần thành chợ. Trong hẻm cũng có cảnh sát. Chính nhà các ông ấy ở ngay trong đó.

Ông cảnh sát, nhà ở đầu con hẻm 702, gần đường Phan Thanh Giản, sáng nào cũng xuống chợ để ăn sáng. Ông nói với mấy bà bán hàng quà:

- Các bà họp chợ trong này là yên rồi. Đi ngoài đường lớn Phan Thanh Giản hay Trần Quốc Toản, chẳng ai thấy được.

Hôm khác, ông lại bảo:

- Các bà họp chợ ở đây, dân trong xóm cũng được nhờ. Bà nhà tôi bảo, giá cả ở đây nới hơn những nơi khác. Không có thuế chợ, người dân cũng được nhờ.

Các bà hàng quà cũng quí mến ông cảnh sát. Ông trả tiền như những người khác; nhưng khi múc đồ ăn vào bát cho ông, các bà có hơi thêm lên một chút.

Mà giá chợ ở đây quả thực cũng có rẻ. Phần vì, như ông cảnh sát nói, không có thuế chợ. Phần khác, những người buôn bán ở đây đều có gốc gác ở dưới quê. Họ nắm vững giá cả từ hạt gạo, quả trứng cho đến con gà. Họ biết chỗ buôn để bán lại, vì họ cũng còn bà con hay người quen biết vẫn sống ở dưới quê. Chuyện mồ mả ông bà không thể nào mà dứt đi cho được.

Xem tình hình trong báo, ông Kính lại tiên đoán:

- Cái chợ này rồi sẽ phình to hơn nữa. Cuối tháng 11-1965, Việt Cộng tung hai trung đoàn tấn công tại đồn điền Michelin ở Dầu Tiếng. Đầu tháng 12, Mỹ cũng đổ quân vào đồn điền Michelin và đã đụng độ lớn. Càng đánh nhau to, dân quê càng phải bỏ ruộng vườn chạy loạn, lên đây họp chợ.

Đúng như lời ông nói. Chợ bây giờ đã có tên, chợ Chùa Pháp Hội mau chóng phình to. Chợ lan non nửa con hẻm rộng. Người bán còn bầy hàng ngồi sâu trong khắp các ngõ ngách của con hẻm lớn này. Chợ có hình dáng một rễ cái, với chùm rễ con, vòng vèo giữa những ngôi nhà sơ sài.

Lần này ông Kính nói trúng. Nhưng lần trước ông đã đoán sai. Ông bà Lộc, chủ nhà chuyên đóng thùng, tủ cho radio và máy hát đã phải dẹp nghề. Người ta không nhập cảng các loại máy móc đó nữa. Hàng tuồn ra từ P.X Mỹ tràn ngập khắp nơi. Radio, máy hát, tủ lạnh và máy truyền hình, tất cả đều có sẵn tủ, thùng và vỏ bọc ngoài, toàn bộ đầy đủ và đẹp mắt. Hàng hoá từ P.X Mỹ thượng vàng, hạ cám, đủ mọi loại, vượt khỏi nhu cầu của người dân hồi đó. Giá cả của sản phẩm từ P.X đã đánh gục tất cả các cơ sở sản xuất tại miền Nam. Nó cũng đánh khập khiễng luôn nền thương nghiệp xuất nhập cảng của xứ sở này. Người dân đổ xô đi buôn qua, bán lại đồ P.X. Bà chủ nhà chuyên sản xuất thùng radio cũng đua chen trong bọn này. Nhà bà bây giờ là nơi buôn bán đồ P.X. Bà bán rượu, bia, thuốc lá, kẹo cao su và các đồ lặt vặt cho dân trong xóm. Bà bán sỉ máy móc và tất cả mọi thứ. Người này đổ hàng

vào nhà bà. Người khác lại đến, cất hàng đi. Tiền bạc mỗi ngày ra vào nhà bà có hàng cọc.

Điều ông Kính đoán về gia đình ông Lộc không hoàn toàn sai. Ông rất đúng về cung tài lộc của nhà này. Ông chỉ sai là tiền bạc vào nhà theo cách nào mà thôi. Ông cứ nghĩ ông Lộc phải mở rộng công việc sản xuất nên mới quyết chắc:

"Tôi cứ nói là, rồi bác cũng chẳng còn ở không để nói chuyện với tôi nữa đó."

Trái với điều ông Kính nghĩ, ông Lộc dạo này có rất nhiều giờ rảnh rỗi. Mọi chuyện buôn bán, vợ ông cáng đáng hết. Ông chẳng phải lo hay có nhiệm vụ gì, ngoài việc ngồi chơi sơi nước. Vợ ông kiếm được nhiều tiền quá. Ông phải tiêu bớt đi thôi. Bia, thuốc có sẵn trong nhà; ông tập tành hút và uống. Ông uống bia lon hàng ngày. Ông hút thuốc Lucky luôn miệng. Ông thường nói với mọi người:

- Hút thuốc Ruby, làm tại đây, hôi lắm. Bà nhà tôi chê.

Ông tập đánh cờ ở nhà ông Ba Bụng. Nhưng món này không hợp với ông. Phải suy nghĩ, tính nước cờ là điều ông thấy mệt. Thêm vào đó bàn cờ nhà ông Ba Bụng chỉ họp vào buổi chiều, sau giờ làm việc. Ai cũng bận làm ăn cả, trừ ông Kính. Khổ một nỗi, tuổi tác và tiền bạc của hai ông lại nhiều chênh lệch nên không cùng chung sở thích.

Thế là tự nhiên ông Lộc bơ vơ và rơi vào cảnh nhàn cư vi bất thiện.

Từ đó ông Lộc chải chuốt và ăn mặc tươm tất hơn. Ông bắt đầu lui tới những nơi, tại đó bọn trai trẻ mới lớn vẫn thường liếc ngang, ngó dọc. Ông cũng trở nên vui tính và dễ dãi với các cô mới lớn. Đôi khi ông nhấm nhứ, cợt nhả với các cô còn trẻ ở ngay trong xóm. Đã có vài lời ong tiếng ve được nói sau lưng ông. Người ta bảo:

- "Già rồi mà còn be he."

Góp mặt với chợ Chùa Pháp Hội, còn có quầy cơm bình dân của bà Tư. Ông Tư Húi Cua, chồng bà, chủ tiệm tân trang xe Vespa cũng phải đóng cửa. Bọn trẻ bây giờ đua nhau mua xe Honda hay Suzuki của Nhật. Cuối tháng 9-1966, chính phủ cho nhập cảng gần một trăm hai chục ngàn xe gắn máy của Nhật Bản. Đến cơ xưởng lắp ráp xe gắn máy Gobel vĩ đại vừa mới xây xong gần Tân Sơn Nhất, cũng phải bỏ ngang, nữa là ông. Thỏa ước cho nhập cảng thả dàn xe gắn máy Nhật của chính phủ Nguyễn Cao Kỳ đã đập vỡ dự án của một người Việt, ông Đặng Đình Đán. Người ta đồn ông Đán phẫn chí, phải tự vận. Không biết lời đồn đãi này có đúng không?

- Tui cũng tội nghiệp cho mấy anh thợ của ông - Bà Tư nói với chồng - Nhưng lấy tiền đâu mà trả công cho mấy ảnh đây?

Sạp cơm bình dân của bà Tư, mở ra, bán cho bạn hàng ngoài chợ cũng kiếm ăn được. Bà bán rẻ vì bà mua được giá hời. Mối của bà Tư là mấy bà nạ dòng dọn dẹp nơi ăn chốn ở cho bọn lính tráng trong căn cứ Mỹ. Ra khỏi cổng, các bà thò tay vào trong quần moi ra nhiều thịt lắm. Toàn là mấy món ngon không hà. Đùi gà, sườn heo, thịt bò.

Bà Tư kín đáo lắm. Bà tiếp mấy người bán thịt ở tận nhà trong. Rất khó mà biết bà Tư mua thực phẩm từ những bà nạ dòng, vẫn lui tới nhà bà.

- Cơm bà Tư vừa rẻ, vừa ngon.

Cô bán rau nói với qua cho bà bán thịt như vậy.

- Ừa. Sườn cốt lết, mà bà ấy bán thế là bả rộng rãi với chị em bạn hàng chúng mình lắm đó.

Ai cũng khen đĩa cơm của bà Tư ngon và hậu hĩnh. Không ai biết một tí gì, để thắc mắc xem bà Tư có rửa ráy kỹ càng mấy miếng thịt trước khi xào nấu hay không?

Không ai biết. Nhưng ông Kính biết. Ông biết và để bụng chứ không nói cho ai hay. Ông không có tính đưa chuyện vớ vẩn như vậy. Ông chỉ thích nói những tin tức đăng trong báo cho bà con lối xóm nghe. Ông cũng loan truyền tin tức thời sự liên quan đến đời sống ông nghe được ở ngoài chợ. Người trong xóm nghe ông và tin những điều ông nói.

Ông Kính cũng hay ghé sập cơm nhà bà Tư, để ăn một đĩa. Ông bảo:

- Cơm ở nhà toàn rau. Cũng phải có chút thịt để thêm sức.

Và bao giờ bà Tư cũng đãi ông hơn những người khách khác. Bà thường bới thêm một chút gì vào phần cơm ông ăn. Có lẽ vì tình lối xóm. Mà cũng có lẽ bà muốn gửi lại ông một chút công lao. Ông chẳng đã cất công thông báo tin tức thời sự cho cả xóm biết đấy ư?

Một hôm, ngồi ăn cơm chỗ bà Tư, ông Kính nói:

- Giá cả ở chợ này bắt đầu leo thang rồi đấy. Bà Tư cũng nên lên giá tiền cơm là vừa. Các bà ở chợ này kiếm được thêm tiền thì cũng nên biết điều với bà mới phải, bà ạ.

- Thời buổi này vợ chồng tôi chỉ mong đủ ăn thôi, ông Kính ơi. Ai cũng khổ cả. Lấy thêm tiền của nhau làm chi cho thất đức.

LÝ THỪA NGHIỆP

PHẬN NGƯỜI

Mưa rơi mãi tưởng không ngừng
Và sinh tử đó như chừng vô biên
Rừng nào xanh đẫm nghiệp duyên
Đợi cơn bão tới thổi nghiêng bụi bờ
Thân người đất cát vu vơ
Vẽ chi đậm nhạt giấc mơ úa vàng.

Thấy chưa tóc trắng xương tàn
Lá rơi phủ kín hàng hàng mộ sâu
Đá nằm lớp lớp hư hao
Biển còn xanh mãi cơn đau phận người
Đêm ngồi nghe tiếng chuông rơi
Gió rung lạnh cả góc trời tha phương.

Quả là giá cả ở chợ này không rẻ như xưa nữa. Thời buổi khó khăn, ai chả tìm nơi bán rẻ, để tới mua? Người mua đổ đến mỗi ngày một nhiều. Hàng hoá không đủ để bán, thì giá hàng phải lên cao. Luật cung cầu, ai mà chẳng biết.

Nhưng có một nguyên nhân khác đã làm giá chợ ở đây đôi khi tăng vọt bất ngờ. Không một nhà kinh tế nào, ngồi trong phòng mát, có thể giải thích nổi hiện tượng này. Trong khi đó bọn con nít, ở xóm hẻm 702, đều biết. Chúng còn biết rõ khi nào thì con gà, miếng thịt, bó rau ở chợ này sẽ lên giá.

Bởi vì chúng được cô Lượm cho chúng biết trước:

- Thứ bẩy tuần tới, chị sẽ đìa.

- Sao ngày mốt, lễ, chị không đìa?

Một thằng nhóc lên tiếng mong mỏi, hỏi.

- Hổng được. Tuần tới rồi chị sẽ đìa hai lần.

Bọn trẻ xóm này mong cô Lượm. Và cô cũng hay về với bọn chúng, thường là cuối tuần.

Mỗi khi cô Lượm về thăm xóm, bọn trẻ náo loạn cả lên. Thoáng thấy bóng dáng cô và ông Mỹ già từ đầu ngõ, chúng la hét gọi nhau:

- Ô kê sa lem! Ô kê sa lem tới. Chúng mày ơi.

Thế là nhóm con nít đông đảo và ồn ào đó túa ra, chào ông Mỹ cũng bằng cái câu chúng gọi nhau vừa rồi. Đứa nào cũng nhao nhao nói:

- Ô kê sa lem.

- Ô kê sa lem.

Đứa nhanh chân nhất nhào vào, nắm tay ông Ô kê sa lem của nó. Ông Mỹ già yên lặng, mỉm cười, nắm tay thằng bé, đi theo cô Lượm. Ông vui vui tham dự vào việc cô Lượm phân phát tiền cho bọn trẻ. Ông không nói mà chỉ dùng tay để nhắc cô, những đứa nào chưa được tiền. Dĩ nhiên đứa ông đang nắm tay, được chú ý đặc biệt. Duy nhất thằng này được ông chuyển tiền từ tay cô Lượm, đưa cho. Và bao giờ thằng ấy cũng được nhiều nhất. Cô Lượm phát tiền cho bọn trẻ ồn ào lắm. Cô la thằng này, cô hỏi đứa kia. Cô vẫy một đứa lại, cô xô một thằng khác ra. Cô điểm mặt một tên, cô vỗ lưng một thằng nhóc.

- Mày có rồi. Còn xin gì nữa?

- Đâu có chị. - Thằng bé xòe hai tay ra phân bua. Cô dúi tiền vào tay nó, không quên điểm mặt thằng nhỏ:

- Mày mánh lắm.

Đứa nào cũng được cô cho tiền. Có đứa lanh, được những hai lần. Bọn trẻ phân bì đứa nhiều, đứa ít. Chúng mách cô những thằng ăn gian. Cô Lượm nghe lời khiếu nại, rồi xem xét lại. Cô không giống mấy ông công chức già tới sở, chỉ chờ ngày lãnh lương. Cô cho thêm đứa được ít. Cô gọi đứa được nhiều lại hỏi. Nó xòe tiền ra phân bua:

- Em được có bi nhiêu.

Thằng đó được cô tha. Những thằng ăn gian để được hai lần cho, đều chối. Nhưng cô vẫn điểm mặt dọa:

- Chúng mày gian giảo. Tao nhớ mặt, lần sau không cho nữa.

Về thăm xóm cũ, cô Lượm đi một lượt từ đầu chí cuối. Cô dừng lại bất cứ nhà nào, có ý muốn

nói chuyện với cô. Cô kể cô sống như thế nào, ăn uống làm sao:

- Thịt cá bắt chán. Cháu chỉ thích uống cô ca cô la thôi.

Cô chỉ ông chồng Mỹ già của cô và khoe với mọi người :

- Nó hiền lắm. Cháu muốn gì nó cũng cho hết.

- Nó xài hoang lắm. Ăn không hết. Đồ ăn ngon, nó cũng liệng vô sọt rác.

- Nó không phải làm cực như người mình, muốn nghỉ khi nào thì nghỉ.

Bọn con trai mới lớn trong xóm, trạc tuổi cô, đều nghệt mặt ra khi thấy cô về. Bọn chúng thèm thuồng, kín đáo liếc nhìn, trông theo. Cô Lượm cũng khoảng mười sáu hay mười bẩy thôi, nhưng thân hình cô phát triển đến lạ lùng. Mà quần áo cô mặc mới thật là kinh. Trông suốt thấy cả quần lót. Cô lại không đeo nịt ngực. Mỗi khi đi, phần trên nung núc, rất rõ sau lần vải mỏng, dập dình lên xuống, chọc thủng mắt mọi người. Cô làm xốn xang cặp mắt nhiều anh chàng trong xóm.

Sống với ông chồng Mỹ già, cô Lượm hiểu đời hơn. Sự hiểu biết của cô rất đúng. Những điều cô biết đó, không bao giờ được nói tới hay giảng dậy trong gia đình và trong lớp học. Điều này, thực ra cũng không đáng để ta bận tâm. Bởi vì cốt lõi của sự hiểu biết là, điều đó có đúng không và có giúp người ta thiết thực hay không? Cô Lượm hiểu rất đúng. Cô biết ngay chóc mấy cậu trong xóm muốn nhìn gì, đang nghĩ gì, và thèm được cái gì. Và điều cô hiểu, giúp cô rất nhiều. Nó làm cô yêu đời hơn và giúp cô vui sống hơn. Nếu không tại sao cô lại còn cố tình nhún nhẩy, lượn là, làm ngực cô nẩy tưng tưng, hất ngược mắt của các cậu lên.

"Cho mấy tên đó thèm rỏ rãi, chết khát luôn."

Cô đã hả dạ, cười mãn nguyện, lắc lư cái đầu, khi thầm nghĩ như vậy.

Người ta bảo tại cô ăn đồ Mỹ nên chóng phát triển. Có người lại muốn moi móc chuyện ngày xưa. Họ bảo:

- Nó gánh nước mướn nên khoẻ sẵn. Bây giờ được ăn đồ Mỹ, bổ béo, nên trông mới ngốn con mắt đến như vậy.

Một anh con trai đã lớn, nhưng chưa già, lại ngứa ngáy muốn góp thêm một chút gió độc vào câu chuyện, làm người nghe cũng ngứa người lên như anh:

- Được bón bằng đồ ăn Mỹ, lại được người tình Mỹ ủ thì mau lớn lắm! Thưa các bác, em nói vậy có gì sai không ạ?

- Cậu nói thế thì khổ cho cánh đàn ông, con trai người Việt chúng ta rồi. Đến nước này thì đến ế cả lũ mất. Đem thiến đi thôi!

Mẹ con bà Tám, cái Lượm mấy năm trước gánh nước thuê ở trong xóm.

Giữa hẻm 702 đường Phan Thanh Giản, có một con hẻm khác dẫn về hướng Ngã Bẩy. Đó là một hẻm nhỏ của hẻm 702. Đi quanh co theo con hẻm nhỏ và dài hun hút này, ta có thể bước ra tới tận bến xe lô Minh Trung chạy đi Đà Lạt, đậu tại đường Pétrus Ký, ngay Ngã Bẩy.

Mẹ con bà Tám gánh nước thuê sống dưới mái lều, nằm sâu trong con hẻm nhỏ quanh co này. Lều của bà Tám bé tí teo. Cả lều chỉ có một vuông đất nện. Trên vuông đất đó, bà kê một cái giường, mắc một cái võng đụp. Bếp, nhà tắm và bốn cái phuy đựng nước cũng nằm trong vuông đất đó luôn. Mái lều bằng lá dừa, cứ mùa mưa là dột, phải đắp điếm lại hoài. Mấy tấm cạc tông và vài miếng thiếc mỏng bao quanh làm vách. Lều không có cửa.

Hồi đó Lượm còn nhỏ, chưa gánh nước được. Lượm phải ra vòi nước công cộng trông thùng cho mẹ. Các bà gánh nước thuê đều có nhiều thùng. Các bà xếp thùng có thứ tự, kẻ trước người sau, trước vòi nước. Lượm canh chừng thứ tự và hứng nước vào thùng cho mẹ và cho ai chịu trả chút tiền công.

Đời người gánh nước thuê ở xóm này cực lắm. Phải dậy từ ba giờ sáng để sắp thùng, chờ lượt. Mãi tới năm giờ sáng vòi nước mới chẩy. Người ta gánh từ lúc đó cho tới khi nước ngừng chẩy mới thôi. Thường là tới chín giờ tối. Bà Tám lại còn nghiện rượu nữa. Trong vài tiếng đồng hồ của một ngày, giấc ngủ của bà bao giờ cũng lẫn với hơi men. Vì thế, bà Tám đã yếu và càng ngày càng yếu thêm.

Một đêm cuối năm 1965, lúc gần sáng dân quanh đấy nghe tiếng Lượm khóc. Sáng ra người ta mới biết bà Tám đã mất đêm qua.

- Chết như vậy lại sướng. Chẳng đau đớn gì cả. Hôm trước, bả vẫn còn đi gánh nước tới khuya.

Một người đã lên tiếng an ủi chung mọi người như vậy. Tình xóm giềng, người ta đã quyên góp và lo cho bà Tám một nấm mồ. Bà Tám chẳng có đồng nào mà cái Lượm thì hãy còn nhỏ.

Đúng như các cụ ta vẫn thường nói. Đói thì đầu gối phải bò. Vài ngày sau khi bà Tám mất, Lượm lớn hẳn lên. Cô theo nghề mẹ, quẩy thùng đi gánh nước. Không ai nỡ lấy mối cũ của bà Tám. Họ trả lại cho cô hết. Gánh nước khoảng một năm, cô bỏ xóm đi đâu mất. Bây giờ cô trở về thăm xóm, cùng với ông chồng Mỹ già.

Chuyến về thăm nào, cô Lượm cũng ghé qua nơi cô ở cũ. Miếng đất nện ngày trước, giờ đây đã được đổ xi-măng và che mái tôn. Chung quanh để trống lốc chứ không quây vách như xưa. Bây giờ khoanh đất ấy là chỗ của ông thợ hớt tóc trạc độ tứ tuần.

Bà Tám gánh nước, ngày trước đã dựng lều trên miếng đất vô chủ, dựa vào bức tường căn nhà gạch ngay đó. Lượm bỏ đi, bà chủ nhà ngay cạnh, mới đổ nền xi-măng, che mái tôn và cho ông thợ hớt tóc thuê.

- Cháu trả tiền để bác cắt tóc cho nhỏ kia.

Cô Lượm chỉ thằng nhóc tóc dài đứng gần đó nói và đưa tiền cho bác hớt tóc.

- Đâu có chi mà nhiều vậy, cô.

- Cháu giúp bác. Bác khỏi thối lại.

Thằng nhỏ tự nhiên bị bắt cắt tóc, không chịu. Nó đòi đi theo chị Lượm và đám bạn của nó:

- Chút nữa chị dìa, em sẽ lại cắt tóc sau.

Cô Lượm cũng dẫn ông chồng Mỹ già vào trong chợ. Ông phải theo, vì sau đó hai người sẽ ra ngõ cuối con hẻm. Ông Mỹ già đã quen lệ. Họ vẫn thuê xe từ đường Trần Quốc Toản để ra về.

Hôm đó mẹ Khởi đi chợ sớm hơn thường lệ. Bà đã mua đầy đủ cho bữa giỗ ông ngoại Khởi hôm nay. Chỉ còn có con gà nữa là xong. Gà là món thịt ăn khoái khẩu của dân Việt. Trong các dịp giỗ, tết hay nhà có khách khứa, ít nhất phải có một con gà bị cắt tiết.

- Thôi. Tôi trả chị bốn trăm mốt đấy. Mẹ Khởi mặc cả với chị bán gà.

- Bà mở hàng cho cháu, bà ạ. Bà cho cháu xin thêm bốn mươi đồng nữa. Bốn trăm rưỡi, thưa bà. Con gà này béo, nặng kí nhất. Đây, bà thử nắn lườn nó cũng thấy. Nhiều thịt và nặng tay lắm.

Mẹ Khởi đỡ lấy con gà, lượng thử sức nặng của nó. Bà đưa lại con gà cho chị bán rồi trả thêm:

- Giá gà bình thường ba trăm chín một con. Con này tôi đã phải trả lên bốn trăm mốt. Thôi, mở hàng cho chị, tôi trả thêm; bốn trăm ba đấy.

Chị hàng gà xuôi lòng, đã định bán thì Lượm đi qua. Cô vung tiền ra, đưa năm trăm bạc cho chị hàng gà:

- Tôi mua con gà đó. Chị khỏi phải thối lại.

Con gà mua, được Lượm cho thằng bé đang nắm tay ông Mỹ già. Nó phải buông tay ông Mỹ ô kê sa lem của nó, để ôm lấy con gà. Nó lủi mất ngay sau đó.

Lượm đi một vòng chợ, vung tiền cho người đời biết tay. Cô trả thù đời.

Nỗi thèm thuồng đồng tiền của ngày trước nghèo túng, đã được Từ Hải tân thời giúp nàng Kiều bây giờ trang trải hết. Từ Hải ngày nay, có nhẽ cũng cao lớn như người hùng mình cao bẩy thước của Nguyễn Du ngày xưa. Nhưng chàng Từ Hải mới này già hơn và không bị chết đứng giữa trận tiền. Và nàng Kiều thời nay lại trẻ hơn nàng Kiều ngày trước nhiều lắm. Cô Lượm cũng vừa mới qua tuổi con nít mà thôi.

Hôm đó giá chợ Chùa Pháp Hội đột nhiên nhỉnh cao lên. Thời buổi này, khi giá hàng đã lên cao, chẳng bao giờ nó chịu tụt xuống. Chắc cô Lượm cũng đâu có biết, cô đã đẩy giới cùng đinh, như cô ngày xưa, xuống thấp thêm một bực nữa của đời lầm than, túng quẩn. Hay là cô muốn chỉ bảo các bé gái sắp qua tuổi chạy rộng, con đường vinh quang, cô đang nhún nhẩy bước?

Bữa giỗ ở nhà Khởi hôm đó có Vũ Song Sơn. Anh được Khởi mời.

Miếng thịt gà thời đó quí lắm. Những khi có món ngon, bạn bè thường rủ nhau đến nhà cùng hưởng. Đó là sự thường. Và cũng còn có một sự thường tình nữa, ít ai để ý. Chỉ những bạn bè trai mới mời nhau tới nhà ăn uống. Bọn con gái ít được hưởng, lại còn bị chia sẻ phần ăn, cho những ông khách của anh hay em trai mình. Con gái Việt Nam luôn luôn thiệt thòi. Có lẽ họ chỉ là những người sống phụ theo dòng đời, từ khi sinh ra đến khi lấy chồng, làm vợ, làm mẹ và làm bà...

Trong bữa giỗ, mẹ Khởi kể lại chuyện mua con gà. Bà cười khi cho mọi người biết, bà đã mua được cũng chính con gà đó mà lại rẻ hơn được hai chục đồng so với giá định mua:

- Mẹ tìm mua con gà khác. Lúc đó giá gà ở chợ, tự nhiên nhỉnh lên cao. Đang loanh quanh tìm kiếm, thì thằng bé ôm con gà khi nẫy lại. Nó gạ bán cho mẹ có bốn trăm mốt... Nghe người cùng đi chợ lúc đó nói. Chị hàng gà chỉ chịu trả cho nó có ba trăm hai chục gì đó thôi.

Cả nhà nghe mẹ kể. Không ai có ý kiến gì. Và có lẽ cũng không ai muốn câu chuyện chung của cả nhà lại đi vào đề tài ấy.

Nhiều người thời bấy giờ không lưu tâm, hay làm ra vẻ không lưu tâm để chạy trốn thực tại. Người ta không muốn nói, không muốn nghĩ, không muốn nghe nhiều chuyện đang xẩy ra chung quanh họ. Cho dù họ biết những chuyện đó rõ ràng ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của họ ngay bây giờ, hay trong tương lai./.

* Trích từ truyện Võ Vụn

Giáo hội Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại giới thiệu

"Hồi Ký Quân Sử Nghĩa Quận Cách Mạng"

Giáo Hội Phật Giáo Hòa Hảo Hải Ngoại đã ra mắt tác phẩm "Hồi Ký Quân Sử Nghĩa Quân Cách Mạng" viết về cuộc đời hoạt động của Tướng Lê Quang Vinh tự Ba Cụt do chính bà Trần Thị Hoa tự Phấn, người bạn đời của Tướng ba Cụt ghi lại. Tác phẩm được ra mắt lần đầu tiên tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt vào chiều ngày 22 tháng Chín năm 2002:

Sau nghi thức khai mạc và lời cảm tạ của tác giả Trần Thị Hoa tự Phấn, phu nhân Tướng Ba Cụt, nhạc sĩ Nguyễn Hiền đã lên diễn đàn ngỏ lời về Tướng Lê Quang Vinh như là một nông dân áo vải đã theo Đức Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ, tuyển mộ nghĩa quân để chống Thực Dân Pháp như các phong trào yêu nước khác.

Khi Đức Huỳnh Giáo Chủ bị Cộng Sản Việt Nam sát hại, các lực lượng nghĩa quân của Tướng Lê Quang Vinh vừa phải đánh Tây giành độc lập cho đất nước, vừa đánh Cộng Sản để trả thù cho Thầy. Sau Hiệp Định Giơ Neo, Tướng Lê Quang Vinh đã được chánh quyền mời về hợp tác nhưng quan điểm của Ngô Đình Diệm đã không đáp ứng được yêu cầu của Tướng Lê Quang Vinh nên sự hợp tác bất thành. Chánh quyền lúc bấy giờ đã lập kế bắt Tướng Lê Quang Vinh và xử tử ông một cách vội vã.

Tác giả vừa là nội tướng của Anh Ba, vừa là nữ tướng của Binh Đoàn kháng chiến Hòa Hảo nên hiểu rõ các hoạt động của Nghĩa Quân Cách Mạng dưới thời Tướng Lê Quang Vinh.

Nhà báo Lý Kiến Trúc, Cựu Dân Biểu Nguyễn Lý Tưởng, Dược Sĩ Đỗ Kim Toàn cũng đã lên nói về tác giả và tác phẩm Hồi Ký Quân Sử Nghĩa Quân Cách Mạng của bà Trần Thị Hoa tự Phấn.

Tác phẩm Hồi Ký Quân Sử nghĩa Quân Cách Mạng cung cấp nhiều hình ảnh và tài liệu quan trọng liên quan đến phong trào chống Pháp của Tướng Lê Quang Vinh. Sách dầy 250 trang, ấn phí 20 Mỹ Kim. Điện thoại liên lạc: (301) 519-2653.

Tiến Sĩ Nguyễn Nam Châu ra mắt tác phẩm: Karl Marx, Con Đường Huyễn Hoặc

Tiến Sĩ Nguyễn Nam Châu từ Âu Châu sang thăm Hoa Kỳ và giới thiệu tác phẩm nghiên cứu của ông: *Karl Marx, Con Đường Huyễn Hoặc*, đã đến với đồng hương miền Nam California tại Hội Quán Little Saigon Radio vào chiều ngày thứ Bẩy 19 tháng Mười năm 2002 với sự tham dự của nhiều thức giả, học giả và đồng hương.

Sau nghi thức khai mạc, ông Vũ Quang Ninh, Tổng Giám Đốc đài Little Saigon Radio đã lên giới thiệu về tác giả từng là bạn ông từ thuở thiếu thời. Từ năm 1959, ông Nguyễn Nam Châu đã lên đường sang Âu châu du học và sau đó ở lại Âu châu làm việc cho đến khi về hưu vào năm 1995.

Ông giảng dạy nhiều trường Đại Học ở Âu châu và về hưu năm 1995.

Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch đã nhắc đến những kỷ niệm giữa ông với tác giả Nguyễn Nam Châu từ lúc ở Việt Nam cho đến lúc sang Âu châu. Hai người đã mất hơn nửa thế kỷ mới gặp lại.

Ông Nguyễn Xuân Nghĩa chủ bút tuần báo Việt Tide, cho rằng việc giảo nghiệm tử thi Cộng Sản sau 12 năm bị chôn vùi ngay tại nơi nó sanh ra cũng là điều cần thiết vì những âm khí của nó để lại chưa hẳn đã hết, ngoài ra nó vẫn còn ở tại một số quốc gia như Bắc Hàn, Trung Quốc, Việt Nam. Ông cũng nói tác giả Nguyễn Nam Châu sắp tới sẽ cho phát hành tác phẩm *Chủ Nghĩa Xã Hội: Kinh Tế Thị Trường tại Trung Quốc và Việt Nam* sẽ làm cho người đọc thông suốt hơn những điều mà tác giả gởi gấm trong tác phẩm *Karl Marx, Con Đường Huyễn Hoặc*.

Tác giả Nguyễn Nam Châu cho biết sở dĩ đến nay ông mới giới thiệu tác phẩm Karl Marx, Con Đường Huyễn Hoặc vì sau khi về thăm Việt Nam, ông thấy tình hình Việt Nam hiện nay có những hiện tượng giống như thời gian chế độ Nga Sô dưới thời của Gorbachev. Ông nghĩ rằng chế độ Cộng Sản Việt Nam cũng sẽ có những thay đổi như ở Nga Sô. Ông hy vọng cuốn sách này sẽ giúp cho người trong nước cũng như ngoài nước có cái nhìn xác thực hơn về lý thuyết Mác xít, một lý thuyết chứa đầy những mâu thuẫn khiến

người ta đã tiên đoán từ nhiều thập niên trước rằng chủ nghĩa Cộng Sản sẽ phải tan rã tự ngay trong lòng chế độ, mà ngày nay người ta thường gọi là Diễn Tiến Hòa Bình. Điều này đang xẩy ra ở Trung Quốc và Việt Nam.

Tranh Họa sĩ CHÓE triển lãm tại Quận Cam

Khoảng 200 văn nghệ sĩ, thân hữu và khách yêu nghệ thuật đã đến tham dự lễ khai mạc phòng tranh của họa sĩ CHÓE tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt vào chiều ngày thứ Bẩy 12 tháng Mười năm 2002 do một số thân hữu tổ chức với sự yểm trợ của một số cơ quan truyền thông nhằm mục đích gây quỹ giúp họa sĩ CHÓE hiện ở Việt Nam có phương tiện giải phẫu mắt đang trong hoàn cảnh ngặt nghèo.

Đôi nghệ sĩ Trần Lãng Minh và Nga Mi đã nói lý do có cuộc triển lãm này. Trong dịp Tết vừa qua, hai người có về Việt Nam thăm gia đình và thân hữu, mới được biết họa sĩ CHÓE hiện nay đã hoàn toàn bị hỏng con mắt bên phải, trong khi mắt trái thị lực chỉ còn có một phần mười.

Trần Lãng Minh và Nga Mi đã đề nghị với họa sĩ Chóe thử xin sang Hoa Kỳ để giải phẫu, hy vọng phương tiện tân tiến tại đây có thể làm tăng thị lực của ông lên được phần nào. Trong hoàn cảnh khó khăn hiện tại, Chóe đã sáng tác được 20 bức tranh sơn dầu và 30 bức tranh biếm họa. Họa sĩ CHÓE ủy thác cho đôi nghệ sĩ mang những bức tranh này sang Hoa Kỳ nhờ thân hữu triển lãm và bán để tạo phương tiện tài chánh, cùng vận động để ông được sang Hoa kỳ giải phẫu.

Nhà thơ Viên Linh, chủ nhiệm báo Khởi Hành cho biết ông chính là người đã đặt bút hiệu CHÓE cho hoạ sĩ Nguyễn Hải Chí, sanh năm 1944 tại An Giang. Những bức tranh biếm họa đầu tiên của họa sĩ CHÓE xuất hiện trên báo Khởi Hành trước 1975, lúc ấy do nhạc sĩ Anh Việt làm chủ nhiệm, Viên Linh làm Tổng Thư Ký.

Tranh biếm họa của họa sĩ CHÓE dựa trên đề tài thời sự, ông đã cộng tác vớ nhiều báo tại miền Nam trước năm 1975.. Ông vẽ kỹ, như khắc vào gỗ, tỉ mỉ, sâu sắc rất có hồn. Nhiều báo ngoại quốc kể cả *New York Times* đã từng đăng tranh biếm họa của ông và trả nhuận bút lên đến cả ngàn đô la vào thập niên 1970. Nhà thơ Viên Linh kể một giai thoại về họa sĩ CHÓE vào khoảng đầu thập niên 1970: Ngoại Trưởng Hoa Kỳ lúc bấy giờ là Henry Kissinger lấy làm thích thú với một bức hí họa do CHÓE vẽ ông, và khi có dịp sang Việt Nam đã nhờ người liên lạc mời họa sĩ CHÓE đến tòa Đại Sứ Hoa Kỳ để ký tặng bức họa đó cho ông.

Năm 1973 một nhà xuất bản tại Hoa Kỳ đã xuất bản tập tranh biếm họa chánh trị của ông gồm 200 bức với nhan đề "The World of CHOE". Từ năm 1975, họa sĩ CHÓE đã phải chịu 12 năm tù dưới chế độ Cộng Sản.

Theo lời ban tổ chức cho biết trong số 20 bức tranh sơn dầu của CHÓE triển lãm trong vòng hai tiếng đồng hồ sau giờ khai mạc đã được giới thưởng ngoạn mua đến 14 bức.

Bác sĩ Trần ngọc Ninh ra mắt hai tác phẩm: 'Tuyết Xưa' và 'Một Chút Lịch Sử Lịch sử Y Khoa Đại Học Đường Saigon'

Nhiều học giả, nhân sĩ và văn nghệ sĩ đã tham dự buổi ra mắt hai tác phẩm của Bác Sĩ Trần Ngọc Ninh: Tuyết Xưa, Viết về Văn Hóa và Một Chút Lịch Sử Y Khoa Đại Học Đường Saigon (1954-75) do Viện Việt Học tổ chức tại phòng hội của Viện vào chiều ngày Chủ Nhật 29 tháng Chín 2002.

Cô Nguyễn Thị Kim Ngân điều hợp chương trình đã giới thiệu Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, Viện trưởng Viện Việt Học lên nói về Bác Sĩ Trần Ngọc Ninh. Ngoài học vị là một Thạc Sĩ Y Khoa, ông còn là một nhà văn nhà báo từ lúc còn trẻ và ông đã có những suy nghĩ rất sâu sắc về văn hóa.

Tiến Sĩ Lâm Lễ Trinh là bạn của tác giả Trần Ngọc Ninh từ tuổi còn ngồi ở Đại học. Trong dịp này ông nói đến tác phẩm Tuyết Xưa của bác sĩ Trần Ngọc Ninh cùng với những định nghĩa, nhận định về văn hóa dân tộc Việt Nam. Ông cũng nhắc đến những huyền sử về văn hóa dân tộc cùng những thăng trầm của dân tộc qua nhiều thời đại. Tiến Sĩ Lâm Lễ Trinh cũng nói đến những tác dụng về văn hóa trong dân chúng Việt Nam trong thời gian qua và trong hiện tại để có thể sử dụng văn hóa như là một vũ khí.

Ông cũng đề cập đến sức mạnh văn hóa đối với chính trị. Cộng sản Đông Âu sụp đổ chính là do sức mạnh ấy. Qua những thông tin tuyên truyền của khối tự do mà người dân Đông Âu ý thức được những giá trị đích thực của đời sống mà chế độ cộng sản luôn luôn tìm mọi cách che giấu đi. Chiến thắng đó chính là do sức mạnh của văn hóa.

Giáo sư Lê Bảo Xuyến, Phó Viện Trưởng Viện Việt Học, khi giới thiệu nội dung tác phẩm, đã nói rằng bà đã bàng hoàng vì sự uyên bác của tác giả trong nhiều lãnh vực, đã rung động bởi lòng thiết tha của tác giả đối với dân với nước, với văn hóa Việt Nam, bởi con mắt thẩm mỹ đặc biệt, phong cách cẩn trọng, lời văn trong sáng và

chính xác của tác giả. Với phong cách một tiến sĩ văn chương trường Sorbone, bà Bảo Xuyến đã truyền đạt những thưởng thức quyển Tuyết Xưa của mình đến người tham dự bằng một lối nói vừa chân thành vừa trí tuệ. Bà kết luận: "Tác phẩm Tuyết Xưa rất đẹp, đẹp trong cả ba mặt: hình dạng, nội dung và tinh thần. Với quyển sách này, rất nhiều độc giả cũng như tôi, sẽ thú vị học hỏi thêm về văn hóa và lịch sử thế giới, nhất là của nước Việt Nam."

Tác giả, Bác Sĩ Trần Ngọc Ninh đã lên tâm sự với cử tọa về những điều mà ông ghi lại qua Tuyết Xưa trong đó gồm có một số bài mà ông là tác giả đã viết từ thập niên 1940 trở đi cho đến bây giờ. Bác Sĩ Trần Ngọc Ninh là một Thạc Sĩ Y Khoa, Giáo sư Giải Phẫu của trường Đại Học Y Khoa Saigon, đã từng là Tổng Trưởng Văn Hóa Xã Hội của đệ nhị Cộng Hòa, đồng thời cũng là Giáo sư Đại Học Vạn Hạnh về các môn Văn Minh Đại Cương và Văn Hóa Việt Nam. Ông hiện là Cố Vấn Viện Việt Học.

Tác phẩm Tuyết Xưa được nhà văn Viên Linh thực hiện phần kỹ thuật. Ông cũng nói từ việc chọn lọc người đánh bài vở cho đến kỹ thuật thực hiện tác phẩm qua nhiều giai đoạn trước khi đưa đến nhà in phải mất cả năm trời. Tác phẩm được trình bày thật đẹp, sang một cách thanh nhã. Sách dày 320 trang, do Khởi Hành xuất bản.

Nhà biên khảo Nguyễn Bá Triệu giới thiệu ba tác phẩm Hán Nôm: Kiều, Chinh Phụ Ngâm và Phan Trần

Nhà biên khảo Nguyễn Bá Triệu từ thành phố Ottawa, Gia Nã Đại sang vùng Little Saigon để giới thiệu đến đồng hương ba tác phẩm giá trị của kho tàng văn chương Việt Nam là truyện Phan Trần, Chinh Phụ Ngâm và Truyện Kiều qua dạng Hán Nôm tại Phòng Sinh Hoạt Nhật Báo Người Việt vào sáng ngày Chủ Nhật Mồng 6 tháng Mười năm 2002 với sự tham dự của một số học giả, các nhà giáo dục và thân hữu.

Ông Phạm Phú Minh, Chủ bút báo Thế Kỷ 21, đại diện các cơ quan tổ chức buổi ra mắt sách này, đã nói lý do việc giới thiệu ba tác phẩm chữ Nôm ngày hôm nay. Ông nói đối với người Việt Nam, việc nghiên cứu Hán Nôm rất quan trọng, không biết gì về Hán Nôm chúng ta sẽ bị cắt đứt với quá khứ. Trong suốt một lịch sử dài, tổ tiên chúng ta đã dùng chữ Hán như một chuyển ngữ chính thức của đất nước, rồi sau đó lại chế thêm chữ nôm để diễn đạt ngôn ngữ dân tộc. Chữ quốc ngữ với mẫu tự La Mã đã đem lại sự thuận tiện rất lớn cho dân tộc Việt Nam trong việc học hành và xây dựng văn hóa, nhưng nó không cho chúng ta biết gì về quá khứ của dân tộc cả. Muốn biết, không còn con đường nào khác là nghiên cứu vốn liếng Hán Nôm tổ tiên chúng ta đã để lại.

Kế tiếp, giáo sư Lưu Trung Khảo, Hội Trưởng Hội Cựu Giáo Chức Việt Nam đã giới thiệu các công trình của nhà nghiên cứu Nguyễn Bá Triệu. Ông cho biết ông Nguyễn Bá Triệu đã dành nhiều thời gian và công sức để sưu tầm, nghiên cứu, chú giải và hiệu đính các tác phẩm chữ nôm trong kho tàng văn chương Việt Nam. Công phu nhất là việc sưu tầm các bản chữ nôm khác nhau để so sánh và tìm ra bản mà nhà biên khảo cho là đúng nhất.

Giáo sư Trần Huy Bích, thuộc Viện Việt Học nói rằng công trình của nhà biên khảo Nguyễn Bá Triệu là cần thiết để cho giới trẻ khi tìm hiểu những áng văn chương cổ Việt Nam. Phần đối chiếu Hán Nôm giúp cho người đọc tìm đến đúng với nguyên bản hơn. Ông nói vào đầu thế kỷ trước, việc xếp chữ quốc ngữ để in còn phôi thai nên việc ấn loát các tác phẩm cổ có thể có những sai sót về chánh tả, ngữ vựng làm cho câu thơ bị hiểu qua một nghĩa khác. Chỉ có một cách đính chính là xem lại các bản chữ nôm.

Theo nhà biên khảo Nguyễn Bá Triệu cho biết việc sưu tầm khá công phu. Ví dụ như khi nghiên cứu về Truyện Kiều, ông đã đọc tám bản bằng chữ Nôm và tám bản bằng chữ Quốc ngữ. Truyện Kiều có 3,200 câu thơ, mỗi lần đọc một câu, ông đã phải so sánh đến 16 lần. Ông nói ngày xưa chuyện thơ văn lưu truyền lại bị tam sao thất bổn là điều không thể tránh khỏi. Vì thế cần phải sưu tầm, đọc lại, so sánh, phân tích, tổng hợp và chú giải với hy vọng là tìm ra bản văn được xem là gần với nguyên bản nhất.

Nhà biên khảo Nguyễn Bá Triệu năm nay đã 75 tuổi và vẫn còn tráng kiện. Ông dành thời gian hưu trí hiện nay của mình để làm công tác biên khảo và đến nay ông đã hoàn tất được ba công trình: Truyện Phan Trần dầy 420 trang với phần chữ Nôm đối chiếu và chú giải; Truyện Kiều dầy 250 trang với Chữ Nôm và Khảo Dị; và Chinh Phụ ngâm tập chú dầy 480 trang. Ông cũng cho biết hiện ông đang nghiên cứu bản chữ nôm tác phẩm Lục Vân Tiên.

Cùng cộng tác với nhà biên khảo Nguyễn Bá Triệu còn có Bác Sĩ Nguyễn Anh Hoàng mới ngoài 30 tuổi hiện đang làm việc ở San Diego. Tuy lớn lên và học hành ở hải ngoại, bác sĩ Hoàng vẫn đam mê học chữ Hán và nhất là chữ nôm. Hiện nay ngoài công việc chuyên môn của ngành Y, ông dành thì giờ rất nhiều cho công việc nghiên cứu các tác phẩm cổ của tổ tiên./.

A&D Auto Center Inc.

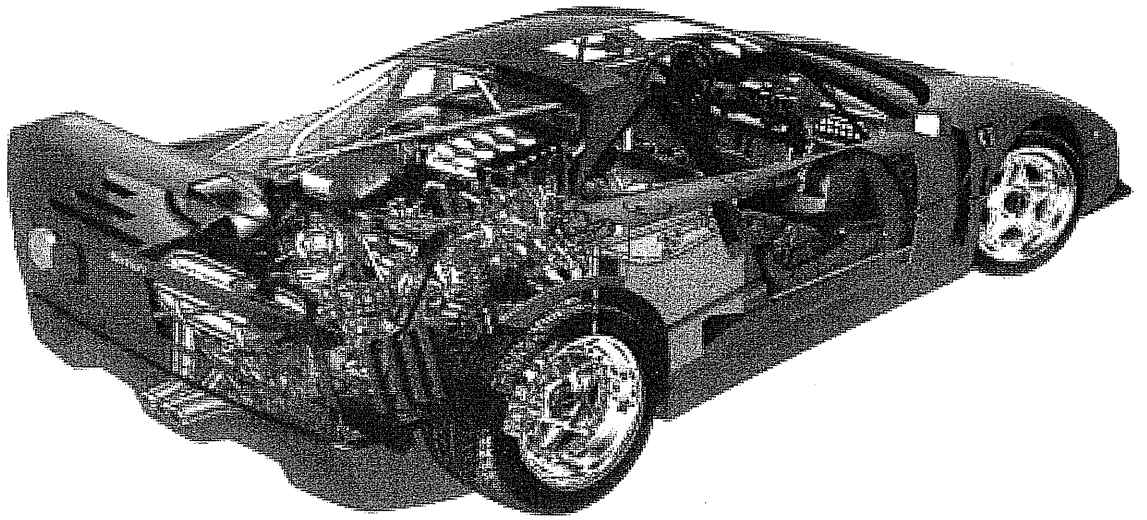

- XE NHẬP CẢNG & XE NỘI ĐỊA
- TRỌN VẸN DỊCH VỤ SỬA CHỮA
  + BODY & SƠN
- BÁO ĐỘNG (CAR ALARM)
  CỬA KÍNH MẦU (TINT WINDOWS)
- MẠ VÀNG VÀ CÁC PHỤ TÙNG

#1 TRONG QUẬN CAM VỀ PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG

15109 MORAN ST., WESTMINSTER, CA 92683

(714) 893-2141

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 83

GIẢI PHẪU THẨM MỸ & CHỮA TRỊ DA

NGỌC NỮ LADY BELLE *Beauty Clinic*

13872 BROOKHURST ST - GARDEN GROVE - CA 92843 *(Cạnh Century TV, đầu chợ Đồng Hương)*
MỞ CỬA HÀNG NGÀY TỪ 10AM -6:30PM (nghỉ Thứ Ba)

(714) 534-4500 TOLL FREE **1(888)270-1234**

CHÚNG TÔI GỬI HÀNG ĐI CÁC TIỂU BANG VÀ CẦN ĐẠI LÝ KHẮP NƯỚC MỸ

Ân Phú: 5 My Kim